

*DỰ ÁN HỖ TRỢ SÁNG KIẾN CẢI CÁCH*

**BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ  
GIAI ĐOẠN 2016-2018 VÀ CÁC  
GIẢI PHÁP ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN  
2019-2020**



**NXB DÂN TRÍ**



# Mục lục

<b>I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 24 CỦA QUỐC HỘI VÀ KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ ĐẾN NĂM 2020</b>	<b>5</b>
1. Tình hình tổ chức triển khai Nghị quyết 05, Nghị quyết 24, Nghị quyết 27 về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng	5
2. Tình hình thực hiện và khả năng hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế đến năm 2020	8
<b>II. KẾT QUẢ CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ VÀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG GIAI ĐOẠN 2016-2018</b>	<b>11</b>
1. Kết quả đổi mới mô hình tăng trưởng	11
2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong cơ cấu lại nền kinh tế theo Nghị quyết 24	15
2.1. Cơ cấu lại ba trọng tâm gồm cơ cấu lại đầu tư công, DNNN và các TCTD	15
2.2. Kết quả cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), khu vực công	32
2.3. Kết quả phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong nước và thu hút hợp lý đầu tư trực tiếp nước ngoài	40
2.4. Kết quả cơ cấu ngành và vùng kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, gắn với đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế	43
2.5. Hình thành đồng bộ và phát triển các loại thị trường	63
2.6. Các hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng	75
<b>III. GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2019-2020</b>	<b>79</b>
1. Bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước	79

1.1. Bối cảnh kinh tế thế giới	79
1.2. Bối cảnh kinh tế trong nước	81
2. Quan điểm và định hướng chỉ đạo	83
3. Giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2018-2020	84
3.1. Giải pháp về tổ chức thực hiện	84
3.2. Xác định các trọng tâm ưu tiên cơ cấu lại nền kinh tế trong giai đoạn tới	85

**PHỤ LỤC 1: DỰ BÁO CÁC CÂN ĐỐI VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2018-2020** **94**

**PHỤ LỤC 2: RÀ SOÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ, ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG TẠI NGHỊ QUYẾT 27/NQ-CP THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 24/2016/QH14** **99**

# I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 24 CỦA QUỐC HỘI VÀ KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ ĐẾN NĂM 2020

Ngày 01 tháng 11 năm 2016, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TW về một số chủ trương chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 05).

Thực hiện chủ trương của Đảng, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 24), với 5 nhóm nhiệm vụ trọng tâm và 22 chỉ tiêu cần hoàn thành.

Triển khai Nghị quyết số 05 và Nghị Quyết số 24, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21 tháng 2 năm 2017 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện hai Nghị quyết nêu trên (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 27).

Sau quá trình tổ chức triển khai thực hiện, qua nghiên cứu, rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết nêu trên về cơ cấu lại nền kinh tế như sau:

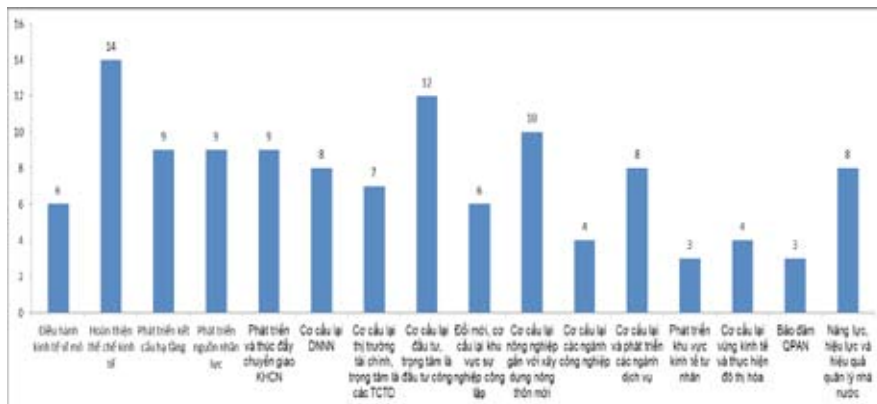
## **1. Tình hình tổ chức triển khai Nghị quyết 05, Nghị quyết 24, Nghị quyết 27 về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng.**

Triển khai Nghị quyết 05, Nghị quyết 24, Chính phủ đã quyết

liệt chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương, chính sách về cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng.

Chính phủ đã sớm ban hành Nghị quyết số 27, giao 16 nhiệm vụ và chính sách lớn cần thực thi cho các Bộ, ngành, địa phương, với 120 nhiệm vụ cụ thể nhằm đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng. Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban chỉ đạo, Phó Thủ tướng Chính phủ làm Phó trưởng ban thường trực, có chức năng tham mưu, đôn đốc, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương thực hiện việc cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng<sup>1</sup>.

**Hình 1: Các nhiệm vụ giao cho Bộ, ngành tại Nghị quyết 27**

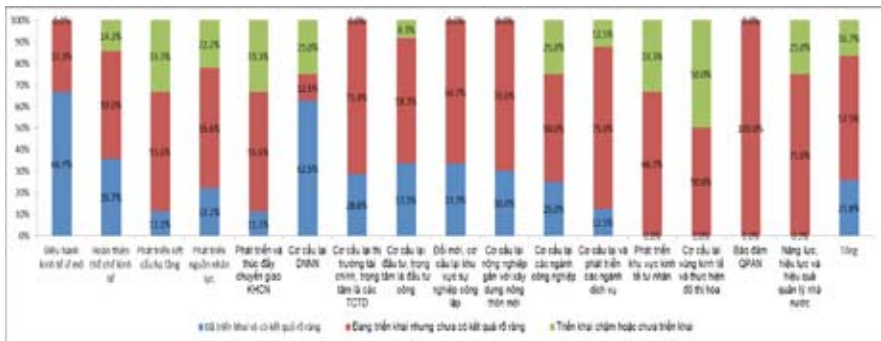


Đến nay, hầu hết các nhiệm vụ được giao đã được thực hiện đúng thời hạn và đạt kết quả ở các mức độ khác nhau. Theo đánh giá sơ bộ (Phụ lục 3), có 25,8% số nhiệm vụ đã triển khai và có kết quả rõ ràng, 57,5% số nhiệm vụ đang triển khai và có kết quả bước đầu, và 16,7% số nhiệm vụ đã triển khai nhưng chưa đáp ứng thời gian.

<sup>1</sup>Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc thành lập Ban chỉ đạo Quốc gia về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng

Kết quả là, các Bộ, ngành, địa phương nhìn chung đã thực hiện có trách nhiệm cao, quyết liệt và thực chất các chính sách về cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng. Đã có sự chuyển biến cả về tư duy, và theo đó là quyết tâm và hành động cụ thể, trong công tác xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, với việc tập trung vào chính sách, giải pháp cụ thể thúc đẩy các trọng tâm cơ cấu lại nền kinh tế; phát triển kinh tế tư nhân; cơ cấu lại các ngành kinh tế; hành động quyết liệt đi liền với giám sát chặt chẽ cải cách thủ tục hành chính (cắt giảm điều kiện kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành).

**Hình 2: Đánh giá sơ bộ tình hình thực hiện các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng**



Cùng với đó, công tác tuyên truyền về yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế cũng được chú trọng thực hiện, đặc biệt thông qua Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan truyền thông, báo chí.

Bên cạnh kết quả đạt được, việc triển khai các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng còn một số tồn tại, hạn chế: (i) Các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế mang tính liên ngành, đòi hỏi sự phối hợp của nhiều Bộ, ngành, địa phương gặp khó khăn trong việc phối hợp chỉ đạo, tổ chức triển khai, theo dõi và giám sát. Đó là

các nhiệm vụ như cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN), cơ cấu lại đầu tư công, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp, hoàn thiện và phát triển thị trường các nhân tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp. (ii) Sự lan tỏa về cải cách thể chế và cơ cấu lại nền kinh tế còn yếu và chưa đồng đều. Các Bộ, ngành, địa phương còn chưa thực sự chủ động và quyết liệt trong việc đề xuất về cải cách cơ chế, chính sách cơ cấu lại nền kinh tế, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong hoạt động đầu tư, kinh doanh.

## **2. Tình hình thực hiện và khả năng hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế đến năm 2020**

Nghị quyết 24 của Quốc hội đề ra 22 mục tiêu cụ thể về cơ cấu lại nền kinh tế đến năm 2020 tập trung vào 5 nhóm nhiệm vụ: (1) Cơ cấu lại ba trọng tâm gồm cơ cấu lại đầu tư công, DNNN và các tổ chức tín dụng (TCTD); (2) Cơ cấu lại ngân sách Nhà nước (NSNN), khu vực công; (3) Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân trong nước và thu hút hợp lý đầu tư trực tiếp nước ngoài; (4) Hiện đại hóa công tác quy hoạch, cơ cấu ngành và vùng kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, gắn với đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế; (5) Hình thành đồng bộ và phát triển các loại thị trường, gồm thị trường tài chính, thị trường quyền sử dụng đất, thị trường lao động và thị trường khoa học công nghệ.

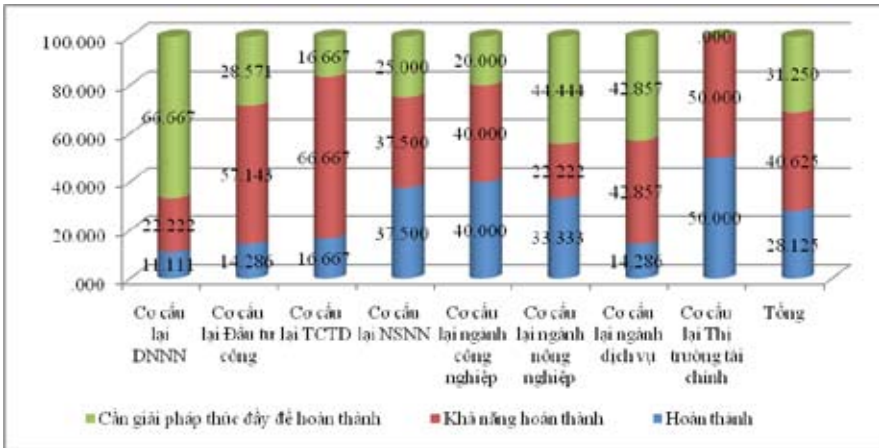
Đánh giá kết quả thực hiện 22 nhóm chỉ tiêu được đặt ra tại Nghị quyết 24 trong giai đoạn 2016 - 2018 cho thấy, so với các mục tiêu đặt ra tới năm 2020, có 9 chỉ tiêu đã hoàn thành; 8 chỉ tiêu có khả năng hoàn thành và 5 chỉ tiêu cần các giải pháp thúc đẩy để hoàn thành. Như vậy, tới thời điểm hiện nay, có 77% số mục tiêu đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành.

Đồng thời, liên quan đến nội dung về cơ cấu lại nền kinh tế, các Nghị quyết và các văn bản có liên quan của Đảng, Quốc hội và Chính phủ đã xác định 64 chỉ tiêu định tính và định lượng. Đánh giá chung,



có 28,13% mục tiêu dự kiến hoàn thành 40,63% mục tiêu có khả năng hoàn thành và 31,25% mục tiêu cần các giải pháp thúc đẩy để hoàn thành. (Hình 3).

**Hình 3: Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế**



Nhìn chung, quá trình triển khai cơ cấu lại nền kinh tế đã bám sát quan điểm nêu tại Nghị quyết số 05 và Nghị quyết 24 của Đảng và Quốc hội, vừa tập trung xử lý kịp thời các vấn đề tồn đọng trong giai đoạn cơ cấu lại nền kinh tế trước đây, đồng thời chuyển dần từ mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào đầu tư và xuất khẩu sang dựa đồng thời vào cả đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước.

Cùng với đó, quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng thời gian qua còn được hỗ trợ thêm bởi các chủ trương, giải pháp khuyến khích tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ công nghệ mới (Cách mạng công nghiệp lần thứ 4), tạo tiền đề cho chuyển biến về chất lượng tăng trưởng và đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế giai đoạn tiếp theo.



## **II. KẾT QUẢ CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ VÀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG GIAI ĐOẠN 2016-2018**

### **1. Kết quả về đổi mới mô hình tăng trưởng**

Giai đoạn 2016-2018, mô hình tăng trưởng đã bước đầu chuyển biến theo hướng tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu thành công mục tiêu kép là vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, vừa thúc đẩy tăng trưởng GDP, tạo thêm dư địa để thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ bảo đảm an sinh xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân, giải quyết những vấn đề bức xúc, củng cố quốc phòng, ổn định trật tự, an toàn xã hội. Một số kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, các cân đối vĩ mô được tăng cường:

+ Tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện, đạt mức tăng khá trong những năm vừa qua. Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 đạt 6,21%, năm 2017 tăng lên 6,81% (vượt mục tiêu Quốc hội đề ra) và ước tính năm 2018 đạt 6,7%; Bình quân 3 năm 2016-2018 đạt mức 6,57% (cao hơn tốc độ tăng bình quân 5,91%/năm của giai đoạn 2011-2015), đạt mục tiêu tăng trưởng bình quân 6,5%-7% của Kế hoạch 5 năm 2016-2020.

+ Lạm phát giảm từ 7,7% bình quân giai đoạn 2011-2015 xuống 3,1% ước bình quân giai đoạn 2016-2017. Lạm phát cơ bản cũng được duy trì ổn định ở dưới 2%.

+ Cán cân tài khoản vãng lai thặng dư trở lại (sau khi thâm hụt trong năm 2015). Dự trữ ngoại hối nếu như giảm mạnh trong năm 2015 thì trong hai năm 2016 và 2017 mỗi năm tăng khoảng 4% GDP.

- Bội chi ngân sách từng bước được kiểm chế. Tỷ lệ bội chi/GDP năm 2015 là 6,11%, năm 2016 là 5,52%, năm 2017 giảm còn 3,48% và dự kiến năm 2018 là 3,67%.<sup>2</sup>

- Tỷ lệ nợ công/GDP giảm từ 63,6% năm 2016 xuống còn 61,4% năm 2017 và 58,5% tính đến tháng 6/2018.

- Tỷ lệ đòn bẩy (nợ/chủ sở hữu) của các doanh nghiệp phi tài chính<sup>3</sup> giảm rõ rệt. Nếu như tỷ lệ này trong năm 2011 là 1,83 thì đã giảm xuống 1,5 trong năm 2017 và 1,35 tính đến 30/6/2018.

- Chất lượng tăng trưởng bước đầu đạt được những kết quả tích cực:

+ Tăng trưởng kinh tế dần dịch chuyển sang chiều sâu, thể hiện ở mức đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng kinh tế ngày một lớn. Tính chung cả giai đoạn 2011-2015, đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP là 33,58%; đóng góp của vốn là 51,20%; đóng góp của lao động là 15,22%. Giai đoạn 2016-2018, đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế tăng lên đáng kể, đạt 42,18% (vượt mục tiêu đóng góp của TFP vào tăng trưởng trong 5 năm 2016-2020 đạt khoảng 30%-35%), trong đó năm 2016 đạt 40,68%; năm 2017 đạt 45,19% và ước tính năm 2018 đạt 40,23%.

Năng suất lao động (NSLĐ) có sự cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm, đồng thời Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng NSLĐ cao trong khu vực ASEAN<sup>4</sup>. NSLĐ của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2016 đạt 84,5 triệu đồng/lao động; năm 2017 đạt

---

<sup>2</sup>Bội chi xác định theo cách tính mới (không bao gồm chi trả nợ gốc) của Luật NSNN 2015.

<sup>3</sup>Niêm yết tại 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.

<sup>4</sup>Tính chung giai đoạn 10 năm 2008-2017, NSLĐ theo sức mua tương đương năm 2011 (PPP 2011) của Việt Nam tăng trung bình 4%/năm, cao hơn so với mức tăng bình quân của Xin-ga-po (0,9%/năm); Ma-lai-xi-a (1,1%/năm); Thái Lan (2,6%/năm); Phi-li-pin (3,3%/năm); In-đô-nê-xi-a (3,4%/năm).

93,2 triệu đồng/lao động; ước tính năm 2018 đạt 102,3 triệu đồng/lao động. Tính theo giá so sánh năm 2010, NSLĐ toàn nền kinh tế năm 2016 tăng 5,3% so với năm trước; năm 2017 tăng 6%; ước tính năm 2018 tăng 5,55%. Bình quân 3 năm 2016-2018 NSLĐ tăng 5,62%/năm, cao hơn so với mức tăng bình quân 4,3%/năm của giai đoạn 2011-2015, đạt mục tiêu Nghị quyết số 27 (tăng trên 5,5%).

+ Cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng của công nghiệp chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng của khai khoáng. Đóng góp của khai khoáng vào tăng trưởng kinh tế giảm từ mức 5,1 điểm % trong giai đoạn 2011-2015 xuống -0,33 điểm % năm 2016 và -0,54 điểm % năm 2017. Từ năm 2016 tỷ trọng trong GDP của công nghiệp chế biến, chế tạo đã vượt nông, lâm, thủy sản, trong khi tỷ trọng của khai khoáng giảm mạnh: tỷ trọng trong GDP của công nghiệp chế biến, chế tạo đã tăng từ 14,6% bình quân giai đoạn 2011-2015 lên 16,2% năm 2016, 17,4% năm 2017 và 18,8% trong 6 tháng/2018; của khai khoáng giảm từ 8,8% bình quân giai đoạn 2011-2015 xuống 7,6% năm 2016, 6,6% năm 2017 và 6,0% trong 6 tháng/2018.

+ Vai trò của khu vực tư nhân gia tăng, thể hiện qua tỷ trọng của khu vực này trong GDP cũng như đầu tư phát triển toàn xã hội. Tỷ trọng của khu vực dân cư và tư nhân trong tổng đầu tư toàn xã hội tăng từ 12,1% bình quân giai đoạn 2011-2015 lên 12,5% năm 2016, 13,5% năm 2017 và 13,6% trong 6 tháng năm 2018.

+ Hệ số tiêu hao năng lượng được cải thiện đáng kể, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo được chú trọng phát triển. Tổn thất điện năng để truyền tải và phân phối điện năm 2015 là 7,7%, đạt và vượt mục tiêu đến năm 2015 khoảng 8% và năm 2020 giảm xuống dưới 8%

- Xuất khẩu khu vực trong nước có dấu hiệu tăng nhanh hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (ĐTNN): Quý 2/2018, tốc độ tăng giá trị xuất khẩu (so với cùng kỳ năm trước) của khu vực trong nước là 23,7%, so với mức tăng 6,4% của khu vực ĐTNN (ngoài dầu). Nhìn chung khoảng cách về tốc độ tăng giá trị xuất khẩu giữa khu vực có

vốn ĐTNN và khu vực trong nước đã thu hẹp dần qua các năm, nhất là khi không tính dầu và điện thoại trong xuất khẩu của khu vực có vốn ĐTNN: Năm 2017, tốc độ tăng giá trị xuất khẩu của khu vực trong nước là 17,8%, xấp xỉ mức tăng 19,6% của khu vực ĐTNN không tính dầu và điện thoại.

- Chỉ số quản trị mua hàng (PMI) trung bình năm 2017 của Việt Nam đạt mức cao nhất kể từ năm 2011 (năm bắt đầu khảo sát). Trong 6 tháng đầu năm 2018, chỉ số PMI hầu hết các tháng đạt trên 52 điểm (riêng tháng 3 đạt 51,6 điểm), trong đó tháng 6 đạt cao nhất với 55,7 điểm, cao hơn nhiều so với một số nước ASEAN (Indonesia 50,3 điểm; Thái Lan 50,2 điểm; Malaixia 49,5 điểm).

Bên cạnh các kết quả đạt được, quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô vẫn còn nhiều thách thức. Cụ thể:

- Quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng chưa đạt được tiến bộ mạnh mẽ trong lĩnh vực hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường. Môi trường kinh doanh được cải thiện chủ yếu ở lĩnh vực điều kiện gia nhập thị trường. Hệ sinh thái hỗ trợ, nuôi dưỡng doanh nghiệp phát triển, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân, chưa có nhiều tiến bộ. Khu vực doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn yếu thế trong quá trình phân bổ nguồn lực vật chất so với doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp FDI. Những bất cập thể chế về đất đai, quyền tài sản bao gồm giao dịch đảm bảo, xử lý tài sản thế chấp, thủ tục phá sản... vẫn chậm được giải quyết. Đây vẫn là những trở ngại lớn cản trở lực lượng sản xuất phát triển.

- Mô hình tăng trưởng vẫn chưa có thay đổi rõ nét. NSLĐ tăng chủ yếu do tăng cường độ vốn. Tốc độ gia tăng thâm dụng vốn (được đo bằng số vốn bình quân/lao động) tăng từ 5,9% năm 2016 lên 6,3% năm 2017, nâng mức đóng góp của cường độ vốn vào tăng năng suất lần lượt lên 58,9% và 55,8%.

NSLĐ xã hội của toàn nền kinh tế năm 2017 đạt 93,2 triệu đồng/lao động (tương đương 4.159 USD/lao động), tăng 6%. Tuy nhiên, mức NSLĐ của Việt Nam hiện nay vẫn rất thấp so với nhiều nước trong khu vực. Tính theo sức mua tương đương năm 2011, NSLĐ của Việt Nam năm 2016 đạt 9.894 USD, chỉ bằng 7,0% của Singapore; 17,6% của Malaysia; 36,5% của Thái Lan; 42,3% của Indonesia; 56,7% của Philipin và 87,4% của Lào. Hơn nữa, chênh lệch về NSLĐ giữa Việt Nam với các nước vẫn tiếp tục gia tăng. Các ngành có thế mạnh của Việt Nam hiện nay như dệt may, da giày, du lịch, thủy sản hay kể cả điện tử,... vẫn chủ yếu đang hoạt động ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị, nơi tạo ra giá trị gia tăng thấp, NSLĐ thấp.

## **2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong cơ cấu lại nền kinh tế theo Nghị quyết 24**

2.1. Cơ cấu lại ba trọng tâm gồm cơ cấu lại đầu tư công, DNNN và các TCTD

a) Kết quả cơ cấu lại NDNN

Nghị quyết 24 và các nghị quyết liên quan đã xác định 9 mục tiêu chính về cơ cấu lại DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước đến năm 2020, gồm 4 mục tiêu định lượng<sup>5</sup> và 5 mục tiêu định tính<sup>6</sup>, với mục tiêu bao trùm là “nâng cao một bước quan trọng hiệu quả sản xuất kinh doanh của DNNN”.

---

<sup>5</sup>Các mục tiêu định lượng gồm: (i) Thoái toàn bộ vốn khỏi các DNNN tại các ngành nhà nước không cần nắm giữ trên 50%; (ii) Thoái vốn Nhà nước xuống mức sàn quy định đối với các ngành mà Nhà nước sắp xếp, cơ cấu lại vốn đầu tư quy định theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg; (iii) Hoàn thành cổ phần hóa 137 DNNN, đến năm 2020 chỉ còn 103 DNNN (100% vốn Nhà nước) theo Quyết định 58/2016/QĐ-TTg; và (iv) Thu về tối thiểu 250.000 tỷ đồng từ cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

<sup>6</sup>Các mục tiêu định tính gồm: (i) Xử lý dứt điểm các dự án của DNNN kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài; (ii) Nâng cao một bước quan trọng hiệu quả sản xuất kinh doanh; (iii) Nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh của DNNN; (iv) Phân đầu đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp; (v) Trong năm 2018, thành lập cơ quan chuyên trách làm đại diện sở hữu đối với DNNN.

Để thực hiện, Chính phủ đã xác định 8 nhiệm vụ giải pháp giao cho các Bộ, ngành. Đồng thời, từ tháng 1/2016 đến tháng 4/2018, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 22 văn bản quy phạm pháp luật hoàn thiện khung pháp luật về cơ cấu lại DNNN; ban hành 123 văn bản điều hành, chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên, liên tục, đảm bảo quá trình đổi mới, sắp xếp, cơ cấu lại DNNN theo đúng mục tiêu, kế hoạch, lộ trình đã phê duyệt<sup>7</sup>.

Đánh giá sơ bộ cho thấy, có 1 mục tiêu hoàn thành, 2 mục tiêu có khả năng hoàn thành và 6 mục tiêu cần các giải pháp thúc đẩy để hoàn thành (Bảng 1). Cổ phần hóa và thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước đạt kết quả khá, thực hiện thoái vốn nhà nước thành công tại một số DNNN quy mô lớn. Một số DNNN yếu kém trở lại hoạt động. Số nhóm ngành, lĩnh vực Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ giảm mạnh. Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã được thành lập và chính thức hoạt động.

---

<sup>7</sup>Trong đó, có một số văn bản quan trọng như Quyết định 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 phê duyệt Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước giai đoạn 2016-2020<sup>9</sup>; Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020; Quyết định 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục DNNN hoàn thành cổ phần hóa theo từng năm giai đoạn 2017-2020.



**Bảng 1: Đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện cơ cấu lại DNNN**

TT	Mục tiêu 2020	Tình hình thực hiện	Đánh giá khả năng hoàn thành
	<b>Mục tiêu định lượng</b>		
1	Thoái toàn bộ vốn khỏi các DNNN tại các ngành Nhà nước không cần nắm giữ trên 50% vốn	- Số doanh nghiệp có vốn nhà nước <50% năm 2016 là khoảng 3.000 doanh nghiệp, tập trung trong nhiều ngành nhà nước không cần nắm giữ.	Cần giải pháp thúc đẩy hoàn thành
2	Thoái vốn Nhà nước xuống mức sàn quy định đối với các ngành mà Nhà nước sắp xếp, cơ cấu lại vốn đầu tư	Theo Quyết định 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017, năm 2017 có 135 doanh nghiệp, năm 2018 có 181 doanh nghiệp phải thực hiện thoái vốn, tuy nhiên lũy kế đến nay mới chỉ có 30 đơn vị thực hiện thoái vốn (trong đó năm 2017 có 13 đơn vị; 07 tháng đầu 2018 có 17 đơn vị).	Cần giải pháp thúc đẩy hoàn thành
3	Cổ phần hóa DNNN (đến 2020 còn 103 DNNN)	Giai đoạn 2016-2018 đã cổ phần hóa 145 doanh nghiệp, theo kế hoạch năm 2018 sẽ cổ phần hóa 85 doanh nghiệp trong đó 21 doanh nghiệp thuộc danh mục năm 2017, 64 doanh nghiệp thuộc danh mục năm 2018.	Khả năng hoàn thành
4	Thu về tối thiểu 250.000 tỷ đồng từ cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	- 2017: Đạt mục tiêu nộp NSNN 60 nghìn tỷ của Quốc hội. - Năm 2017 phê duyệt phương án bán vốn nhà nước tại 69 doanh nghiệp cổ phần hóa với quy mô khoảng 76,5 nghìn tỷ. Năm 2018, phê duyệt phương án cổ phần hóa tại 64 doanh nghiệp	Khả năng hoàn thành
	<b>Mục tiêu định tính</b>		
1	Xử lý dứt điểm các dự án của DNNN kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài	Đã ban hành Đề án xử lý 12 dự án thua lỗ, tuy nhiên thiếu nguồn lực và cơ chế thực hiện.	Cần giải pháp thúc đẩy hoàn thành

2	Nâng cao một bước quan trọng hiệu quả sản xuất kinh doanh	<p>- Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu giảm đều từ 16,4% năm 2012 xuống 10% năm 2016; tỷ suất lợi nhuận/tài sản giảm đều từ 6,5% năm 2012 xuống còn 4,6% năm 2016.</p> <p>- So với năm 2015, tổng tài sản của DNNN năm 2016 tăng 3,5%, trong khi tổng doanh thu giảm 1%, lợi nhuận trước thuế giảm 14%.</p>	Cần giải pháp thúc đẩy hoàn thành
3	Nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh của DNNN	Có một số thực tiễn tốt, nhưng chưa thành xu hướng chủ đạo. Việc mở rộng hoạt động sản xuất, chế biến một số mặt hàng mới của doanh nghiệp còn khó khăn, thiếu chủ động trong đổi mới sản xuất kinh doanh; chưa chú trọng đầu tư theo chiều sâu.	Cần giải pháp thúc đẩy hoàn thành
4	Phấn đấu đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp	<p>Công tác tự kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại nhiều DNNN chưa tốt, vi phạm điều lệ doanh nghiệp, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc...;</p> <p>có tình trạng hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp phản ứng chậm trước vi phạm của một số cá nhân; người đứng đầu doanh nghiệp, cán bộ quản lý tại một số doanh nghiệp thiếu trách nhiệm, có dấu hiệu cố ý làm trái, gây thất thoát vốn, tài sản nhà nước.</p>	Cần giải pháp thúc đẩy hoàn thành
5	Trong năm 2018, thành lập cơ quan chuyên trách làm đại diện sở hữu đối với DNNN	Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 09/NQ-CP ngày 03/02/2018 về thành lập Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.	Hoàn thành

Một số kết quả đạt được cụ thể về cơ cấu lại DNNN như sau:

- Cổ phần hóa 145 doanh nghiệp với tổng giá trị doanh nghiệp là 440.067 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 204.547 tỷ đồng,

tổng vốn điều lệ theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt là 208.900 tỷ đồng, đã bán cho nhà đầu tư chiến lược 61.953 nghìn tỷ đồng; đấu giá công khai 33.768 tỷ đồng, số còn lại bán cho người lao động là 1.593 tỷ đồng và tổ chức công đoàn 45 tỷ đồng.

- Thoái vốn tại các tập đoàn, tổng công ty, các doanh nghiệp được 16.463 tỷ đồng, thu về 154.306 tỷ đồng, trong đó: SCIC thực hiện thoái vốn tại 114 doanh nghiệp với giá trị 3.693 tỷ đồng, thu về 28.400 nghìn tỷ đồng; thoái 10.747 nghìn tỷ đồng và thu về trên 123.405 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư trong các lĩnh vực khác.

- Thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nợ NSNN từ Quỹ Hỗ trợ, sắp xếp và phát triển doanh nghiệp 115.000 tỷ đồng.

Bên cạnh các kết quả đáng ghi nhận như trên, quá trình cơ cấu lại DNNN vẫn còn một số hạn chế. Cụ thể:

- Cơ cấu lại các DNNN được triển khai chậm so với kế hoạch. Theo kế hoạch, năm 2018 hoàn thành cổ phần hóa ít nhất 85 doanh nghiệp (bao gồm: 21 doanh nghiệp thuộc danh mục năm 2017 và 64 doanh nghiệp thuộc danh mục năm 2018). Tuy nhiên, đến hết tháng 9/2018 mới cổ phần hóa được 10 doanh nghiệp.

- Việc thực hiện các mục tiêu về thoái vốn nhà nước<sup>9</sup> còn khó khăn. Năm 2016, có khoảng 3.000 doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ ít hơn 50% vốn trong nhiều ngành kinh doanh khác nhau. Theo Quyết định 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017, năm 2017 có 135 doanh nghiệp, năm 2018 có 181 doanh nghiệp phải thực hiện thoái vốn, tuy nhiên lũy kế đến nay mới chỉ có 30 đơn vị thực hiện thoái vốn (trong đó năm 2017 có 13 đơn vị; 07 tháng đầu 2018 có 17 đơn vị). Mặc dù, các mục tiêu thoái vốn cần thực hiện thận trọng, một mặt bảo đảm tính đúng, tính đủ giá trị vốn nhà nước trong doanh nghiệp, mặt khác cần đặt trong bối cảnh của thị trường tài chính và yêu cầu bảo đảm các cân

---

<sup>9</sup>Gồm: (1) Thoái toàn bộ vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc các ngành không cần Nhà nước sở hữu trên 50% vốn; và (2) Thoái vốn nhà nước xuống mức sàn quy định đối với các ngành mà Nhà nước sắp xếp, cơ cấu lại vốn đầu tư.

đổi lớn của nền kinh tế và điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, kiểm soát lạm phát<sup>9</sup>. Tuy nhiên, kế hoạch thoái vốn và sử dụng vốn từ thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước chưa cụ thể, chưa tập trung vào các công trình quan trọng quốc gia để tạo động lực cho nền kinh tế.

- Mô hình quản trị doanh nghiệp chậm được đổi mới, chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, chưa gắn được trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Việc bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC còn chậm, chưa đảm bảo kế hoạch theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Lũy kế từ 01/01/2017 đến tháng 7/2018, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mới chuyển giao về SCIC 25 doanh nghiệp với tổng vốn nhà nước là 953,28 tỷ đồng/2.365 tỷ đồng vốn điều lệ; số chưa chuyển giao là 37 doanh nghiệp với tổng số vốn nhà nước là 10.113 tỷ đồng/14.721 tỷ đồng vốn điều lệ.

- Quyết toán của doanh nghiệp đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần chậm làm ảnh hưởng đến công tác bàn giao và thu nộp các khoản về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

- Cơ cấu lại một số dự án đầu tư kém hiệu quả còn chậm. 12 dự án thua lỗ vẫn chưa được xử lý triệt để trong khi nhiều tài sản không sử dụng, hao mòn theo thời gian, chi phí như lãi vay, tiền bảo dưỡng duy trì tài sản... vẫn phát sinh.

- Nhiều doanh nghiệp chậm đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán làm ảnh hưởng đến tính công khai, minh bạch của thị trường.

---

<sup>9</sup>Theo Báo cáo số 254/BC-CP ngày 09/7/2018 của Chính phủ, việc cổ phần hóa, thoái vốn sẽ thu hút dòng vốn lớn từ nhà đầu tư nước ngoài, gây áp lực cho Ngân hàng Nhà nước cung tiền VND để trung hòa mua ngoại tệ nhằm bảo đảm các mục tiêu chính sách tiền tệ (bao gồm cả mục tiêu hạ lãi suất cho vay), kiểm soát lạm phát.

- Cơ chế quản lý, giám sát và việc thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan và người đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước chưa thật rõ ràng và phù hợp; xử lý trách nhiệm của người đứng đầu trong khi xảy ra sai phạm cũng như các hành vi vi phạm về giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của DNNN chưa đầy đủ, nghiêm túc.

b) Kết quả cơ cấu lại đầu tư công

Nghị quyết 24 và các văn bản có liên quan đã xác định 7 mục tiêu về cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công đến năm 2020, gồm 3 mục tiêu định lượng<sup>10</sup> và 4 mục tiêu định tính<sup>11</sup>. Để thực hiện, Nghị quyết 27 đã xác định 12 nhiệm vụ chính giao cho các Bộ, ngành và địa phương thực hiện. Đánh giá sơ bộ, có 5 nhiệm vụ đã triển khai và có kết quả rõ ràng, 6 nhiệm vụ đã triển khai và đạt kết quả bước đầu, 1 nhiệm vụ đã triển khai nhưng chưa đáp ứng thời gian (Phụ lục 4).

Giai đoạn 2016-2018, nhiều văn bản pháp luật tạo khung khổ pháp lý cho quá trình cơ cấu lại đầu tư công đã được ban hành như Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực thi hành từ 01/01/2018<sup>12</sup>; Quyết định số 63/QĐ-TTg, ngày 12/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025. Cùng với đó, hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn Nhà nước được đưa vào vận hành góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động đầu tư công, cắt giảm tình trạng đầu tư dàn trải và

---

<sup>10</sup>Các mục tiêu định lượng gồm: (i) Tỷ trọng đầu tư nhà nước khoảng 31-34% tổng đầu tư xã hội; (ii) Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hàng năm trên 90%; (iii) Tỷ trọng vốn đầu tư nhà nước bình quân đạt khoảng 10-11% GDP.

<sup>11</sup>Các mục tiêu định tính gồm: (i) Nâng cao chất lượng thể chế quản lý đầu tư công đạt mức chất lượng tiếp cận ASEAN-04; (ii) Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa rộng và tạo động lực phát triển kinh tế- xã hội của cả nước; (iii) Tạo đột phá thu hút nguồn vốn tư nhân trong và ngoài nước theo hình thức PPP; (iv) Đảm bảo hài hòa giữa các vùng lãnh thổ.

<sup>12</sup>15 Nghị định và 01 Quyết định hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã được dự thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

nợ động xây dựng cơ bản<sup>15</sup>.

Đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện các mục tiêu cho thấy có 1 mục tiêu hoàn thành, 4 mục tiêu có khả năng hoàn thành và 2 mục tiêu cần các giải pháp thúc đẩy để hoàn thành (Bảng 2).

**Bảng 2: Đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện cơ cấu đầu tư công**

TT	Mục tiêu 2020	Tình hình thực hiện	Đánh giá khả năng hoàn thành
<b>Mục tiêu định lượng</b>			
1	Tỷ trọng đầu tư nhà nước khoảng 31-34% tổng đầu tư xã hội	Tỷ lệ này giảm dần từ 40,4% năm 2013 xuống 37,5% năm 2016, khoảng 35,7% năm 2017.	Khả năng hoàn thành
2	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hàng năm trên 90%	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2016 đạt 91%, năm 2017 đạt khoảng 89%, bình quân 2 năm 2016-2017 đạt khoảng 90%.	Khả năng hoàn thành
3	Tỷ trọng vốn đầu tư nhà nước bình quân đạt khoảng 10-11% GDP	Tỷ trọng vốn đầu tư Nhà nước năm 2016 bằng 12,4% GDP; năm 2017 bằng 11,9%, ước tính năm 2018 bằng 11,7%, bình quân 3 năm 2016-2018 bằng 12% (Thấp hơn mức bình quân 12,4% GDP của giai đoạn 2011-2015)	Hoàn thành
<b>Mục tiêu định tính</b>			
1	Nâng cao chất lượng thể chế quản lý đầu tư công đạt mức chất lượng tiếp cận ASEAN-04	Chất lượng thể chế quản lý đầu tư công còn thấp so với thông lệ tốt của thế giới. Theo Khung đánh giá thể chế quản lý đầu tư công của IMF (PIMA), chất lượng thể chế quản lý đầu tư công của Việt Nam chỉ đạt trung bình 0,7 điểm	Cần các giải pháp thúc đẩy để hoàn thành

<sup>15</sup>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/04/2017 quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công; Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29/09/2016 Quy định về chế độ Báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn Nhà nước.

		(trung bình là 1 điểm, cao nhất là 2 điểm); một số chỉ tiêu có điểm số thấp như chỉ tiêu về thẩm định dự án, lựa chọn dự án, tính thống nhất và toàn diện của ngân sách, và giám sát tài sản công.	
2	Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa rộng và tạo động lực phát triển KT-XH của cả nước	- Trong giai đoạn 2011-2016, hệ số ICOR của khu vực kinh tế nhà nước bình quân đạt 9,7, chậm được cải thiện qua các năm (năm 2011 là 9,03, năm 2015 là 9,17, năm 2016 là 9,75), trong khi khu vực ngoài nhà nước đạt 5,24, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 5,8.	Khả năng hoàn thành
3	Tạo đột phá thu hút nguồn vốn tư nhân trong và ngoài nước theo hình thức PPP	- Pháp luật về PPP còn nhiều hạn chế, chưa đầy đủ, thiếu rõ ràng, minh bạch và nhất quán. Luật về PPP vẫn đang trong quá trình đề xuất xây dựng. - Việc thực hiện các dự án PPP còn nhiều vướng mắc, năng lực của nhà đầu tư còn hạn chế (quy mô vốn chủ sở hữu đạt thấp, tính riêng dự án PPP trong lĩnh vực giao thông, vốn chủ sở hữu bình quân chỉ đạt từ 12-13% tổng vốn đầu tư của dự án).	Cần các giải pháp thúc đẩy để hoàn thành
4	Đảm bảo hài hòa giữa các vùng lãnh thổ	Theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, phân bổ vốn vẫn dựa nhiều vào các tiêu chí đầu vào (quy mô dân số, diện tích,...) mà chưa gắn với các chỉ tiêu kết quả sử dụng vốn và các mục tiêu cơ cấu lại kinh tế. Hiệu quả sử dụng vốn của nhiều địa phương còn thấp, số chi chuyển nguồn của hầu hết các địa phương đều lớn, có xu hướng tăng, đồng thời số kết dư ngân sách địa phương qua các năm còn lớn.	Khả năng hoàn thành

Các mục tiêu hoàn thành và có khả năng hoàn thành liên quan đến nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động đầu tư công, cắt giảm tình trạng đầu tư dàn trải và nợ đọng xây dựng cơ bản. Các dự án quan trọng quốc gia được đẩy nhanh tiến độ. Tỷ trọng vốn đầu tư nhà nước trong tổng đầu tư năm 2016 và năm 2017 giảm xuống còn 37,5% và 35,7% và dự kiến năm 2018 còn 34,5% tiến sát mục tiêu đã đề ra đến năm 2020 (31-34%). Giải ngân vốn đầu tư công được cải thiện nhờ những nỗ lực tháo gỡ khó khăn của Chính phủ. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2016 đạt 91%, năm 2017 đạt khoảng 89%, bình quân 2 năm 2016-2017 đạt khoảng 90%, xấp xỉ mục tiêu đề ra (tỷ lệ giải ngân hàng năm đạt trên 90%); Tỷ trọng vốn đầu tư Nhà nước năm 2016 bằng 12,4% GDP; năm 2017 bằng 11,9%, ước tính năm 2018 bằng 11,7%, bình quân 3 năm 2016-2018 bằng 12% (Thấp hơn mức bình quân 12,4% GDP của giai đoạn 2011-2015), dự kiến hoàn thành mục tiêu đề ra (bình quân khoảng 10-11%GDP). Hiệu quả đầu tư có cải thiện; ICOR của nền kinh tế, giảm còn mức 6,42 năm 2016, và 6,11 vào năm 2017 (Tính toán của Tổng cục Thống kê dựa vào vốn đầu tư giá cố định 2010).

Tuy nhiên, cơ cấu lại đầu tư công vẫn cho thấy một số hạn chế. Cụ thể:

- Còn có khoảng cách giữa chất lượng thể chế quản lý đầu tư công của Việt Nam so với thông lệ quốc tế tốt<sup>14</sup>, đặc biệt ở khâu lập, thẩm định, lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự, án đầu tư; việc giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công còn chậm chễ. Việc theo dõi, đánh giá các dự án sử dụng vốn đầu tư công chưa đồng bộ và chưa được coi trọng.

---

<sup>14</sup>Theo khung đánh giá của Quỹ Tiền tệ thế giới, chất lượng thể chế quản lý đầu tư công của các quốc gia được đánh giá theo 3 nhóm tiêu chí (Mức độ bền vững của kế hoạch đầu tư công; Bảo đảm đầu tư công được phân bổ vào đúng ngành và dự án; và Cung cấp tài sản công bền vững và hiệu quả) với 15 chỉ tiêu. Điểm đánh giá trung bình các chỉ tiêu của Việt Nam chỉ đạt 0,7 điểm (thang điểm từ 0-2), ở mức thấp so với các nước đang triển. Các chỉ tiêu có mức điểm thấp là chỉ tiêu về thẩm định dự án, lựa chọn dự án, tính thống nhất và toàn diện của ngân sách, và giám sát tài sản công.



- Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn thời gian qua cũng bộc lộ một số bất cập liên quan đến phân bổ vốn đã có trong danh mục đầu tư trung hạn đến nay chưa giao xong, đặc biệt là việc giao vốn vượt kế hoạch của một số địa phương<sup>15</sup>, chưa tuân thủ đúng kế hoạch trong một số trường hợp<sup>16</sup>.

- Cơ cấu lại đầu tư công chưa gắn chặt chẽ với định hướng cơ cấu lại các ngành kinh tế và cơ cấu lại NSNN. Cơ cấu đầu tư nội bộ ngành, lĩnh vực còn chưa hợp lý và chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa chi đầu tư và chi thường xuyên (đảm bảo trang thiết bị, vận hành, duy tu, bảo dưỡng). Chi nông nghiệp chủ yếu vào hệ thống thủy lợi, trong bối cảnh chưa cải cách công tác quản lý thủy lợi, chế độ thu thủy lợi phí, không có kinh phí duy tu, bảo dưỡng,... Chi giao thông vận tải chủ yếu vào đường bộ, trong khi đường thủy nội địa và đường sắt rất tiềm năng nhưng chưa được đầu tư. Trong một số ngành có khả năng khuyến khích xã hội hóa cao như ngành giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, vốn đầu tư nhà nước vẫn chiếm tỷ lệ rất lớn trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Tình trạng lãng phí, thất thoát, chi chưa đúng chế độ, chính sách, không bố trí đủ nguồn vốn, chất lượng công trình thấp trong đầu tư và xây dựng chưa được giải quyết triệt để.

- Các dự án đầu tư theo hình thức PPP chưa thu hút được nguồn vốn nước ngoài và còn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn tín dụng, chưa phù hợp với định hướng phát triển kết cấu hạ tầng, đặc

---

<sup>15</sup>Theo Báo cáo số 10151/BTC-NSNN ngày 22/8/2018 của Bộ Tài chính, đối với nguồn vốn ODA, nhiều địa phương có tổng vốn thuộc kế hoạch 03 năm 2016-2018 được Thủ tướng Chính phủ giao đã vượt tổng số kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 như Hà Nội, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế. Đối với nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, tổng số vốn Hội đồng nhân dân giao các năm 2016-2018 đạt 77% kế hoạch đầu tư công trung hạn, một số địa phương đã giao vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn.

<sup>16</sup>Theo Báo cáo số 1024/BC-UBTCNS14 ngày 18/5/2018 của Ủy ban Tài chính Ngân sách, các đơn vị giao vốn cho dự án không có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn như: Bộ Giao thông vận tải giao 4 dự án khởi công mới, Cà Mau giao 16 công trình, Vĩnh Long 16 dự án, Đồng Tháp 11 dự án, Bộ Công Thương 6 dự án.

biệt trong lĩnh vực giao thông và giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp (chi phí logistics).

c) Kết quả cơ cấu lại tổ chức tín dụng

Nghị quyết 24 và các văn bản có liên quan 6 mục tiêu chính về cơ cấu lại các TCTD đến năm 2020, gồm 2 mục tiêu định lượng<sup>17</sup> và 4 mục tiêu định tính<sup>18</sup>. Nghị quyết 27 đã xác định 7 nhiệm vụ giải pháp để thực hiện các mục tiêu này. Đánh giá sơ bộ, có 4 nhiệm vụ đã triển khai và có kết quả rõ ràng, 3 nhiệm vụ đã triển khai và có kết quả bước đầu.

Đồng thời, khung khổ thể chế tạo cơ sở pháp lý cho quá trình cơ cấu lại các TCTD được hoàn thiện. Quốc hội đã ban hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD (Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 có hiệu lực từ 15/01/2018), Chính phủ đã ban hành Quyết định 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 phê duyệt Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020. Đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD, Chính phủ cũng đã ban hành Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 19/7/2017 về triển khai thực hiện Nghị quyết 42, theo đó giao nhiệm vụ cho các Bộ, ngành, triển khai với lộ trình cụ thể đảm bảo tính khả thi, kịp thời. Ngân hàng Nhà nước cũng đã ban hành nhiều văn bản, chỉ thị nhằm hoàn thiện khung khổ pháp lý thúc đẩy quá trình cơ cấu lại các TCTD gắn với xử lý nợ xấu<sup>19</sup>.

---

<sup>17</sup>Các mục tiêu định lượng gồm: (i) Đưa tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống các tổ chức tín dụng, nợ xấu đã bán cho VAMC và nợ xấu đã thực hiện các phương pháp phân loại nợ xuống dưới 3% (không bao gồm nợ xấu của các NHTM yếu kém được Chính phủ phê duyệt xử lý theo phương án riêng); (ii) Các ngân hàng cơ bản có mức vốn tự có theo tiêu chuẩn Basel II, ít nhất 12-15 ngân hàng thương mại áp dụng thành công Basel II (phương pháp tiêu chuẩn trở lên).

<sup>18</sup>Các mục tiêu định tính gồm: (i) Tiếp tục lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao năng lực quản trị của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế; (ii) Từng bước xử lý và xóa bỏ tình trạng đầu tư chéo, sở hữu chéo và sở hữu có tính chất thao túng, chi phối trong các tổ chức tín dụng có liên quan; (iii) Đẩy mạnh thoái vốn ngoài ngành của các ngân hàng thương mại; (iv) Giảm lãi suất cho vay trung bình trong nước có tính cạnh tranh so với mức lãi suất cho vay trung bình trong nhóm ASEAN-4.

<sup>19</sup>NHNN đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-NHNN ngày 20/7/2017, Chỉ thị 05/CT-NHNN ngày 17/9/2018 và nhiều văn bản hướng dẫn khác để thực hiện Nghị quyết 42 và Quyết định 1058. Khung khổ pháp lý triển khai Basel II tại các NHTM cơ bản đã được hoàn thiện, với việc ban

Đánh giá kết quả thực hiện, có 1 mục tiêu dự kiến hoàn thành, 4 mục tiêu có khả năng hoàn thành và có 1 mục tiêu cần các giải pháp thúc đẩy để hoàn thành (Bảng 3).

**Bảng 3: Đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện cơ cấu lại các tổ chức tín dụng**

TT	Mục tiêu 2020	Tình hình thực hiện	Đánh giá khả năng hoàn thành
	<b>Mục tiêu định lượng</b>		
1	Giảm tỷ lệ nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng xuống mức dưới 3%	<p>Kết quả xử lý nợ xấu của toàn hệ thống: Lũy kế từ năm 2012 đến cuối tháng 7/2018, toàn hệ thống các TCTD đã xử lý được 794,2 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Trong đó: (i) nợ xấu do các TCTD tự xử lý là 492,7 nghìn tỷ đồng (chiếm 62%); (ii) nợ xấu bán cho VAMC là 281,8 nghìn tỷ đồng (chiếm 35,5%); (iii) nợ xấu bán cho tổ chức, cá nhân khác 19,7 nghìn tỷ đồng (chiếm 2,5%). Đến cuối tháng 7/2018, tổng nợ xấu nội bảng của hệ thống TCTD là 164,96 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,13% tổng dư nợ.</p> <p>- Kết quả xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42: Từ 15/8/2017 đến cuối tháng 7/2018, hệ thống TCTD đã xử lý được 141,32 nghìn tỷ đồng (không bao gồm xử lý bằng sử dụng dự phòng rủi ro), đạt trên 21,70% tổng nợ xấu được xác định theo Nghị quyết 42. Về cơ bản, các biện pháp xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42 đã phát huy hiệu quả, đạt được một số kết quả ban đầu tích cực.</p>	Khả năng hoàn thành

hành Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2	Các ngân hàng cơ bản có mức vốn tự có theo tiêu chuẩn Basel II, ít nhất 12-15 ngân hàng thương mại áp dụng thành công Basel II (phương pháp tiêu chuẩn trở lên)	Quy định tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II có hiệu lực 1/1/2020; ngoài 10 NHTM thí điểm triển khai Basel II còn một số NHTMCP khác được NHNN khuyến khích áp dụng sớm quy định tính toán vốn theo phương pháp tiêu chuẩn của Basel II trước thời điểm 1/1/2020	Khả năng hoàn thành
	<b>Mục tiêu định tính</b>		
1	Tiếp tục lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao năng lực quản trị của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế	Đến 31/7/2018, tỷ lệ an toàn vốn của hệ thống các TCTD đạt 12,32% (mức tối thiểu theo quy định là 9%), hầu hết các TCTD đáp ứng các yêu cầu về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN.	Hoàn thành
2	Từng bước xử lý và xóa bỏ tình trạng đầu tư chéo, sở hữu chéo và sở hữu có tính chất thao túng, chi phối trong các TCTD có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình trạng sở hữu chéo khó xử lý với những trường hợp cổ tình che dấu, bên thứ ba không phải là người có liên quan đứng tên hộ cổ phần, gây khó khăn trong việc xác định tỷ lệ sở hữu thực của cổ đông.</li> <li>- Thoái vốn cổ đông chậm do việc xử lý sở hữu chéo thực chất là vấn đề xử lý và chuyển nhượng cổ phần nên TCTD cần có phương án, lộ trình triển khai từng bước (để xác định thời điểm, mức giá và tìm kiếm nhà đầu tư phù hợp...) nhằm đảm bảo lợi ích tối đa cho TCTD và cơ quan Nhà nước trong bối cảnh TCTD là công ty đại chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán.</li> </ul>	Cần các giải pháp thúc đẩy để hoàn thành
3	Đẩy mạnh thoái vốn ngoài ngành của các ngân hàng thương mại	Năm 2017, 04 NHTM có vốn Nhà nước thoái vốn tại 08 doanh nghiệp và tổ chức khác thu về 1.290,4 tỷ đồng. 06 tháng đầu năm 2018, NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam đã bán cổ phần tại Tổng công ty Hàng Không Việt Nam và	Khả năng hoàn thành

		thu về số tiền 418,5 tỷ đồng. Theo số liệu báo cáo của các TCTD, trong 6 tháng đầu năm 2018, tại 07 ngân hàng có 19 DNNN đã thực hiện thoái 55.533.719 cổ phần tại các ngân hàng, tương ứng 555,3 tỷ đồng giá trị theo mệnh giá.	
4	Giảm lãi suất cho vay trung bình trong nước có tính cạnh tranh so với mức lãi suất cho vay trung bình trong nhóm ASEAN-4	Mục tiêu hạ mức lãi suất bằng mức trung bình của ASEAN-4 là mục tiêu khá thách thức trong điều kiện hiện nay. Do nền tảng kinh tế của Việt Nam vẫn còn khác biệt so với các nước này. Xếp hạng tín nhiệm quốc gia vẫn thấp hơn khá nhiều các nước ASEAN-4; Năng lực quản trị, điều hành của các TCTD Việt Nam còn yếu hơn (chúng ta chưa áp dụng Basell 2 còn các nước ASEAN-4 hầu hết đều đã áp dụng Basell2); thị trường vốn của Việt Nam, đặc biệt là thị trường trái phiếu doanh nghiệp chưa phát triển nên doanh nghiệp hầu như dựa vào hệ thống các TCTD gây áp lực tăng lãi suất; hệ thống số liệu để đánh giá rủi ro của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay chưa đầy đủ và độ tin cậy chưa cao,... Thêm vào đó, lãi suất cho vay cần phải phù hợp với mức tăng trưởng tín dụng hợp lý; việc hạ lãi suất quá nhanh sẽ làm tăng tỷ lệ tín dụng/GDP và làm tăng rủi ro toàn hệ thống, nguy cơ nợ xấu tăng cao.	Khả năng hoàn thành

Xử lý nợ xấu tại các TCTD được thực hiện thực chất hơn, lãi suất cho vay trung bình giảm, dòng vốn tín dụng chuyển dịch nhiều hơn vào các ngành sản xuất để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế. Lũy kế từ năm 2012 đến cuối tháng 7/2018, toàn hệ thống các TCTD đã xử lý được 794,2 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Trong đó: (i) nợ xấu do các

TCTD tự xử lý là 492,7 nghìn tỷ đồng (chiếm 62%); (ii) nợ xấu bán cho VAMC là 281,8 nghìn tỷ đồng (chiếm 35,5%); (iii) nợ xấu bán cho tổ chức, cá nhân khác 19,7 nghìn tỷ đồng (chiếm 2,5%).

Chất lượng tài sản của TCTD được cải thiện, cơ cấu danh mục đầu tư, cơ cấu tài sản có dịch chuyển theo hướng tích cực, an toàn hơn, dòng vốn tín dụng tập trung vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ. Tại thời điểm tháng 6/2018, tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tăng 9,2%; lĩnh vực xuất khẩu tăng 17,55%; tín dụng đối với doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 5,54%; tín dụng đối với lĩnh vực công nghiệp ưu tiên phát triển tăng 6,57%; tín dụng đối với lĩnh vực DNNVV tăng 4,48% so với cuối năm 2017.

Tín dụng đối với hầu hết các ngành kinh tế đều tăng, trong đó tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp (chiếm tỷ trọng 21,37%, trong đó ngành công nghiệp hỗ trợ chiếm tỷ trọng 16,32%), ngành xây dựng (chiếm tỷ trọng 9,80%) và ngành thương mại dịch vụ (chiếm tỷ trọng 59,09%, trong đó ngành bán buôn bán lẻ chiếm tỷ trọng 19%).

Tuy nhiên, việc cơ cấu lại các TCTD vẫn cho thấy một số hạn chế. Cụ thể:

- Cơ cấu lại các TCTD đạt được kết quả bước đầu quan trọng, tạo tiền đề cho giai đoạn tiếp theo nhưng vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục được khắc phục, xử lý như: (i) Việc thực hiện cơ cấu lại đối với các NHTM có vốn Nhà nước gặp khó khăn về vốn, chưa tương xứng với tốc độ phát triển và quy mô hoạt động. Tổng số vốn cần đầu tư, bổ sung cho các NHTM có vốn Nhà nước là khá lớn để đảm bảo đáp ứng yêu cầu tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo Basel II. Trong khi đó nguồn lực Nhà nước có thể được sử dụng để tăng vốn cho các NHTM có vốn Nhà nước cũng hết sức hạn chế; (ii) Việc thoái vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác của các ngân hàng mua lại bắt buộc chưa được thực hiện, do phát sinh vướng mắc liên quan đến quy định về việc

chuyển nhượng vốn của ngân hàng thương mại mua bắt buộc phải gắn với phương án cơ cấu lại doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định về yêu cầu kết quả định giá doanh nghiệp; (iii) Tiến độ xử lý cơ cấu lại đối với một số TCTD phi ngân hàng có chủ sở hữu/cổ đông lớn là các Tập đoàn/Tổng Công ty nhà nước còn chậm, phụ thuộc vào nội dung phương án cơ cấu lại tổng thể của Tập đoàn/Tổng công ty nhà nước.

- Tình trạng sở hữu chéo các TCTD đã được xử lý bước đầu<sup>20</sup>, nhưng còn phức tạp, với nhiều hình thức sở hữu tinh vi, khó phát hiện hơn. Tình trạng sở hữu chéo khó xử lý với những trường hợp cổ tình nhờ người đứng tên hộ, việc này rất tinh vi nên thanh tra phải kỹ lưỡng mới phát hiện ra. Mặc dù tình trạng sở hữu chéo, cổ đông/nhóm cổ đông lớn thao túng, chi phối ngân hàng được xử lý tích cực, tuy vậy, tình trạng sở hữu chéo tại một số TCTD còn chưa được giải quyết dứt điểm. Nguyên nhân chủ yếu là do việc xử lý sở hữu chéo thực chất là vấn đề xử lý và chuyển nhượng cổ phần nên TCTD cần có phương án, lộ trình triển khai từng bước (để xác định thời điểm, mức giá và tìm kiếm nhà đầu tư phù hợp...) nhằm đảm bảo lợi ích tối đa cho TCTD và cơ quan Nhà nước trong bối cảnh TCTD là công ty đại chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán”.

- Quá trình triển khai xử lý các ngân hàng yếu kém gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài

---

<sup>20</sup>Số cặp TCTD sở hữu chéo trực tiếp lẫn nhau đã giảm từ 7 cặp trong năm 2012 xuống còn 1 cặp; Sở hữu cổ phần trực tiếp lẫn nhau giữa ngân hàng và doanh nghiệp giảm, đến tháng 6/2018 còn tại 2 NHTMCP với 2 cặp sở hữu cổ phần lẫn nhau (tại thời điểm tháng 6/2012 có 56 cặp). Ngoài ra, liên quan đến việc xử lý, khắc phục một số vi phạm sở hữu cổ phần, do một số khó khăn trong quá trình xử lý, chuyển nhượng nên TCTD có sở hữu cổ phần tại TCTD khác chưa đáp ứng quy định tại Luật các TCTD và Thông tư số 36 vẫn chưa khắc phục được như dự kiến, cụ thể: Còn 4 NHTMCP có cổ đông là DNNN sở hữu cổ phần chiếm trên 15% vốn điều lệ (vượt tỷ lệ quy định tại Khoản 2, Điều 55, Luật các TCTD); 2 NHTMCP có cổ đông là nhóm những người có liên quan với nhau sở hữu cổ phần chiếm trên 20% vốn điều lệ (vượt tỷ lệ quy định tại Khoản 3, Điều 55, Luật các TCTD 2010); 03 NHTM nắm giữ cổ phần của hơn 2 TCTD khác (chưa đáp ứng quy định tại điểm a, Khoản 3, Điều 20 Thông tư 36); 03 TCTD có sở hữu trên 5% cổ phần của TCTD khác (chưa đáp ứng quy định tại điểm b, Khoản 3, Điều 20 Thông tư 36).

tham gia cơ cấu lại, đặc biệt đối với các ngân hàng mua bắt buộc<sup>21</sup>. Bên cạnh đó, còn một số vướng mắc trong triển khai hiệu quả Nghị quyết số 42/2017/QH14 do công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp còn chưa quyết liệt, thiếu đồng bộ, đặc biệt trong công tác thu giữ tài sản bảo đảm, hoạt động thi hành án dân sự, giải quyết tranh chấp tại tòa án liên quan đến xử lý nợ xấu; một số cơ quan thuế chưa áp dụng đúng nội dung Nghị quyết 42/2017/QH14 về thứ tự ưu tiên thanh toán khi phát mại tài sản bảo đảm để xử lý nợ xấu.

- Việc thực hiện cơ cấu lại đối với các NHTM có vốn Nhà nước gặp khó khăn về bổ sung vốn; tiến độ xử lý cơ cấu lại đối với một số TCTD phi ngân hàng có chủ sở hữu/cổ đông lớn là các Tập đoàn/Tổng Công ty nhà nước còn chậm. Tỷ lệ tín dụng cũng như tổng nợ trong nước (nợ trong nước của Chính phủ và dư nợ tín dụng) so với GDP đã ở mức cao. Tỷ lệ nợ trong nước của Chính phủ và tư nhân năm 2017 là 159% GDP, so với mức 145% của Thái Lan, 45% của Indonesia và 65% của Philippines.<sup>22</sup> Do vậy, nếu tốc độ tăng tín dụng tiếp tục tăng nhanh hơn đáng kể so với tốc độ tăng GDP, sẽ có rủi ro dẫn tới mất ổn định kinh tế vĩ mô.

## 2.2. Kết quả cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), khu vực công

### a) Cơ cấu lại NSNN

Nghị quyết 24 và các văn bản liên quan đã xác định 8 mục tiêu cơ cấu lại NSNN, gồm 6 mục tiêu định lượng<sup>23</sup> và 2 mục tiêu định

---

<sup>21</sup>Trên cơ sở Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng được Quốc hội thông qua, triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước đã có Tờ trình số 16/TTr-BCS.Tym ngày 10/7/2018 trình Bộ Chính trị về phương án xử lý, cơ cấu lại các ngân hàng mua bắt buộc và ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á. Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đang tích cực chỉ đạo hoàn thiện phương án chi tiết để sớm triển khai thực hiện.

<sup>22</sup>Nguồn: UBGSTCQG.

<sup>23</sup>Các mục tiêu định lượng gồm: (i) Tỷ lệ bội chi NSNN đến năm 2020 xuống dưới 3,5% GDP; (ii) Tỷ lệ huy động vào NSNN không thấp hơn 23,5% GDP, trong đó từ thuế, phí, lệ phí khoảng 21% GDP; (iii) Tỷ trọng thu nội địa bình quân khoảng 84 - 85% tổng thu NSNN; (iv) Tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm bình quân khoảng 25-26% tổng chi NSNN; (v) Tỷ trọng chi thường



tính<sup>24</sup> đến năm 2020. Để thực hiện, Chính phủ đã xác định 5 nhóm giải pháp<sup>25</sup> giao cho Bộ, ngành, địa phương đến năm 2020. Đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện các giải pháp này, có 4 nhiệm vụ đã triển khai và đạt kết quả rõ ràng, 1 nhiệm vụ đã triển khai và đạt kết quả bước đầu.

Cùng với việc thực hiện các giải pháp, thể chế về huy động, quản lý và sử dụng NSNN, nợ công có bước chuyển biến mạnh mẽ. Cụ thể:

- Quốc hội đã ban hành 4 luật, 3 nghị quyết; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 106 Nghị định và quyết định liên quan đến NSNN và quản lý nợ công.

- Các chính sách về tài chính, thuế, chế độ chi NSNN được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành mới theo hướng hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với tình hình thực tế và tiến trình thực hiện cam kết quốc tế. Đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa trong lĩnh vực thuế, hải quan; chống thất thu, chuyển giá, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế; quyết liệt xử lý thu hồi nợ đọng thuế; chấn chỉnh công tác hoàn thuế; tăng cường thanh tra, kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao về thuế. Hoàn thiện khung khổ pháp lý về quản lý NSNN theo Luật NSNN 2015 với nhiều điểm mới về phạm vi ngân sách, bội chi, siết chặt việc ứng trước, chuyển nguồn, bổ sung dự toán; vấn đề công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình;

---

xuống dưới 64% tổng chi NSNN; (vi) Quy mô nợ công hằng năm giai đoạn 2016 - 2020 không quá 65% GDP, nợ chính phủ không quá 54% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP.

<sup>24</sup>Các mục tiêu định tính gồm: (i) Bảo đảm thu đúng, thu đủ, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế; (ii) Sử dụng hiệu quả nợ công.

<sup>25</sup>Gồm 3 nhóm giải pháp thuộc nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về nâng cao năng lực điều hành, ổn định kinh tế vĩ mô; 2 nhóm giải pháp về hoàn thiện quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nợ công, quản lý tài sản nhà nước, nguồn lực công, và giải pháp ban hành Nghị định quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh (thuộc nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa) được xác định trong Nghị quyết 27. Ngoài 3 nhóm giải pháp này, Nghị quyết 27 cũng xác định một số giải pháp khác về bảo đảm an ninh tài chính quốc gia.

xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn; ban hành cơ chế đặc thù đối với một số địa phương trọng điểm.

- Quy định về quản lý, sử dụng nợ công, tài sản công được đổi mới theo hướng chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng, phù hợp với thông lệ quốc tế. Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Luật Quản lý nợ công 2017, Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sửa đổi). Nhiều văn bản hướng dẫn Luật Quản lý nợ công được ban hành như Nghị định 95/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ (đối với việc phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh), Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ về quản lý nợ của chính quyền địa phương (đối với việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương). Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2035/QĐ-TTg ngày 18/12/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu nợ trong nước của Chính phủ giai đoạn 2017-2021 để làm cơ sở cho việc tái cơ cấu danh mục nợ trong nước của Chính phủ.

Trên cơ sở thực hiện các giải pháp cơ cấu lại NSNN, đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện các mục tiêu nêu trên, có 3 mục tiêu dự kiến hoàn thành, 3 mục tiêu có khả năng hoàn thành và 2 mục tiêu cần giải pháp thúc đẩy để hoàn thành (Bảng 4).

**Bảng 4: Tình hình thực hiện cơ cấu lại NSNN đến năm 2020**

TT	Mục tiêu 2020	Tình hình thực hiện	Đánh giá khả năng hoàn thành
	<b>Mục tiêu định lượng</b>		
1	Tỷ lệ bội chi NSNN đến năm 2020 xuống dưới 3,5% GDP	Tỷ lệ bội chi NSNN năm 2016 đạt 5,1% GDP, năm 2017 ước đạt 3,48% GDP, năm 2018 dự toán 3,7% GDP. Moody's dự báo mức bội chi NSNN trong tương lai dao động quanh mức 4% GDP <sup>1</sup>	Khả năng hoàn thành

2	Tỷ lệ huy động vào NSNN không thấp hơn 23,5% GDP, trong đó từ thuế, phí, lệ phí khoảng 21% GDP	Tỷ lệ huy động vào NSNN năm 2016 đạt, năm 2017 đạt 25,7% GDP, năm 2018 kế hoạch đạt 27,5% GDP; thu từ thuế, phí, lệ phí khoảng 21% GDP	Hoàn thành
3	Tỷ trọng thu nội địa bình quân khoảng 84 - 85% tổng thu NSNN	Tỷ trọng thu nội địa (không kể dầu thô) năm 2016 đạt 80,1% tổng thu NSNN theo dự toán Quốc hội; năm 2017 đạt 80,1%, năm 2018 kế hoạch đạt 81,7%	Khả năng hoàn thành
4	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm bình quân khoảng 25-26% tổng chi NSNN;	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển năm 2016 chiếm 22,5% tổng chi NSNN, năm 2017 đạt 25%, kế hoạch năm 2018 đạt 26,2%	Khả năng hoàn thành
5	Tỷ trọng chi thường xuyên xuống dưới 64% tổng chi NSNN	Tỷ trọng chi thường xuyên năm 2017 ước đạt 62% tổng chi NSNN	Hoàn thành
6	Quy mô nợ công hằng năm giai đoạn 2016 - 2020 không quá 65% GDP, nợ chính phủ không quá 54% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP	Dự kiến đến cuối năm 2018, quy mô nợ công khoảng 61,4% GDP, nợ chính phủ khoảng 51,9% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia là 49,9% GDP	Hoàn thành
<b>Mục tiêu định tính</b>			
7	Bảo đảm thu đúng, thu đủ, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế	<p>- Xử lý nợ đọng thuế chưa hiệu quả: Đến 30/4/2018, tỷ lệ nợ trên tổng dự toán thu nội địa ở mức 8,4% (chỉ tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2018 là 3,4%). 60/63 địa phương nợ đọng thuế, tăng nợ thuế so với thời điểm ngày 31/12/2017, trong đó 26/60 địa phương có số nợ tăng lớn trên 100 tỷ.</p> <p>- Thu thuế của hộ kinh doanh cá thể còn khó khăn: thuế từ hộ kinh doanh cá thể chỉ chiếm 1,56% tổng thu NSNN (không kể dầu thô) năm 2017<sup>3</sup>; việc thu thuế từ các hình thức kinh doanh online, mạng xã hội còn khó khăn</p>	Cần giải pháp thúc đẩy để hoàn thành

8	Sử dụng hiệu quả nợ công	- Hiệu quả sử dụng vốn ODA còn hạn chế: Một số dự án sử dụng vốn còn đội vốn, thời gian thực hiện kéo dài, làm giảm hiệu quả dự án - Việc giải ngân vốn trái phiếu Chính phủ chưa tốt, còn vướng mắc, làm tăng chi phí vốn.	Cần giải pháp thúc đẩy để hoàn thành
---	--------------------------	--	--------------------------------------

Một số kết quả cụ thể về cơ cấu lại NSNN trong giai đoạn 2016-2018 như sau:

- Về thu NSNN: Tổng thu 3 năm 2016-2018 đạt khoảng 3,75 triệu tỷ đồng, bằng 54-55% kế hoạch 5 năm (trong khi giá trị GDP cùng thời kỳ đạt 52-53% kế hoạch); Tỷ lệ huy động vào NSNN bình quân đạt 24,9%GDP, trong đó thu từ thuế, phí đạt 21%GDP; cơ cấu thu nội địa trong tổng thu tăng dần, đến năm 2018 dự kiến đạt 81,7% (đạt mục tiêu theo Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị<sup>26</sup> và Nghị quyết 25 của Quốc hội<sup>27</sup>).

- Về chi NSNN: Cơ cấu chi ngân sách có bước chuyển tích cực, tỷ trọng chi thường xuyên giảm từ mức 70% tổng chi ngân sách 63% hiện nay. Cùng với đó, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển (dự toán đã tăng trên 26%, thực hiện lên mức 27%), giảm tỷ trọng chi thường xuyên (dự toán khoảng 64%, thực hiện xuống 63%); thực hiện cải cách tiền lương hằng năm tăng 7%/năm theo Nghị quyết Trung ương và Quốc hội; bảo đảm các nhiệm vụ chi quốc phòng, an ninh, các chính sách an sinh xã hội.

- Về bội chi NSNN, nợ công: Bội chi NSNN giảm dần, năm 2016 là 5,52%/GDP (tính theo quy định của Luật NSNN năm 2015 là 5,12% GDP), năm 2018 dự kiến là 3,67% GDP; Tỷ lệ nợ công so GDP giảm (năm 2016 là 63,7%GDP, năm 2017 là 61,4%GDP, năm 2018 dự kiến là 61,4% GDP).

<sup>26</sup>Huy động vào NSNN giai đoạn 2016-2020 bình quân 20-21% GDP.

<sup>27</sup>Huy động vào NSNN giai đoạn 2016-2020 không thấp hơn 23,5% GDP trong đó từ thuế, phí khoảng 21% GDP

Như vậy, cơ cấu lại NSNN đã đạt được những thay đổi tích cực về quy mô thu, chi ngân sách và bảo đảm an toàn nợ công. Chi NSNN được cơ cấu lại theo hướng tăng chi cho đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên. Thu ngân sách cơ bản đủ chi thường xuyên và trả nợ, đồng thời bước đầu có tích lũy đầu tư từ NSNN, theo đó năm 2016 Chính phủ tích lũy đầu tư khoảng 10.000 tỷ đồng, năm 2017 là 69.000 tỷ đồng, năm 2018 là 63.500 tỷ đồng, dự toán năm 2019 tích lũy được 67.300 tỷ đồng cho đầu tư. Bội chi NSNN có xu hướng giảm, dự báo dao động quanh mức 4% GDP đến năm 2020<sup>28</sup>. Nợ công trong giới hạn an toàn cho phép<sup>29</sup>, và được cơ cấu lại theo hướng giảm áp lực trả nợ lên NSNN<sup>30</sup> và bảo đảm an toàn tài chính quốc gia<sup>31</sup>.

Bên cạnh kết quả đạt được, cơ cấu lại NSNN vẫn còn một số hạn chế, cụ thể:

+ Về thu NSNN: (i) tình trạng thất thu, chuyển giá, nợ đọng thuế còn lớn; (ii) Việc quản lý thu NSNN từ tiền sử dụng đất, quản lý tài sản công còn nhiều bất cập; (iii) Hiệu quả quản lý sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp còn nhiều tồn tại, yếu kém, nguồn thu NSNN từ doanh nghiệp nhà nước suy giảm.

+ Về chi NSNN: Chi thường xuyên vẫn bao cấp hầu hết các lĩnh

<sup>28</sup>Theo dự báo của Moody's tại Thông cáo báo chí ngày 10/8/2018 của Moody's về việc nâng hạng hệ số tín nhiệm Việt Nam lên "Ba3" (triển vọng ổn định).

<sup>29</sup>Theo dự báo của Bộ Tài chính, đến cuối năm 2018, quy mô nợ công khoảng 61,4% GDP, nợ chính phủ khoảng 51,9% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia là 49,9% GDP.

<sup>30</sup>Nhiều giải pháp cơ cấu lại nợ, như kéo dài kỳ hạn phát hành bình quân TPCP, giảm lãi suất huy động, tăng tỷ trọng vay trong nước được thực hiện. Kỳ hạn phát hành bình quân trái phiếu Chính phủ năm 2017 là 12,74 năm, tăng mạnh so với năm 2016 (năm 2016 là 8,77 năm); lãi suất bình quân trái phiếu Chính phủ trong năm 2017 là 5,98%/năm, giảm so với mức bình quân năm 2016 (năm 2016 là 6,71%/năm), góp phần làm giảm chi phí huy động vốn cho NSNN.

<sup>31</sup>Về dư nợ bảo lãnh Chính phủ, năm 2016, dư nợ bảo lãnh nước ngoài tăng 7000 tỷ đồng (khoảng 300 triệu USD), dư nợ bảo lãnh trong nước cho 2 ngân sách chính sách không tăng; năm 2017, dư nợ bảo lãnh nước ngoài giảm 7,4 nghìn tỷ đồng (khoảng 310 triệu USD), dư nợ bảo lãnh trong nước cho 2 ngân hàng chính sách giảm 1,3 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu nợ trong nước và nợ nước ngoài đảo ngược, từ cơ cấu nợ trong nước/ngoài nước là 39%/61% năm 2011 thành 60%/40% năm 2016; đa dạng hóa các nhà đầu tư, tỷ lệ nhà đầu tư là các công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư và bảo hiểm xã hội đạt khoảng 57%.

vực sự nghiệp; nhiều chế độ, chính sách còn trùng lặp; cơ cấu lại chi thường xuyên hạn chế do chậm đổi mới khu vực sự nghiệp công lập; chi sai chính sách, chế độ còn tồn tại ở một số lĩnh vực, đơn vị.

+ Về nợ công: Tuy đã có xu hướng giảm nhưng còn rủi ro về nợ bảo lãnh của Chính phủ đối với các khoản vay của DNNN; biến động của tỷ giá, lãi suất.

#### b) Cơ cấu lại khu vực công

Giai đoạn 2016 - 2020, bộ máy nhà nước tiếp tục được đổi mới theo hướng nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước. Chính phủ đã đề ra phương châm hành động “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả”, với trọng tâm chỉ đạo, điều hành là thực hiện quyết liệt cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật và sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành ở tất cả các ngành, các cấp. Đến nay, hầu hết Bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai các chủ trương về đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đạt được những kết quả bước đầu quan trọng. Hoạt động cung cấp dịch vụ công đã góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhanh và bền vững, thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng. Cung ứng dịch vụ công đã đáp ứng nhu cầu thiết yếu, cơ bản của người dân và xã hội, hướng tới mục tiêu ổn định và công bằng xã hội; đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng, nhất là dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa,... cả về loại hình, số lượng và chất lượng dịch vụ.

Nguồn thu từ việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đóng vai trò quan trọng trong việc bổ sung tiềm lực tài chính cho ngân sách. Năm 2016, theo thống kê chưa đầy đủ của Bộ Tài chính trên cơ sở báo cáo của 19 Bộ, ngành và 47 địa phương, tổng nguồn thu sự nghiệp của hơn 43 nghìn đơn vị sự nghiệp công lập đã được giao tự chủ tài chính là trên 114 nghìn tỷ đồng, tăng 95 nghìn tỷ đồng so với năm 2011 - năm đầu thực hiện Kết luận số 37-TB/TW ngày 26/5/2011 của Bộ Chính trị về ban hành Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự

ng nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”.

Tuy nhiên, việc đổi mới khu vực công còn nhiều hạn chế. Cải cách thủ tục hành chính được tập trung thực hiện nhưng còn nhiều bất cập. Việc xây dựng Chính phủ điện tử ở còn nhiều rào cản<sup>32</sup>, đặc biệt trong thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đồng bộ, kết nối, liên thông giữa các cấp, các ngành. Xếp hạng về Chính phủ điện tử của Việt Nam hiện mới ở vị trí 88/193 quốc gia và vùng lãnh thổ, đứng thứ 6 trong khu vực ASEAN, sau Singapore, Malaysia, Brunei, Thái Lan và Philipin.

Việc đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ và thực hiện tinh giản biên chế còn chậm, hầu hết các lĩnh vực sự nghiệp công chi thường xuyên vẫn bao cấp. Đến nay, Chính phủ mới ban hành các Nghị định về cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập ở 2/7 lĩnh vực (theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập), là lĩnh vực khoa học và công nghệ, y tế. Tình trạng tăng biên chế xảy ra ở nhiều cấp, nhiều ngành, gây áp lực cho chi ngân sách nhà nước. Kết quả kiểm toán năm 2017 cho thấy, một số Bộ, ngành, địa phương giao biên chế công chức vượt Bộ Nội vụ giao 5.087 biên chế; sử dụng lao động thực tế trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập vượt quy định 63.279 người (vượt được giao 44.667 người, vượt định mức 18.612 người)<sup>33</sup>.

---

<sup>32</sup>Theo Báo cáo số 379/TB-VPCP ngày 27/9/2018 của Văn phòng Chính phủ, một số tồn tại, hạn chế trong xây dựng Chính phủ điện tử như hệ thống nền tảng kết nối liên thông, tích hợp chia sẻ dữ liệu triển khai chậm, chưa công bố tiến độ, các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu điện tử tại các bộ, ngành, địa phương chưa hoàn thiện. Việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa thực sự kết nối, liên thông, gửi, nhận văn bản điện tử. Bên cạnh đó, dịch vụ công trực tuyến được thiết kế riêng lẻ, rời rạc, chưa thân thiện, chưa lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Các thông tin, dữ liệu trực tuyến từ các bộ, ngành, địa phương phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ còn thiếu, hầu hết các thông tin được tổng hợp bằng phương thức thủ công...

<sup>33</sup>Theo tài liệu của Kiểm toán Nhà nước tại Hội nghị quốc tế về tài chính công tại Việt Nam ngày 17/8/2018 tại Hà Nội

## 2.3. Kết quả phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong nước và thu hút hợp lý đầu tư trực tiếp nước ngoài

### a) Phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong nước

Giai đoạn 2016 - 2018, chính sách phát triển kinh tế tư nhân tiếp tục được hoàn thiện, thủ tục hành chính và các điều kiện kinh doanh bất hợp lý gây cản trở được rà soát, cắt bỏ. Quốc hội đã ban hành Luật Hỗ trợ DNNVV (Luật số 04/2017/QH14). Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV, đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, đảm bảo sự đồng bộ trong triển khai thực hiện Luật. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV. Cùng với đó, Chính phủ tiếp tục ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Luật Hợp tác xã năm 2012; Nghị quyết số 19 của Chính phủ trong các năm 2016, 2017, 2018 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020,...

Việc các thực hiện quyết liệt các chính sách trên đã mang lại nhiều kết quả bước đầu tích cực. Đến cuối tháng 6/2018, đã có 21 Bộ, cơ quan và 31 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết 19-2018. Về cải cách quy định về điều kiện kinh doanh, đã có 738 điều kiện kinh doanh/hơn 5.700 điều kiện kinh doanh được thực sự bãi bỏ và sửa đổi hoặc đơn giản hoá. Trung bình số điều kiện kinh doanh được đề xuất cắt bỏ, sửa đổi chiếm 54%, trong đó số điều kiện kinh doanh đề xuất cắt bỏ đạt 36%. Xếp hạng năng lực cạnh tranh quốc gia tăng 05 bậc từ 60/138 lên 55/137 nền kinh tế (theo Diễn đàn Kinh tế thế giới - WEF), xếp hạng môi trường kinh doanh tăng 14 bậc từ 68/190 lên 82/190 nền kinh tế (theo Ngân hàng Thế giới - WB), xếp hạng năng lực đổi mới sáng tạo cải thiện 12 bậc, hiện đứng ở vị trí 47/127 nền kinh tế-đây là những thứ hạng cao nhất Việt Nam đạt được. Xếp hạng tín nhiệm quốc gia



của Việt Nam do các tổ chức độc lập quốc tế đánh giá cũng có cải thiện: năm 2017, Moody's và Fitch đã nâng xếp hạng triển vọng của Việt Nam từ mức "ổn định" lên "tích cực"; Tháng 5/2018, Fitch tiếp tục nâng hạng tín dụng của Việt Nam từ BB - lên BB với triển vọng "ổn định".

Kết quả trong giai đoạn 2016-2017, doanh nghiệp thành lập mới liên tiếp đạt kỷ lục cả về số lượng doanh nghiệp và số vốn đăng ký. Năm 2016 có hơn 110.000 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 891.094 tỷ đồng. Năm 2017, có 127.000 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 1.295.911 tỷ đồng. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động năm 2017 là 26.448 doanh nghiệp giảm 0,9% so với năm 2016. Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong những tháng đầu năm 2018 tiếp tục có được ảnh hưởng tích cực từ những nỗ lực của Chính phủ trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp thông qua cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện khung khổ pháp lý về đầu tư kinh doanh và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Dự báo cả năm 2018 có khoảng 130.000 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 2,5% so với năm 2017.

Cùng với đó, tỷ lệ đầu tư của khu vực tư nhân trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội có xu hướng gia tăng: Năm 2015 là 38,7%; Năm 2016 là 38,9%; Năm 2017 là 40,6%. Khu vực kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng khá lớn trong nền kinh tế: Năm 2015 chiếm 43,22%, năm 2016 42,56%, năm 2017 là 41,74%.

Phát triển hợp tác xã đạt nhiều kết quả<sup>34</sup>, nhiều mô hình hợp tác xã kiểu mới gắn với chuỗi liên kết phát huy hiệu quả được mở

---

<sup>34</sup>Tính đến thời điểm 30/6/2018, cả nước có khoảng 20.930 Hợp tác xã, 57 liên hiệp hợp tác xã, trong đó có 12.596 Hợp tác xã nông nghiệp, 900 Hợp tác xã giao thông vận tải, 4.000 Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - thương mại, 836 Hợp tác xã xây dựng, 1.181 quỹ Tín dụng nhân dân và 1.4117 Hợp tác xã trong các lĩnh vực khác. Tổng số thành viên Hợp tác xã khoảng 6,3 triệu thành viên. Trong đó, thành lập 965 Hợp tác xã, giải thể 338 hợp tác xã. Doanh thu bình quân một hợp tác xã ước đạt trên 3,5 tỷ đồng/hợp tác xã (tăng khoảng 1,5% so với năm 2017; thu nhập bình quân của người lao động trong hợp tác xã đạt khoảng 3 triệu đồng/người (tăng khoảng 20% so với năm 2017)

rộng đầu tư; các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ngày càng nhiều và đã diễn ra phổ biến ở các vùng của cả nước; Tổ hợp tác ngày càng khẳng định là mô hình phù hợp với điều kiện phát triển của nhiều vùng, nhiều khu vực; là điều kiện nền tảng để tiến lên thành lập hợp tác xã kiểu mới phát triển bền vững, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2016-2018, khu vực tư nhân trong nước phát triển còn chậm. Tốc độ tăng giá trị tăng thêm khu vực này năm 2016 là 5,51% và năm 2017 là 6,23% (bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 6,61%). Phần lớn doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và nhỏ, không có sự biến động đáng kể trong giai đoạn 2016-2018. Bên cạnh đó, mặc dù số lượng doanh nghiệp tăng nhanh so với bình quân chung của giai đoạn 2010-2016<sup>35</sup>, nhưng với quy mô và tốc độ tăng trưởng hiện tại<sup>36</sup>, mục tiêu đến năm 2020 có 1 triệu doanh nghiệp hoạt động hiệu quả khó hoàn thành.

#### b) Kết quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Vốn đầu tư FDI đăng ký trong giai đoạn 2016-2018 ước đạt 99,5 tỷ USD, tăng 73,7% so với giai đoạn 2011-2013 và tăng 40% so với kế hoạch 2016-2018. Vốn đăng ký năm 2016 đạt 26,89 tỷ USD, năm 2017 tăng mạnh đạt 37,1 tỷ USD (tăng 38% so với năm 2016). Ước thực hiện năm 2018 dự kiến đạt 32-35 tỷ USD, bằng 90,3% so với cùng kỳ năm 2017.

---

<sup>35</sup>Tốc độ tăng trưởng số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trong giai đoạn 2010-2016 bình quân đạt 10,4%/năm, năm 2017 đạt 11,1%.

<sup>36</sup>Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế đến thời điểm 31/12/2017 đạt 561.064 doanh nghiệp. Trong 9 tháng đầu năm 2018, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong 9 tháng đầu năm đạt 96.611 doanh nghiệp, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 22.897 doanh nghiệp, số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh là 23.053 doanh nghiệp, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể là 50.050 doanh nghiệp, số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 11.536 doanh nghiệp. Do đó, số doanh nghiệp đang hoạt động tăng thêm trong 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 34.869 doanh nghiệp. Hết tháng 9/2018, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế đạt khoảng 595.933 doanh nghiệp.

Vốn đăng ký và vốn thực hiện trong 3 năm 2016-2018 đều tăng mạnh so với giai đoạn 2011-2013. Đây là một tín hiệu tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Điều đáng lưu ý là tỷ trọng các dự án FDI trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đang ngày càng tăng, đặc biệt là một số dự án lớn để sản xuất hàng xuất khẩu tích cực giải ngân, mở rộng sản xuất (SamSung, Nokia, LG,...), dự kiến khu vực doanh nghiệp FDI vẫn tiếp tục giữ vị trí đầu tàu trong việc tạo ra giá trị xuất khẩu trong các năm tới.

Tuy nhiên, mục tiêu thu hút công nghệ cao, công nghệ nguồn và chuyển giao công nghệ thông qua thu hút ĐTNN chưa đạt được như kỳ vọng, tỷ lệ các dự án FDI công nghệ thấp và việc thực hiện chuyển giao công nghệ cũng chưa đạt kết quả như mong muốn. Hiệu ứng lan tỏa, tính liên kết của khu vực đầu tư nước ngoài đối với khu vực trong nước chưa cao. Trong khi đó, một số dự án được cấp phép nhưng chưa đảm bảo tính bền vững, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, tiêu tốn năng lượng, sử dụng nguồn tài nguyên không hiệu quả. Ngoài ra, một số doanh nghiệp còn hạn chế về kiến thức, sự am hiểu pháp luật của Việt Nam, kinh nghiệm quản lý và trách nhiệm đối với xã hội, chưa tự giác tuân thủ pháp luật, chưa đảm bảo quyền lợi của người lao động, ít quan tâm đến việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa; chưa giải quyết dứt điểm những tồn đọng về nợ thuế, nợ bảo hiểm xã hội. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 55% tổng vốn đăng ký, chưa tương xứng với kỳ vọng và nhu cầu của nền kinh tế.

#### 2.4. Kết quả cơ cấu ngành và vùng kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, gắn với đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế

##### a) Kết quả cơ cấu lại lĩnh vực công nghiệp

Nghị quyết 24 và các văn bản liên quan xác định 10 mục tiêu và nhiệm vụ chính nhằm cơ cấu lại thực chất các ngành công nghiệp đến

năm 2020, gồm 8 mục tiêu định lượng<sup>37</sup> và 2 mục tiêu định tính<sup>38</sup>.

Để thực hiện, Nghị quyết 27 xác định 4 nhiệm vụ về cơ cấu lại lĩnh vực công nghiệp. Đến nay, có 1 nhiệm vụ đã triển khai và có kết quả rõ ràng, 2 nhiệm vụ đã triển khai và có kết quả bước đầu, 1 nhiệm vụ đã triển khai nhưng chưa đáp ứng được thời gian (Phụ lục 4). Cùng với đó, nhiều chính sách tạo tiền đề cơ cấu lại các ngành công nghiệp được ban hành như: Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 ban hành kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025; Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/1/2017 ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025; Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 07/2/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành điện giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; Nghị định số 111/NĐ-CP về Phát triển công nghiệp hỗ trợ; Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025 định hướng đến năm 2035; Chiến lược quốc gia về phát triển năng lượng tái tạo đến 2030 và tầm nhìn đến 2050; Đề án tái cơ cấu của một số ngành công nghiệp gồm điện, than và dầu khí; Điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch như Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất, dệt may, da giày; bia, rượu, nước giải khát; giấy; chế biến sữa; nhựa; than.... Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Các chính sách về cơ cấu lại đã góp phần quan trọng trong việc định hướng, hỗ trợ và

<sup>37</sup>Các mục tiêu định lượng bao gồm: (i) Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP đạt từ 30-35%, tốc độ tăng trưởng công nghiệp cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP; (ii) Tỷ trọng hàng chế biến chế tạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu đạt từ 85-90%; (iii) Lao động trong công nghiệp và xây dựng chiếm 25-30%; (iv) Tốc độ tăng trưởng đầu tư trong công nghiệp cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân toàn xã hội; (v) Tốc độ tăng trưởng số lượng doanh nghiệp trong công nghiệp cao hơn bình quân toàn xã hội; (vi) Tốc độ tăng năng suất lao động trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo hàng năm cao hơn 5,5%; (vii) Tỷ trọng đóng góp của nhóm ngành công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến chế tạo và của khu vực tư nhân năm sau cao hơn so với năm trước về số lượng doanh nghiệp, số lao động và doanh thu; (viii) Tăng trưởng giá trị gia tăng của công nghiệp chế biến chế tạo (MVA) bình quân đạt từ 8-10%.

<sup>38</sup>Các mục tiêu định tính bao gồm: (i) Hình thành thí điểm một số cụm liên kết ngành công nghiệp trong các ngành công nghiệp ưu tiên; (ii) Thu hẹp khoảng cách các chỉ số về năng lực cạnh tranh công nghiệp so với các nước ASEAN-4.

thúc đẩy quá trình cơ cấu lại ngành công nghiệp và bước đầu đã mang đến những kết quả tích cực.

Đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện cho thấy, có 4 mục tiêu dự kiến hoàn thành; 4 mục tiêu có khả năng hoàn thành; 2 mục tiêu cần các giải pháp thúc đẩy để hoàn thành (Bảng 5).

**Bảng 5: Tình hình thực hiện và khả năng hoàn thành mục tiêu cơ cấu lại ngành công nghiệp**

TT	Mục tiêu	Tình hình thực hiện	Đánh giá khả năng hoàn thành
<b>Mục tiêu định lượng</b>			
1	Tỉ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP đạt từ 30-35%, tốc độ tăng trưởng công CN cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP	- Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP: năm 2016 đạt 32,72%, năm 2017 đạt 33,34%; 6 tháng đầu năm 2018 đạt 33,78%. - Tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp năm 2016 đạt 7,1% (nền kinh tế đạt 6,21%), năm 2017 đạt 7,8% (nền kinh tế đạt 6,81%); 6 tháng đầu năm đạt 9,3% (nền kinh tế đạt 7,08%)	Hoàn thành
2	Tỉ trọng hàng chế biến chế tạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu đạt từ 85-90%	Tăng mạnh từ 61% năm 2011 lên 82,7% năm 2016 và 83,7% năm 2017 và 82,3% trong 6 tháng đầu năm 2018.	Khả năng hoàn thành
3	Lao động trong công nghiệp và xây dựng chiếm 25-30%	Năm 2016, đạt 24,7%, năm 2017 đạt 25,7% và 6 tháng đầu năm 2018 là 26,7%.	Hoàn thành
4	Tốc độ tăng trưởng đầu tư trong công nghiệp cao hơn bình quân toàn xã hội	Bình quân giai đoạn 2011-2016 là 9,7%/năm (toàn xã hội là 8,3%/năm). Năm 2017, tính riêng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là 16,5%/năm (toàn xã hội là 12,1%). 6 tháng đầu năm 2018 là (toàn xã hội là 10,1%).	Hoàn thành

5	Tốc độ tăng trưởng số lượng doanh nghiệp trong công nghiệp cao hơn bình quân toàn xã hội	Bình quân giai đoạn 2010-2016 tăng 8,6%/năm, cả nước là 10,4%/năm.	Cần giải pháp thúc đẩy để hoàn thành
6	Tốc độ tăng năng suất lao động trong ngành công nghiệp bình quân hàng năm cao hơn 5,5%	- Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011-2016 chỉ đạt 2,4%/năm, trong đó, năm 2016 giảm 2,2% so với năm 2015. - Năm 2017, năng suất lao động của khu vực công nghiệp- xây dựng đạt 82,5 triệu đồng/người, tăng 3,1% so với năm 2016	cần giải pháp thúc đẩy để hoàn thành
7	Tỉ trọng đóng góp của nhóm ngành công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến chế tạo và khu vực tư nhân năm sau cao hơn năm trước về số lượng doanh nghiệp, số lao động và doanh thu	Các tỷ lệ đóng góp tăng qua các năm trong giai đoạn 2011-2015, trong đó: - Tỷ trọng số lượng doanh nghiệp công nghệ cao tăng từ 11,4% lên 12,68%; doanh nghiệp tư nhân tăng từ 96,5% lên 97,7%. - Tỷ trọng lao động trong doanh nghiệp công nghệ cao tăng từ 13,81% lên 18,12%; trong doanh nghiệp tư nhân tăng từ 95,1% lên 97,2%; - Tỷ trọng doanh thu của doanh nghiệp công nghệ cao tăng từ 27,05% lên 40,11%; trong doanh nghiệp tư nhân tăng từ 86,3% lên 92,4%.	Khả năng hoàn thành
8	Tăng trưởng giá trị gia tăng của công nghiệp chế biến chế tạo (MVA) bình quân đạt từ 8-10%	Giai đoạn 2006-2010 tăng 15,5%/năm; giai đoạn 2011-2015 tăng 10,6%/năm; năm 2016 tăng 11,9%; năm 2017 tăng 14,4%	Hoàn thành
	<b>Mục tiêu định tính</b>		
1	Hình thành thí điểm một số cụm liên kết ngành công nghiệp trong các ngành công nghiệp ưu tiên	Các hình thái ban đầu của cụm liên kết ngành đã được hình thành tại một số KCN, khu kinh tế như: Cụm dệt may ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh (Cụm vệ tinh trong chuỗi giá trị toàn cầu),	Khả năng hoàn thành

		Khu phức hợp cơ khí ô tô Chu Lai - Trường Hải tại Khu kinh tế mở Chu Lai <sup>4</sup> , hay các tổ hợp sản xuất của doanh nghiệp FDI lớn như Samsung, LG, các doanh nghiệp Nhật Bản lớn (tại KCN Bắc Thăng Long)	
2	Thu hẹp khoảng cách các chỉ số về năng lực cạnh tranh công nghiệp so với các nước ASEAN-4	Điểm Chỉ số hiệu suất cạnh tranh công nghiệp (CIP) của Việt Nam năm 2011 là 0,05 (bình quân ASEAN-4 là 0,18); năm 2015 là 0,08 (ASEAN-4 là 0,175). Mức chênh lệch giảm từ 0,13 điểm xuống 0,095 điểm Chỉ số CIP tăng từ vị trí 48 vào năm 2016 lên 41 vào năm 2017, trong khi các nước thuộc nhóm ASEAN-4 tăng không đáng kể (Thái Lan và Malaysia tăng 1 bậc, Indonesia không tăng).	Khả năng hoàn thành

Nhìn chung, giai đoạn 2016 - 2018, sản xuất công nghiệp được mở rộng và gia tăng liên tục trong hai năm trở lại đây. Năm 2017, tăng trưởng ngành công nghiệp đạt 7,58%, cao hơn mức tăng 7,06% của năm 2016 và đạt 9,28% trong sáu tháng đầu năm 2018 với mức tăng trưởng rất cao của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (năm 2017 là 14,4% và 6 tháng đầu tư năm 13,2%). Tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế, qua đó đóng góp lớn trong việc Việt Nam đã dần thu hẹp khoảng cách các chỉ số về năng lực cạnh tranh công nghiệp (CIP) so với các nước ASEAN-4. Chỉ số năng lực cạnh tranh về công nghiệp của Việt Nam (theo UNIDO) tăng từ vị trí 48 vào năm 2016 lên 41 vào năm 2017, trong khi các nước thuộc nhóm ASEAN-4 tăng không đáng kể (Thái Lan và Malaysia tăng 1 bậc, Indonesia không tăng).

Cơ cấu ngành công nghiệp đã dịch chuyển theo hướng gia tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (từ 13,8% năm 2014 lên 15,28%/năm 2018) và giảm dần ngành công nghiệp khai khoáng

(từ 10,82% năm 2014 xuống 7,47% năm 2017). Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong xuất khẩu ngày càng tăng (từ 61% năm 2011 lên 81,3% năm 2017 và 81,9% trong 6 tháng đầu năm 2018).

Tốc độ tăng trưởng đầu tư trong công nghiệp chế biến, chế tạo tăng cao so với toàn xã hội vào năm 2017 (16,5% so với 12,1%) là tiền đề cho việc phục hồi tăng trưởng ngành công nghiệp. Tăng trưởng giá trị gia tăng của công nghiệp chế biến, chế tạo (MVA) bình quân năm 2016 là 11,9%; 2017 là 14,4% so với 10,6% của giai đoạn 2011-2015.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc cơ cấu lại ngành công nghiệp vẫn cho thấy một số tồn tại, hạn chế. Cụ thể:

*Một là, quá trình cơ cấu lại ngành công nghiệp còn chậm và thiếu đồng bộ.* Quá trình phát triển công nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu CNH, HĐH, chủ yếu phát triển theo mục tiêu ngắn hạn, thiếu tính bền vững dẫn đến chưa tạo ra được ngành công nghiệp nội địa có năng lực cạnh tranh cao.

*Hai là, tốc độ tăng NSLĐ trong các ngành công nghiệp đạt thấp:* NSLĐ chưa được cải thiện đáng kể, đặc biệt là trong nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo, làm nới rộng khoảng cách về năng suất của ngành công nghiệp Việt Nam so với các nước trên thế giới. NSLĐ ngành công nghiệp của Việt Nam tăng hơn 2,5 lần trong giai đoạn 2006-2015. Tuy nhiên, tốc độ tăng NSLĐ của ngành công nghiệp chỉ khoảng 2,4%/năm, thấp hơn tốc độ tăng bình quân chung của nền kinh tế là 3,9%. Năm 2016, NSLĐ của khu vực công nghiệp- xây dựng giảm 2,2% so với năm 2015.

Hai là, chính sách phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn chưa đạt mục tiêu đề ra. Việc xác định các ngành công nghiệp ưu tiên ở nhiều thời kỳ khác nhau đã ảnh hưởng đến tập trung nguồn lực trong thúc đẩy đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp. Mặc dù có tới 5 ngành công nghiệp ưu tiên có tốc độ tăng trưởng cao trong nhóm 10 ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao nhất là dệt may, da giày, hóa chất, thép và điện tử. Tuy nhiên, các



ngành công nghiệp này đều chỉ tham gia được ở một vài khâu trong chuỗi giá trị của các ngành này với giá trị gia tăng thấp và phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nguyên vật liệu, các sản phẩm trung gian, máy móc thiết bị sản xuất.

Ba là, ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu của các ngành công nghiệp trong nước dẫn đến tỷ lệ nội địa hóa trong các ngành công nghiệp đạt thấp. Việt Nam hiện có 1.383 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, chủ yếu là tham gia ở những công đoạn với công nghệ giản đơn, giá trị gia tăng thấp. Đặc biệt, đầu tư của các doanh nghiệp FDI chiếm trên 80% số doanh nghiệp sản xuất linh kiện phụ tùng của Việt Nam, tập trung vào linh kiện điện - điện tử và linh kiện kim loại. Các doanh nghiệp nội địa chỉ mới cung ứng được khoảng 10% nhu cầu nội địa về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Ngành chế tạo ô tô đạt tỷ lệ nội địa hóa khoảng 5%-20%; điện tử đạt tỷ lệ nội địa hóa khoảng 5%-10%; da giày đạt tỷ lệ nội địa hóa khoảng 30%; dệt may đạt tỷ lệ nội địa hóa khoảng 30%; cơ khí chế tạo đạt tỷ lệ nội địa hóa khoảng 15%-10%; công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao đạt tỷ lệ nội địa hóa khoảng 1%-2%.

Bốn là, phân bố không gian của các ngành công nghiệp chưa khai thác tốt lợi thế về vị trí địa lý, tiềm năng của các địa phương, chưa hình thành được các mô hình cụm ngành chuyên môn hóa. Không gian phát triển công nghiệp chưa có sự phân bố hợp lý trên phạm vi toàn quốc dựa trên lợi thế cạnh tranh mặc dù đã có quy hoạch, phát triển công nghiệp vẫn phụ thuộc nhiều vào mong muốn chủ quan của các địa phương và thiếu cơ chế hợp tác, điều phối giữa các địa phương, vùng.

#### b) Kết quả cơ cấu lại lĩnh vực nông nghiệp

Nghị quyết 24 và các văn bản có liên quan đã xác định 9 mục tiêu lớn cơ cấu lại lĩnh vực nông nghiệp, gồm 7 mục tiêu định lượng<sup>39</sup>

<sup>39</sup>Các mục tiêu định lượng gồm: (i) Tốc độ tăng GDP nông nghiệp đạt khoảng 3%/năm; (ii) Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân 3,5%/năm; (iii) Tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm xuống dưới 40%; (iv) Lao động nông nghiệp được đào tạo đạt khoảng 22%; (v) Thu nhập dân cư nông thôn tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2015; (vi) Khoảng 15.000 hợp tác xã nông nghiệp

và 2 mục tiêu định tính<sup>40</sup> đến năm 2020. Các mục tiêu được đặt ra nhằm thực hiện cơ cấu lại mạnh mẽ ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ.

Để thực hiện, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 Phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020. Cùng với đó, khung khổ pháp lý tạo thuận lợi cho quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp tiếp tục được hoàn thiện, thu hút, tạo động lực cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì xây dựng để Chính phủ trình Quốc hội ban hành 5 Luật<sup>41</sup>; trình Chính phủ ban hành mới, sửa đổi, bổ sung 27 Nghị định; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung 10 Quyết định; trực tiếp ban hành, sửa đổi khoảng 95 Thông tư. Các chính sách thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được xây dựng và ban hành (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP), chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (Nghị định sửa đổi Nghị định

---

hoạt động hiệu quả; (vii) Khoảng 50% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới;

<sup>40</sup>Các mục tiêu gồm: (i) Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới, tập trung phát triển sản phẩm có lợi thế so sánh, giá trị gia tăng cao, bảo đảm các tiêu chuẩn theo yêu cầu xuất khẩu, có khả năng tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. (ii) Tổ chức lại sản xuất, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị; (iii) Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, giảm phát thải trong sản xuất nông nghiệp.

<sup>41</sup>Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14; Luật Trồng trọt; Luật Chăn nuôi (sẽ thông qua tại kỳ họp 6).

số 55/2015/NĐ-CP), chính sách bảo hiểm nông nghiệp (Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018), chính sách đầu tư theo hình thức đối tác công tư (Nghị định số 63/2018/NĐ-CP thay thế Nghị định số 15/2015/NĐ-CP), chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong hợp tác, liên kết sản xuất quy mô lớn (Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018), chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao (Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018) và chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo; Chương trình tín dụng khuyến khích phát triển nông nghiệp cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 07/03/2017 của Chính phủ (Gói tín dụng 100.000 tỷ).

Sơ bộ kết quả thực hiện cho thấy có 3 mục tiêu dự kiến hoàn thành, 2 mục tiêu có khả năng hoàn thành, 4 mục tiêu cần các giải pháp thúc đẩy để hoàn thành thành (Bảng 6).

**Bảng 6: Tình hình thực hiện và khả năng hoàn thành các chỉ tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp**

TT	Mục tiêu	Tình hình thực hiện	Đánh giá khả năng hoàn thành
	<b>Mục tiêu định lượng</b>		
1	Tốc độ tăng GDP nông nghiệp đạt khoảng 3%/năm trong giai đoạn 2017-2020	Hai năm 2016 và 2017 do thiên tai gây thiệt hại nặng nề nên tăng trưởng thấp hơn mục tiêu (2016: 1,36%; 2017: 2,9%). Sáu tháng đầu năm 2018 tăng trưởng ngành đạt 3,93%. Để đạt mục tiêu tăng trưởng của cả giai đoạn trong 3 năm còn lại toàn ngành phải nỗ lực, phấn đấu tốc độ tăng trưởng cả ngành đạt mức tối thiểu 3,5%/năm	Hoàn thành
2	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân 3,5%/năm trong giai đoạn 2017-2020	Năm 2017 đạt 35,5 triệu đồng/lao động, so với năm 2012 năng suất lao động tăng 9,93 triệu đồng/lao động, bình quân tăng 6,67%/năm, gần gấp 2 lần mục tiêu để ra 3,5%/năm	Hoàn thành

3	Tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm xuống dưới 40%	Tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm từ 44% năm 2015 xuống 41,9% năm 2016 và 40,1% năm 2017, và đến hết tháng 6/2018 giảm còn 38,6%.	Hoàn thành
4	Lao động nông nghiệp được đào tạo (có chứng chỉ) đạt khoảng 22%	Tỷ trọng lao động qua đào tạo ở khu vực nông thôn <sup>5</sup> quý IV/2017 là 13,7% (năm 2011 là 9%, năm 2016 là 12,8%).	Cần giải pháp thúc đẩy để hoàn thành
5	Thu nhập dân cư nông thôn tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2015	Đến hết năm 2017 đạt khoảng 32 triệu đồng/người, tăng 3,49 lần so với năm 2008 và tăng khoảng 1,53 lần so với năm 2015.	Khả năng hoàn thành
6	Khoảng 15.000 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đến hết tháng 8/2018 cả nước đã có 12.817 HTX nông nghiệp và 39 liên hiệp HTX nông nghiệp. Năm 2017 có 11.688 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó 33% số hợp tác xã hoạt động hiệu quả (khoảng 3.900 hợp tác xã)	Cần giải pháp thúc đẩy để hoàn thành
7	Khoảng 50% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	Đến hết tháng 7/2018 cả nước có 3.420 xã (chiếm 38,32%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; hết năm 2018 dự kiến đạt trên 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và đến hết 2020 dự kiến đạt trên 50%	Khả năng hoàn thành
<b>Mục tiêu định tính</b>			
1	Phát triển sản phẩm có lợi thế so sánh, giá trị gia tăng cao, bảo đảm các tiêu chuẩn theo yêu cầu xuất khẩu, có khả năng tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 2017, một số mặt hàng chủ lực có giá trị xuất khẩu, thị trường tăng mạnh như: rau quả (tăng 40,5%), cao su (35,6%), gạo (tăng 23,2%), điều (23,8%).</li> <li>- 90% nông sản của Việt Nam vẫn xuất khẩu dưới dạng thô hoặc với hàm lượng chế biến thấp, chất lượng và giá trị thấp.</li> </ul>	Cần giải pháp thúc đẩy để hoàn thành

<p>2</p>	<p>Tổ chức lại sản xuất, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế hộ tiếp tục được hỗ trợ và tổ chức heo hướng quy mô lớn hơn, dần thích nghi với cơ chế thị trường hơn. Kinh tế trang trại phát triển khá.</li> <li>- DNNN được sắp xếp lại và đổi mới cơ chế hoạt động, trọng tâm là đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư ra ngoài ngành; đã thực hiện sắp xếp đổi mới với 100% DNNN. Đổi mới nông, lâm trường quốc doanh theo Nghị định số 30-NQ/TW; đã có 41/41 địa phương hoàn thành thẩm định phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới và trình Thủ tướng Chính phủ (40 phương án đã được phê duyệt), có 252/254 mô hình sắp xếp được phê duyệt.</li> <li>- Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp ngày càng lớn mạnh, đang trở thành nòng cốt trong chuỗi giá trị. Tăng từ 4.500 DN năm 2016 lên khoảng 7.600 doanh nghiệp hiện nay.</li> <li>- Các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị đã trở lên khá phổ biến, có khoảng 579,3 nghìn ha cánh đồng lớn ở 48/63 tỉnh/thành phố triển khai với 2.262 điểm, xây dựng nhiều cơ sở sản xuất chăn nuôi, thủy sản được tổ chức sản xuất theo hình thức liên kết.</li> <li>- Đất sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, trung bình chỉ đạt 0,18 ha/thửa; diện tích đất sản xuất nông nghiệp bình quân 1 hộ có sử dụng đạt 0,58 ha/hộ<sup>7</sup>.</li> <li>- Tổ chức sản xuất nông nghiệp theo quy trình tiêu chuẩn hóa còn tản mạn<sup>8</sup>, chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm còn thấp.</li> </ul>	<p>Cần giải pháp thúc đẩy để hoàn thành</p>
----------	---	---	---

Nhìn chung, chủ trương cơ cấu lại đã được ngành nông nghiệp tổ chức thực hiện nghiêm túc, tạo được chuyển biến rõ nét, bước đầu mang lại được những kết quả tích cực. Cụ thể:

- *Về tăng trưởng GDP ngành:* Từ năm 2016-2017, tốc độ tăng GDP ngành đạt bình quân 2,13%/năm, thấp hơn năm 2015 (đạt 2,41%) và thấp hơn mục tiêu đề ra. 6 tháng đầu năm 2018, tăng trưởng ngành đạt 3,93% là mức tăng cao nhất từ năm 2012 đến nay; Dự báo cả năm 2018 đạt khoảng 3,4% và 02 năm 2019-2020 đạt khoảng 3-3,1%/năm. Như vậy tốc độ tăng trưởng GDP bình quân toàn ngành 5 năm 2016 - 2020 sẽ đạt mục tiêu đề ra từ 2,7-2,8%/năm. Về giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản, nhiều khả năng tốc độ tăng trung bình cả giai đoạn đạt 3,5%/năm, bằng cận dưới mục tiêu đề ra (3,5%/năm).

- *Về kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản:* Gần 3 năm thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm thủy sản liên tục tăng, trong 3 năm 2016-2018 ước đạt 109,21 tỷ USD, tăng bình quân 12,17%/năm (cao hơn mức tăng 9,7%/năm của giai đoạn 2011-2015). Tám tháng đầu năm 2018, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 25,7 tỷ USD, bằng 63,4% kế hoạch năm; Dự báo cả năm đạt 40-40,5 tỷ USD, vượt mục tiêu đề ra vào năm 2020.

- *Về tỷ lệ số xã đạt tiêu chí nông thôn mới:* Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ 2016-2017 đã huy động 498 ngàn tỷ đồng, trong đó nguồn vốn tín dụng chiếm 59,2%, vốn từ doanh nghiệp, người dân và cộng đồng chiếm khoảng 12,8%. Năm 2018, dự kiến nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình đạt 104.836 tỷ đồng. Đến hết tháng 8/2018, cả nước có 3.478 xã (38,98%) và 55 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới (tăng nhanh so với tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 17,5% tính đến hết năm 2015). Dự kiến hết năm 2018, có 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (phần đầu đạt 42-43%); năm 2019 có 48-50% số xã đạt chuẩn, cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới, sớm hơn 1 năm).

- Về tỷ lệ lao động nông, lâm, thủy sản trong tổng lao động xã hội: Năm 2017, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ngành nông lâm thủy sản chiếm 40,15% (giảm so với tỷ lệ 46,5% năm 2013), 6 tháng đầu năm 2018 còn 38,6%. Với tốc độ giảm bình quân giai đoạn 2010-2017 khoảng 0,13%/năm, dự báo năm 2018 sẽ đạt mục tiêu 40% theo Nghị quyết của Quốc hội. Đồng thời, năng suất lao động nông nghiệp đã được cải thiện nhiều (năm 2017 đạt 35,5 triệu đồng/lao động)<sup>42</sup>.

- Các loại hình tổ chức sản xuất được đổi mới phù hợp và hiệu quả hơn. Các DNNN, các công ty nông, lâm nghiệp tiếp tục được sắp xếp, chuyển đổi, hoạt động hiệu quả hơn. Các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị đã trở nên khá phổ biến và nhiều cơ sở sản xuất chăn nuôi, thủy sản được tổ chức sản xuất theo hình thức liên kết.

- Tăng cường áp dụng KH-CN: Giai đoạn 2016-2018, KH-CN, nhất là công nghệ cao, được xem là một trong những nhân tố quan trọng giúp tăng năng suất, chất lượng của sản phẩm nông nghiệp trong thời gian qua<sup>43</sup>.

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được trên, quá trình cơ cấu lại nông nghiệp thời gian qua đã xuất hiện một số rào cản và đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, vướng mắc, đó là:

<sup>42</sup>Tăng từ 12,2 triệu đồng/người (2008) lên 26,4 triệu đồng/người năm 2013 và 35,5 triệu đồng/người năm 2017/

<sup>43</sup>KH&CN đóng góp trên 30% giá trị gia tăng trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và 38% giá trị gia tăng trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, giảm tỷ lệ giống cây trồng phải nhập khẩu chỉ còn khoảng 20% (so với tỷ lệ 70% của những năm 2000); Mức độ cơ giới hóa nông nghiệp tiếp tục được gia tăng với số lượng máy móc, thiết bị trong sản xuất nông nghiệp năm 2017 tăng 1,5-2 % so với năm 2016. Đã có trên 90% diện tích lúa, 80% diện tích ngô, 60% diện tích mía, 100% diện tích điều trồng mới được sử dụng giống do Việt Nam sản xuất. Năng suất một số vật nuôi, cây trồng của Việt Nam đạt cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới, năng suất lúa cao nhất trong các nước ASEAN (trong đó cao hơn gấp rưỡi Thái Lan), cà phê có năng suất đứng thứ 2 trên thế giới (chỉ sau Brazil), hồ tiêu đứng đầu thế giới, cao su cũng đứng thứ 2 thế giới (chỉ sau Ấn Độ), cá tra (500 tấn/ha) cao nhất thế giới. Tập đoàn TH True Milk chuyên sản xuất sữa bò và các sản phẩm từ sữa, VinEco đã ứng dụng công nghệ mới trong nông nghiệp, Tập đoàn Lộc Trời chuyên về thuốc bảo vệ thực vật và sản xuất, tiêu thụ lúa gạo, Công ty Giống thủy sản Việt Úc với việc sản xuất tôm giống và mô hình nuôi tôm siêu thâm canh.

- Quá trình cơ cấu lại diễn ra chậm, các chuyển biến nội ngành chưa rõ nét và bền vững, kết quả chưa đạt so với mục tiêu và yêu cầu; tăng trưởng ngành chưa vững chắc. Nhiều địa phương chưa có quy hoạch rõ ràng, xác định cơ cấu và sản phẩm lợi thế chưa phù hợp; có tình trạng sản xuất vượt quy hoạch và theo phong trào.

- Tổ chức sản xuất nông nghiệp theo quy trình tiêu chuẩn hóa quy mô còn nhỏ. Tuy có một số mô hình thí điểm tập trung, tích tụ đất nông nghiệp, nhưng thể chế liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tập trung, tích tụ đất đai về cơ bản chưa thay đổi, chưa thực sự thúc đẩy tập trung, tích tụ ruộng đất để cơ cấu lại cách thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng quy mô lớn, hiện đại và công nghệ cao.

- NSLĐ, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản còn thấp, nhất là trong bối cảnh nước ta hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng; thiệt hại do thiên tai gây ra lớn và phức tạp.

- Thị trường tiêu thụ diễn biến khó lường. Tiêu thụ nông sản có lúc, có nơi bị chậm, ảnh hưởng đến sản xuất, thu nhập và đời sống của người dân.

- Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm; kinh tế hộ nhỏ lẻ vẫn chiếm tỷ trọng cao và đang bộc lộ những hạn chế, yếu kém cản trở quá trình CNH-HĐH ngành nông nghiệp; sản xuất quy mô lớn, theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất nguyên liệu với bảo quản, chế biến và tiêu thụ chưa trở thành chủ đạo.

### c) Kết quả cơ cấu lại khu vực dịch vụ

Nghị quyết 24 và các nghị quyết có liên quan đã xác định 7 mục tiêu cơ cấu lại khu vực dịch vụ, gồm 3 mục tiêu định lượng<sup>44</sup> và 4 mục tiêu định tính<sup>45</sup> đến năm 2020. Đồng thời nêu rõ thực hiện cơ cấu lại

---

<sup>44</sup>Các mục tiêu định lượng gồm: (i) Duy trì tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP; (ii) Tỷ trọng khu vực dịch vụ khoảng 45% GDP; (iii) Giảm chi phí logistics của nền kinh tế xuống còn khoảng 15% GDP.

<sup>45</sup>Các mục tiêu định tính gồm: (i) Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm; (ii) Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ kinh



các ngành dịch vụ, duy trì tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao. Phối hợp, phát huy sức mạnh tổng hợp của các bộ, ngành, thực hiện chương trình phát triển du lịch quốc gia, đến năm 2020 du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ du lịch; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch, chú trọng phát triển du lịch rừng, biển, đảo.

Sơ bộ kết quả thực hiện, có 1 mục tiêu dự kiến hoàn thành; 3 mục tiêu có khả năng hoàn thành; 3 mục tiêu cần các giải pháp thúc đẩy để hoàn thành. Các mục tiêu cần các giải pháp thúc đẩy để hoàn thành gồm một mục định lượng (Giảm chi phí logistics của nền kinh tế xuống còn khoảng 15% GDP) và 2 mục tiêu định tính (Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ). (Bảng 7)

**Bảng 7: Tình hình thực hiện và khả năng hoàn thành mục tiêu cơ cấu lại ngành dịch vụ giai đoạn 2016-2020**

TT	Mục tiêu	Tình hình thực hiện	Đánh giá khả năng hoàn thành
	<b>Mục tiêu định lượng</b>		
1	Duy trì tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP	Tăng trưởng ngành dịch vụ năm 2016 là 6,98% (toàn nền kinh tế là 6,21%), năm 2017 là 7,44% (toàn nền kinh tế là 6,81%), năm 2018 mục tiêu là 7,35% (toàn nền kinh tế là 6,7%).	Hoàn thành
2	Tỷ trọng khu vực dịch vụ khoảng 45% GDP	Tỷ trọng ngành dịch vụ tăng từ 36,73% năm 2011 lên năm 2016 là 40,92%, năm 2017 là 41,26% và dự kiến đạt 41,61% năm 2018.	Khả năng hoàn thành

doanh; Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ. (iv) Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

3	Giảm chi phí logistics của nền kinh tế xuống còn khoảng 15% GDP	Chi phí logistics của nền kinh tế năm 2016 khoảng 18% GDP (năm 2014 khoảng 21% GDP)	Cần giải pháp thúc đẩy để hoàn thành
<b>Mục tiêu định tính</b>			
1	Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm	<p>- Ngân hàng số, dịch vụ ngân hàng bán lẻ, dịch vụ thanh toán đang phát triển mạnh: Giai đoạn 2015-2017, doanh thu dịch vụ ngân hàng tăng bình quân 35%/năm, năm 2017 tăng 48%.</p> <p>- Hệ thống trung gian chứng khoán được đẩy mạnh tái cấu trúc (Năm 2017, số lượng công ty chứng khoán giảm 25%; tổng vốn chủ sở hữu tăng 20%, lợi nhuận đạt 4.290 tỷ đồng, tổng vốn khả dụng tăng 30%). Hệ thống tổ chức thị trường (sở giao dịch chứng khoán, trung tâm lưu ký chứng khoán, Trung tâm cơ sở dữ liệu xử lý chính,...) được nâng cấp và phát triển; hệ thống giao dịch, đặc biệt là giao dịch trực tuyến phát triển mạnh.</p> <p>- Các sản phẩm bảo hiểm được đa dạng hóa với gần 1.200 sản phẩm bảo hiểm, chất lượng sản phẩm được cải thiện, nhiều loại hình sản phẩm mới, bảo hiểm vì mục tiêu an sinh xã hội được triển khai như: Bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm hưu trí...</p>	Khả năng hoàn thành
2	Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (tìm kiếm thông tin, tư vấn pháp luật, tìm kiếm đối tác kinh doanh, kế toán tài chính,...) theo khảo sát PCI còn thấp, chỉ khoảng dưới 60% số doanh nghiệp ở các địa phương.	Cần giải pháp thúc đẩy để hoàn thành

3	Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ	<p>-Hệ thống chợ, siêu thị chủ yếu thiên về chức năng bán lẻ và đa số chợ có qui mô nhỏ.</p> <p>- Hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại bán lẻ phân bố không đều: Đa số các siêu thị và trung tâm thương mại tập trung tại các thành phố lớn, riêng số lượng siêu thị và trung tâm thương mại tại Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Cần Thơ lần lượt chiếm 47% và 50% của cả nước.</p>	Cần giải pháp thúc đẩy để hoàn thành
4	Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội	<p>- Khách quốc tế đến Việt Nam năm 2017 đạt khoảng 13 triệu lượt khách.</p> <p>- Tổng thu từ khách du lịch năm 2017 ước đạt 510.000 tỷ đồng, tương đương 23 tỷ USD, đóng góp khoảng 7,5% vào GDP.</p> <p>- Phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, và chủ yếu dựa trên khai thác tài nguyên du lịch hiện có.<sup>15</sup></p>	Khả năng hoàn thành

Nhìn chung, các nhiệm vụ về cơ cấu lại khu vực dịch vụ đã được triển khai tích cực và có kết quả bước đầu tích cực. Cụ thể:

*Một là*, tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ năm 2016 và 2017 đạt mục tiêu đề ra lần lượt là 6,98% và 7,44%, và cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP toàn nền kinh tế (năm 2016 là 6,21%, năm 2017 là 6,81%).

*Hai là*, khu vực dịch vụ phát triển nhanh, chiếm tỷ trọng tương đối cao trong cơ cấu kinh tế của các vùng, lãnh thổ; cơ cấu nội bộ ngành phát huy được tiềm năng và lợi thế của các vùng lãnh thổ. Cùng với chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, khu vực dịch vụ cũng tăng trưởng rất nhanh với tốc độ cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP của các vùng. Cơ cấu ngành dịch vụ năm 2016 và 2017 lần lượt

là 40,92% và 41,32% GDP. Nếu duy trì tốc độ phát triển như những năm vừa qua khả năng đạt mục tiêu chiếm 45% GDP vào năm 2020 có thể đạt được.

*Ba là*, khu vực dịch vụ phát triển tạo ra nhiều việc làm cho người lao động. Năm 2017, lao động trong khu vực dịch vụ chiếm 34,0% tổng số lao động cả nước, tăng so với năm 2016 là 33,4%. Qua đó, nâng cao thu nhập người dân, góp phần quan trọng giải quyết các vấn đề xã hội trong quá trình phát triển

*Bốn là*, cơ cấu lại khu vực dịch vụ được triển khai tích cực theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm có năng lực cạnh tranh. Một số ngành dịch vụ được hiện đại hóa, hình thành các sản phẩm dịch vụ hiện đại, chất lượng cao như dịch vụ y tế<sup>46</sup>, bảo hiểm<sup>47</sup>. Ngành du lịch bước đầu có chuyển biến tích cực. Năm 2017, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt khoảng 13 triệu lượt khách.<sup>48</sup> Tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 23 tỷ USD, đóng góp khoảng 7,5% vào GDP.<sup>49</sup>

---

<sup>46</sup>Tính trung bình, việc thống nhất quy trình khám bệnh, cải cách thủ tục hành chính, sắp xếp liên hoàn... đã rút ngắn thời gian khám bệnh được 48,5 phút. Vấn đề an toàn người bệnh cũng được các bệnh viện ưu tiên. Các bệnh viện đang cải tiến chất lượng theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện. Đến nay, bộ mặt các bệnh viện thay đổi theo hướng tích cực; người bệnh được chăm sóc tốt hơn, hài lòng hơn; chất lượng nguồn nhân lực và điều kiện làm việc, đời sống vật chất, tinh thần làm việc của nhân viên y tế từng bước được nâng lên.

<sup>47</sup>Các sản phẩm bảo hiểm được đa dạng hóa với gần 1.200 sản phẩm bảo hiểm, chất lượng sản phẩm được cải thiện, nhiều loại hình sản phẩm mới, bảo hiểm vì mục tiêu an sinh xã hội được triển khai như: Bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm hưu trí...

<sup>48</sup>Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) xếp Việt Nam vào vị trí 6/10 điểm đến du lịch phát triển nhanh nhất thế giới năm 2017, dựa trên tăng trưởng lượng khách. Năm qua, Việt Nam cũng tăng 8 bậc (vị trí 67/136) về năng lực cạnh tranh Lữ hành và Du lịch, theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới.

<sup>49</sup>Đánh giá của Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch trả lời phỏng vấn Báo Điện tử Chính phủ về thành tựu của du lịch Việt Nam trong năm 2017. Nguồn: <http://cafef.vn/du-lich-viet-nam-2017-nhieu-dau-an-dac-biet-20171225151209568.chn>

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ chưa cao (chỉ tương đương tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế)<sup>50</sup>, chưa tương xứng tiềm năng. Hệ thống phân phối còn bất cập, chưa kết nối hiệu quả, thông suốt từ khâu sản xuất đến tiêu thụ. Một số ngành dịch vụ nhiều tiềm năng và lợi thế phát triển, nhưng vẫn có khả năng cạnh tranh quốc tế thấp.

#### d) Kết quả cơ cấu lại vùng kinh tế

Nghị quyết 24 và các văn bản liên quan đề ra 05 nhóm nhiệm vụ nhằm cơ cấu lại vùng kinh tế bao gồm: (i) Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quy hoạch, quản lý phát triển một cách đồng bộ, khắc phục tình trạng quản lý chia cắt, cục bộ ngành và địa phương. (ii) Nghiên cứu xây dựng thể chế vượt trội cho những địa phương, vùng kinh tế động lực, khu hành chính-kinh tế đặc biệt để thực hiện tốt vai trò đầu tàu, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội. (iii) Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương và hình thành thể chế điều phối phát triển kinh tế theo vùng. (iv) Các địa phương phối hợp trong ban hành và thực hiện chính sách thu hút đầu tư, xúc tiến đầu tư, ưu tiên các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh. (v) Hoàn thiện mô hình phát triển kinh tế đô thị, tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và phương thức quản lý của chính quyền đô thị; ưu tiên phát triển một số đô thị thông minh.

Để thực hiện, Chính phủ đã đề ra 4 nhóm nhiệm vụ để thực hiện<sup>51</sup>. Đến nay, hầu hết các nhiệm vụ đã được triển khai thực hiện và

<sup>50</sup>Khoảng cách về tốc độ tăng trưởng giữa khu vực dịch vụ và GDP chung của nền kinh tế hiện nay chỉ ở mức dưới 1 điểm phần trăm. Trong khi đó, ở các nước phát triển, mức tăng trưởng các ngành dịch vụ cao gấp từ 1,8-2,2 lần mức tăng trưởng GDP; các nước có trình độ phát triển trung bình mức tăng trưởng các ngành dịch vụ cao gấp từ 1,1-1,7 lần mức tăng trưởng GDP.

<sup>51</sup>4 nhóm nhiệm vụ bao gồm(1) Ban hành Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Nghiên cứu khả năng tích hợp các quy hoạch phát triển cấp tỉnh vào các quy hoạch phát triển cấp vùng. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu lực thực thi các quy hoạch phát triển kinh tế vùng; đề xuất giải pháp nâng cao năng lực các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ trong chỉ đạo tổ chức thực hiện các quy hoạch phát triển vùng và chỉ đạo, giám sát liên kết, phối hợp phát triển giữa các địa phương trong vùng (2) Nghiên cứu, ban hành cơ chế cụ thể yêu cầu các địa phương trong vùng phối hợp xây dựng các đề án, thỏa thuận phối hợp, ưu tiên nguồn

bước đầu có kết quả. Luật Quy hoạch đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV. Đồng thời, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cũng đã được xây dựng;

Đánh giá bước đầu cho thấy, kinh tế vùng có chuyển dịch tích cực trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế so sánh từng vùng và tận dụng cơ hội từ thu hút đầu tư và mở rộng thị trường. Nhiều công trình hạ tầng mang tính chất kết nối vùng được hoàn thành, khai thác và đưa vào sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các hoạt động kinh tế, đẩy mạnh đô thị hóa cũng như tăng cường liên kết vùng. Các cực tăng trưởng, các lãnh thổ mang tính động lực tiếp tục phát huy vai trò đầu tàu và tạo tác động lan tỏa<sup>52</sup>.

Tuy nhiên, trong cơ cấu lại vùng kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế như khó khăn trong huy động nguồn lực cho phát triển vùng, nhất là cho kết cấu hạ tầng kết nối; việc thực hiện các quy hoạch phát triển vùng kinh tế nhìn chung có hiệu quả chưa cao, chưa phát triển được liên kết giữa các địa phương trong phát triển vùng. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng và quy hoạch ngành chưa quan tâm thỏa đáng đến chức năng từng vùng gắn với điều kiện kinh tế-xã hội vùng và với tổng thể quốc gia; tình trạng chênh lệch về mức sống, mức độ thụ hưởng các dịch vụ xã hội của người dân giữa các vùng và giữa các địa phương trong vùng; các hoạt động liên kết vùng còn cho

---

lực thực hiện thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp ban hành và thực hiện chính sách thu hút đầu tư, xúc tiến đầu tư, ưu tiên các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh. (3) Rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương và hình thành thể chế điều phối phát triển kinh tế theo vùng (4) Rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2020 - 2030 trong năm 2018; nghiên cứu, hoàn thiện mô hình quản lý phát triển đô thị, tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, phương thức quản lý của chính quyền đô thị và đẩy mạnh đào tạo cán bộ quản lý đô thị các cấp.

<sup>52</sup>Ban Chỉ đạo điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm và các Hội đồng vùng kinh tế được thành lập và đi vào hoạt động, tạo cơ chế trao đổi các vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội phục vụ liên kết giữa các địa phương; Quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 đã có tác dụng thúc đẩy các sáng kiến liên kết giữa các địa phương trong vùng; Ban Điều phối vùng duyên hải miền Trung tiếp tục là cơ chế kết nối 09 tỉnh duyên hải miền Trung trong phát triển.

thấy nhiều hạn chế về phạm vi và hiệu quả; hệ thống cơ chế, chính sách, luật pháp thúc đẩy liên kết vùng còn chưa được hoàn thiện.

## 2.5. Hình thành đồng bộ và phát triển các loại thị trường

### a) Phát triển thị trường tài chính

Nghị quyết 24 và các văn bản có liên quan xác định 8 mục tiêu phát triển thị trường tài chính, gồm 5 mục tiêu định lượng<sup>53</sup> và 3 mục tiêu định tính<sup>54</sup>. Để thực hiện, Nghị quyết 27 xác định giải pháp trọng tâm<sup>55</sup>, lồng ghép với các giải pháp khác về cơ cấu lại thị trường tài chính và các giải pháp cụ thể đã được nêu tại văn bản có liên quan<sup>56</sup>. Nhóm giải pháp trọng tâm kể trên đã được triển khai và đạt kết quả bước đầu.

Thế chế phát triển thị trường tài chính đã có bước hoàn thiện đáng kể. Nhiều văn bản để nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị và điều hành của các TCTD theo thông lệ quốc tế<sup>57</sup>; thúc đẩy phát

<sup>53</sup>Các mục tiêu định lượng gồm: (i) Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu khoảng 70% GDP; (ii) Dư nợ thị trường trái phiếu đạt 45% GDP; (iii) Doanh thu ngành bảo hiểm đạt tối thiểu 4% GDP; (iv) Dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 7% GDP vào năm 2020; (v) Đến năm 2020, tăng gấp 2 lần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập trong tổng thu nhập của các ngân hàng thương mại.

<sup>54</sup>Các mục tiêu định tính gồm: (i) Phát triển thị trường vốn đầu tư mạo hiểm, thị trường chứng khoán phát sinh và tín dụng tiêu dùng; (ii) Hoàn thiện bộ máy quản lý thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán đáp ứng yêu cầu phát triển mới; và (iii) Nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường tài chính.

<sup>55</sup>Giải pháp xây dựng Đề án phát triển cân bằng và toàn diện thị trường tài chính, bao gồm thị trường tiền tệ và thị trường vốn, thị trường vốn cổ phiếu và trái phiếu (bao gồm trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp); giữa dịch vụ tín dụng và các dịch vụ ngân hàng phi tín dụng; phát triển thị trường vốn đầu tư mạo hiểm.

<sup>56</sup>Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 06/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm"; Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 14/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020".

<sup>57</sup>Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thay thế Thông tư 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011.

triển các dịch vụ phi ngân hàng được ban hành<sup>58</sup>. Các văn bản pháp luật hướng dẫn tổ chức hoạt động của các tổ chức kinh doanh chứng khoán, hướng dẫn nghiệp vụ, cơ sở pháp lý cho tái cấu trúc tổ chức kinh doanh chứng khoán, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động của thị trường được ban hành.

Trên cơ sở thực hiện các giải pháp kể trên, đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển thị trường tài chính, có 4 mục tiêu dự kiến hoàn thành và 4 mục tiêu có khả năng hoàn thành đến năm 2020 (Bảng 8).

**Bảng 8: Tình hình thực hiện và khả năng hoàn thành các mục tiêu về cơ cấu lại thị trường tài chính**

TT	Mục tiêu 2020	Tình hình thực hiện	Đánh giá khả năng hoàn thành
	<b>Mục tiêu định lượng</b>		
1	Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu khoảng 70% GDP	Vốn hóa thị trường tăng từ 43,2% GDP năm 2016 lên 74,6% GDP năm 2017.	Hoàn thành
2	Dư nợ thị trường trái phiếu đạt 45% GDP	Tổng dư nợ toàn thị trường trái phiếu 2017 đạt 37,45% GDP (2016 khoảng 27,3% GDP)	Hoàn thành
3	Doanh thu ngành bảo hiểm đạt tối thiểu 4% GDP	Doanh thu ngành bảo hiểm năm 2017 ước đạt 105.611 tỷ đồng (2,1% GDP), tăng 21,2% so với năm 2016.	Khả năng hoàn thành
4	Dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 7% GDP vào năm 2020	Giai đoạn 2012-2017, tăng trưởng thị trường bình quân đạt khoảng 38%. Dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2016 đạt 5,27% GDP <sup>16</sup> ; năm 2017 đạt khoảng 6,99% GDP <sup>17</sup> .	Hoàn thành

<sup>58</sup>Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/2/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: thuế, điện, nước sinh hoạt, học phí, viện phí, chi trả các chương trình an sinh xã hội; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;...



5	Đến năm 2020, tăng gấp 2 lần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các ngân hàng thương mại	Giai đoạn 2015-2017, doanh thu dịch vụ ngân hàng tăng bình quân 35%/năm, năm 2017 tăng 48%. <sup>18</sup> 6 tháng đầu năm 2018, nhiều ngân hàng đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ phi ngân hàng cao (trên 30%) so với cùng kỳ năm 2017 như: Sacombank, MB, ACB, VIB, TPBank. <sup>19</sup>	Hoàn thành
<b>Mục tiêu định tính</b>			
1	Phát triển thị trường vốn đầu tư mạo hiểm, thị trường chứng khoán phái sinh và tín dụng tiêu dùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối năm 2017, hơn 40 quỹ đầu tư mạo hiểm lớn hoạt động tại Việt Nam<sup>20</sup>.</li> <li>- Thị trường chứng khoán phái sinh được thành lập năm 2017 và phát triển mạnh mẽ<sup>21</sup>.</li> <li>- Đến cuối năm 2017 đã đạt khoảng 1,1 triệu tỷ đồng (gấp 4,8 lần năm 2012), chiếm khoảng 18% tổng dư nợ của nền kinh tế. Tuy nhiên, việc quản lý rủi ro tín dụng đang gặp khó khăn.<sup>22</sup></li> </ul>	Khả năng hoàn thành
2	Hoàn thiện bộ máy quản lý thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán đáp ứng yêu cầu phát triển mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã trình Thủ tướng Chính phủ Đề án hợp nhất 02 Sở giao dịch chứng khoán</li> <li>- Cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động của thị trường chứng khoán được hiện đại hóa: Xây dựng trung tâm cơ sở dữ liệu xử lý chính; Trung tâm dữ liệu dự phòng; Trung tâm lưu ký chứng khoán xây dựng mô hình thanh toán theo cơ chế bù trừ đối tác trung tâm</li> </ul>	Khả năng hoàn thành

3	Nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 2017, tổng giá trị niêm yết trên thị trường chứng khoán đạt gần 959 nghìn tỷ đồng, tăng 30% so với 2016.</li> <li>- Chưa xuất hiện những đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp lớn.</li> <li>- Kỳ hạn phát hành bình quân TPCP đạt 13,5 năm (năm 2016: 8,7 năm); tỷ lệ trúng thầu TPCP kỳ hạn trên 10 năm bình quân đạt trên 80%; Lãi suất phát hành TPCP giảm ở tất cả các kỳ hạn so với cuối năm 2016 với mức giảm từ 0,6%-1,9%/năm.</li> <li>- Tổng tài sản toàn thị trường bảo hiểm đến hết năm 2017 ước đạt 302.935 tỷ đồng (tăng 23,44% so với năm 2016), tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 247.801 tỷ đồng, tăng 26,74% so với năm 2016.</li> </ul>	Khả năng hoàn thành
---	--	---	---------------------

Nhìn chung, quy mô các loại thị trường tài chính đã có sự điều chỉnh hợp lý hơn giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn<sup>59</sup>, thị trường vốn cổ phiếu và trái phiếu<sup>60</sup>, thị trường trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp<sup>61</sup>, giữa dịch vụ tín dụng và các dịch vụ ngân hàng phi tín dụng<sup>62</sup>. Các thị trường tài chính mới được hình thành và phát triển mạnh mẽ gồm: thị trường vốn đầu tư mạo hiểm, thị trường chứng khoán phái sinh và thị trường tín dụng tiêu dùng. Hiệu quả hoạt động của thị trường tài chính nhìn chung đã có sự cải thiện.

<sup>59</sup>Mức vốn hóa thị trường chứng khoán tăng nhanh từ 43,2% GDP năm 2016 lên 74,6% GDP năm 2017

<sup>60</sup>Tổng dư nợ thị trường trái phiếu tăng mạnh từ mức 27,3% GDP năm 2016 lên 37,45% GDP năm 2017

<sup>61</sup>Dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp tăng từ 5,27% GDP năm 2016 lên 6,99% GDP năm 2017. Quy mô thị trường trái phiếu chính phủ đến cuối tháng 6/2018 đạt 28,74%.

<sup>62</sup>Giai đoạn 2015-2017, doanh thu dịch vụ ngân hàng tăng bình quân 35%/năm, năm 2017 tăng 48%. Nguồn: Theo thống kê doanh thu dịch vụ ngân hàng từ 20 ngân hàng thương mại cổ phần: BIDV, Vietcombank, Techcombank, Vietinbank, Sacombank, MBbank, VPbank, ACB, SHB, Eximbank, VIB, Maritime bank, TPbank, HDBank, ABBank, LienVietPostbank, BacAbank, KienlongBank, NCB, Vietbank, VietAbank.

Tuy nhiên, một số thị trường tài chính phát triển nhanh cũng đặt ra các vấn đề trong quản lý rủi ro đối với các tổ chức tài chính, cơ quan quản lý nhà nước và cả khách hàng. Trước sự phát triển của thị trường tín dụng tiêu dùng, NHNN đã chủ động, tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và giám sát tình hình hoạt động của các công ty tài chính tín dụng tiêu dùng; kịp thời có các văn bản cảnh báo, chấn chỉnh hoạt động cấp tín dụng, xác định lãi suất, quy trình thu hồi nợ để ngăn ngừa hành vi gian lận, vi phạm các quy định của pháp luật về cho vay tiêu dùng, bảo đảm quyền lợi hợp của bảo đảm các khách hàng và an toàn trong hoạt động cho vay. Công tác theo dõi, ứng phó biến động trên thị trường chứng khoán còn một số hạn chế, đặc biệt trong giai đoạn đầu năm 2018 (thị trường biến động mạnh).

#### b) Cơ cấu lại thị trường đất đai

Nghị quyết 24 và các văn bản liên quan đề ra mục tiêu đến 2020 cần thực hiện các nhiệm vụ: (i) Tổng kết tính hiệu quả của các mô hình trong thực tiễn, rút ra bài học về tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới để xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp; (ii) Khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp; (iii) Thiết lập khung pháp lý cho thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp về quyền sử dụng đất, nhất là với đất nông nghiệp.

Để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Chính phủ đã đề ra các nhóm nhiệm vụ đến 2020, bao gồm: Tổ chức sơ kết đánh giá việc tổ chức thi hành Luật Đất đai; đánh giá tác động của các chính sách đất đai đối với phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. Đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về đất đai, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với các pháp luật khác có liên quan; thúc đẩy phát triển thị trường quyền sử dụng đất; tạo điều kiện tích tụ, tập trung đất đai, phát huy nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt là việc sản xuất nông nghiệp theo mô hình tập trung quy mô lớn, nông nghiệp công nghệ cao; tạo điều kiện thuận lợi

cho các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài) tiếp cận đất đai để thực hiện đầu tư sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước nhưng phải đảm bảo quản lý chặt chẽ, khai thác hiệu quả và không để thất thoát đất đai của Nhà nước; khắc phục tình trạng khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến đất đai, đặc biệt là đối với công tác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Khẩn trương đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các quy định gây khó khăn, vướng mắc về môi trường đầu tư, kinh doanh.

Đến nay, hầu hết các nhiệm vụ đang được triển khai và bước đầu có những kết quả. Thị trường bất động sản nói chung, thị trường quyền sử dụng đất nói riêng đã hình thành và hoạt động mạnh mẽ, ngày càng công khai minh bạch hơn, có hiệu quả, huy động được nguồn vốn cho phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt là tại các địa phương có phát triển mạnh về công nghiệp, đô thị, du lịch và dịch vụ; Cùng với đó, công tác quản lý đất đai đã có nhiều chuyển biến. Tới nay, cả nước đã lập bản đồ địa chính đạt trên 76% tổng diện tích tự nhiên, đã hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đạt trên 96,9% tổng diện tích các loại đất cần cấp; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được đổi mới, bảo đảm thị trường phát triển có định hướng, khắc phục được tình trạng phát triển tự phát.

Các giao dịch trên thị trường bất động sản cơ bản đã được kiểm soát, do đất đai đã được cấp Giấy chứng nhận và pháp luật về đất đai có đầy đủ quy định khi chuyển quyền phải làm thủ tục đăng ký giao dịch với các cơ quan quản lý nhà nước. Hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước được nâng cao, thủ tục hành chính được cải cách và rút ngắn, các dịch vụ hỗ trợ thị trường được quan tâm và phát triển đã tạo động lực tốt cho thị trường ngày càng phát triển.

Tuy nhiên, thị trường bất động sản nói chung, thị trường quyền sử dụng đất nói riêng đặc biệt là thị trường đất nông nghiệp một số nơi vẫn chưa phát triển. Thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp

tồn tại nhiều bất cập, gây khó khăn cho việc tập trung và tích tụ ruộng đất. Diện tích đất nông nghiệp trung bình chỉ đạt 0,18 ha/thửa, diện tích đất sản xuất nông nghiệp bình quân 1 hộ có sử dụng đạt 0,58 ha<sup>63</sup>. Tính minh bạch của thị trường bất động sản còn hạn chế; không minh bạch giữa chi phí đầu tư ban đầu và giá thành sản phẩm, làm cho thị trường bị thao túng, khó kiểm soát, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và xã hội; vai trò của Nhà nước trong điều kiện kinh tế thị trường chưa được thực hiện đầy đủ, hiệu lực hiệu quả quản lý còn thấp. Tình trạng khiếu nại, khiếu kiện kéo dài liên quan đến đất đai còn diễn ra phổ biến ở hầu hết các địa phương. Còn nhiều rào cản cản về thể chế, chính sách ràng buộc và hạn chế sự hình thành và phát triển của thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp, dẫn đến tình trạng sử dụng đất nông nghiệp kém hiệu quả ở nhiều địa phương và doanh nghiệp hạn chế đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Đất đai là nguồn lực lớn cho tăng trưởng, phát triển nhưng nguồn lực này chưa được phân bổ hiệu quả theo tín hiệu thị trường, tạo nên rào cản lớn cho cơ cấu lại nền kinh tế.

### c) Cơ cấu lại thị trường lao động

Nghị quyết 24 và các văn bản liên quan đưa ra mục tiêu: nâng cao rõ nét chất lượng giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Tập trung phát triển và có giải pháp mở rộng, phân luồng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu việc làm; có chính sách ưu tiên đào tạo nhân lực ngành kỹ thuật, công nghệ; đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo hướng tăng nội dung thực hành, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế và có giải pháp mở rộng, phân luồng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu việc làm; có chính sách ưu tiên đào tạo nhân lực ngành kỹ thuật, công nghệ.

Để thực hiện, Chính phủ đã đề ra nhiều biện pháp bao gồm: Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động năm 2012, trình Quốc hội ban hành giai đoạn 2018-2019; Nghiên cứu sửa

<sup>63</sup>Theo số liệu chính thức kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016.

đối, bổ sung pháp luật về lao động, hộ khẩu, quyền sử dụng đất nông nghiệp và quyền tiếp cận dịch vụ công, tạo thuận lợi cho việc định cư và dịch chuyển lao động trong nước. Đến nay, các nhiệm vụ đều đang được thực hiện và đã có những kết quả nhất định<sup>64</sup>.

Đánh giá kết quả bước đầu cho thấy, cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế trong thị trường lao động đã có sự dịch chuyển theo hướng tích cực. Nếu năm 2015, tỷ trọng lao động các khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp và xây dựng; dịch vụ tương ứng là 44%; 22,8%; 33,2% thì đến nay cơ cấu này đã có sự dịch chuyển theo xu hướng giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng trong ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Năm 2017, tỷ trọng lao động của các khu vực này lần lượt là 40,2%; 25,7%; 34,1%.

Trong giai đoạn 2016-2018, tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động; tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo nhu cầu thị trường lao động, kết nối cung cầu lao động trên thị trường; vận hành và quản trị Trung tâm tích hợp dữ liệu thị trường lao động; hướng dẫn các địa phương sử dụng phần mềm cung-cầu lao động; tăng cường cập nhật hệ thống thông tin thị trường lao động tìm việc-tìm người; tổ chức thu thập, cung cấp thông tin về việc làm, người tìm việc.

---

<sup>64</sup>Pháp luật về lao động tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 93/NQ-CP ngày 26/9/2017 về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân theo Đề án 896 thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Pháp luật về lao động tiếp tục được sửa đổi với việc xây dựng 13 đề án trong chương trình công tác năm 2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (kế hoạch là 14 đề án), 24 thông tư hướng dẫn theo thẩm quyền và 12 đề án ngoài kế hoạch hoạt động của bộ.

Chính phủ đã xây dựng chương trình bãi bỏ các thủ tục về sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân trong quản lý dân cư (Nghị quyết 112/NQ-CP ngày 30/10/2017). Chính phủ đã thực hiện đơn giản hóa hàng chục thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư. Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, xem xét sửa đổi Nghị định 123/2015/NĐ-CP liên quan đến quản lý hộ tịch, nhằm tạo thuận lợi cho người dân. Đến hết tháng 6/2017, Bộ Tư pháp đã mở rộng triển khai Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch cho công chức tư pháp hộ tịch trên địa bàn 6 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, pháp luật về quản lý hộ tịch đến nay vẫn còn nhiều quy định khó khăn cho người dân, đặc biệt liên quan đến hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

Triển khai Dự án phát triển thị trường lao động và việc làm thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm an toàn lao động giai đoạn 2016-2020; Dự án “Phát triển mạng thông tin dịch vụ việc làm Việt Nam (worknet). Tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động, đặc biệt là các đối tượng lao động đặc thù như lao động trong độ tuổi thành niên, lao động là người khuyết tật, lao động nông thôn, lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, lao động di cư, lao động di cư, lao động là người dân tộc thiểu số, phụ nữ,... Hệ thống giáo dục nghề nghiệp đang được rà soát, sắp xếp và có nhiều chuyển biến quan trọng, Chất lượng việc làm dần được cải thiện, lao động làm việc trong khu vực phi chính thức dần dịch chuyển sang khu vực chính thức, đưa tỷ lệ lao động làm công hưởng lương trên tổng số người có việc làm cuối quý 1/2018 đạt 43,25%.

Tỷ lệ thất nghiệp của dân số từ 15 tuổi trở lên của Việt Nam trong 3 năm trở lại đây luôn được giữ ổn định và ở mức thấp, khoảng 2,1%. Giai đoạn 3 năm 2016 -2018 ước tạo việc làm cho trên 4.900 nghìn người, đạt 61,3-65,2% kế hoạch 5 năm 2016-2020; Trong đó (i) Tạo việc làm trong nước cho khoảng 4.520 nghìn người, đạt 60,3%-64,6% kế hoạch 5 năm; (ii) đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gần 381 nghìn người, đạt 76,15% kế hoạch 5 năm. Tỷ lệ mỗi giới được tạo việc làm duy trì ở mức trên 48%.

Tuy nhiên, thị trường lao động Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. (i) Chuyển dịch cơ cấu lao động chậm, không theo kịp chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Lao động chủ yếu làm việc trong khu vực nông nghiệp, khu vực phi chính thức, năng suất thấp. (ii) Chất lượng việc làm thấp, lao động tự làm việc, lao động gia đình không hưởng lương và lao động làm việc trong các cơ sở sản xuất kinh doanh chính thức, vẫn là ba nhóm lao động chủ đạo của nền kinh tế; (iii) Chất lượng lao động còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, cơ cấu ngành nghề đào tạo còn nhiều bất cập. Còn thiếu nghiêm trọng lao động kỹ thuật có trình độ cao, lao động trong một số ngành công

ng nghiệp mới; kỹ năng, tay nghề, thể lực và tác phong công nghiệp còn yếu kém nên khả năng cạnh tranh của lao động Việt Nam thấp. Theo số liệu điều tra lao động-việc làm hàng quý của Tổng cục Thống kê, đến hết quý IV/2017, tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm 44,7% tổng số lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật (quý IV/2016 là 43,5%). Tỷ lệ tương quan giữa trình độ đại học trở lên với cao đẳng- trung cấp chuyên nghiệp- dạy nghề quý IV/2017 là 1: 0,35: 0,54: 0,35 (tỷ lệ này hết quý IV/2016 là 1: 0,35: 0,56: 0,39). (iv) Khả năng tạo việc làm của nền kinh tế hạn chế, sức ép về việc làm, nhất là việc làm theo hướng bền vững và việc làm cho thanh niên, lao động nông thôn. Thiếu hệ thống các chính sách giải quyết việc làm hiệu quả cho các nhóm đối tượng đặc thù; (v) Phân bố lao động theo vùng lãnh thổ và theo vùng địa lý kinh tế còn bất hợp lý. Vẫn còn tình trạng mất cân đối cung cầu lao động cục bộ giữa các vùng, các khu vực, ngành nghề kinh tế. Trong khi cung lao động lớn, song vẫn có không ít doanh nghiệp gặp khó khăn trong tuyển dụng lao động, không chỉ lao động qua đào tạo mà còn khó khăn trong tuyển dụng lao động phổ thông. (vi) Hệ thống đào tạo nghề hoạt động chưa hiệu quả dẫn đến việc thực hiện mục tiêu đến năm 2020 có khoảng 40 trường nghề chất lượng cao được ASEAN-4 hoặc quốc tế chấp nhận khó hoàn thành<sup>65</sup>.

#### d) Cơ cấu lại thị trường khoa học và công nghệ

Nghị quyết 24 và các văn bản liên quan đưa ra nhiệm vụ xây dựng các giải pháp tăng giá trị giao dịch của thị trường khoa học và công nghệ hàng năm, số lượng sáng chế đăng ký bảo hộ giai đoạn 2016-2020 cao gấp 2 lần so với giai đoạn 2011-2015, trong đó tăng

---

<sup>65</sup>Theo Báo cáo Sơ kết 03 năm thực hiện Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao và phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2020 của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội năm 2017, đánh giá 45 trường nghề được lựa chọn ưu tiên đầu tư xây dựng trường chất lượng cao, mới có 01 trường (Trường Cao đẳng công nghệ quốc tế LILAMA 2 - Bộ Xây dựng) tự đánh giá đạt 100% tất cả 06 tiêu chí quy định tại Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2017, năm 2018 phần đầu được đánh giá, công nhận thành trường chất lượng cao. Mục tiêu đến năm 2018 có khoảng 15 trường được kiểm định, đánh giá, công nhận đạt tiêu chí của trường nghề chất lượng cao không đạt theo kế hoạch.



nhANH số lượng sáng chế được tạo ra từ các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia.

Trong giai đoạn 2016-2018, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khoa học và công nghệ tiếp tục được hoàn thiện (Luật Chuyển giao công nghệ sửa đổi được ban hành năm 2017 và các văn bản có liên quan) và đổi mới phương thức quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tạo hành lang pháp lý rộng mở, bình đẳng đối với mọi thành phần công lập, ngoài công lập, nhà khoa học Việt Nam trong nước và ngoài nước tham gia hoạt động khoa học và công nghệ<sup>66</sup>. Nhiều thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại được ứng dụng nhanh chóng và rộng rãi trong các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, thông tin, xây dựng<sup>67</sup>,... Hoạt động xúc tiến hỗ trợ tìm kiếm, trao đổi, chuyển giao công nghệ được đẩy mạnh. Các quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, quỹ đổi mới công nghệ quốc gia đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và thông tin khoa học và công nghệ có bước phát triển.

Thị trường khoa học và công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh phát triển và bước đầu phát huy vai trò cầu nối, gắn kết hoạt động khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh. Hệ thống bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ ngày càng hoàn thiện, phục vụ đắc lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và bảo vệ kết quả hoạt

<sup>66</sup>Đến hết năm 2017, cả nước có 3.836 tổ chức đăng ký hoạt động KH&CN, trong đó có 1.794 tổ chức công lập và 2.042 tổ chức ngoài công lập, trung bình mỗi năm có thêm khoảng 300 tổ chức đăng ký hoạt động KH&CN. Hiện nay cả nước có gần 168.000 người tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển, trong đó khu vực nhà nước có 141.000 người (84%), ngoài nhà nước 23.000 người (14%), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có khoảng 3.500 người (2%). Tổng số cán bộ nghiên cứu toàn thời gian của Việt Nam có gần 63.000 người (7 người /vạn dân).

<sup>67</sup>Đóng góp trên 30% giá trị gia tăng trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và 38% giá trị gia tăng trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, giám tỷ lệ giống cây trồng phải nhập khẩu chỉ còn khoảng 20% (so với tỷ lệ 70% của những năm 2000); Mức độ cơ giới hóa nông nghiệp tiếp tục được gia tăng với số lượng máy móc, thiết bị trong sản xuất nông nghiệp năm 2017 tăng 1,5-2 % so với năm 2016; Tỷ lệ cơ giới hóa trong khai thác hầm lò tăng vượt bậc từ 10% lên 80% trong những năm quaz; 95% dân số được cung cấp vùng phù sống 4C; Đã nghiên cứu và sản xuất thành công 10/11 loại Vắc xin phục vụ tốt các Chương trình tiêm chủng mới rộng và tiếp kiệm ngân sách nhà nước hàng ngàn tỷ đồng mỗi năm.

động sáng tạo phù hợp với cam kết quốc tế.<sup>68</sup> Các cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, đổi mới công nghệ đã có những tác động tích cực giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm dịch vụ.

Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia bắt đầu hình thành và đang phát triển nhanh, tạo ra một thể hệ doanh nghiệp mới, kinh doanh trên khai thác tài sản trí tuệ và đủ năng lực tiếp cận thị trường toàn cầu. Cơ chế, chính sách<sup>69</sup> và các hoạt động<sup>70</sup> phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo càng hoàn thiện. Tăng cường công tác truyền thông về Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Tuy nhiên, thị trường khoa học và công nghệ phát triển còn chậm, còn ít các tổ chức trung gian có uy tín, kinh nghiệm trong hoạt động kết nối cung-cầu. Nguồn cung công nghệ của thị trường còn hạn chế, đổi mới công nghệ chưa trở thành nhu cầu cấp bách của doanh nghiệp. Việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các kết quả phát triển công nghệ từ nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước cho doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong việc định giá, xác định phương thức chuyển giao để tạo thành sản phẩm, hàng hóa cung cấp cho thị trường. Đầu tư của xã hội, nhất là của doanh nghiệp cho khoa học và công nghệ vẫn thấp so với tiềm năng, năng lực hấp thụ công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trong nước còn thấp.

---

<sup>68</sup>Ngày 10/7/2018, Tại New York, Mỹ, Tổ chức Sở hữu Trí tuệ thế giới (WIPO) đã công bố báo cáo về xếp hạng Chỉ số đổi mới toàn cầu (GII) năm 2018. Việt Nam được xếp hạng 45/126 quốc gia và nền kinh tế, tăng 02 vị trí so với năm 2017. Đây là thứ hạng cao nhất của Việt Nam từ trước đến nay.

<sup>69</sup>Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 76/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; Quyết định số 939/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025; Quyết định số 1665/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp”.

<sup>70</sup>Vận hành khai thác và phát triển Cổng Thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; Triển khai xây dựng hệ thống phần mềm quản lý Đề án và xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới và sáng tạo Việt Nam.

Chi phí đầu tư cho đổi mới khoa học công nghệ, nghiên cứu và phát triển (quy mô cầu thị trường) của doanh nghiệp chỉ chiếm bình quân khoảng 0,3% doanh thu, thấp hơn nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện đổi mới và ứng dụng công nghệ, đặc biệt là các công nghệ tiên tiến theo xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

## 2.6. Các hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng

a) Các hạn chế trong cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng

Nhìn chung, cơ cấu lại kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng đã đi vào thực chất hơn, tạo ra các chuyển biến quan trọng và rõ nét. Tuy nhiên, cơ cấu lại nền kinh tế vẫn đối mặt với không ít khó khăn và thách thức:

- *Cơ cấu lại nền kinh tế chưa đạt được tiến bộ mạnh mẽ trong lĩnh vực hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường.* Môi trường kinh doanh được cải thiện chủ yếu ở lĩnh vực điều kiện gia nhập thị trường. Hệ sinh thái hỗ trợ, nuôi dưỡng doanh nghiệp phát triển, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân, chưa có nhiều tiến bộ. Khu vực doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn yếu thế trong quá trình phân bổ nguồn lực vật chất so với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI. Những bất cập thể chế về đất đai, quyền tài sản bao gồm giao dịch đảm bảo, xử lý tài sản thế chấp, thủ tục phá sản... vẫn chậm được giải quyết. Đây vẫn là những trở ngại lớn cản trở lực lượng sản xuất phát triển.

- *Mô hình tăng trưởng chưa thay đổi bền vững.* Tăng NSLĐ thời gian qua chủ yếu do tăng cường độ vốn, đóng góp của TFP vào tăng trưởng NSLĐ còn thấp và chưa bền vững. Cơ cấu các nguồn lực, đặc biệt bao gồm lao động, vốn và tài nguyên, chưa được dịch chuyển mạnh đến các ngành và khu vực kinh tế có năng suất lao động và hiệu quả cao.

Nền kinh tế tiếp tục có nguy cơ rơi vào “bẫy thu nhập trung bình” và có nguy cơ tụt hậu trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

- *Mức độ phụ thuộc vào khu vực kinh tế nước ngoài chưa giảm.* Nền kinh tế tiếp tục có độ mở cửa rất cao đo bằng tỷ lệ xuất nhập khẩu trên GDP. Vốn đầu tư khu vực FDI năm 2017 chiếm 24% tổng vốn đầu tư xã hội và khoảng 71-72% kim ngạch xuất khẩu so với 68,5% năm 2015<sup>71</sup>.

b) Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trong cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng

Bên cạnh các kết quả đạt được, quá trình cơ cấu lại nền kinh tế vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Các hạn chế này bao gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Cụ thể như sau:

- Nguyên nhân khách quan:

Những tồn tại, hạn chế trong cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng trong năm 2017 do một số nguyên nhân khách quan sau:

*Một là,* bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Năm 2017, bối cảnh quốc tế có nhiều yếu tố rủi ro như bất ổn địa chính trị; xu thế chuyển sang các chính sách hướng nội, thậm chí tiến tới chủ nghĩa bảo hộ, và chủ trương đưa sản xuất về trong nước của một số nước phát triển. Các yếu tố này đã tác động không nhỏ đến tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, điển hình là việc TPP không thành hiện thực<sup>72</sup>. Điều này đã phần nào hạn chế cơ hội của Việt Nam nhằm phát huy các nguồn lực bên ngoài cho cải cách kinh tế trong nước, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu nền kinh tế, mô hình tăng trưởng.

---

<sup>71</sup>Nếu tách dầu thô và điện tử, xuất khẩu của khu vực trong nước tăng nhanh hơn cho thấy khu vực trong nước chuyển biến khá.

<sup>72</sup>Sau khi Mỹ rút khỏi TPP, các quốc gia thành viên còn lại đã ký kết CPTPP, tuy nhiên, nhiều điều khoản có tính chất “mới” của TPP như quy định về sở hữu trí tuệ, xuất xứ hàng hóa, giải quyết tranh chấp đã tạm hoãn áp dụng.

*Hai là*, nhiều vấn đề quan trọng của cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng là những vấn đề dài hạn của nền kinh tế, trong khi thời gian thực hiện Nghị quyết 27 còn ngắn, một số chính sách đã được ban hành nhưng chưa triển khai hoặc đã triển khai nhưng chưa có kết quả rõ rệt. Các vấn đề như cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, DNNN, đầu tư công; thay đổi mạnh mẽ nền nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trong nước theo hướng hiện đại, hiệu quả, giá trị gia tăng cao là những vấn đề lớn của nền kinh tế, cần thời gian dài để các chính sách phát huy hiệu quả.

*Ba là*, cách mạng công nghiệp 4.0 đang nổi lên mạnh mẽ với nhiều thách thức mới và to lớn trong đổi mới tư duy, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ với nhiều công nghệ mới, hình thức kinh doanh mới như dịch vụ chia sẻ xe, dịch vụ chia sẻ nhà ở, các công nghệ mới trong sản xuất, kinh doanh. Đây là những vấn đề mới, cần tư duy quản lý và thể chế quản lý mới. Do vậy, đặt ra thách thức cho Việt Nam trong hoàn thiện các quy định nhằm quản lý tốt những vấn đề này.

- Nguyên nhân chủ quan:

*Một là*, định hướng ưu tiên về cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng còn chưa được quán triệt xuyên suốt và nhất quán ở các bộ, ngành và địa phương. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm chưa tập trung đủ mức vào việc đạt được các chỉ tiêu chất lượng tăng trưởng, dẫn đến các giải pháp điều hành chưa có tính dài hạn, chưa tập trung vào mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng.

*Hai là*, thiếu hệ thống chỉ tiêu chất lượng tăng trưởng (năng suất, hiệu quả, cải thiện thể chế, chi phí doanh nghiệp, kết quả hoạt động của khu vực tư nhân, ổn định tài chính, v.v.) và cơ chế giám sát chất lượng tăng trưởng và đổi mới mô hình tăng trưởng. Chính sách đúng đắn chỉ phát huy tác dụng nếu có cơ chế giám sát thực hiện có

hiệu lực (mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có thể lượng hóa, giám sát chỉ đạo thực hiện quyết liệt thông qua mô hình tổ công tác chuyên trách).

*Ba là*, mặc dù đã có cải thiện nhưng sự gắn kết giữa kết quả triển khai chủ trương, chính sách đổi mới mô hình tăng trưởng với trách nhiệm người đứng đầu vẫn còn chưa cao. Với những chỉ đạo và định hướng đã được nêu nhất quán tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, tốc độ cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng sẽ phụ thuộc chủ yếu vào khâu triển khai, thực thi chính sách mà ở đó người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương có vai trò đặc biệt quan trọng.

### III. GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2019-2020

#### 1. Bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước

##### 1.1. Bối cảnh kinh tế thế giới

- Tăng trưởng kinh tế thế giới kém đồng đều hơn khi tăng trưởng ở một số nền kinh tế đã đạt “đỉnh” và bắt đầu chậm lại (Mỹ giữ tăng trưởng khá tích cực, đạt 2,9% năm 2018 và 2,7% năm 2019. Khu vực EU là 2,2%. Nhật Bản chỉ tăng trưởng khoảng 1% trong năm 2018-2019. Các nền kinh tế đang nổi ở Châu Á dự báo tiếp tục tăng trưởng khá mạnh với tốc độ 6,5% năm 2018-2019, trong đó Trung Quốc tăng trưởng 6,6% năm 2018 và 6,4% năm 2019; Ấn Độ tiếp tục tăng trưởng khá mạnh với tốc độ 7,3% năm 2018 và 7,5% trong năm 2019).

- Nhiều yếu tố bất trắc gia tăng: (i) *Điều kiện tài chính toàn cầu* đang kém thuận lợi hơn. (ii) *Xung đột thương mại* giữa các nền kinh tế lớn, nhất là Mỹ và Trung Quốc leo thang, làm xói mòn lòng tin, gia tăng tính bất ổn, làm suy yếu động cơ thúc đẩy đầu tư, tác động mạnh đến chuỗi sản xuất toàn cầu. (iii) *Các rủi ro địa chính trị*, nhất là diễn biến phức tạp của các điểm nóng địa - chính trị, các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là thiên tai và thời tiết cực đoan diễn ra thường xuyên hơn với mức độ tác động, thiệt hại lớn hơn.

- Tác động của chiến tranh thương mại, IMF đánh giá kịch bản xấu nhất khi xảy ra chiến tranh thương mại toàn diện, GDP toàn cầu có thể giảm khoảng 0,5% GDP, tương đương thiệt hại khoảng 430 tỷ

USD; trường hợp kéo dài hơn một năm có thể khiến kinh tế Mỹ suy thoái. Bên cạnh đó, Mỹ đã chính thức công bố danh mục các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc (trị giá 34 tỷ USD) để áp thuế bổ sung 25 điểm phần trăm từ tháng 6/7/2018, và đe dọa sẽ mở rộng diện áp thuế nếu Trung Quốc có động thái trả đũa. Đáp lại, Trung Quốc vẫn tuyên bố sẽ áp thuế 25% với 659 mặt hàng xuất khẩu của Mỹ có giá trị tương đương. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ với EU và Canada cũng chưa hạ nhiệt. Oxford Economics đánh giá những căng thẳng này có thể làm thương mại toàn cầu giảm 4%, và tăng trưởng GDP toàn cầu giảm 0,4 điểm phần trăm.

- Giá hàng hóa thế giới tăng nhẹ. Giá dầu thế giới biến động liên tục, dù giữ xu hướng tăng. Tính từ đầu năm, giá dầu thô WTI đã tăng khoảng 23%. Các yếu tố hỗ trợ giá dầu gồm: (i) tình hình căng thẳng tại Trung Đông; (ii) nhu cầu tiêu thụ tăng; và (iii) nhiều rủi ro với nguồn cung.<sup>73</sup> Giá vàng thế giới giảm mạnh<sup>74</sup> trong bối cảnh FED có thể tiếp tục tăng lãi suất và xu hướng trú ẩn vào đồng USD rõ nét hơn do lo ngại về chiến tranh thương mại. (iv) Thu hút FDI của các nền kinh tế phát triển và chuyển đổi giảm mạnh (lần lượt giảm 37% và 27%). FDI vào các nền kinh tế đang phát triển vẫn ổn định, đặc biệt là ở châu Á (chiếm tới 33%). FDI toàn cầu dự báo có thể tăng 10% trong năm 2018 nhờ tăng trưởng GDP, thương mại và giá hàng hóa, điều chỉnh chính sách công nghiệp và đầu tư tại nhiều nền kinh tế; v.v. Tuy nhiên, những căng thẳng địa chính trị, xung đột thương mại giữa các nền kinh tế chủ chốt, v.v. có thể làm tăng bất định đối với lưu chuyển vốn FDI toàn cầu. - Hội nhập kinh tế thế giới có thêm một số ít chuyển biến. Tiến trình phê chuẩn Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã được thúc đẩy tại nhiều nền kinh tế thành viên: Mexico là nước đầu tiên phê chuẩn Hiệp định

---

<sup>73</sup>Sản lượng dầu của Venezuela có thể tiếp tục thu hẹp, dự trữ dầu thô của Mỹ giảm mạnh, một số dàn khoan tại Mỹ và mỏ dầu ở Canada đóng cửa, v.v.

<sup>74</sup>Chốt phiên 29/6/2018 chỉ còn 1.251,59 USD/ounce, giảm 8,1% so với mức đỉnh ngày 25/1/2018.



vào 24/4/2018; Nhật Bản đã thông qua Luật về CPTTP ngày 29/6; Canada cũng khởi động tiến trình phê chuẩn. Đàm phán RCEP có thể đạt kết quả đáng kể vào cuối 2018, sau tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng thương mại các nước thành viên diễn ra vào 1-2/7/2018. Đàm phán NAFTA chưa kết thúc trong tháng 5 như kỳ vọng trước đó.

## 1.2. Bối cảnh kinh tế trong nước

- Năm 2018, Chính phủ vẫn kiên định duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao chất lượng tăng trưởng, song song với tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật, cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân,...

- Một số điều luật quan trọng được thông qua, ban hành và có hiệu lực trong năm 2018, bao gồm:

+ Quốc hội đã thông 7 dự án Luật, bao gồm: Luật Quốc phòng; Luật Cạnh tranh (sửa đổi); Luật An ninh mạng; Luật Tố cáo; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; Luật Đo đạc và Bản đồ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến Luật Quy hoạch.

+ Luật Cạnh tranh (sửa đổi) đã mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với hành vi hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế, gây tác động hoặc có ảnh hưởng đến hạn chế cạnh tranh tại thị trường Việt Nam; thay đổi cách tiếp cận để kiểm soát hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh; lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền; tập trung kinh tế và hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

+ Luật Quản lý nợ công (sửa đổi) đã đi vào thực thi từ ngày 1/7/2018. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 về việc lập, quản lý và sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ để xử lý rủi ro đối với các khoản cho vay lại và bảo lãnh của Chính phủ. Tuy nhiên, một số nội dung vẫn cần tiếp tục được hướng dẫn, trong đó có nghiệp vụ quản lý nợ công, quy định về huy động và sử dụng vốn ODA và vốn vay nước ngoài, v.v.

- Báo cáo triển vọng Kinh tế thế giới công bố tháng 7/2018, IMF cho rằng các động lực phát triển kinh tế của Việt Nam tiếp tục duy trì trong năm 2018 do được hỗ trợ bởi nỗ lực cải cách và cam kết ổn định kinh tế vĩ mô. Tăng trưởng của Việt Nam dự báo đạt 6,6% vào năm 2018; lạm phát dưới 4%. Nếu duy trì tiến độ cải cách như hiện nay, tăng trưởng của Việt Nam hoàn toàn có khả năng đạt 6,5% sau năm 2018. Đặc biệt, Standard Chartered dự báo, kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ ở mức 7% năm 2018, nhờ sự tăng tốc cùng lúc của các động lực trong nước, trong đó lĩnh vực xây dựng và sản xuất tiếp tục có mức tăng trưởng cao nhất. Dòng vốn FDI vào lĩnh vực sản xuất duy trì ở mức cao và thặng dư thương mại ở mức vừa phải đến cuối năm nhờ xuất khẩu tăng trưởng mạnh trong khi nhập khẩu chậm lại.

- Chỉ số phát triển bền vững năm 2018 (SDG Index 2018) mới được Ban Thư ký Liên hợp quốc công bố, theo đó Việt Nam, tăng 11 bậc, xếp hạng 57/156 quốc gia và vùng lãnh thổ (đứng thứ 3 trong khu vực ASEAN, sau Singapore và Malaysia).

- Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII Index 2018) mới được Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới công bố, theo đó Việt Nam tăng 2 bậc, xếp hạng 45/124 quốc gia và vùng lãnh thổ (đứng thứ 4 trong khu vực ASEAN, sau Singapore, Malaysia và Thái Lan).

- Theo đánh giá của Nikkei, các điều kiện kinh doanh của Việt Nam đã cải thiện hơn trong suốt 32 tháng qua. Số lượng đơn đặt hàng mới ngành sản xuất tiếp tục tăng với mức độ đáng kể trong tháng 7, Việt Nam vẫn đứng đầu bảng xếp hạng PMI ngành sản xuất ASEAN khi tiếp tục có sự cải thiện mạnh mẽ trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa trong tháng 7. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 7 đạt 54,9 điểm.

## 2. Quan điểm và định hướng chỉ đạo

Theo kết quả đánh giá định lượng các tác động tới nền kinh tế<sup>75</sup>, việc đạt được các mục tiêu đã đề ra về chuyển dịch nguồn lực và cơ cấu lại nền kinh tế sẽ dẫn tới cải thiện mạnh mẽ tốc độ tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Theo đó, trong kịch bản cơ sở, với việc hoàn thành các mục tiêu về cải cách và cơ cấu lại nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP sẽ vượt đáng kể mục tiêu đề ra, trung bình đạt 7,47%/năm giai đoạn 2018-2020, và duy trì tăng trưởng ở mức cao trong giai đoạn 2021 -2025. Tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2018-2025 sẽ dựa phần lớn vào tăng trưởng TFP: đóng góp của tăng trưởng TFP vào tăng trưởng GDP tương ứng đạt 35,11% năm 2018 và 44,27% năm 2020. Nợ công giảm nhanh hơn, còn 58,28% GDP vào năm 2020. Nếu theo kịch bản này, tăng trưởng kinh tế sẽ cao hơn, và đi kèm với cải thiện đáng kể về năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Do vậy, trong giai đoạn 2019 - 2020, cần tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện quyết liệt và thực chất các chính sách và nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phải coi đây là một trọng tâm ưu tiên hàng đầu trong công tác điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương; và việc hoàn thành các mục tiêu đã đề ra về cơ cấu lại nền kinh tế sẽ là động lực quan trọng hàng đầu để duy trì tốc độ tăng trưởng cao, bền vững trong giai đoạn 2019 -2025.

Trên cơ sở quan điểm cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 -2020 đã nêu tại Nghị quyết 24 và tình hình thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2018, các mục tiêu chính của cơ cấu lại nền kinh tế trong giai đoạn 2018 -2020 bao gồm:

- (i) Ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối vĩ mô vững chắc hơn;
- (ii) Tăng nhanh hơn năng suất lao động, với đổi mới sáng tạo

<sup>75</sup>Mô hình kinh tế lượng vĩ mô dạng cấu trúc, số liệu năm từ 1990-2017. Kết quả chi tiết tại Phụ lục 3 của Báo cáo tổng hợp.

đóng vai trò quan trọng trong tạo động lực tăng trưởng;

(iii) Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế tư nhân và nâng tỷ trọng trong GDP của khu vực kinh tế trong nước, giảm sự phụ thuộc về kinh tế vào bên ngoài;

(iv) Thị trường giữ vai trò quan trọng hơn trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển, đặc biệt là nguồn lực đất đai, vốn và lao động.

### **3. Giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2018-2020**

#### **3.1. Giải pháp về tổ chức thực hiện**

Trên cơ sở Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cần quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc và tổ chức thực hiện mạnh mẽ và thực chất các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế của các Bộ, ngành, địa phương.

Một số đề xuất về tổ chức thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế bao gồm:

*Thứ nhất*, tổ chức các Hội nghị định kỳ hàng năm của Ban Chỉ đạo quốc gia về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; và các cuộc họp và hội nghị chuyên ngành về các nhóm nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế.

*Thứ hai*, ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, trên cơ sở tham khảo các thông lệ tốt của thế giới. Trong đó tập trung vào các nhóm chỉ tiêu chính sau đây: Nhóm chỉ tiêu đánh giá chất lượng môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh; Nhóm chỉ tiêu cơ cấu lại đầu tư công, DNNN; Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu lại thị trường tài chính; Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu lại ngành kinh tế, vùng kinh tế; Nhóm chỉ tiêu về thể chế thị trường các nhân tố sản xuất (thị trường lao động, khoa học và công nghệ và đất đai).

*Thứ ba*, tổ chức các đoàn công tác tiến hành nghiên cứu, giám sát về cơ cấu lại kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng tại các Bộ, ngành, địa phương theo các nhóm nhiệm vụ trọng tâm cơ cấu lại nền kinh tế. Xây dựng báo cáo rà soát đánh giá về các rào cản luật pháp trong một số lĩnh vực trọng tâm của cơ cấu lại nền kinh tế.

*Thứ tư*, yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất các giải pháp sáng tạo và đột phá thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế trong lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành, địa phương; đặc biệt là các giải pháp có tính liên ngành, đòi hỏi sự phối hợp của nhiều cơ quan. Trên cơ sở đó, yêu cầu cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo tổng hợp và trình Báo cáo đề xuất giải pháp về các lĩnh vực cơ cấu lại kinh tế.

*Thứ năm*, yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc chế độ theo dõi và báo cáo về cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng.

### 3.2. Xác định các trọng tâm ưu tiên cơ cấu lại nền kinh tế trong giai đoạn tới

Căn cứ vào tiến độ thực hiện và khả năng hoàn thành các mục tiêu đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế đến năm 2020, Chính phủ tiến hành đôn đốc, chỉ đạo và đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế đã được xác định tại Nghị quyết 05, Nghị quyết 24 và Nghị quyết 27 của Chính phủ (Danh sách các nhiệm vụ cụ thể được trình bày tại Báo cáo tổng hợp).

Trong đó, các nhiệm vụ trọng tâm về cơ cấu lại nền kinh tế trong năm 2019 - 2020 bao gồm:

- Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo thuận lợi cho quá trình cơ cấu lại nền kinh tế. Nghiên cứu ban hành các chính sách dưỡng sức dân, dưỡng sức doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân. Nghiên cứu sớm ban hành chính sách cắt giảm hợp lý và mạnh mẽ các loại thuế, phí đối với doanh nghiệp.

- Xây dựng thị trường cạnh tranh hiệu quả dựa trên hai trụ cột:  
(i) Phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn trên cơ sở tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển khu vực tư nhân trong nước; (ii) Cải cách thể chế về quyền tài sản, trước mắt tập trung các khâu: giải quyết phá sản, đăng ký sở hữu và sử dụng tài sản, xử lý tài sản thế chấp ngân hàng..

- Rà soát, hoàn thiện luật pháp về quản lý đất đai để khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp; phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất.

Cùng với đó, cần tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả và thực chất các nội dung cơ cấu lại nền kinh tế, tập trung và các lĩnh vực, ngành nghề sau đây:

a) Cơ cấu lại DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước: Mục tiêu bao trùm là tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của nhà nước tại doanh nghiệp dựa trên việc cải cách quản trị, tăng cường tính công khai, minh bạch trong quản lý DNNN.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tổng thể về cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp đến năm 2020. Thực hiện các biện pháp nhằm tránh thất thoát vốn nhà nước, nhất là các biện pháp liên quan đến xác định giá trị quyền sử dụng đất, tài sản cố định, thương hiệu và giá trị truyền thống của doanh nghiệp cổ phần hóa.

- Với vai trò thống nhất đại diện chủ sở hữu Nhà nước, Chính phủ giao các chỉ tiêu bắt buộc về nâng cao hiệu quả kinh doanh đối với các DNNN (hàng năm hiệu quả kinh doanh tăng ít nhất 1 điểm % so với năm trước) về các chỉ tiêu Doanh thu/vốn; Lợi nhuận gộp (gross profit)/doanh thu; Lợi nhuận trước thuế/tài sản (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất); Lợi nhuận/vốn chủ sở hữu)....

- Rà soát quy định về chính sách thu lợi nhuận, cổ tức tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư và kiến nghị luật hóa nội dung này (cụ thể về đối tượng, mức thu, tỷ lệ để lại cho doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh) bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013.

- Cải thiện chất lượng quản trị doanh nghiệp, nhất là chất lượng báo cáo tài chính và công khai, minh bạch hóa thông tin. Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung toàn quốc có thể truy cập trực tuyến về tình hình hoạt động và tài chính của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước trên 50%.

- Kiên quyết xử lý các DNNN, các dự án đầu tư chậm tiến độ, hoạt động thua lỗ, kém hiệu quả theo cơ chế thị trường; xem xét, thực hiện phá sản DNNN theo quy định của pháp luật, thực hiện cơ cấu lại và chuyển nhượng dự án cho nhà đầu tư thuộc thành phần kinh tế khác.

- Không sử dụng ngân sách nhà nước để xử lý thua lỗ của doanh nghiệp; làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật những vi phạm của các tổ chức, cá nhân liên quan để xảy ra tình trạng DNNN, dự án đầu tư thua lỗ, thất thoát, lãng phí lớn.

- Tiếp tục rà soát hệ thống các DNNN, tách bạch giữa những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế hoặc lĩnh vực công ích mà Nhà nước cần nắm quyền chi phối với những lĩnh vực nên huy động vốn đầu tư từ xã hội; duy trì tỷ lệ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp ở mức hợp lý nhằm thu hút nhà đầu tư bên ngoài và thay đổi mô hình quản trị doanh nghiệp một cách thực chất.

- Kện toàn tổ chức bộ máy và hoàn thiện thể chế để Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, đúng mục tiêu thành lập.

b) Cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công: Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công

- Nghiên cứu, đánh giá toàn diện chất lượng thể chế quản lý đầu tư công, trong đó tập trung nghiên cứu, xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, sửa đổi các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan để khẩn trương khắc phục những vướng mắc trong triển khai Luật Đầu tư công, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tháo gỡ khó khăn cho các bộ, ngành và địa phương.

- Rà soát, tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện thủ tục đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà tài trợ triển khai nhanh các dự án đầu tư, không để chậm trễ trong giải ngân vốn đầu tư công; nghiên cứu, điều chỉnh các thủ tục đầu tư không cần thiết, rút ngắn thời gian hoàn thiện thủ tục hành chính.

- Ưu tiên đổi mới cách thức thẩm định, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư theo mức độ hiệu quả kinh tế dự tính của dự án và các ưu tiên về cơ cấu lại nền kinh tế; xây dựng và ban hành hướng dẫn về phương pháp luận thẩm định, bao gồm cả phân tích chi phí- lợi ích xã hội và các công cụ thay thế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung toàn quốc và có thể truy cập trực tuyến cho các bên có liên quan về các dự án đầu tư công. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát đối với đầu tư công.

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Khoản vốn dự phòng chỉ được sử dụng cho các mục tiêu thật sự cần thiết, cấp bách theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành, không được sử dụng vốn dự phòng cho các dự án mới ngoài các quy định trong Luật.

- Đối với các dự án BOT nói riêng và các dự án PPP nói chung, tập trung nâng cao tính công khai, minh bạch và cạnh tranh trên mọi khâu của chu trình quản lý dự án, sửa đổi cơ chế chính sách nhằm phát huy ưu thế của hình thức này trong phát triển cơ sở hạ tầng và cung ứng các loại hình dịch vụ công.

c) Cơ cấu lại thị trường tài chính, trọng tâm là các TCTD: Tăng cường giám sát, điều tiết các thị trường tài chính, nâng cao chất lượng hàng hóa trên thị trường.

- Phát triển các sản phẩm mới trên thị trường trái phiếu như trái phiếu bán trước, trái phiếu phái sinh, trái phiếu có lãi suất thả nổi, chứng khoán hóa dựa trên tài sản, trái phiếu trung và dài hạn.



- Phát triển các sản phẩm có ý nghĩa an sinh xã hội và có ý nghĩa đối với nền kinh tế như bảo hiểm thiên tai, tài sản công, thủy sản.

- Có chính sách khuyến khích cụ thể để phát triển các quỹ hưu trí như quỹ hưu trí bắt buộc, quỹ hưu trí tự nguyện.

- Tiếp tục rà soát, cơ cấu lại các tổ chức kinh doanh chứng khoán như công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán để nâng cao hiệu quả tài chính, bảo đảm tính thanh khoản và an toàn hệ thống;

- Đẩy mạnh vấn đề xử lý sở hữu chéo trong hệ thống các tổ chức tín dụng và nâng cao chất lượng quản trị các tổ chức tín dụng theo thông lệ quốc tế.

- Bảo đảm tiến độ hợp nhất 2 sở giao dịch chứng khoán, phần đầu đến năm 2019 Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam đi vào hoạt động.

d) Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới: Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp hiện đại, quy mô lớn

- Giải quyết sớm những vướng mắc liên quan đến Nghị định 210/NĐ/2013; Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg; thủ tục, phân cấp, chi phí liên quan đến chứng nhận Vietgap; nâng cao khả năng phân biệt hàng hóa nông sản chất lượng cao trên thị trường,...

- Hiện đại hóa hợp tác xã theo hướng giúp nông dân tiếp cận công nghệ và thị trường, làm cho hợp tác xã trở thành tổ chức hấp dẫn nông dân tham gia theo hình thức tự nguyện. Qua hợp tác xã, liên kết nông nghiệp với các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp thực phẩm.

- Sớm hoàn thiện công tác nghiên cứu và triển khai quy hoạch vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất lớn, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho người nông dân, đầu tư cho nghiên cứu khoa học phục vụ nông nghiệp.

- Sửa đổi Luật đất đai để khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ

đất nông nghiệp; phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất. Thí điểm thực hiện các thể chế đổi mới và đột phá ở một số địa phương về tích tụ, tập trung ruộng đất, thị trường cho thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp, mô hình tổ chức sản xuất mới,... Đổi mới và thực hiện chế độ quản lý mục đích sử dụng đất nông nghiệp một cách linh hoạt hơn; bãi bỏ các giới hạn, khống chế về đối tượng được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp; nâng đến mức đáng kể hoặc xóa bỏ hạn điền sử dụng, tăng thời hạn giao đất, cho thuê đất nông nghiệp. Đồng thời, đánh thuế lũy tiến đối với đất bị bỏ hoang, đất không sử dụng như mục đích đã định.

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính, đặc biệt là điều kiện kinh doanh và thủ tục kiểm tra chuyên ngành. Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian kiểm tra; chuyển mạnh sang hậu kiểm; rà soát, sửa đổi các quy định về tiếp nhận công bố hợp quy đối với hàng hóa nhập khẩu theo hướng bãi bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục; không yêu cầu tiếp nhận công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chưa có quy chuẩn quốc gia; hướng dẫn các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước tăng cường, chủ động thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp của nước ngoài đối với sản phẩm, hàng hóa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cao hơn Việt Nam; tách bạch hoạt động đánh giá sự phù hợp với hoạt động quản lý nhà nước theo đúng quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và pháp luật liên quan theo hướng cơ quan quản lý nhà nước không cấp Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với việc kiểm tra chuyên ngành.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Rà soát, đánh giá tác động của các chính sách thuế, đề xuất điều chỉnh các loại thuế, phí, cách áp thuế... đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp đổi mới lâm trường quốc

doanh theo Nghị quyết 30 của Bộ Chính trị và Nghị định 118 của Chính phủ; tập trung chỉ đạo chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012; tiếp tục khuyến khích và hỗ trợ phát triển kinh tế hộ sản xuất hàng hóa, gia trại, trang trại, doanh nghiệp tư nhân.

- Sửa đổi toàn diện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn quy định tại các Luật: Thuế, đất đai, môi trường, đầu tư, doanh nghiệp. Tiến tới xây dựng Luật Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên bố trí nguồn lực ngân sách các cấp để thực hiện chính sách.

đ) Cơ cấu lại các ngành công nghiệp: Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ và hình thành thí điểm cụm ngành công nghiệp trong một số ngành công nghiệp ưu tiên

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hơn nữa, trên cả bề sâu và bề rộng, đặc biệt tạo điều kiện để doanh nghiệp trong nước liên kết với FDI, tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị sản phẩm công nghiệp.

- Lựa chọn thí điểm và phát triển mô hình hỗ trợ về thể chế và kết cấu hạ tầng đối với một số dự án công nghiệp ưu tiên do khu vực kinh tế tư nhân trong nước tiến hành trong lĩnh vực dệt may, da giày, linh kiện điện tử, ô tô... có ảnh hưởng lan tỏa tích cực đến việc nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành.

- Hình thành thí điểm một số cụm ngành công nghiệp đối với các ngành công nghiệp ưu tiên theo lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị như: dệt may, da giày, thực phẩm, điện tử, hóa chất và triển khai có hiệu quả các quy hoạch vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp ưu tiên, đặc biệt là đối với các ngành công nghiệp như: dệt may, da giày, chế biến thực phẩm...

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án tái cơ cấu trong các ngành công nghiệp đã được ban hành; các chương trình về năng suất, chất lượng, tăng cường áp dụng công nghệ cao và mô hình quản trị

tiên tiến vào trong sản xuất và phát triển các sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao.

- Hình thành mạng lưới khu công nghiệp điện tử tập trung để thu hút đầu tư của các tập đoàn hàng đầu thế giới và các doanh nghiệp trong nước đầu tư phát triển phần cứng, phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin, một số sản phẩm điện tử chất lượng cao mang thương hiệu quốc gia tham gia vào thị trường quốc tế tạo cơ sở cho việc tham gia tích cực vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Tập trung thu hút các dự án đầu tư lớn, sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường vào các trung tâm kinh tế lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... và tổ chức dịch chuyển dần các ngành công nghiệp công nghệ thấp, sử dụng nhiều nguyên, nhiên vật liệu và lao động về các địa phương khác. Hạn chế cấp phép đầu tư các dự án đầu tư vào các ngành công nghiệp này tại các trung tâm kinh tế lớn.

- Phát triển dịch vụ tư vấn đầu tư phát triển các ngành công nghiệp; các trung tâm tư vấn, hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng công nghiệp.

- Ngoài các ưu đãi theo vùng, lãnh thổ theo quy định của Luật Đầu tư và một số miễn giảm thuế theo ngành nghề ưu đãi đầu tư, cần tập trung các cơ chế, chính sách về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thông qua các Quỹ đầu tư; hỗ trợ chuyển giao công nghệ; hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng kết nối đối với những dự án phù hợp với quy hoạch phát triển ngành và địa phương (như đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, nước, xử lý nước thải, chất thải rắn).

- Tiếp tục có các cơ chế đặc thù về giá năng lượng, khuyến khích tạo điều kiện sản xuất thiết bị trong nước để giảm suất đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới; rà soát, bổ sung các quy hoạch phát triển điện, năng lượng quốc gia và có cơ chế chính sách

phù hợp (giá điện, lựa chọn nhà đầu tư và phương án phát triển dự án) để đảm bảo nhu cầu về điện, năng lượng cho nền kinh tế.

e) Cơ cấu lại các ngành dịch vụ: Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, giá trị gia tăng cao, và phát triển du lịch.

- Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như hàng hải, logistics, dịch vụ kỹ thuật dầu khí, hàng không, dịch vụ thương mại, phân phối lưu thông; dịch vụ giáo dục, đào tạo; dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe; các loại dịch vụ tư vấn tài chính, ngân hàng, pháp lý,...

- Thực hiện chương trình phát triển du lịch quốc gia để đến năm 2020 du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước; xây dựng và nâng cấp các chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm ngành du lịch và dịch vụ có liên quan.

Tiền đề của các nhóm giải pháp trên là Chính phủ cần có những biện pháp củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định và thuận lợi cho cơ cấu lại nền kinh tế và tăng năng suất trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. Các giải pháp chính sách thuộc nhóm này bao gồm cơ cấu lại NSNN trong đó tập trung quản lý nợ công theo hướng bảo đảm an toàn, bền vững; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; điều hành chủ động, linh hoạt và phối hợp tốt chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách khác, nhất là chính sách điều chỉnh các loại giá, phí do nhà nước quản lý; đồng thời rà soát, gỡ bỏ rào cản về thể chế, chính sách đối với khai thác tài nguyên số và nền kinh tế số hóa./.

## PHỤ LỤC 1: DỰ BÁO CÁC CÂN ĐỐI VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2018-2020

### 1. Phương pháp

Tổ Tư vấn kinh tế của Thủ tướng đã dự báo các biến số chủ chốt và các cân đối lớn theo các kịch bản giai đoạn 2018-2020. Nhóm tác giả sử dụng 3 kịch bản chính. Theo đó, nhóm tác giả sử dụng mô hình kinh tế lượng vĩ mô dạng cấu trúc, số liệu năm từ 1990-2017.

Mô hình kinh tế lượng vĩ mô dạng cấu trúc nói trên là phiên bản thứ hai của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, được sử dụng và cập nhật từ năm 2008. Mô hình này sử dụng khung khổ hiệu chỉnh sai số.<sup>76</sup> Mô hình này gồm 5 khối là: (1) GDP theo ngành kinh tế; (2) GDP theo chi tiêu cuối cùng; (3) Phân phối thu nhập; (4) Giá cả; và (5) Ngân sách (Lưu ý các biến tiền tệ được coi là biến ngoại sinh - chính sách, không có khối tiền tệ riêng). Mô hình có 60 phương trình, trong đó có 28 phương trình đẳng thức; 32 phương trình hành vi. Mô hình sử dụng 104 biến, trong đó có 60 biến nội sinh, 44 biến ngoại sinh. Số liệu được xây dựng dựa trên Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA), có tính toán một số số liệu không có sẵn trong SNA từ nguồn thông tin của các Bộ, ngành.

### 2. Các kịch bản

Đánh giá triển vọng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2018-2020 dựa trên 3 kịch bản chính. Kịch bản 1 được xây dựng dựa trên giả thiết “điều kiện bình thường” của nền kinh tế. Kịch bản 2 giữ nguyên hầu hết các giả thiết trong Kịch bản 1, song có một số điều chỉnh theo hướng lạc quan (tăng trưởng kinh tế thế giới cao hơn, khu vực tư nhân lạc quan hơn vào tiến trình cải cách ở Việt Nam, v.v.) và có mức độ nới lỏng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ lớn hơn. Kịch bản 3 giống với Kịch bản 1, *song có đột phá về cải cách, chính sách kinh tế (trong đó có môi trường đầu tư-kinh doanh, chính sách cạnh tranh, đổi mới sáng tạo) dẫn tới cải thiện vốn đầu tư của khu vực tư nhân, cải thiện hiệu quả*

<sup>76</sup>Tiếng Anh: Error-correction model.

của DNNN, tạo được tác động lan tỏa tích cực của doanh nghiệp FDI đối với doanh nghiệp trong nước, v.v.

**Bảng 1: Chi tiết một số kịch bản để dự báo tăng trưởng 2018-2020**

Đơn vị: % (tăng so với năm trước)

	<b>Kịch bản 1</b>			<b>Kịch bản 2</b>			<b>Kịch bản 3</b>		
	2018	2019	2020	2018	2019	2020	2018	2019	2020
GDP thế giới	3,9 <sup>a</sup>	3,9 <sup>a</sup>	3,9 <sup>b</sup>	3,9 <sup>a</sup>	3,9 <sup>a</sup>	4,0 <sup>b</sup>	3,9 <sup>a</sup>	3,9 <sup>a</sup>	3,9 <sup>b</sup>
Mức giá của Hoa Kỳ	2 <sup>b</sup>	1,9 <sup>b</sup>	1,9 <sup>b</sup>	2,2	2,1	2,2	2 <sup>b</sup>	1,9 <sup>b</sup>	1,9 <sup>b</sup>
Mức giá hàng nông sản xuất khẩu	2,4 <sup>d</sup>	2,3 <sup>d</sup>	0,7 <sup>d</sup>	2,5	2,5	1,1	2,4 <sup>d</sup>	2,3 <sup>d</sup>	0,7 <sup>d</sup>
Giá dầu thô thế giới	15,8 <sup>d</sup>	-4,8 <sup>d</sup>	-3,7 <sup>d</sup>	15,8 <sup>d</sup>	0,0 <sup>b</sup>	0,0 <sup>b</sup>	15,8 <sup>d</sup>	-4,8 <sup>d</sup>	-3,7 <sup>d</sup>
Tỷ giá VNĐ/USD	2 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>
Tổng phương tiện thanh toán	16,3 <sup>b</sup>	16,3 <sup>b</sup>	16,3 <sup>b</sup>	18 <sup>b</sup>	18 <sup>b</sup>	18 <sup>b</sup>	16,0 <sup>b</sup>	16,0 <sup>b</sup>	16,0 <sup>b</sup>
Dư nợ tín dụng	16,3 <sup>b</sup>	16,3 <sup>b</sup>	16,3 <sup>b</sup>	18 <sup>b</sup>	19 <sup>b</sup>	19 <sup>b</sup>	16,5 <sup>b</sup>	16,5 <sup>b</sup>	16,5 <sup>b</sup>
Chỉ số giá nhập khẩu	2 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>
Dân số	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>
Việc làm	0,86 <sup>b</sup>	0,86 <sup>b</sup>	0,86 <sup>b</sup>	0,9 <sup>b</sup>	0,9 <sup>b</sup>	0,9 <sup>b</sup>	0,86 <sup>b</sup>	0,86 <sup>b</sup>	0,86 <sup>b</sup>
Lượng dầu thô xuất khẩu (triệu tấn)	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>
Tỷ giá hữu hiệu thực	0,5 <sup>b</sup>	0,5 <sup>b</sup>	0,5 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>
Chuyển giao của Chính phủ (ròng) trên cán cân thanh toán	-10 <sup>b</sup>	0 <sup>b</sup>	0 <sup>b</sup>	-10 <sup>b</sup>	0 <sup>b</sup>	0 <sup>b</sup>	-10 <sup>b</sup>	0 <sup>b</sup>	0 <sup>b</sup>
Chuyển giao của khu vực tư nhân (ròng) trên cán cân thanh toán	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	10 <sup>b</sup>	10 <sup>b</sup>	10 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>
Đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước (nghìn tỷ đồng)	400	450	500	450	500	550	400	450	500
Giải ngân FDI	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	10 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả.

Ghi chú: <sup>a</sup>: IMF (tháng 1/2018).

<sup>b</sup>: Giả thiết của nhóm tác giả.

<sup>c</sup>: Kết quả thực hiện năm 2017.

<sup>d</sup>: EIU(<http://gfs.eiu.com/Article.aspx?articleType=cf&articleId=1676544751&seclId=0>)

Do hạn chế về số liệu đại diện cho cải cách thể chế qua các năm, các cải cách thể chế gắn với tăng năng suất (năng suất lao động và năng suất nhân tố tổng hợp) không được lượng hóa trực tiếp vào mô hình. Thay vào đó, nội dung cải cách thể chế được lồng vào mô hình thông qua các biến khác (chẳng hạn như đầu tư nước ngoài, các biến giả thể hiện các mốc cải cách chính, v.v.).

### 3. Kết quả dự báo

Bảng 3 trình bày kết quả dự báo một số biến số chính của Việt Nam theo các kịch bản. Trong Kịch bản 1, tăng trưởng GDP trung bình đạt 6,71%/năm trong giai đoạn 2018-2020 và 6,63%/năm trong giai đoạn 2016-2020. Trong đó, đóng góp của tăng TFP vào tăng trưởng GDP tăng từ 32,07% năm 2018 lên 35,49% năm 2020. Dự báo lạm phát trong các kịch bản này đều ở mức dưới 4%/năm (tính theo trung bình CPI). Tăng trưởng xuất khẩu dự báo giảm còn 12,15% năm 2018 và 9,63% năm 2019, trước khi phục hồi ở mức hai chữ số năm 2020. Cán cân thương mại dự báo biến động giữa thặng dư và thâm hụt, trung bình đạt -0,19% GDP trong giai đoạn 2018-2020 và 0,24% GDP giai đoạn 2016-2020. Thâm hụt NSNN có xu hướng giảm liên tục, dự báo đạt mức 3,49% GDP vào năm 2020. Trong điều kiện cải thiện kỷ luật NSNN và vay nợ của Chính phủ, mức nợ công cũng giảm liên tục xuống còn 60,22% GDP vào năm 2020.

Trong Kịch bản 2, tốc độ tăng trưởng GDP nhìn chung đạt mục tiêu đề ra, trung bình đạt 6,83%/năm giai đoạn 2018-2020 và 6,70%/năm giai đoạn 2016-2020. Tăng trưởng có đóng góp ít hơn của tăng trưởng TFP: đóng góp của tăng TFP vào tăng trưởng GDP tương ứng đạt 31,55% năm 2018 và 35,71% năm 2020. Trong điều kiện tăng trưởng kinh tế thế giới phục hồi nhanh hơn và tổng cầu tăng, mức tăng trưởng xuất khẩu đều ở mức 2 chữ số trong giai đoạn 2018-2020, trung bình đạt 12,4%/năm giai đoạn này và 14,41%/năm giai đoạn 2016-2020. Lạm phát cao hơn một chút so với Kịch bản 1, thậm chí vượt 4% vào 2019-2020. Thâm hụt thương mại (so với GDP) cao hơn



so với Kịch bản 1 trong giai đoạn 2019-2020. Thâm hụt NSNN tăng nhẹ so với kịch bản 1 trong 2019-2020. Nợ công giảm chậm hơn, còn 60,52% GDP vào năm 2020. *Nếu theo kịch bản này, tăng trưởng kinh tế sẽ cao hơn, song đi kèm với áp lực lạm phát lớn hơn.*

Trong Kịch bản 3, đột phá trong chất lượng cải cách thể chế dẫn tới cải thiện chất lượng tăng trưởng. Tốc độ tăng trưởng GDP vượt đáng kể mục tiêu đề ra, trung bình đạt 7,47%/năm giai đoạn 2018-2020 và 7,08%/năm giai đoạn 2016-2020. Tăng trưởng có đóng góp chủ yếu từ tăng trưởng TFP: đóng góp của tăng TFP vào tăng trưởng GDP tương ứng đạt 35,11% năm 2018 và 44,27% năm 2020. Trong điều kiện hiệu quả sản xuất được cải thiện, cạnh tranh xuất khẩu tăng, và tăng trưởng xuất khẩu đều ở mức cao trong giai đoạn 2018-2020, trung bình đạt 15,51%/năm giai đoạn này và 15,28%/năm giai đoạn 2016-2020. Lạm phát thấp hơn một chút so với Kịch bản 1. Thặng dư thương mại (so với GDP) cao hơn so với Kịch bản 1. Thâm hụt NSNN ổn định ở mức dưới 3,5% GDP. Nợ công giảm nhanh hơn, còn 58,28% GDP vào năm 2020. *Nếu theo kịch bản này, tăng trưởng kinh tế sẽ cao hơn, và đi kèm với cải thiện đáng kể về năng suất*

**Bảng 2: Kết quả dự báo theo các kịch bản, 2018-2020**

Đơn vị tính: %

	2016	2017	Kịch bản 1				Kịch bản 2				Kịch bản 3						
			2018	2019	2020	2018-20	2019	2020	2018-20	2019	2020	2018-20	2019	2020	2018-20	2019	2020
Tốc độ tăng GDP	6,21	6,81	6,67	6,57	6,88	6,71	6,63	6,75	6,71	7,04	6,83	6,70	7,01	7,52	7,87	7,47	7,08
Lạm phát	2,66	3,74	3,81	3,91	3,94	3,89	3,61	3,93	4,12	4,32	4,12	3,75	3,62	3,71	3,64	3,66	3,47
Tăng trưởng xuất khẩu	9,00	21,20	12,15	9,63	10,89	10,89	12,49	13,78	11,02	12,41	12,40	13,41	15,23	14,49	16,82	15,51	15,28
Cán cân thương mại/GDP	0,87	1,30	0,00	-1,18	0,62	-0,19	0,24	0,18	-1,85	-1,42	-1,03	-0,32	0,98	1,75	1,82	1,52	1,34
Thâm hụt NSNN/GDP	4,95	3,49	3,52	3,47	3,49	3,49	3,74	3,49	3,62	3,51	3,54	3,77	3,49	3,47	3,49	3,48	3,78
Nợ công/GDP	64,73	62,60	60,62	60,50	60,22			61,07	60,99	60,52			60,52	59,42	58,28		
Đóng góp của TFP (điểm %)	2,24	2,21	2,14	2,02	2,44			2,13	2,07	2,51			2,46	3,02	3,48		
Đóng góp của TFP (%)	36,00	32,44	32,07	30,68	35,49			31,55	30,79	35,71			35,11	40,16	44,27		
Tốc độ tăng NSLD	5,30	5,90	5,76	5,66	5,97	5,80	5,72	5,80	5,76	6,09	5,88	5,77	6,10	6,60	6,95	6,55	6,17
Cơ cấu kinh tế																	
MLTS	18,10	17,04	17,88	18,11	17,82	17,94	17,79	17,97	18,12	18,19	18,09	17,88	18,01	18,24	18,13	18,13	18,02
CN-XD	36,40	37,04	37,65	37,48	37,81	37,65	37,28	38,02	38,66	38,21	38,30	37,67	37,89	38,15	38,18	38,07	37,83
DV	45,50	45,93	44,47	44,42	44,37	44,42	44,93	44,01	43,22	43,60	43,61	44,45	44,10	43,61	43,69	43,80	44,15
Chỉ số khác																	
M2/GDP	163,80	163,59	171,40	179,58	187,54	179,51	173,18	172,75	182,14	191,05	181,98	174,67	169,90	175,42	180,62	175,31	175,72
Tin dụng/GDP	122,29	129,99	136,58	143,50	150,30	143,46	136,53	138,32	148,22	158,07	148,20	139,38	136,62	143,42	150,17	143,40	142,04
Đầu tư/GDP	32,99	33,30	33,36	33,42	33,38	33,39	33,29	34,13	34,94	35,27	34,78	34,13	33,55	33,61	33,59	33,58	33,49

Nguồn: Tính toán của Tổ Tư vấn kinh tế của Thủ tướng.

Ghi chú: Số liệu năm 2016-2017 là số liệu chính thức.

**PHỤ LỤC 2:**

**RÀ SOÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ, ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG TẠI NGHỊ QUYẾT 27/NQ-CP THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 24/2016/QH14**

TT	Các chủ trương, chính sách lớn Nhiệm vụ, giải pháp	Đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện	Đánh giá
I	<b>Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành kinh tế vĩ mô</b>		
1	Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong điều hành và thực hiện đồng bộ, linh hoạt các chính sách kinh tế vĩ mô để bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, giữ vững các cân đối lớn của nền kinh tế; bảo đảm an ninh tài chính quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công Thương đã có sự phối hợp trong điều hành kinh tế vĩ mô. Đã có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác dự báo và lập kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, tài chính ngân sách. Môi trường kinh tế vĩ mô được ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức dưới 4%; bội chi ngân sách đạt 3,5%GDP (theo Luật Ngân sách nhà nước 2015), đạt mục tiêu đề ra. Chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đã có sự gắn kết, thông qua việc trao đổi thông tin về thanh khoản của hệ thống TCTD, diễn biến lãi suất trên thị trường, cũng như các hoạt động phối hợp khác liên quan đến phát hành TPCP. Hệ số tín nhiệm của hệ thống ngân hàng Việt Nam tăng từ “ổn định” lên “tích cực” theo xếp hạng của Moody	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
2	Thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt. Điều hành lãi suất, tỷ giá phù hợp với nguyên tắc thị trường, diễn biến kinh tế vĩ mô. Quản lý hiệu quả thị trường ngoại tệ, thị trường vàng; tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế. Điều hành tín dụng phù hợp,	NHNN đã thực hiện đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, trọng tâm là nghiệp vụ thị trường mở để giúp đảm bảo thanh khoản cho các tổ chức tín dụng, ổn định thị trường tiền tệ, tạo thuận lợi cho các TCTD giảm lãi suất cho vay và tăng cường khả năng cung ứng tín dụng cho nền kinh tế. Đến ngày 16/11/2017, tổng phương tiện thanh toán	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng

	<p>chú trọng các lĩnh vực ưu tiên gắn với nâng cao chất lượng tín dụng</p>	<p>M2 tăng 12,23%, huy động vốn tăng 12,64% so với cuối năm 2016, thanh khoản VND của hệ thống được đảm bảo. Các TCTD đã giảm 0,5% lãi suất cho vay ngắn hạn, mặt bằng lãi suất phổ biến hiện nay là 6-9%/năm với ngắn hạn, 9-11%/năm với trung và dài hạn. Các chương trình ưu đãi tín dụng trong lĩnh vực ưu tiên tích cực được triển khai. Dự trữ ngoại hối đến tháng 5/2018, đạt 63 tỷ USD, mức cao nhất trong lịch sử. Quản lý thị trường ngoại tệ, thị trường vàng được tăng cường với việc xây dựng 2 đề án “Giải pháp hạn chế tình trạng vàng hóa trong nền kinh tế nhằm chuyển hóa nguồn lực vàng thành tiền phục vụ phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020”; “Hạn chế tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”</p>	<p>Đã triển khai và có kết quả rõ ràng</p>
<p>3</p>	<p>Xây dựng Đề án chống đô la hóa và vàng hóa trong nền kinh tế trong năm 2017</p>	<p>Đã thực hiện</p>	<p>Đã triển khai và có kết quả rõ ràng</p>
<p>4</p>	<p>Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương thu, chi ngân sách ở tất cả các cấp, ngành, địa phương và đơn vị; chi được chi trong giới hạn dự toán chi ngân sách; cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước ở từng ngành, địa phương và đơn vị cơ sở theo hướng tiết kiệm, loại bỏ các khoản mục chi chưa cần thiết, nâng cao hiệu quả từng khoản mục chi; giám đốc tỷ trọng chi thường xuyên, bố trí hợp lý cho chi đầu tư phát triển, đảm bảo chiếm khoảng 25% - 26% tổng chi ngân sách nhà nước</p>	<p>Kỷ luật, kỷ cương thu, chi ngân sách được nâng cao thông qua việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn chi ngân sách, kiểm soát chi ngân sách, đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, thu hồi các khoản chi chậm thực hiện; đẩy mạnh tiết kiệm chi ngân sách, cắt giảm tối đa các khoản chi không cần thiết. Tuy nhiên, chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên vẫn vượt so với dự toán (lần lượt vượt 9,1% và 1,3%); tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi NSNN vẫn tăng từ 61,5% năm 2016 lên khoảng 64,2% năm 2017; tỷ trọng chi đầu tư phát triển đạt 27,6%, cao hơn mục tiêu đề ra.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

5	<p>Triển khai có hiệu quả các quy định về đổi mới quản lý ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015</p>	<p>Bộ Tài chính đã ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN 2015. Cùng với việc ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán NSNN 2017, Bộ Tài chính đã hoàn thành việc giao nhiệm vụ thu, chi NSNN đúng thời hạn, tạo điều kiện cho các Bộ, cơ quan, địa phương kịp thời quyết định, phân bổ, giao dự toán ngân sách đến các đơn vị sử dụng ngân sách.</p> <p>Tuy nhiên, việc giao dự toán cho một số địa phương vượt quá khả năng thực hiện và hụt thu NSTW vẫn tiếp diễn trong năm NS 2017. Tình trạng chi sai chế độ, sử dụng sai nguồn kinh phí ở các đơn vị sử dụng ngân sách, các chủ đầu tư và cả trong điều hành NS vẫn tái diễn.</p>	<p>Đang triển khai những chưa có kết quả rõ ràng</p>
6	<p>Tổ chức thực hiện kế hoạch vay, trả nợ công giai đoạn 2016 - 2020; tăng cường quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công. Tiếp tục cơ cấu lại nợ công, tăng dần tỷ trọng cho vay lại trong cơ cấu vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; hạn chế tối đa cấp bảo lãnh chính phủ cho các khoản vay mới, không chế hạn mức bảo lãnh cho 02 ngân hàng chính sách tối đa bằng nghĩa vụ trả nợ gốc hàng năm và kiểm soát chặt chẽ vay nước ngoài của các doanh nghiệp nhà nước. Kiểm soát nợ trong giới hạn cho phép theo Nghị quyết của Quốc hội và kiểm soát chặt chẽ các khoản vay của chính quyền địa phương và các quỹ đầu tư có nguồn gốc từ ngân sách. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh tài chính quốc gia</p>	<p>Quản lý nợ công được thực hiện tích cực, chủ động. Bộ Tài chính đã xây dựng Đề án tái cơ cấu nợ Chính phủ trong nước giai đoạn 2017-2020. Các nghiệp vụ thị trường được đa dạng hóa; tập trung phát hành TPCP có kỳ hạn dài, nâng kỳ hạn vay trung bình TPCP hàng năm lên mức 6-7 năm trong giai đoạn 2017-2020; thực hiện tái cấu trúc danh mục TPCP theo hướng tập trung phát hành trái phiếu lớn, kỳ hạn dài, cải thiện danh mục TPCP theo hướng an toàn, bền vững, đảm bảo an ninh nền tài chính quốc gia. Nợ công được duy trì trong giới hạn cho phép (năm 2017, tỷ lệ nợ công/GDP là 61,3%, dư nợ Chính phủ bằng 21,8%GDP). Đối với 2 ngân hàng chính sách, không chế bảo lãnh phát hành trái phiếu tối đa bằng trả nợ gốc.</p>	<p>Đã triển khai và có kết quả rõ ràng</p>

<b>Triếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</b>				
<b>II</b>				
1	Xây dựng đề án phát triển cân bằng và toàn diện thị trường tài chính, bao gồm thị trường tiền tệ và thị trường vốn, thị trường vốn cổ phiếu và trái phiếu (bao gồm trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp); giữa dịch vụ tín dụng và các dịch vụ ngân hàng phi tín dụng; phát triển thị trường vốn đầu tư mạo hiểm trong năm 2017	Bộ Tài chính đang triển khai xây dựng	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai	
2	Rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nợ công, quản lý tài sản công, nguồn lực công bảo đảm tiếp tục quản lý chặt chẽ và phát huy hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội	Nhiều văn bản pháp luật có liên quan đã được ban hành/trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành như: Luật Quản lý nợ công (sửa đổi); Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28/4/2017 của Chính phủ về cho vay lại chính quyền địa phương; Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28/4/2017 về cho vay lại nguồn vốn vay ngoài của Chính phủ đối với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định 04/2017/Đ-CP ngày 16/01/2017 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ thay thế Nghị định số 15/2011/NĐ-CP; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và xây dựng dự thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành đối với 15 Nghị định và 01 Quyết định đảm bảo có hiệu lực thi hành cùng với hiệu lực thi hành của Luật.	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng	
3	Ban hành Nghị định quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh	Nghị định số 165/2016/NĐ-CP quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Thông tư số 55/2027/TT-BTC ngày 19/5/2017 quy định chi tiết về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội.	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng	

4	<p>Ban hành trong quý III năm 2017 Nghị quyết về tiếp tục thu hút, đổi mới quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025 theo hướng góp phần phát triển xanh, bền vững; không cấp phép các dự án tiêu tốn nhiều năng lượng, khai thác khoáng sản không gắn với chế biến sâu, lãng phí tài nguyên, sử dụng công nghệ lạc hậu, có nguy cơ cao về gây ô nhiễm môi trường; tạo điều kiện và tăng cường liên kết với các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế và hàm lượng tri thức cao; đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư theo hướng có trọng tâm, trọng điểm đối với từng ngành, lĩnh vực, khu vực và đối tác.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xin lùi thực hiện nhiệm vụ đến quý I/2018. Hiện nay, Bộ đang xây dựng dự thảo Nghị quyết. Thực tiến cho thấy việc gắn kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI trong chuỗi giá trị còn hạn chế (chủ yếu là thu mua từ nước ngoài hoặc các doanh nghiệp FDI khác). Thu hút FDI vẫn chủ yếu là các dự án thuộc ngành chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng thấp</p>	<p>Đang triển khai những chưa có kết quả</p>
5	<p>Xây dựng Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; xây dựng Nghị định của Chính phủ về phát triển vùng kinh tế động lực nhằm thực hiện tốt, đầy đủ vai trò đầu tàu, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả nước</p>	<p>Luật Đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt Văn Đồn, Bắc Văn Phong và Phú Quốc đang trình Quốc hội xem xét. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ về phát triển vùng kinh tế động lực</p>	<p>Đang triển khai những chưa có kết quả rõ ràng</p>
6	<p>Xây dựng Đề án tổng thể về chính sách cạnh tranh quốc gia trong quý IV năm 2017</p>	<p>Đề án Tổng thể về chính sách cạnh tranh quốc gia đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét</p>	<p>Triển khai chậm hoặc chưa triển khai</p>
7	<p>Sơ kết đánh giá việc tổ chức thi hành Luật Đất đai; đánh giá tác động của các chính sách đất đai đối với phát</p>	<p>đã có Báo cáo số 33-BC/BCSDTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2017 gửi Ban Chỉ đạo về sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW. Bộ</p>	

	<p>triển kinh tế, xã hội và môi trường. Sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về đất đai, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với các pháp luật khác có liên quan; thúc đẩy phát triển thị trường quyền sử dụng đất; tạo điều kiện tích tụ, tập trung đất đai, phát huy nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là việc sản xuất nông nghiệp theo mô hình tập trung quy mô lớn, nông nghiệp công nghệ cao; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài) tiếp cận đất đai để thực hiện đầu tư sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước nhưng phải đảm bảo quản lý chặt chẽ, khai thác hiệu quả và không để thất thoát đất đai của Nhà nước; khắc phục tình trạng khiêu nại, khiêu kiện liên quan đến đất đai, đặc biệt là đối với công tác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Khẩn trương để xuất việc sửa đổi, bổ sung các quy định gây khó khăn, vướng mắc về môi trường đầu tư, kinh doanh.</p>	<p>Tài nguyên và Môi trường đang dự thảo Đề án Các giải pháp phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất, với các giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ này.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p>8</p>	<p>Rà soát, đánh giá việc thực hiện, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng Đề án về cơ chế đột phá huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, xã hội hóa bảo vệ môi trường; thực</p>	<p>Bộ TNMT đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến bảo vệ môi trường (Quyết định số 2217/QĐ-BTNMT ngày 13/9/2017); thực hiện rà soát, xây dựng Hồ sơ để xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>



	<p>hiện các giải pháp cần thiết nâng cao năng lực và hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; khoáng vùng, xử lý, cải tạo các khu vực bị ô nhiễm, trong đó chú trọng đến các khu vực ô nhiễm tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, đặc biệt quan tâm các khu vực trọng điểm; giám sát vấn đề ô nhiễm môi trường xuyên biên giới; ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu</p>	<p>năm 2014 (Quyết định số 1022b/QĐ-TCMT ngày 11/9/2017); thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường năm 2014 (Quyết định số 197/QĐ-TCMT ngày 14/3/2017). Bộ cũng triển khai rà soát toàn bộ hệ thống 44 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, thông qua ý kiến của các chuyên gia, đã xác định được 24 quy chuẩn cần sửa đổi, trong đó có 17 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường cần ưu tiên sửa đổi (09 QCVN về nước thải, 07 QCVN về khí thải và 01 QCVN về chất thải rắn); 07 QCVN khác đã/đang được rà soát, sửa đổi. Bộ cũng đang triển khai xây dựng Đề án về cơ chế đột phá huy động nguồn, thu hút đầu tư, xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, trong đó, chú trọng đến thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt</p>	<p>Đã triển khai và có kết quả rõ ràng</p>
9	<p>Nghiên cứu, sửa đổi Luật Cạnh tranh, trình Quốc hội trước tháng 12 năm 2017</p>	<p>Luật Cạnh tranh (sửa đổi) đã trình Quốc hội</p>	<p>Đang triển khai</p>
10	<p>Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động năm 2012, trình Quốc hội trong năm 2017</p>	<p>Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã xây dựng dự thảo, tuy nhiên, Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ đã thông nhất lùi thời hạn trình Quốc hội sang giai đoạn 2018-2019</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
11	<p>Xây dựng hệ thống công cụ để quản lý kiểm soát sự phát triển của thị trường bất động sản theo hướng ổn định bền vững với cấu trúc hoàn chỉnh và đồng bộ, kết nối liên thông với các thị trường khác của nền kinh tế, bảo đảm khai thác và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực</p>	<p>Bộ Xây dựng đang triển khai xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản. Đồng thời, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

	đầu tư phát triển bất động sản, nhất là đất đai; chủ động xây dựng các kịch bản và các giải pháp quản lý điều tiết, kiểm soát, bình ổn thị trường	phương về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định.	
12	Xây dựng Đề án đánh giá tình hình, dự báo xu hướng, đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh trong năm 2017	Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua và sẽ được triển khai trong năm 2018	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
13	Tiếp tục vận động các nước công nhận kinh tế thị trường cho Việt Nam	Bộ Ngoại giao đã đẩy mạnh vận động các nước khác, nhất là tại Trung Á, Trung Đông, Mỹ La tinh công nhận Việt Nam, tập trung vào các nước có ký niệm năm tròn, năm chẵn ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và trao đổi đoàn cấp cao; một số nước đã phản ứng tích cực và cho biết đang hoàn tất thủ tục nội bộ để công nhận. Hiện nay số nước đã công nhận là 69 nước. Bộ cũng đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng chủ trương tham gia với tư cách là bên thứ 3 trong vụ kiện của Trung Quốc với EU và Hoa Kỳ lên WTO về vấn đề kinh tế thị trường	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
14	Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung pháp luật về lao động, hộ khẩu, quyền sử dụng đất nông nghiệp và quyền tiếp cận dịch vụ công, tạo thuận lợi cho việc định cư và dịch chuyển lao động trong nước	Pháp luật về lao động tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 93/NQ-CP ngày 26/9/2017 về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân theo Đề án 896 thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Pháp luật về lao động tiếp tục được sửa đổi với việc xây dựng 13 đề án trong chương trình công tác năm 2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (kế hoạch là 14 đề án), 24 thông tư hướng dẫn theo thẩm quyền và 12 đề án ngoài kế hoạch hoạt động của bộ.	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng

	<p>Chính phủ đã xây dựng chương trình bãi bỏ các thủ tục về sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân trong quản lý dân cư (Nghị quyết 112/NQ-CP ngày 30/10/2017). Chính phủ đã thực hiện đơn giản hóa hàng chục thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư. Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, xem xét sửa đổi Nghị định 123/2015/NĐ-CP liên quan đến quản lý hộ tịch, nhằm tạo thuận lợi cho người dân. Đến hết tháng 6/2017, Bộ Tư pháp đã mở rộng triển khai Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch cho công chức tư pháp hộ tịch trên địa bàn 6 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, pháp luật về quản lý hộ tịch đến nay vẫn còn nhiều quy định khó khăn cho người dân, đặc biệt liên quan đến hộ tịch có yếu tố nước ngoài.</p>	
<p><b>III</b></p>	<p><b>Triếp tục đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại</b></p>	
<p>1</p>	<p>Rà soát kiến nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bảo đảm hiệu quả tổng hợp và tính hệ thống, nhất là mạng lưới giao thông, điện, nước, thủy lợi, giáo dục, y tế, hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin, thu gom và xử lý chất thải rắn, quy hoạch bảo vệ môi trường; rà soát, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị</p>	<p>Hầu hết các Bộ, ngành đã chủ động rà soát, hoàn thiện quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng và hạ tầng giao thông. Tuy nhiên, các quy hoạch bảo vệ môi trường chưa được chú trọng</p>
<p>2</p>	<p>Soạn thảo Luật về đối tác công tư theo hướng đa dạng về loại hình trong các ngành, lĩnh vực phù hợp; công khai, minh bạch, ổn định, bình đẳng; có cơ chế giám sát, quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư đối với</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng Hồ sơ để xuất Luật về hợp tác công tư</p>

	<p>từng dự án. Quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng căn cứ cách mạng</p>		
<p>3</p>	<p>Ban hành chính sách quản lý phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, bền vững, thân thiện với môi trường có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của các đô thị.</p>	<p>Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/1/2018 phê duyệt Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2020. Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư 01/2018/TT-BXD ngày 05/1/2018 về việc quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh. Bộ Xây dựng đang chỉ đạo triển khai nghiên cứu giải pháp công nghệ sinh học và tiết kiệm năng lượng trong kiến trúc nhà ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ theo định hướng tăng trưởng xanh. Các tiêu chí xây dựng đô thị theo hướng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu đang được nghiên cứu xây dựng.</p>	<p>Đã triển khai và có kết quả rõ ràng</p>
<p>4</p>	<p>Hoàn thiện khung pháp lý và các công cụ quản lý để kiểm soát quá trình đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; ưu tiên phát triển khu đô thị mới ven các đô thị để giảm tải cho khu vực trung tâm thành phố.</p>	<p>Bộ Xây dựng đang nghiên cứu quy định tăng cường kiểm soát đầu tư phát triển đô thị, cũng như có giải pháp phát triển khu đô thị mới ven các đô thị để giảm tải cho khu vực trung tâm thành phố.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p>5</p>	<p>Xây dựng trình Quốc hội ban hành trước năm 2019 các Luật về quản lý phát triển đô thị, về kiến trúc và về cấp nước.</p>	<p>Dự thảo Luật Quản lý phát triển đô thị trình Quốc hội tại Kỳ họp lần thứ 5. Bộ Xây dựng cũng đã xây dựng dự thảo Luật Kiến trúc và đang lấy ý kiến của các chuyên gia. Bộ Xây dựng đã tổ chức nghiên cứu các nội dung liên quan đến việc xây dựng Luật Cấp nước và hiện đang hoàn thiện hồ sơ để nghị xây dựng Luật Cấp nước</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

6	<p>Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án dự án cấp quốc gia về phát triển đô thị, từng bước nâng cao chất lượng và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, thúc đẩy tăng trưởng tại các khu vực, địa bàn còn khó khăn như vùng núi, ven biển và hải đảo</p>	<p>Bộ Xây dựng đã tích cực triển khai Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2020, Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012-2020. Đến nay tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 37,5% (tăng 0,9% so với năm 2016). Bộ Xây dựng đã xây dựng và trình Chính phủ đề án: “Xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện” (Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017). Bộ Xây dựng đang hướng dẫn các địa phương chủ động rà soát, điều chỉnh nhằm đáp ứng các yêu cầu mới trong giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, chất lượng hạ tầng đô thị, đặc biệt tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh chưa cao; việc xây dựng đô thị thông minh chưa được triển khai đồng bộ, có chiến lược trên phạm vi cả nước</p>	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai
7	<p>Tăng cường phối hợp, tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, thân thiện với môi trường, ưu tiên các công trình lớn, quan trọng có tính lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội các vùng, miền trong cả nước; từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật có tính kết nối liên vùng như đường cao tốc, đường quốc lộ, đường sắt, sân bay...</p>	<p>Các Bộ, ngành đã phối hợp trong việc tập trung nguồn vốn để triển khai các công trình quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm; phối hợp trong xác định tổng nguồn vốn đầu tư phát triển trong năm, trong đó có phân bổ vốn cho đầu tư nông nghiệp nông thôn, ứng phó biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, việc giải ngân vốn cho các dự án đầu tư công sử dụng vốn NSNN còn chậm, tỷ lệ giải ngân thấp; vẫn còn tình trạng phân bổ vốn cho dự án không có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tập trung tháo gỡ vướng mắc, khó khăn để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2017 theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chi thị số 14/CT-TTg ngày 19/4/2017, chỉ đạo cơ quan tài chính chủ động tổ chức tọa đàm với các chủ đầu</p>	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng

		tu trên địa bàn để trao đổi tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; nhất là những dự án đến 30/9/2017 chưa thực hiện giải ngân hoặc dự án có tỷ lệ giải ngân thấp (dưới 30% kế hoạch vốn năm 2017 được giao đầu năm), dự án còn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu,....	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai
8	Tiếp tục triển khai xây dựng, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường bộ, đường bộ cao tốc trong đó ưu tiên cho đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường thủy nội địa và đường ven biển, dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Bộ Giao thông vận tải đã hoàn thiện đúng tiến độ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 và nghiên cứu khả thi dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành để trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 4. Tuy nhiên, việc triển khai dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành vẫn chậm so với tiến độ đề ra, đặc biệt trong việc thu hồi, giải phóng mặt bằng.	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai
9	Nghiên cứu xây dựng trong năm 2017 Đề án về xây dựng khu hợp tác kinh tế qua biên giới	Đề án đã được Việt Nam và Trung Quốc nhất trí đối thành Thỏa thuận khung về xây dựng các Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt- Trung. Ngày 12/11/2017, Bản ghi nhớ về việc đẩy nhanh tiến độ đàm phán Thỏa thuận khung về xây dựng các Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt- Trung đã được ký kết	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai
<b>IV</b>	<b>Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển</b>		
1	Rà soát, sắp xếp, quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động trong cả nước, từng vùng và địa phương. Nâng	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2017-2025 đang được rà soát, chỉnh sửa. Tính đến tháng 6/2017, các cơ sở đào tạo có 235 trường đại học, học viện, 32 trường cao đẳng sư phạm và 02 trường trung cấp sư phạm; trong đó có 92 cơ sở đào tạo sư phạm	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng

	<p>cao chất lượng đào tạo của các trường sư phạm. Thực hiện tốt công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng. Xây dựng cơ chế, chính sách phân luồng giáo dục, gắn với đào tạo nghề và phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông</p>	<p>với 9 trường đại học, 30 khoa sư phạm thuộc các trường, 32 trường cao đẳng sư phạm. Các địa phương cũng đang rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó sáp nhập các trường trên cùng địa bàn, giải thể các trường hoạt động không hiệu quả, sáp nhập trường trung cấp vào trường cao đẳng, sáp nhập trường cao đẳng, trung cấp vào trường đại học.</p> <p>Tuy nhiên, mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học phát triển dần trải, chưa có sự phân loại theo chất lượng để có chính sách ưu tiên đầu tư. Nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa quan tâm đầu tư điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo để đáp ứng quy mô tuyển sinh. Công tác tuyển sinh đại học tiếp tục được đổi mới nhưng vẫn còn nhiều vướng mắc. Việc định hướng nghề nghiệp chưa được thực hiện tốt; tỷ lệ học sinh lựa chọn học đại học vẫn mất cân đối so với việc lựa chọn học nghề (lần lượt khoảng 74% và 26%).</p>	
<p>2</p>	<p>Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức đào tạo nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo một số trường đại học, một số nghề tiếp cận trình độ các nước phát triển trong ASEAN và thế giới</p>	<p>Nhiều giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nhân rộng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với xây dựng các mô hình học tập nghề trong cộng đồng. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã tổ chức hướng dẫn, kiểm tra công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng dạy nghề, phát triển hệ thống đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia. Đến nay, Bộ đã tổ chức đánh giá cho 26.000 người, cấp chứng chỉ cho 23.000 người đạt yêu cầu, cấp lại cho 32 tổ chức giấy chứng nhận đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp mới 7 tổ chức đủ điều kiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

3	<p>Thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục và đào tạo, thực hiện tự chủ các trường đại học, cao đẳng công lập. Tăng cường kiểm soát chất lượng đầu ra của các cơ sở giáo dục đại học; công khai thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng của nhà trường; đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục, trên cơ sở đó thực hiện phân tầng, xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>năng nghề quốc gia. Một số nghề đã tiếp cận được trình độ của các nước tiên tiến như các ngành nghề trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ. Chất lượng đào tạo của một số trường đại học đã có sự cải thiện, Trường Đại học Bách Khoa Hồ Chí Minh đã đạt kiểm định chất lượng của Mạng lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á. Nội dung, phương thức đào tạo đã có sự cải thiện. Tuy nhiên, việc tăng cường thực hành cho học viên còn nhiều hạn chế. Đội ngũ giảng viên, đặc biệt là giảng viên cơ hữu còn thiếu về số lượng và chưa đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn ở một số trường đại học.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
		<p>Cơ chế phân cấp, giao quyền tự chủ được đẩy mạnh. Đến nay đã có 23 cơ sở giáo dục đại học công lập đổi mới cơ chế hoạt động. Các cơ sở giáo dục được giao tự chủ toàn diện hơn trong các lĩnh vực hoạt động như học thuật, hợp tác quốc tế, chuyên môn, tài chính, nhân sự. Tuy nhiên, việc thực hiện tự chủ chưa gắn liền với đổi mới quản trị nhà trường. Nhiều cơ sở chưa nhận thức đúng và đầy đủ nên lúng túng trong thực hiện; một số cơ sở dựa vào lợi thế ngành để chú trọng tăng học phí và tăng chỉ tiêu tuyển sinh mà chưa chú trọng đúng mức đến nâng cao chất lượng đào tạo. Các trường đại học trực thuộc địa phương cũng chưa sẵn sàng chuyển bị tự chủ đại học. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.</p>	<p>Trong đào tạo nghệ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đang chỉnh sửa dự thảo quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo</p>



		<p>hướng tăng tính tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tăng tự chủ trong lựa chọn hình thức đào tạo, xây dựng và xác định chương trình đào tạo, chỉ tiêu đào tạo đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Bộ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện tiêu chí trường nghề chất lượng cao.</p>	
<p>4</p>	<p>Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở các cấp học, trình độ đào tạo. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động giảng dạy nghiên cứu, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao chất lượng đào tạo</p>	<p>Đề án điều chỉnh, bổ sung việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân cho giai đoạn 2017-2020 và những năm tiếp theo đang được xây dựng. Trong năm học 2016-2017, số lượng học sinh theo học chương trình tiếng anh 10 năm tăng đáng kể, ở cấp THCS tăng hơn 3 lần, cấp THPT tăng gần 2 lần. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy được đẩy mạnh, 100% cơ sở giáo dục đã kết nối internet tốc độ cao; 100% trường THPT có tối thiểu 1 phòng máy tính phục vụ giảng dạy môn tin học; khoảng 85% cơ sở đào tạo có cung cấp truy cập internet không dây; 70% trường có trung tâm dữ liệu. Kho bài giảng e-learning được xây dựng và cập nhật liên tục, chủ yếu tuyển chọn từ Cuộc thi quốc gia thiết kế bài giảng e-learning hàng năm.</p> <p>Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân đang được đẩy mạnh thực hiện. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã khảo sát điều kiện dạy và học ngoại ngữ tại một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, làm cơ sở cho việc xây dựng các chương trình tiếng anh chuyên ngành, xây dựng chương trình và giáo trình tiếng anh trình độ trung cấp, cao đẳng, xây dựng phần mềm để đánh giá đầu vào, đầu ra ở các bậc 1,2,3,4. Tuy nhiên, việc quản lý đào tạo tiếng anh tại một số cơ sở dạy nghề còn hạn chế; trình độ tiếng anh của người học nhìn chung chưa cao</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

5	<p>Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục mầm non, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Nâng cao hiệu quả đầu tư cho giáo dục, dành ngân sách thỏa đáng để cải thiện phòng học, thư viện, nhà vệ sinh; cải thiện điều kiện ăn ở, đi lại cho học sinh nội trú ở vùng sâu, vùng xa; bảo đảm công bằng trong giáo dục, đào tạo. Huy động sự tham gia của toàn xã hội để tăng nguồn đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ các hoạt động của cơ sở giáo dục, đào tạo, đặc biệt khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề. Tiếp tục khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo ngoài công lập</p>	<p>Các địa phương đang đẩy mạnh rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề. Ngành giáo dục đã thu hút được nguồn lực đáng kể của xã hội đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, mở rộng quy mô học sinh, sinh viên. Nguồn lực xã hội hóa đến từ cả các tổ chức, cá nhân trong nước (doanh nghiệp, phụ huynh học sinh, quyên tặng,...) và tổ chức, cá nhân nước ngoài (thành lập cơ sở đào tạo, giáo dục 100% vốn nước ngoài, liên kết,...).</p> <p>Tuy nhiên, nguồn lực thu hút đầu tư cho giáo dục, đào tạo chưa tương xứng với tiềm năng; mức độ huy động nguồn lực giữa các vùng, miền và giữa địa phương khác nhau. Một số địa phương triển khai còn chậm và lúng túng. Việc thu hút người học nghề ở các địa bàn khó khăn còn hạn chế, nhiều trường gần như không tuyển sinh được.</p> <p>Hoạt động trao đổi giảng viên, chuyên gia, sinh viên được đẩy mạnh; nhiều trường đã phối hợp với doanh nghiệp nước ngoài trong đào tạo nghề cho sinh viên. Nhiều chương trình giáo dục, đào tạo giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập trong nước đã được cơ sở giáo dục, đào tạo, kể cả của các nước phát triển thừa nhận và liên thông. Một số cơ sở giáo dục đã chủ động, tiên phong trong việc thúc đẩy quá trình tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới về dạy, học và quản lý giáo dục. Khung trình độ quốc gia từng bước được áp dụng trong đào tạo tin học, ngoại ngữ. Tuy nhiên, việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, chuyển giao công nghệ không đồng đều, chỉ thực hiện tại một số cơ sở giáo dục lớn trong nước</p>	<p>Triển khai chậm hoặc chưa triển khai</p> <p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
6	<p>Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình xây dựng, đổi mới chương trình và tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận chuyển giao chương trình tiên tiến của nước ngoài; thực hiện đào tạo theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam</p>		

7	Xây dựng các quy định về liên thông giữa các trình độ của giáo dục nghề nghiệp với giáo dục đại học, đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả trong đào tạo, tạo cơ hội học tập, phát triển năng lực cho người học	Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
8	Xây dựng Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến 2025 trên cơ sở rà soát, đánh giá thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 theo hướng thức đẩy gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, tạo chuyển biến nhanh và rõ nét trong phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế; nâng cao năng lực, trình độ quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp	Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang nghiên cứu, xây dựng dự thảo quy hoạch	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai
9	Xây dựng Đề án xây dựng đội ngũ Luật sư và các chuyên gia pháp luật quốc tế có đủ trình độ, năng lực và kinh nghiệm phục vụ giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế	Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1031/BTP-VP ngày 29/3/2017 gửi Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị không xây dựng Đề án, mà tiếp tục triển khai 2 Đề án là Đề án “Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020” và Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức các Bộ, ngành, địa phương về pháp luật quốc tế và giải quyết tranh chấp quốc tế giai đoạn 2016-2020” do có nội dung tương tự nhau (nhiệm vụ xin hủy)	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng

V	Phát triển và thúc đẩy chuyển giao khoa học - công nghệ		
1	Tập trung nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp tiến tới dịch chuyển trọng tâm và chủ thể của hoạt động nghiên cứu ứng dụng sang khu vực doanh nghiệp	Một số hoạt động đã được tổ chức như: Hoạt động tình diễn kết nối cung - cầu công nghệ với chuỗi các sự kiện trình diễn, giới thiệu công nghệ; tọa đàm thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ khu vực; diễn đàn đối thoại doanh nghiệp với ứng dụng và đổi mới công nghệ. Hoạt động xúc tiến phát triển thị trường công nghệ được triển khai thông qua các sàn giao dịch công nghệ, chợ công nghệ và thiết bị (techmart), techmart trực tuyến giới thiệu công nghệ và cung cấp thông tin công nghệ.	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng
2	Xây dựng chính sách nhập khẩu công nghệ cho giai đoạn đến 2025. Tập trung đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng để nhanh chóng nâng cao năng lực công nghệ trong nước, trình độ thiết kế, chế tạo, ứng dụng kỹ thuật và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên.	Bộ Khoa học và Công nghệ đang giao các đơn vị chức năng tiến hành nghiên cứu, học tập kinh nghiệm các quốc gia để xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách nhập khẩu công nghệ cho giai đoạn đến năm 2025. Luật Chuyển giao công nghệ 2017 quy định các nội dung về nhập khẩu công nghệ.	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai
3	Xây dựng, thực hiện các chương trình xúc tiến, chuyển giao công nghệ từ các nước có công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Bộ Khoa học và Công nghệ đang giao các đơn vị chức năng tiến hành nghiên cứu, học tập kinh nghiệm các quốc gia để thực hiện các chương trình xúc tiến, chuyển giao công nghệ từ các nước có công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai
4	Đề xuất các giải pháp hiệu quả thúc đẩy các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp Việt Nam, đặt cơ sở nghiên cứu phát triển (R&D) tại Việt Nam và sử dụng kỹ sư, nhà khoa học Việt Nam	Quốc hội đã ban hành Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đang xây dựng văn bản hướng dẫn Luật Chuyển giao công nghệ	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng

5	<p>Tăng cường cơ chế đổi ứng hợp tác công tư để khuyến khích doanh nghiệp triển khai các dự án đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển. Tăng quy mô tài chính cho các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư đổi mới công nghệ; mở rộng hình thức tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay từ các quỹ nhà nước cho dự án đổi mới công nghệ của doanh nghiệp; hình thành thiết chế bảo lãnh vốn vay đổi mới công nghệ, đổi mới công nghệ để doanh nghiệp có thể vay vốn từ các ngân hàng thương mại</p>	<p>Bộ đã ban hành Thông tư số 11/2017/TT-BKHCN ngày 11/8/2017 quy định quản lý thực hiện Đề án “Thí điểm cơ chế hợp tác công- tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ KHCN”; đang phối hợp với Bộ Tài chính để nghiên cứu xây dựng quy định về hỗ trợ vốn, cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất và bảo lãnh vốn vay đối với các dự án đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp từ các quỹ nhà nước, đồng thời phối hợp với Ngân hàng Nhà nước để đề xuất thí điểm cơ chế hỗ trợ lãi suất cho vay đối với các dự án đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Quy đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia tiếp tục thực hiện cơ chế tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
6	<p>Chú trọng nâng cao trình độ cán bộ kỹ thuật, quản trị công nghệ và quản lý, quản trị doanh nghiệp; xây dựng chính sách khuyến khích chuyển dịch lao động trình độ cao từ các viện nghiên cứu, trường đại học sang khu vực doanh nghiệp</p>	<p>Đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản trị công nghệ và quản lý, quản trị doanh nghiệp còn hạn chế. Nếu quy đổi toàn thời gian (FTE), số lượng cán bộ nghiên cứu và phát triển công nghệ (R&amp;D) của Việt Nam chỉ đạt 7 người/vạn dân. Chính sách trọng dụng, sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ đã được triển khai, bước đầu thu hút nhà khoa học trẻ, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
7	<p>Đầu tư hình thành và vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin công nghệ, chuyên gia công nghệ, trung gian công nghệ để hỗ trợ doanh nghiệp lựa chọn công nghệ cần đổi mới, chuyển giao. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ, đánh giá, định giá tài sản trí tuệ và góp vốn doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ</p>	<p>Bộ Khoa học và Công nghệ đã bố trí nguồn lực để triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ gồm: Cơ sở dữ liệu tài liệu khoa học và công nghệ Việt Nam, cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ sở dữ liệu về thông tin khoa học và công nghệ trong khu vực và trên thế giới; cơ sở dữ liệu về công nghệ, thiết bị và thị trường khoa học và công nghệ. Bộ đang triển khai Dự án “Xây dựng hệ thống thông tin tích hợp phục vụ công tác thẩm định đơn sở</p>	<p>Triển khai chậm hoặc chưa triển khai</p>

	hữu trí tuệ”, thực hiện tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn, giải đáp những vướng mắc của doanh nghiệp về xác lập quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ và quản lý, phát triển tài sản trí tuệ. Năm 2017, Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 đã tiếp nhận 279 đề xuất hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ. Năm 2016 và 9 tháng đầu năm 2017, Cục Sở hữu trí tuệ đã cung cấp 265 ý kiến chuyên môn cho các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ còn nhiều hạn chế, tình trạng vi phạm sở hữu trí tuệ chưa được khắc phục.	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng	
8	Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hình thành lực lượng doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tiềm năng tăng trưởng cao, có sản phẩm dịch vụ hướng tới xuất khẩu ra thị trường quốc tế	Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng kế hoạch tổng thể triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”, xây dựng Thông tư quản lý Đề án, xây dựng tiêu chí chuyên gia, phối hợp với các đơn vị tổ chức hoạt động liên kết, kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Bộ đã tổ chức Ngày hội khởi nghiệp quốc gia 2017 (techfest 2017), thu hút trên 4.500 lượt người tham dự, 29 thương vụ đầu tư ký kết với tổng giá trị 4,5 triệu USD. Bộ cũng tạo điều kiện phát triển hơn 40 vườn ươm công nghệ.	Triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng
9	Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn đổi mới và thực hành tốt nhất về năng suất để phục vụ doanh nghiệp	Bộ đã triển khai xây dựng hệ thống dữ liệu	
<b>VI</b>			
1	Xây dựng đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trong tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 trong năm 2017	Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017	
		Đã triển khai và có kết quả rõ ràng	

2	Ban hành danh mục cụ thể ngành nghề, lĩnh vực đầu tư nhà nước theo quy định tại Luật quản lý sử dụng vốn đầu tư nhà nước vào sản xuất kinh doanh trong năm 2017	Chính phủ ban hành Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
3	Hoàn thiện Đề án thành lập cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước trong năm 2017	Đề án đã được thông qua. Hiện nay, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đang trong quá trình kiện toàn bộ máy, tổ chức hoạt động	Triển khai, kết quả rõ ràng
4	Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước rà soát, tập hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền trước tháng 6 năm 2017 về các dự án thua lỗ kéo dài, không có khả năng phục hồi; thực hiện xử lý theo thẩm quyền, kể cả giải pháp phá sản và hoàn thành xử lý trước tháng 6 năm 2018	Các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh đã rà soát, tập hợp, báo cáo	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
5	Các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập hợp, trước tháng 6 năm 2017 công bố đầy đủ danh mục doanh nghiệp nhà nước không cần nắm giữ trên 50% sở hữu thuộc thẩm quyền quản lý, bao gồm kế hoạch và lộ trình thoái vốn hàng năm đảm bảo hoàn thành thoái vốn trước năm 2019	Các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh đã tập hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm cơ sở xây dựng Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020 (theo Quyết định số 1232/QĐ-PTg ngày 17/8/2017)	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
6	Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước xây dựng kế hoạch và thực hiện cơ cấu lại toàn diện giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025, gồm cơ cấu lại về sở hữu, ngành, nghề đầu tư kinh doanh và sản phẩm, cơ cấu	Hầu hết các tập đoàn, tổng công ty đã xây dựng phương án cơ cấu lại, tuy nhiên, việc tổ chức còn thụ động, chậm trễ và thiếu hiệu quả	Đã triển khai và có kết quả bước đầu

	lại tài chính và danh mục đầu tư, đổi mới công nghệ và quản lý, áp dụng quản trị hiện đại theo thông lệ quốc tế		
7	Hoàn thành việc chuyển giao các doanh nghiệp thuộc diện chuyển giao về SCIC trước tháng 12 năm 2017	Qua 10 năm hoạt động, vốn nhà nước do SCIC tiếp nhận quản lý mới khoảng 1% tổng số vốn nhà nước tại doanh nghiệp (theo giá trị sổ sách); 99% vốn nhà nước tại doanh nghiệp vẫn do các Bộ, địa phương quản lý	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai
8	Thực hiện đúng kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư của Nhà nước một cách công khai, minh bạch theo cơ chế thị trường; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán, không để xảy ra thất thoát vốn, tài sản nhà nước; có cơ chế kiểm soát phù hợp nguồn vốn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp; các doanh nghiệp cổ phần hóa phải đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán trong thời hạn một năm kể từ ngày phát hành cổ phiếu lần đầu; thu hút nhà đầu tư chiến lược có năng lực, giám trị lệ sở hữu nhà nước xuống mức đủ để thay đổi quản trị doanh nghiệp một cách thực chất	Việc sáp xếp, cổ phần hóa tiến triển chậm, DNNN và các doanh nghiệp do Nhà nước giữ cổ phần chi phối, đặc biệt là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước vẫn còn ở không ít ngành, lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ. Tỷ lệ vốn nhà nước được cổ phần hóa và bán ra ngoài xã hội còn thấp, làm hạn chế đáng kể đến kết quả thực hiện các mục tiêu sáp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước đã đề ra. Năm 2017 mới thực hiện thoái vốn tại 10 doanh nghiệp theo Quyết định 1232/QĐ-TTg; trong đó có 8 doanh nghiệp theo kế hoạch thoái vốn năm 2017, 2 doanh nghiệp theo kế hoạch năm 2018.	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai
<b>VII</b>	<b>Cơ cấu lại thị trường tài chính, trọng tâm là các tổ chức tín dụng</b>		
1	Tiếp tục lan mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao năng lực quản trị của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế; từng bước xử lý và xóa bỏ tình trạng đầu tư chéo, sở hữu chéo trong các tổ chức tín dụng có liên quan; đẩy mạnh thoái vốn	Xử lý nợ chéo trong các TCTD tiếp tục được đẩy mạnh. Số TCTD có cổ đông sở hữu cổ phần trên 15% vốn điều lệ giảm từ 19 TCTD xuống còn 4 TCTD; cổ đông và người liên quan sở hữu cổ phần chiếm trên 20% vốn điều lệ giảm từ 11 TCTD xuống còn 2 TCTD. Thoái vốn ngoài ngành của các ngân hàng thương mại tiếp tục được đẩy mạnh, trong 6 tháng	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng



	<p>ngoài ngành của các ngân hàng thương mại; đến năm 2020, các ngân hàng thương mại cơ bản có mức vốn tự có theo chuẩn mực của Basel II, trong đó ít nhất 12 - 15 ngân hàng thương mại áp dụng thành công Basel II (phương pháp tiêu chuẩn trở lên)</p>	<p>đầu năm 2017 có 2 ngân hàng thương mại nhà nước thực hiện thoái vốn tại 4 doanh nghiệp với tổng số tiền thu về là hơn 825 tỷ đồng. Về áp dụng Basel II tại các NHTM, NHNN đã ban hành khuôn khổ pháp lý đầy đủ để thực hiện Chuẩn mực vốn Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn. Đồng thời, đến nay, NHNN đã nhận được văn bản đăng ký của 04 NHTM áp dụng Thông tư 41 kể từ ngày 01/01/2019 và theo báo cáo của các NHTM Basel II, trong thời gian tới 06 NHTM Basel II sẽ đăng ký áp dụng Thông tư 41 từ năm 2019".</p>	
<p>2</p>	<p>Khẩn trương tổ chức thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 sau khi được phê duyệt</p>	<p>Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017. Tuy nhiên, quá trình tổ chức triển khai còn hạn chế, đặc biệt trong việc phối hợp giữa Ngân hàng Nhà nước với các Bộ, ngành, địa phương trong xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng</p>	<p>Đang triển khai chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p>3</p>	<p>Hoàn thành cơ bản việc cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu bằng các hình thức phù hợp với cơ chế thị trường trên nguyên tắc thận trọng, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và ổn định, an toàn hệ thống</p>	<p>NHNN đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-NHNN ngày 20/7/2017 về việc thực hiện Nghị quyết 42 của Quốc hội về thi điểm xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng và Quyết định 1058/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Nợ xấu đã được xử lý theo hướng thực chất hơn. Từ ngày 15/8-30/9/2017, đã xử lý được khoảng 14,3 nghìn tỷ đồng nợ xấu (xác định theo Nghị quyết 42), trong đó chủ yếu là xử lý bằng khả năng tài chính của các TCTD (khoảng 5.040 tỷ đồng), hình thức khác (2.078 tỷ đồng), khách hàng trả nợ (6380 tỷ đồng). Xử lý bằng việc bán cho VAMC chỉ có 8,2 tỷ đồng. Tuy nhiên, tỷ lệ bán nợ (chủ yếu là bán cho VAMC) vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu xử lý nợ xấu của các TCTD.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

4	Xây dựng Luật cơ cấu lại tổ chức tín dụng và xử lý nợ cấu trong năm 2017	Quốc hội đã ban hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng (Luật số 17/2017/QH14)	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
5	Tăng cường thanh tra, giám sát quản trị rủi ro các tổ chức tín dụng	Công tác thanh tra, giám sát ngân hàng tiếp tục được tăng cường. NHNN đã ban hành nhiều văn bản cảnh cáo các đơn vị trong toàn ngành về rủi ro và các hành vi vi phạm để chủ động ngăn chặn, phòng ngừa; ban hành Chỉ thị 07/CT-NHNN về tăng cường phòng chống, ngăn ngừa vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động ngân hàng, góp phần ổn định tiền tệ, tài chính. Tuy nhiên, hoạt động thanh tra, giám sát hệ thống ngân hàng cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện để đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn về quản lý hoạt động của TCTD trong tình hình mới..	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng
6	Nghiên cứu, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan	Quốc hội đã ban hành Luật Đấu giá tài sản. Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản và ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra tập sự, kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
7	Đảm bảo phối hợp giữa cơ quan thi hành án dân sự các cấp với Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) và các tổ chức tín dụng trong quá trình thi hành bản án, quyết định của Tòa án về xử lý tài sản bảo đảm;	Bộ Tư pháp đã phối hợp với VAMC tháo gỡ khó khăn, hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương và trả lời các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức tín dụng về nội dung liên quan đến nghiệp vụ thi hành án dân sự, nhất là xử lý tài sản đảm bảo. Tổng cục	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng

	<p>phối hợp giữa Tổng cục thi hành án dân sự với các tổ chức tín dụng rà soát, tổng hợp các bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án chưa được thi hành hoặc đang được thi hành dở dang, đẩy nhanh thi hành án các vụ án còn tồn đọng</p>	<p>Thi hành án dân sự đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn để áp dụng trên toàn quốc đối với một số trường hợp phổ biến. Bộ tiếp tục phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao tổng hợp bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án chưa được thi hành, đẩy nhanh thi hành các vụ án còn tồn đọng. Tuy nhiên do có một số vụ việc chưa xử lý được tài sản; số án có giá trị thi hành lớn thụ lý vào dịp cuối năm tăng, một số việc phức tạp khó giải quyết nên chỉ tiêu giảm số tiền chuyển kỳ sau không đạt chỉ tiêu giao. Kết quả tổ chức thi hành các vụ việc liên quan đến tín dụng ngân hàng tuy có tăng về mặt số học nhưng tỉ lệ giải quyết xong trên số có điều kiện thi hành đạt thấp; số lượng việc tồn đọng vẫn còn nhiều, thời gian thi hành án còn kéo dài. Công tác phối hợp giữa cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên với một số tổ chức tín dụng, ngân hàng trong việc xác minh điều kiện thi hành án, phối hợp giải quyết thi hành án đối lúc chưa chặt chẽ, kịp thời và hiệu quả.</p>	
<p><b>VIII</b></p>	<p><b>Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công</b></p>		
<p>1</p>	<p>Xây dựng Đề án cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 trong năm 2017</p>	<p>Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 12/1/2018 Phê duyệt Đề án Cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025</p>	<p>Đã triển khai và có kết quả rõ ràng</p>
<p>2</p>	<p>Xây dựng Đề án hoàn thiện thể chế lựa chọn sắp xếp thứ tự ưu tiên phê duyệt dự án đầu tư công và đánh giá hiệu quả sau đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2025 trong năm 2018</p>	<p>Đề án đang trong quá trình xây dựng</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

3	Hoàn thiện hệ thống quản lý đầu tư công theo thông lệ quốc tế đảm bảo đến năm 2019 đạt chất lượng tương đương trung bình các nước ASEAN-4, trong đó ưu tiên đổi mới cách thức lập và thẩm định, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư công	Hệ thống quản lý đầu tư công nhìn chung chậm được đổi mới, chưa đổi mới được cách thức lập, thẩm định, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư công. Dự thảo Luật sửa đổi Luật Đầu tư công đang được xây dựng, tuy nhiên mới chỉ tập trung vào một số nội dung còn mâu thuẫn với luật khác (như Luật Xây dựng), sửa đổi quy định tạo thuận lợi hơn cho giải ngân vốn đầu tư công, mà chưa tập trung vào các vấn đề thay đổi thực chất quy trình quản lý đầu tư công phù hợp với thông lệ quốc tế.	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai
4	Tăng cường đối thoại chính sách với cộng đồng doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư (xúc tiến đầu tư tại chỗ)	Tổ công tác thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư tiếp tục hoạt động hiệu quả, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Diễn đàn doanh nghiệp hàng năm được tổ chức để lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp. Tại địa phương, các chương trình gặp gỡ, tiếp xúc doanh nghiệp được tổ chức theo định kỳ để hỗ trợ, giải quyết vướng mắc cho doanh nghiệp.	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
5	Tiếp tục hoàn thiện chính sách và cơ chế về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo hướng chuyển từ cơ chế cấp phát sang cơ chế cho vay lại gắn với tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay	Tiếp tục thực hiện Đề án Định hướng thu hút, quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thời kỳ 2016-2020 (Quyết định số 251/QĐ-TTg ngày 17/2/2016), Chính phủ ban hành Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28/4/2017 Về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng
6	Rà soát, công bố công khai nội dung, nhiệm vụ cần thu hút đầu tư của xã hội để có chính sách khuyến khích cụ thể để thu hút đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Thủ tướng Chính phủ danh mục 108 dự án PPP ưu tiên triển khai trong giai đoạn 2016 - 2020, gồm 68 dự án ưu tiên cấp quốc gia và 40 dự án ưu tiên cấp địa phương, với tổng mức	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng

		<p>đầu tư khoảng 375.000 tỷ đồng, trong đó nhu cầu vốn nhà nước tham gia vào các dự án PPP là 120.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, danh mục dự án này chưa được công khai. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đang xem xét, xây dựng hồ sơ để xuất xây dựng Luật PPP</p>	
7	<p>Hoàn thiện, triển khai thống nhất trên toàn quốc hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước (bao gồm cơ sở dữ liệu về các dự án đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước, hỗ trợ phát triển chính thức ODA, trái phiếu Chính phủ...); xây dựng quy định bảo đảm triển khai hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin; hướng dẫn các bộ, ngành trung ương và địa phương sử dụng trong công tác quản lý, lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng hệ thống thông tin về các dự án đầu tư công (dự án sử dụng NSNN, ODA, và được công khai tại website <a href="http://giamtsatdautuquocgia.mpi.gov.vn">http://giamtsatdautuquocgia.mpi.gov.vn</a> Tuy nhiên, các thông tin công khai là khá hạn chế, chỉ gồm tên dự án, chủ đầu tư, tình trạng của dự án, mà chưa có thông tin về tổng vốn đầu tư và các thông tin khác liên quan đến vốn. Bộ đã ban hành các hướng dẫn để các địa phương, Bộ, ngành cập nhật thông tin trên website</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
8	<p>Triển khai quyết liệt các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước; ngăn chặn, xử lý nghiêm tình trạng chuyển giá, trốn thuế của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài</p>	<p>Việc phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước tiếp tục được triển khai. Công tác thanh tra chống chuyển giá được đẩy mạnh, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đã yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai thanh tra kiểm tra thuế, chống thất thu NSNN, chống chuyển giá; tích cực triển khai các ứng dụng kiểm tra hồ sơ kê khai thuế; tăng cường thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế, chú trọng thanh tra các doanh nghiệp có giao dịch liên kết, có dấu hiệu chuyển giá... Năm 2017, đã truy thu hơn 3000 tỷ đồng tiền chuyển giá qua thanh tra, kiểm tra gần 1.300 doanh nghiệp.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

<p>9</p>	<p>Nghiên cứu xây dựng Đề án hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật, suất đầu tư và giá trong lĩnh vực xây dựng trong năm 2017</p>	<p>Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 18/12/2017 Phê duyệt Đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng</p>	<p>Đã triển khai và có kết quả rõ ràng</p>
<p>10</p>	<p>Xây dựng cơ sở dữ liệu giá xây dựng, thực hiện công bố chỉ số giá xây dựng trên cả nước theo đúng quy định</p>	<p>Bộ Xây dựng thường xuyên rà soát hệ thống định mức xây dựng để công bố áp dụng, đến nay Bộ Xây dựng đã công bố được hơn 12.500 định mức phục vụ cho việc xác định giá xây dựng. Bộ Xây dựng đã tổ chức xác định, lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương hoàn thiện và ban hành tập Suất vốn đầu tư và Giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình hàng năm. Bộ cũng đã xây dựng chỉ số giá xây dựng quốc gia gửi Tổng cục Thống kê công bố áp dụng trên phạm vi cả nước theo đúng quy định.</p>	<p>Đã triển khai và có kết quả rõ ràng</p>
<p>11</p>	<p>Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng chuyên ngành đảm bảo đồng bộ đáp ứng yêu cầu quản lý</p>	<p>Một số Bộ, ngành đã ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện Thông tư số 35/2017/TT-BTC ngày 25/4/2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo và phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung do cơ quan Trung ương thực hiện thẩm định; đã hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai Thông tư số 30/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 về quản lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu; ban hành Thông tư 20/2017/TT-BTNMT ngày 8/8/2017 về Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường; ban hành Thông tư số 30/2017/TT-</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

		<p>BTNMT ngày 11/9/2017 Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước.</p> <p>Bộ Giao thông vận tải đã ban hành 3 tiêu chuẩn cơ sở, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, công bố 14 tiêu chuẩn Việt Nam, tích cực triển khai thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, kết quả nghiên cứu ứng dụng để tài trong công tác xây dựng, bảo trì công trình giao thông.</p> <p>Bộ Khoa học và Công nghệ công bố hơn 900 Tiêu chuẩn quốc gia, trong đó có 530 Tiêu chuẩn Việt Nam do Bộ xây dựng và hơn 400 Tiêu chuẩn Việt Nam do các bộ, ngành khác xây dựng. Bộ cũng sửa đổi, xây dựng mới 9 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành khác để hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật chuyên ngành; tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ và thẩm định 71 dự thảo quy chuẩn Việt Nam của các Bộ, ngành để nghị; tham gia ban soạn thảo và góp ý xây dựng dự thảo 65 quy chuẩn Việt Nam.</p>	
12	<p>Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá xây dựng, suất đầu tư của các ngành kinh tế để quản lý chặt chẽ, tiết kiệm đầu tư công</p>	<p>Nhiều Bộ, ngành đã rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá xây dựng, suất đầu tư của các ngành kinh tế. Tuy nhiên, một số quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá, suất đầu tư trong một số ngành, lĩnh vực chậm đổi mới. Việc xây dựng đơn giá xây dựng, suất đầu tư của các công trình giao thông chưa được thực hiện tốt. Định mức chi khoa học và công nghệ chưa có nhiều đổi mới.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

<b>Đổi mới, cơ cấu lại khu vực sự nghiệp công lập</b>		
<b>IX</b>		
1	<p>Trước tháng 6 năm 2017 rà soát, tập hợp và phân loại các đơn vị sự nghiệp công lập trong ngành, lĩnh vực và địa phương thuộc thẩm quyền quản lý; xác định các loại dịch vụ được chi trả hoàn toàn bằng ngân sách, dịch vụ do người tiêu dùng chi trả một phần và các dịch vụ do người tiêu dùng chi trả toàn phần</p>	<p>Thủ tướng Chính phủ đã ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong nhiều ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế,...</p>
2	<p>Hoàn thành tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý đối với giá các loại dịch vụ được ngân sách nhà nước chi trả toàn phần hoặc một phần và giá các dịch vụ có sự điều tiết của nhà nước; điều chỉnh giá các loại dịch vụ công theo cơ chế thị trường gắn với hỗ trợ đối tượng chính sách và người nghèo; đồng thời thực hiện giao quyền tự chủ đầy đủ về tài chính, tổ chức, biên chế và hoạt động cho các đơn vị cung cấp các loại dịch vụ nói trên.</p>	<p>Các Bộ tiếp tục rà soát, điều chỉnh mức giá dịch vụ đảm bảo tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo (Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội), y tế (Bộ Y tế)</p>
3	<p>Đối với các đơn vị và các loại dịch vụ công khác, thực hiện đầy đủ tự do hóa thị trường; các đơn vị dịch vụ công tương ứng được tự do kinh doanh, cung ứng dịch vụ công, tự chủ thỏa thuận và quyết định giá theo quy luật thị trường; đồng thời, nâng cao trách nhiệm xã hội của các đơn vị sự nghiệp</p>	<p>Trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo, y tế, dịch vụ nông nghiệp, giá một số dịch vụ từng bước được điều chỉnh theo cơ chế thị trường. Mức học phí đã được áp dụng theo giá thị trường với các cơ sở đào tạo ngoài nhà nước và các cơ sở giáo dục thực hiện cơ chế tự chủ. Đối với các người sử dụng dịch vụ y tế tự nguyện, các cơ sở y tế ngoài nhà nước, giá dịch vụ đã được thực hiện theo cơ chế thị trường. Giá các dịch vụ nông nghiệp đã thực hiện theo giá thị trường, các đơn vị dịch vụ công</p>



		tương ứng được tự do kinh doanh, cung ứng dịch vụ công, tự chủ thỏa thuận và quyết định giá	
4	Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện, trừ các bệnh viện, trường học; giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động kém hiệu quả; không để cổ phần hóa thành tư nhân hóa và xã hội hóa thành thương mại hóa dịch vụ công thiết yếu	Các Bộ đang thực hiện rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng
5	Xây dựng Đề án đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập trong năm 2017	Đề án đã được thông qua, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
6	Nâng cao chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực bố trí tư pháp như công chứng, bán đấu giá tài sản, giám định tư pháp, trợ giúp pháp lý, thừa phát lại, quản lý, thanh lý tài sản, đồng thời triển khai thực hiện tốt các chiến lược, quy hoạch, đề án trong các lĩnh vực này, bảo đảm sự phát triển bền vững, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế, góp phần bảo đảm vận hành thông suốt của cơ chế thị trường có quản lý của Nhà nước	Bộ Tư pháp tiếp tục hoàn thiện Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp và Danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp. Trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, Bộ tiếp tục rà soát, xây dựng phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực này (đã tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 04/7/2017, xây dựng và đưa vào phần mềm cung ứng dịch vụ công cấp độ 3 trong lĩnh vực cấp Chứng chỉ hành nghề quản tài viên, cấp Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài. Bộ đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện thể chế để nâng cao chất lượng dịch vụ công thuộc một số lĩnh vực như thừa phát lại, quản lý, thanh lý tài sản (trình Chính phủ dự thảo Nghị định về thừa phát lại, phối hợp với Bộ Kế hoạch và	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng

		<p>Đầu tư xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định 22/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. Đối với lĩnh vực trợ giúp pháp lý, đã tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật Trợ giúp pháp lý.</p> <p>Tuy nhiên, chất lượng một số dịch vụ công của Bộ vẫn chưa cao. Chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý chưa cao, một số vụ việc tham gia tố tụng còn yếu, chưa có nhiều vụ việc trợ giúp pháp lý được thực hiện từ giai đoạn điều tra hình sự, vụ việc trợ giúp pháp lý tố tụng dân sự, tố tụng hành chính còn khá hạn chế.</p>	
<b>X</b>		<b>Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới</b>	
1	<p>Nghiên cứu điều chỉnh Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng gắn với xây dựng nông thôn mới có hiệu quả, thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường; chuyển mạnh từ sản xuất lấy số lượng làm mục tiêu sang sản xuất nâng cao chất lượng, hiệu quả, có giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng để lựa chọn phát triển các sản phẩm phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương, từng vùng và cả nước.</p>	<p>Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 Phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020. Trên cơ sở lợi thế và nhu cầu thị trường, Đề án đã xác định 3 nhóm sản phẩm đến năm 2020 để tập trung phát triển, bao gồm nhóm chủ lực quốc gia, nhóm chủ lực cấp tỉnh, các địa phương, sản phẩm đặc sản địa phương. Đồng thời, Đề án xác định các nhóm giải pháp theo hướng tập trung vào phát triển các nhóm sản phẩm, thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường; chuyển mạnh từ sản xuất lấy số lượng làm mục tiêu sang sản xuất nâng cao chất lượng, hiệu quả, có giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng để lựa chọn phát triển các sản phẩm phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương, từng vùng và cả nước.</p>	<p>Đã triển khai và có kết quả rõ ràng</p>

	<p>Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sản xuất nông nghiệp, đảm bảo phát huy lợi thế của từng vùng, địa phương và tạo vùng nguyên liệu bền vững cho công nghiệp chế biến nông sản đáp ứng nhu cầu thị trường. Rà soát, điều chỉnh diện tích đất trồng lúa ở mức hợp lý, chuyển sang các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị cao.</p>	<p> cơ sở Quyết định 1819/QĐ-TTg, các địa phương đã triển khai xây dựng kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp của địa phương</p> <p>Các quy hoạch nông nghiệp từng bước được điều chỉnh lại trên cơ sở phát huy lợi thế của địa phương, nhu cầu thị trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, quy mô mang tính toàn quốc và liên vùng. Thông tư liên tịch quy định cụ thể việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa (hướng dẫn Nghị định 01/2017/NĐ-CP) nhằm thúc đẩy việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng đang được xây dựng. Tuy nhiên, vấn đề quản lý thực hiện quy hoạch còn hạn chế, tình trạng trồng tự phát, vượt quy hoạch diễn ra phổ biến ở nhiều địa phương mà chưa có biện pháp quản lý hiệu quả.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p>3</p>	<p>Nghiên cứu, rà soát và tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất mới, hiệu quả đã được kiểm chứng; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ ở cả trong nước và ngoài nước; chuyển mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn; xây dựng chương trình phát triển hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp.</p>	<p>Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 Phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đang xây dựng Nghị định về liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản. Nhiều mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa gạo, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị đã được phát triển; tổng diện tích thực hiện mô hình cánh đồng lớn liên kết xây dựng là khoảng trên 600 nghìn ha. Chăn nuôi công nghiệp công nghệ cao đang có xu hướng phát triển mạnh, thu hút nhiều doanh nghiệp lớn như TH, Bình Hà, DABACO. Tuy nhiên, việc thu hút doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp công nghệ cao còn hạn chế; các mô hình hợp tác xã đạt hiệu quả chưa cao. Các mô hình tổ chức sản xuất mới còn phân tán,</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

		chưa trở thành xu hướng chính trong phát triển nông nghiệp của các địa phương.	
4	Tăng cường các biện pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Tập trung phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn. Phấn đấu đến năm 2020 khoảng 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cơ bản được thực hiện tốt, hoàn thành mục tiêu đề ra (Đến cuối năm 2018 dự kiến có khoảng 40-41% số xã đạt chuẩn NTM, năm 2019 sẽ đạt khoảng 47% số xã đạt chuẩn NTM. Dự kiến đến hết năm 2020 sẽ vượt mục tiêu 50% số xã đạt chuẩn).	Đã triển khai và đạt kết quả rõ ràng
5	Ban hành các quy định, chính sách nhằm thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.	Đã ban hành các chính sách: Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 58/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về bảo hiểm NN; Đang xây dựng Nghị định sửa đổi nghị định 55/2015/NĐ-CP về tín dụng nông nghiệp, nông thôn	Đã triển khai và đạt kết quả rõ ràng
6	Tiếp tục đầu tư đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng thương hiệu nông sản, thủy sản Việt Nam. Đồng thời tiếp tục đầu tư phát triển, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; tăng cường năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, hợp tác sử dụng có hiệu quả, bền vững nguồn nước xuyên quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng Chương trình phát triển thương hiệu nông sản chủ lực đến năm 2020, trong đó để xuất tập trung vào năm mặt hàng có thế mạnh là xoài, thanh long, chè, cà-phê và cá tra. Tuy nhiên, việc phát triển thương hiệu nông sản, thủy sản Việt Nam còn hạn chế. 90% nông sản của Việt Nam hiện vẫn xuất khẩu dưới dạng thô với giá thấp hơn các sản phẩm cùng loại của nhiều nước khác. Có đến hơn 80% nông sản chưa xây dựng được thương hiệu, chưa có logo, nhãn mác, buộc phải bán ra thị trường thế giới thông qua các thương hiệu nước ngoài.	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng

7	<p>Nghiên cứu sửa đổi, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng sửa đổi. Thúc đẩy toàn diện việc áp dụng VietGAP và các tiêu chuẩn tương tự trong sản xuất nông nghiệp, phát triển mạnh thị trường các nông sản áp dụng VietGAP.</p>	<p>Các quy trình sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường được phổ biến nhân rộng, xây dựng VietGAP cho rau, quả tươi. Sản xuất lúa gạo đã áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường, tăng cường ứng dụng cơ giới hóa, giảm chi phí và tổn thất. Nhiều cơ sở chăn nuôi công nghiệp được xây dựng theo mô hình trang trại chăn nuôi tập trung áp dụng công nghệ cao hoặc chăn nuôi khép kín từ con giống, vật tư đầu vào đến khâu sản xuất và sản phẩm đầu ra. Đến nay, cả nước có hơn 200 mô hình vật tư chăn nuôi áp dụng VietGAP được cấp chứng nhận với quy mô khá lớn. Tuy nhiên, công tác hậu kiểm còn hạn chế, dẫn đến khó khăn trong phân biệt các sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất sạch, sản xuất tiêu chuẩn với các sản phẩm khác trên thị trường</p>	<p>Đã triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
8	<p>Nghiên cứu sửa đổi các biện pháp, chính sách khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh nông, lâm, thủy sản; phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, góp phần tạo việc làm và chuyển đổi cơ cấu lao động nông nghiệp, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.</p>	<p>Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn là một giải pháp để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào phát triển công nghiệp chế biến. Công nghiệp chế biến nông sản từng bước được đổi mới đã tạo cơ hội cho các sản phẩm nông sản Việt Nam xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ, Úc. Tuy nhiên, nhìn chung các khuyến khích hiện hành chưa tạo đột phá trong ngành chế biến nông sản của Việt Nam. Các sản phẩm xuất khẩu vẫn chủ yếu là sản phẩm sơ chế thô, làm nguyên liệu đầu vào cho chế biến tinh tại một số nước khác</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
9	<p>Tập trung đầu tư phát triển, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; tăng cường năng lực phòng,</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan trong phân bổ vốn</p>	

	<p>chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, hợp tác sử dụng có hiệu quả, bền vững nguồn nước xuyên quốc gia; bảo vệ môi trường sinh thái</p>	<p>và thực hiện các dự án đầu tư công cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Đã thực hiện ưu tiên nguồn lực để phòng chống, giảm nhẹ thiên tai; Khắc phục hạn mặn ĐBSCL; Khắc phục sạt lở ĐBSCL; Khắc phục, sửa chữa hệ thống đê điều sau bão lũ; Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa. Mỗi năm dự phòng NSTW bố trí thêm cho công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai khoảng 8-10 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, hệ thống hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, trồng trọt mặc dù đã được đẩy mạnh đầu tư, nhưng do nguồn vốn hạn chế nên vẫn chưa đạt yêu cầu để ra.</p>	<p>Đang triển khai những chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p>10</p>	<p>Bảo đảm việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định, bảo đảm tài nguyên đất đai được bố trí sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng vùng, từng địa phương; Khắc phục tình trạng quy hoạch không ổn định, xung đột về sử dụng đất giữa các lĩnh vực, giữa các ngành hàng trong cùng một lĩnh vực có tác động tiêu cực đến quyền và lợi ích của các nhà đầu tư</p>	<p>Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Chính phủ phê duyệt; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cấp quốc gia đã được Quốc hội thông qua. Hiện nay, các tỉnh đang hoàn thiện báo cáo điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo ý kiến của Hội đồng thẩm định để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua trước khi trình Chính phủ phê duyệt.</p> <p>Tuy nhiên, ở một số địa phương vẫn còn tình trạng chưa đồng bộ, chưa có sự thống nhất giữa các quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất với các quy hoạch khác có liên quan như yêu cầu trong Nghị quyết số 134/2016/QH13 của Quốc hội; vẫn còn tình trạng chưa kịp thời hủy bỏ, điều chỉnh quy hoạch các dự án treo gây bức xúc trong dư luận.</p>	<p>Đang triển khai những chưa có kết quả rõ ràng</p>

<p><b>XI</b></p>	<p><b>Cơ cấu lại một cách thực chất các ngành công nghiệp</b></p>		
<p>1</p>	<p>Đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân trong các ngành công nghiệp ưu tiên theo hướng hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm. Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trước năm 2018 Quyết định về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tư nhân lớn đầu tư dài hạn, tạo dựng sản phẩm và thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh trong nước và quốc tế.</p>	<p>Hiện nay, chưa có chính sách riêng để hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân trong các ngành công nghiệp ưu tiên. Các hỗ trợ khu vực tư nhân hiện hành được thực hiện theo các luật có liên quan. Bộ Công Thương đang xây dựng dự thảo Quyết định về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tư nhân lớn đầu tư dài hạn, tạo dựng sản phẩm và thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh trong nước và quốc tế</p>	<p>Triển khai chậm hoặc chưa triển khai</p>
<p>2</p>	<p>Rà soát, điều chỉnh chính sách phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn. Xây dựng chính sách phát triển dịch vụ tư vấn đầu tư công nghiệp; phát triển và nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu về công nghiệp Việt Nam (bao gồm cả hệ thống cơ sở dữ liệu về công nghiệp hỗ trợ).</p>	<p>Một số chính sách lớn để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm được ban hành như: Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/1/2017 ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025; Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 07/2/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành điện giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; đang nghiên cứu, hoàn thiện Quyết định của Thủ tướng về chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm giai đoạn 2017 đến 2025. Tuy nhiên, Cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp (bao gồm công nghiệp hỗ trợ) chưa được vận hành đầy đủ.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p>3</p>	<p>Nghiên cứu xây dựng Nghị quyết về chính sách và giải pháp cơ bản thúc đẩy công nghiệp Việt Nam tăng trưởng nhanh và bền vững trong bối cảnh hội nhập trong năm 2017</p>	<p>Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 về Định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	<p>Đã triển khai và có kết quả rõ ràng</p>

4	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và thực hiện hiệu quả các quy định về khuyến công, nhằm phát triển bền vững công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khu vực nông thôn gắn với bảo vệ môi trường.	3 Thông tư để tạo thuận lợi cho phát triển bền vững công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn đã được ban hành hoặc đang trong quá trình dự thảo là: Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017, Thông tư sửa đổi Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013, Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng
<b>XII</b>	<b>Cơ cấu lại và phát triển nhanh các ngành dịch vụ, duy trì tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP</b>		
1	Ban hành chính sách phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như tài chính, ngân hàng, hàng hải, logistics, dịch vụ kỹ thuật dầu khí, hàng không, dịch vụ thương mại; dịch vụ giáo dục, đào tạo; dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe; các loại dịch vụ kiểm toán, tư vấn, pháp lý...	Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ giai đoạn 2016-2020 đã được xây dựng, vẫn đang trong quá trình chỉnh sửa. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng chiến lược phát triển ngành dịch vụ giai đoạn 2021-2030. Các Bộ, ngành đã ban hành chính sách phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức cao như dịch vụ thanh toán điện tử và các dịch vụ ngân hàng điện tử, dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục và đào tạo chất lượng cao, dịch vụ môi giới bảo hiểm, môi giới chứng khoán, kế toán. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có chính sách phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng khác như dịch vụ thương mại.	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng
2	Xây dựng Đề án phát triển hạ tầng và dịch vụ logistics nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/2/2017 về Kế hoạch hành động và nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
3	Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định hiện hành về chính sách cấp phép xuất nhập khẩu, quản lý thị trường theo hướng tạo thuận lợi, giảm chi phí cho doanh nghiệp và phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	Trong năm 2017, Bộ Công Thương đã bãi bỏ và đơn giản hóa nhiều thủ tục hành chính theo Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được phê duyệt. Việc bãi bỏ được thực hiện theo 4 tiêu chí: đơn giản, minh bạch, hiện đại và chuẩn hóa. Liên quan đến quản lý xuất nhập khẩu, nhiều Thông tư của Bộ đã được rà soát, bãi bỏ như Thông tư về	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng



		<p>kiểm tra formatdehvt, sửa đổi Thông tư về nhập khẩu xe ô tô. Tuy nhiên, nhiều quy định về quản lý xuất nhập khẩu vẫn gây khó khăn và làm tăng chi phí cho doanh nghiệp như các quy định về xuất khẩu gạo, quy định về lấy mẫu để cấp Giấy chứng nhận thực phẩm xuất khẩu, quy định về kiểm dịch động vật đối với hàng nhập khẩu để chế biến xuất khẩu</p>	<p>Chậm triển khai hoặc chưa triển khai</p>
<p>4</p>	<p>Xây dựng trong năm 2017 Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; trong đó, chú trọng phát triển hệ thống bán lẻ, tổ chức lại thị trường trong nước và thị trường biên mậu, thúc đẩy sản xuất và khuyến khích tiêu dùng hàng Việt Nam...</p>	<p>Bộ Công Thương đang xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét dự thảo Chiến lược</p>	
<p>5</p>	<p>Thúc đẩy thực thi hiệu quả các cam kết của Việt Nam trong WTO, Cộng đồng Kinh tế ASEAN và các FTA đã ký nhằm đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa thị trường xuất khẩu, nhập khẩu.</p>	<p>Bộ Công Thương đã phối hợp với nhiều Bộ, cơ quan liên quan để đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa thị trường xuất khẩu, nhập khẩu như: phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thúc đẩy đổi mới cơ cấu thị trường cho các mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu của Việt Nam; phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng các báo cáo phát triển thị trường với một số thị trường trọng điểm, báo cáo chuyên đề theo ngành hàng; cập nhật thông tin chính sách nhập khẩu, tình hình thị trường,... để tuyên truyền, phổ biến cho doanh nghiệp</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p>6</p>	<p>Mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ với các nước và các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, đối tác tiềm năng và bạn bè truyền thống</p>	<p>Quan hệ hợp tác song phương truyền thống và với các đối tác tiềm năng được thúc đẩy. Từ đầu năm 2017 đến nay, Việt Nam đã đón gần 20 đoàn lãnh đạo các nước thăm Việt Nam. Các diễn đàn hợp tác kinh</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

	<p>nhằm tranh thủ mở rộng thị trường, thu hút đầu tư và công nghệ phục vụ cơ cấu lại nền kinh tế</p>	<p>tế đa phương cũng được thúc đẩy như tham gia tích cực vào các hoạt động của ASEAN, đảm nhận tốt vai trò thành viên Hội đồng Kinh tế- Xã hội Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2016-2018, Chủ tịch Đại hội đồng Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO),... Việt Nam cũng đã tổ chức thành công Năm APEC, mà qua đó, đã ký tổng cộng 121 thỏa thuận hợp tác với các đối tác có tổng giá trị gần 20 tỷ USD, quảng bá tiềm năng, cơ hội mới về phát triển kinh tế, thương mại, đầu tư, dịch vụ và du lịch của 63 tỉnh, thành; tiếp tục phát huy vai trò, vị thế và nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại các diễn đàn, cơ chế hợp tác khu vực và quốc tế như ASEM, WEF, các khuôn khổ hợp tác tiểu vùng sông Mekong.</p>	
<p>7</p>	<p>Các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả xúc tiến kinh tế đối ngoại</p>	<p>Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án triển khai công tác ngoại giao kinh tế đến năm 2020 nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài; đẩy mạnh vận động chính trị, ngoại giao thúc đẩy việc triển khai và đàm phán các FTA, đảm bảo lợi ích của Việt Nam, tích cực triển khai Cộng đồng ASEAN, Hiệp định Đối tác và Hợp tác Việt Nam- EU, FTA Việt Nam- Liên minh kinh tế Á Âu, thúc đẩy ra tuyên bố chung về CPTPP, tham gia đàm phán RCEP. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các Hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”. Tuy nhiên, việc phối hợp trong việc quảng bá, giới thiệu du lịch, quảng bá thương hiệu hàng hóa Việt Nam nhìn chung còn hạn chế. Tính nhận diện thương hiệu hàng hóa Việt Nam trên trường quốc tế chưa cao.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

8	<p>Triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả Đề án phát triển du lịch đến năm 2020 trở thành ngành kinh tế mũi nhọn</p>	<p>Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Năm 2017, ngành du lịch có sự phát triển mạnh mẽ. Khách quốc tế đến Việt Nam năm 2017 đạt khoảng 13 triệu lượt khách. Tổng thu từ khách du lịch năm 2017 ước đạt 510.000 tỷ đồng, tương đương 23 tỷ USD, đóng góp khoảng 7,5% vào GDP. Tuy nhiên, sự phát triển của ngành vẫn chậm, Phát triển du lịch chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, và chủ yếu dựa trên khai thác tài nguyên du lịch hiện có. Xếp hạng tài nguyên du lịch Việt Nam ở vị trí 28/136 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong khi các chỉ số khác về môi trường, chính sách và cơ sở hạ tầng của Việt Nam ở vị trí tương đối thấp, có khoảng chênh lệch lớn so với các nước ASEAN-6 và trên thế giới, đặc biệt là nhóm chỉ số về chính sách (vị trí 105/136) và chỉ số về cơ sở hạ tầng (vị trí 91/136). Tính chung, xếp hạng của Việt Nam ở vị trí 67/136 quốc gia, vùng lãnh thổ, thấp hơn so với Thái Lan (vị trí 34/136), Indonesia (vị trí 42/136), Malaysia (vị trí 26/136).</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
XIII	<b>Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam</b>		
1	<p>Ban hành Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, tăng cường công tác điều phối các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; rà soát tổng thể và đề xuất sửa đổi, bổ sung các luật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư kinh doanh, đảm bảo tính thống nhất, công khai, minh bạch, không có sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các luật, tạo môi trường thuận lợi</p>	<p>Quốc hội đã ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV (Luật số 04/2017/QH14). Các Nghị định: quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV, đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV cũng được ban hành, đảm bảo sự đồng bộ trong triển khai thực hiện Luật. Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện trình Chính phủ ban hành. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

	cho hoạt động đầu tư của doanh nghiệp	đã ký ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV. Bộ đang xây dựng dự thảo Luật Sửa đổi một số điều của Luật sản xuất kinh doanh, nhằm tạo tính thống nhất giữa các luật liên quan đến đầu tư kinh doanh.	
2	Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm gánh nặng chi phí đối với doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng Báo cáo giám chi phí cho doanh nghiệp và trình Thủ tướng Chính phủ. Tổ công tác của Thủ tướng đã tích cực làm việc với các Bộ, ngành để cắt giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Việc cắt giảm thủ tục hành chính đã đạt được một số kết quả bước đầu. Nhưng theo đánh giá của Tổ công tác của Thủ tướng (tháng 2/2018), việc cắt giảm thủ tục liên quan đến kiểm tra chuyên ngành chưa được các Bộ quyết liệt triển khai thực hiện; các Bộ chưa đề xuất cụ thể cách thức quản lý đối với các danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành đang bị chống chéo, chịu nhiều hình thức kiểm tra của nhiều Bộ hoặc của nhiều cơ quan, đơn vị thuộc một Bộ; chi phí của thủ tục KTCN vẫn là gánh nặng lớn đối với doanh nghiệp... Việc cắt giảm điều kiện kinh doanh của một số Bộ, ngành vẫn còn hạn chế	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai
3	Đổi mới lề lối, phương thức và thái độ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức theo hướng hồ trợ và phục vụ doanh nghiệp; công khai, minh bạch, tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan nhà nước, xử lý nghiêm các tiêu cực, nhưng nhiều	Bộ Nội vụ đã xây dựng và trình CP các nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định quy định về tổ chức bộ máy theo hướng phù hợp với phương thức quản lý, xây dựng NN quản lý và phục vụ. Bộ xây dựng và trình CP về dự thảo Nghị quyết của CP về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	Đã triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng

		<p>va Nghị quyết của QH về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2021. Tuy nhiên, chuyển biến về kỷ luật, kỷ cương cán bộ, công chức ở cấp dưới, nhất là các địa phương, cơ sở còn chậm; một bộ phận cán bộ, công chức chấp hành kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, có biểu hiện những nhiều, tiêu cực... Tình trạng cấp phó ở cơ quan NN vượt số lượng quy định vẫn tồn tại ở một số địa phương.</p>	
<p><b>XIV</b></p>	<p><b>Đổi mới cách thức thực hiện liên kết, phối hợp giữa các địa phương trong phát triển kinh tế vùng; thực hiện có hiệu quả quá trình đô thị hóa</b></p>	<p><b>Đổi mới cách thức thực hiện liên kết, phối hợp giữa các địa phương trong phát triển kinh tế vùng; thực hiện có hiệu quả quá trình đô thị hóa</b></p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p>1</p>	<p>Ban hành Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Nghiên cứu khả năng tích hợp các quy hoạch phát triển cấp tỉnh vào các quy hoạch phát triển cấp vùng. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu lực thực thi các quy hoạch phát triển kinh tế vùng; để xuất giải pháp nâng cao năng lực các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ trong chỉ đạo tổ chức thực hiện các quy hoạch phát triển vùng và chỉ đạo, giám sát liên kết, phối hợp phát triển giữa các địa phương trong vùng.</p>	<p>Luật Quy hoạch đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ Đề án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên. Tuy nhiên, việc thực hiện các quy hoạch phát triển vùng kinh tế nhìn chung có hiệu quả chưa cao, chưa phát triển được liên kết giữa các địa phương trong phát triển vùng. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội vùng và quy hoạch ngành chưa quan tâm thỏa đáng đến chức năng từng vùng gắn với điều kiện kinh tế- xã hội vùng và với tổng thể quốc gia.</p>	<p>Triển khai chậm hoặc chưa triển khai</p>
<p>2</p>	<p>Nghiên cứu, ban hành cơ chế cụ thể yêu cầu các địa phương trong vùng phối hợp xây dựng các đề án, thỏa thuận phối hợp, ưu tiên nguồn lực thực hiện thí điểm liên kết phát triển KT-XH; phối hợp ban hành và thực hiện</p>	<p>Cơ chế phối hợp giữa các địa phương trong vùng mới chỉ được thực hiện thí điểm tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Do thời gian triển khai ngắn, nên việc thực hiện thí điểm chưa được đánh giá khả</p>	

	chính sách thu hút đầu tư, xúc tiến đầu tư, ưu tiên các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh.	năng áp dụng trên toàn quốc và thực hiện nhân rộng mô hình	
3	Rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương và hình thành thể chế điều phối phát triển kinh tế theo vùng	Nhiều văn bản hướng dẫn hoạt động của chính quyền địa phương được ban hành; tuy nhiên, nhiều quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương vẫn chưa được cụ thể hóa, như các quy định về hoạt động của hội đồng nhân dân, quan hệ giữa hội đồng nhân dân các cấp. Các mô hình điều phối phát triển vùng vẫn chưa được thực hiện hiệu quả, liên kết giữa các địa phương trong vùng nhìn chung chưa cao.	Triển khai chậm hoặc chưa triển khai
4	Rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2020 - 2030 trong năm 2018; nghiên cứu, hoàn thiện mô hình quản lý phát triển đô thị, tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, phương thức quản lý của chính quyền đô thị và đẩy mạnh đào tạo cán bộ quản lý đô thị các cấp	Bộ Xây dựng đang triển khai dự án sự nghiệp kinh tế về Điều tra, khảo sát tình hình thực hiện định hướng quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn năm 2050 (Quyết định số 336/QĐ-BXD ngày 08/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Nghiên cứu công cụ quản lý phát triển đô thị Việt Nam theo hướng mới, thay đổi cơ cấu, cách tiếp cận quản lý trên chi số (như chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh, chỉ số chống chịu với Biến đổi khí hậu). Từng bước nghiên cứu phát triển đô thị Thông minh, theo đó xây dựng các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phát triển đô thị, chuẩn bị lộ trình xây dựng đô thị thông minh. Tuy nhiên, đến nay, Bộ Xây dựng vẫn chưa ban hành được bộ tiêu chí đánh giá đô thị thông minh của Việt Nam	Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng
<b>XV</b>	<b>Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh</b>		
1	Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tiên tiến, hiện đại. Các dự án phát	Ban Chỉ đạo Nhà nước về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh đã xác định các định hướng và giải pháp phát triển công	

	<p>triển kinh tế, xã hội trong các khu vực phòng thủ, tuyến biên giới và vị trí chiến lược phải bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh</p>	<p>ngành quốc phòng, an ninh trong thời gian tới; trong đó, tập trung vào ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ có tính năng kỹ - chiến thuật cao. Sản phẩm công nghiệp quốc phòng an ninh phải có tính cạnh tranh, đủ điều kiện xuất khẩu, trên cơ sở làm chủ thiết kế, công nghệ và tăng tỷ lệ nội địa hóa; góp phần từng bước hiện đại hóa Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p>2</p>	<p>Nghiên cứu cơ chế, chính sách để phát triển mạnh các ngành kinh tế biển, gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các ngành khai thác, chế biến dầu khí; cảng biển, đóng và sửa chữa tàu biển, vận tải biển; khai thác và chế biến hải sản, các dịch vụ hậu cần nghề cá; du lịch biển, đảo. Thực hiện các chính sách hỗ trợ ngư dân phát triển khai thác (nhất là đánh bắt hải sản xa bờ) và môi trường thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Xây dựng cơ sở hậu cần nghề cá, tránh trú bão; tạo điều kiện và khuyến khích người dân định cư lâu dài trên các đảo</p>	<p>Đánh bắt hải sản xa bờ kết hợp ứng dụng các phương thức ngư cụ đánh bắt tiên tiến; dịch vụ hậu cần nghề cá; xây dựng cơ sở đóng tàu cá và đóng tàu cá được hưởng các chính sách hỗ trợ nhìn chung chưa cao. Tuy nhiên, chất lượng của các chính sách hỗ trợ nhìn chung chưa cao. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, cơ quan liên quan sửa đổi Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 7/7/2014 của Chính phủ về nâng cấp tàu cá.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p>3</p>	<p>Xác định cụ thể các khu vực cần đảm bảo an ninh, quốc phòng tại từng địa phương, làm cơ sở cho các địa</p>	<p>Bộ Công an đã tập trung triển khai các phương án, kế hoạch bảo vệ an ninh kinh tế, tập trung vào các lĩnh vực kinh tế trọng điểm như cổ phần</p>	

	<p>phương triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo an ninh, quốc phòng</p>	<p>hóa doanh nghiệp, đầu tư, ngân hàng,... Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án công tác công an đảm bảo an ninh kinh tế trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng. Tăng cường nắm bắt tình hình, cung cấp thông tin phục vụ các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp lựa chọn đối tác nước ngoài có năng lực tài chính, công nghệ tiên tiến vào Việt Nam đầu tư. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham gia thẩm định các dự án phát triển kinh tế, xã hội trong các khu vực phòng thủ, tuyến biên giới và cá vị trí chiến lược phải bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh.</p> <p>Bộ Quốc phòng và các Ban chỉ huy quân sự tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình xem xét, đánh giá dự án kinh tế có liên quan đến quốc phòng an ninh, đảm bảo kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh.</p>	<p>Đang triển khai những chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p><b>XVI</b></p>	<p><b>Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước</b></p>	<p>Việc tình giảm biên chế tiếp tục được thực hiện. Bộ Nội vụ đang xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, với mục tiêu giảm hàng nghìn biên chế của nhóm cán bộ, công chức, người lao động này. Tính đến hết tháng 11/2017, cả nước đã thực hiện tình giảm biên chế tổng số 32.054 người. Tuy nhiên, theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước về quản lý và sử dụng công chức, viên chức, lao động hợp đồng và quỹ lương năm 2016 tại 13 bộ, ngành và 47 địa phương cho thấy, có nhiều vấn đề trong giao chỉ tiêu biên chế và tiếp</p>	<p>Triển khai chậm hoặc chưa triển khai</p>
<p>1</p>	<p>Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định về tình giảm biên chế gắn với cải cách tiền lương; đổi mới mạnh mẽ quy trình, phương thức tổ chức tuyển dụng, sử dụng, trả lương, đánh giá, để bạt cán bộ; thực hiện bổ nhiệm, để bạt cán bộ chủ yếu dựa trên thành tích, kết quả công việc; tăng cường trách nhiệm giải trình của người đứng đầu đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị</p>		



		<p>nhận sử dụng biên chế sai quy định, vượt thẩm quyền, đặc biệt có 34 địa phương, bộ ngành sử dụng lao động vượt quy định tới 63.279 người.</p> <p>Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ theo kế hoạch. Đến nay, Chính phủ đã ban hành 21 nghị định (trong đó 19 nghị định của các bộ, cơ quan ngang bộ; 02 nghị định của cơ quan thuộc Chính phủ). Tuy nhiên, việc đổi mới tổ chức hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương còn hạn chế. Nhiều cơ quan hành chính chưa có các bản mô tả công việc để xác định chức danh, tiêu chuẩn, yêu cầu đối với từng vị trí nên số lượng tuyển dụng vẫn dựa vào số chỉ tiêu biên chế được giao, nội dung thi tuyển, cách thức ra đề thi, hình thức thi vẫn chưa phù hợp và còn mang tính hình thức</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p>3</p>	<p>Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện điện tử hóa nghiệp vụ quản lý nhà nước và xã hội hóa việc xây dựng các dữ liệu thông tin quản lý nhà nước</p>	<p>Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai xây dựng chính quyền điện tử; năm 2016, Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam xếp hạng thứ 89/193 quốc gia. Trong đó, chỉ số về dịch vụ công trực tuyến tăng 8 bậc, từ thứ hạng 82/193 lên thứ hạng 74/193. Tuy nhiên, đến nay tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 36a mới đạt 61,9%. Một số nhiệm vụ của bộ, ngành đã quá thời hạn nhưng chưa thực hiện xong, nhiều nhiệm vụ, giải pháp quan trọng như để xuất cơ chế tài chính phù hợp cho đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, thiết lập các hệ thống thông tin nền tảng cho phát triển Chính phủ điện tử, hay việc cấp phép qua mạng điện tử mới bước đầu được triển khai, chưa</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

		<p>có kết quả cụ thể...</p> <p>Bộ Nội vụ đã phối hợp với các Bộ, ngành hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành. Bộ tiếp tục tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ đã ký 08 quyết định ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của các bộ, ngành Trung ương, trong đó, có 04 quyết định được ban hành trong 6 tháng đầu năm 2017 thuộc các lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo, thông tin và truyền thông, công thương, lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, kỷ luật, kỷ cương ở cơ quan quản lý nhà nước ở cấp cơ sở, tình trạng vượt số cấp phó theo quy định tại một số cơ quan NN vẫn còn tồn tại.</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
5	<p>Tiếp tục cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng cải cách chính sách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công</p>	<p>Các Bộ, ngành đã phối hợp với Bộ Nội vụ thực hiện cải cách tiền lương cho người lao động trong khu vực nhà nước. Mức lương cơ sở đã từng bước được nâng lên, góp phần đảm bảo hơn cuộc sống cho người lao động. Tuy nhiên, vấn đề cải cách tiền lương vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Hệ thống thang bản lương còn phức tạp, không phản ánh đúng giá trị lao động của người công chức, chưa gắn với hiệu quả công việc của công chức</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
6	<p>Nâng cao năng lực các cơ quan chức năng quản lý và giám sát thị trường</p>	<p>Năng lực và chuyên môn của công chức quản lý thị trường ở một số đơn vị chưa đồng đều, không ít người chưa được đào tạo bài bản, chuyên sâu. Còn có công chức buông lỏng quản lý, chưa chấp hành đúng quy định trong hoạt động công vụ, dẫn đến sai sót trong quy trình kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính. Bên cạnh đó, lực lượng quản lý thị trường còn</p>	<p>Triển khai chậm hoặc chưa triển khai</p>

	<p>mỏng, phải tổ chức quản lý, kiểm tra số lượng lớn doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tham gia nhiều nhiệm vụ khác do chính quyền địa phương giao như: Phòng chống dịch bệnh, giải tỏa chợ, tham gia các Đoàn kiểm tra liên ngành... trong khi nguồn lực về cơ sở vật chất, con người còn hạn chế đang là khó khăn rất lớn</p>	
<p>7</p>	<p>Hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra được tăng cường, tuy nhiên, chất lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát trong một số ngành, lĩnh vực còn hạn chế, ví dụ như việc thanh tra, kiểm tra các dự án BOT, kiểm soát, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh thực phẩm, an toàn học đường. Việc chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm còn nhiều hạn chế, làm phát sinh chi phí cho doanh nghiệp</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>
<p>8</p>	<p>Bộ Công an đã chủ động tham mưu với Đảng, Nhà nước đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài, đồng thời bảo đảm lợi ích, an ninh quốc gia của Việt Nam trong đàm phán ký kết các FTA; kịp thời phát hiện những sơ hở, yếu kém của các tập đoàn, tổ công ty nhà nước, ngân hàng thương mại, từ đó kiến nghị với Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan rà soát; thực hiện cơ cấu lại DNNN, các ngân hàng, cơ cấu lại tín dụng. Bộ đã xây dựng các kế hoạch về mở các đột cao điểm tấn công trấn áp tội phạm nhằm bảo vệ tuyệt đối các sự kiện lớn của đất nước; Đẩy nhanh tiến độ đàm phán bảo thời hạn điều tra các vụ án đã khởi tố, nhất là các vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo. Tuy nhiên, một số giai đoạn của quá trình điều tra, xét xử các vụ án lớn còn chậm so với kế hoạch, chưa kịp thời đưa ra xét xử để đảm bảo lợi ích của những người liên quan</p>	<p>Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng</p>

## (Footnotes)

1. Thông cáo báo chí ngày 10/8/2018 của Moody's về việc nâng hạng hệ số tín nhiệm Việt Nam lên "Ba3" (triển vọng ổn định).

2. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thuế. Nguồn: Nợ đọng thuế tăng cao, Tổng cục Thuế yêu cầu cưỡng chế thu hồi. <https://anninhthudo.vn/kinh-doanh/no-dong-thue-tang-cao-tong-cuc-thue-yeu-cau-cuong-che-thu-hoi/771727.antd>

3. Số liệu của Bộ Tài chính. Nguồn: Sẽ phân loại hộ kinh doanh để đánh thuế. <http://vneconomy.vn/se-phan-loai-ho-kinh-doanh-de-danh-thue-20180707104243902.htm>

4. Hiện nay đã có 23 công ty, nhà máy (4 nhà máy sản xuất, lắp ráp, 8 nhà máy sản xuất linh kiện, phụ tùng) và các đơn vị hỗ trợ

5. Chưa có số liệu thống kê chính thức, lao động trên 15 tuổi có việc làm trong khu vực nông- lâm- thủy sản ở nông thôn quý IV/2017 đạt 19386,8 nghìn người, chiếm 53,8% số lao động ở khu vực nông thôn, và trên 90% lao động trong khu vực nông- lâm- thủy sản (toàn quốc là 21486,1 nghìn người).

6. Phát biểu của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Hội nghị toàn thể chương trình hỗ trợ quốc tế 2017 (ISG 2017) với chủ đề "Tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp toàn cầu: An toàn thực phẩm và liên kết tiêu thụ nông sản"

7. Theo số liệu chính thức kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016.

8. Theo kết quả Tổng điều tra nông thôn nông nghiệp và thủy sản năm 2016, có 781 doanh nghiệp thực hiện liên kết, chiếm 20,3% số doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản; trong đó doanh nghiệp liên kết theo hình thức tiêu thụ dịch vụ và sản phẩm đầu ra là 250 doanh nghiệp chiếm 6,5% số doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản. Có 2.469 hợp tác xã thực hiện liên kết, chiếm 35,5% số hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản; trong đó hợp tác xã liên kết theo hình thức tiêu thụ dịch vụ và sản phẩm đầu ra là 1.343 hợp tác xã chiếm 19,3% số hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản. Có 7.324 trang trại tham gia liên kết sản xuất, chiếm 31,9% tổng số trang trại

9. Phát biểu của Giám đốc quốc gia của WB tại Việt Nam tại Diễn đàn logistics Việt Nam 2017. Nguồn: <https://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/vi-mo/wb-chi-phi-logistics-viet-nam-cao-gap-doi-cac-nuoc-3684921.html>

10. Theo thống kê doanh thu dịch vụ ngân hàng từ 20 ngân hàng thương mại cổ phần: BIDV, Vietcombank, Techcombank, Vietinbank, Sacombank, MBBank, VPbank, ACB, SHB, Eximbank, VIB, Maritime bank, TPbank, HDBank, ABBank, LienVietPostbank, BacAbank, KienlongBank, NCB, Vietbank, VietAbank. Nguồn: <https://vietnambiz.vn/hoat-dong-dich-vu-ngan-hang-hai-tien-ra-sao-trong-suot-ba-nam-qua-47472.html>

11. <http://tapchitaichinh.vn/kinh-te-vi-mo/thi-truong-chung-khoan-viet-nam-kenh-huy-dong-von-de-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-140411.html>

12. Theo Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước, Bộ Công Thương, phát biểu tại

Hội thảo Vai trò của cơ quan quản lý và doanh nghiệp trong phát triển thương mại, dịch vụ, do Vụ Thị trường trong nước tổ chức ngày 18/5/2018 tại Hà Nội

13. Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) xếp Việt Nam vào vị trí 6/10 điểm đến du lịch phát triển nhanh nhất thế giới năm 2017, dựa trên tăng trưởng lượng khách. Năm qua, Việt Nam cũng tăng 8 bậc (vị trí 67/136) về năng lực cạnh tranh Lữ hành và Du lịch, theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới

14. Đánh giá của Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch trả lời phỏng vấn Báo Điện tử Chính phủ về thành tựu của du lịch Việt Nam trong năm 2017. Nguồn: <http://cafef.vn/du-lich-viet-nam-2017-nhieu-dau-an-dac-biet-20171225151209568.chn>

15. Xếp hạng tài nguyên du lịch Việt Nam ở vị trí 28/136 quốc gia và vùng lãnh thổ; trong khi các chỉ số khác về môi trường, chính sách và cơ sở hạ tầng của Việt Nam ở vị trí tương đối thấp, có khoảng chênh lệch lớn so với các nước ASEAN-6 và trên thế giới, đặc biệt là nhóm chỉ số về chính sách (vị trí 105/136) và chỉ số về cơ sở hạ tầng (vị trí 91/136). Tính chung, xếp hạng của Việt Nam ở vị trí 67/136 quốc gia, vùng lãnh thổ, thấp hơn so với Thái Lan (vị trí 34/136), Indonesia (vị trí 42/136), Malaysia (vị trí 26/136).

16. Theo Tổng thư ký Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam. Nguồn: Thị trường trái phiếu doanh nghiệp chờ cú huých cơ chế. <https://tinnhanhchungkhoan.vn/trai-phieu/thi-truong-trai-phieu-doanh-nghiep-cho-cu-huych-co-che-216518.html>

17. Ths. Phạm Thị Thanh Tâm, Vụ Tài chính- Ngân hàng (Bộ Tài chính). Triển vọng thị trường trái phiếu chính phủ năm 2018. <http://tapchitaichinh.vn/kinh-te-vi-mo/trien-vong-thi-truong-trai-phieu-chinh-phu-nam-2018-134881.html>

18. Theo thống kê doanh thu dịch vụ ngân hàng từ 20 ngân hàng thương mại cổ phần: BIDV, Vietcombank, Techcombank, Vietinbank, Sacombank, MBbank, VPbank, ACB, SHB, Eximbank, VIB, Maritime bank, TPbank, HDBank, ABBank, LienVietPostbank, BacAbank, KienlongBank, NCB, Vietbank, VietAbank.

19. Tổng hợp từ báo cáo tài chính của các ngân hàng. Nguồn: Lai từ dịch vụ của nhiều ngân hàng tăng mạnh. <http://cafef.vn/lai-tu-dich-vu-cua-nhieu-ngan-hang-tang-manh-20180727094554475.chn>

20. Như IDG Ventures, CyberAgent Ventures, Captii Ventures, Gobi Partners, 500 Startups. Tháng 5/2018, Quý đầu tư mạo hiểm lớn nhất Hàn Quốc là KVIC đã làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đẩy mạnh hoạt động tại Việt Nam

21. Phiên giao dịch đầu tiên vào ngày khai trương thị trường, khối lượng giao dịch toàn thị trường đạt 487 hợp đồng, thị trường đã ghi nhận mức giao dịch lên tới 164.872 hợp đồng vào ngày 6/7/2018. Khối lượng giao dịch bình quân phiên tăng mạnh, năm 2018, đạt 58.613 hợp đồng/ngày, tăng gấp 5,3 lần so với năm 2017. Khối lượng vị thế mở OI toàn thị trường tăng trưởng suốt từ khi thị trường đi vào hoạt động đến nay và đạt 16.858 hợp đồng tại ngày 31/7/2018, gấp 2,1 lần so với cuối năm 2017. Ngày 25/7/2018 khối lượng vị thế mở OI đạt giá trị cao nhất 18.569 hợp đồng. Nguồn: Thị trường chứng khoán phái sinh sau 1 năm hoạt động: Đã có gần 40.000 tài khoản được mở. <http://cafef.vn/thi-truong-chung-khoan-phai-sinh-sau-1-nam-hoat-dong-da-co-gan-40000-tai-khoan-duoc-mo-20180809175530754.chn>

22. Theo ông Nguyễn Tú Anh, Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước. Nguồn: Đưa tín dụng tiêu dùng vào khuôn khổ. <http://tapchitaichinh.vn/kinh-te-vi-mo/dua-tin-dung-tieu-dung-vao-khuon-kho-141860.html>

23. Theo 3 mức: Đã triển khai và có kết quả rõ ràng, Đang triển khai nhưng chưa có kết quả rõ ràng; Triển khai chậm hoặc chưa triển khai.

24. Ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại buổi thị sát dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành vào sáng 12/4/2018. Nguồn: <https://baomoi.com/tien-do-san-bay-long-thanh-dang-cham-so-voi-ke-hoach/c/25649399.epi>

25. Thông báo số 2214/TB-TTCT ngày 31/8/2017 của Thanh tra Chính phủ Thông báo kết luận thanh tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong công tác thanh tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng của Ngân hàng Nhà nước.

26. Cơ sở dữ liệu quốc gia kinh tế Công nghiệp và Thương mại chưa được vận hành đầy đủ, đồng bộ, chỉ được thực hiện ở một số địa phương như Đồng Nai, Long An. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp hỗ trợ chưa được xây dựng; hiện nay mới chỉ có Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng hệ thống dữ liệu về các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn (<https://csid.gov.vn/>). Hiện nay, Bộ Công Thương mới xây dựng được cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam.

27. Theo ý kiến của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng, Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng làm việc với Bộ Nội vụ ngày 27/6/2018. Nguồn: <https://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/ong-mai-tien-dung-khong-chap-nhan-cac-co-quan-xin-tang-bien-che-3769871.html>

28. Trả lời chất vấn của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đối với nội dung chất vấn của Đại biểu Quốc hội Tạ Văn Hạ, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bạc Liêu. Nguồn: <http://vpcp.chinhphu.vn/Home/Tiep-tuc-trien-khai-quyet-liet-xay-dung-Chinh-phu-dien-tu/20183/23536.vgp>

*AUS4REFORM PROGRAM*

**REPORT MONITORING AND EVALUATION  
OF THE RESULTS OF THE ECONOMIC  
RESTRUCTURING IN THE 2016-2018  
PERIOD AND PRINCIPAL SOLUTIONS  
FOR THE 2019-2020 PERIOD**



**NXB DÂN TRÍ**





# Contents

<b>I. SITUATION OF IMPLEMENTING OF THE NATIONAL ASSEMBLY RESOLUTION NO. 24 AND POSSIBILITY TO COMPLY THE TARGETS OF ECONOMIC RESTRUCTURING PROCESSUS TILL THE YEAR 2020</b>	<b>155</b>
1. The situation of organizing the implementation of Resolution No. 05, Resolution 24, Resolution 27 on economic restructuring processes, renewing the growth model	156
2. The performance and ability to fulfill the objectives of economic restructuring up to 2020	159
<b>II. RESULTS OF ECONOMIC RESTRUCTURING AND RENEWAL OF GROTH MODEL IN THE 2016-2018 PRRIOD</b>	<b>161</b>
1. Results of innovation model of growth	161
2. Results of implementing key task in restructuring the economy under resolution	166
2.1. Restructuring of three focus areas including restructuring public investment, SOEs and credit institutions	166
2.2. Results of restructuring state budget (state budget), public sector	183
2.3. The results of the private sector development in the country and the rational attraction of foreign direct investment	192
2.4. The results of a sectoral and regional economic restructuring in the direction of raising productivity, quality, and efficiency, coupled with stepping up international economic integration	196
2.5. To formulate and develop all kinds of markets	216
2.6. Limitations and causes of shortcomings, limitations in economic restructuring, renovating growth model	229
	153

<b>III. SOLUTIONS FOR THE ECONOMIC STRUCTURE FOR THE 2019-2020 PERIOD</b>	<b>233</b>
1. Domestic and foreign economic context	233
1.1. International economic context	233
1.2. Domestic economic context	235
2. Viewpoint and directions	237
3. Solutions to be implemented in the period 2018-2020	238
3.1. The solutions on organizing implementation	238
3.1. Identify priorities for restructuring the economy in the coming period	239
<b>ANNEX 1</b>	<b>249</b>
1. Methodology	249
2. Scenarios	249
3. Forecast results	251
<b>ANNEX 2: REVIEW OF RESULTS OF THE RESPONSIBILITIES OF THE ECONOMIC STRUCTURE AND RENEWAL OF GROWTH MODELS IN RESOLUTION NO. 27/NQ-CP OF RESOLUTION NO. 05-NQ/TW AND THE RESOLUTION NO. 24/2016/QH14</b>	<b>254</b>

# **I. SITUATION OF IMPLEMENTING OF THE NATIONAL ASSEMBLY RESOLUTION NO. 24 AND POSSIBILITY TO COMPLY WITH THE TARGETS OF ECONOMIC RESTRUCTURING PROCESSUS TILL THE YEAR 2020**

On November 1<sup>st</sup>, 2016, the Plenum of the XII<sup>th</sup> Party Central Committee promulgated Resolution No. 05-NQ/TW on a number of major policies in order to continue renewing the growth model and raising the quality of growth, the productivity, the competitiveness of the economy (Resolution 05).

In implementing the guideline of the Party, National Assembly promulgated the Resolution No. 24/2016/QH14 on November 8<sup>th</sup>, 2016 on the plan for economic restructuring during the period 2016-2020 (Resolution 24), with five principal groups of missions and 22 indicators to be completed.

Implementing Resolution No. 05 and Resolution No. 24, the Government issued Resolution No. 27/NQ-CP on 21<sup>st</sup> February, 2017 on the Government's Action Program to implement the above two resolutions (Resolution 27).

After the process of implementation, through the study, review, and assessment of the implementation of the above-mentioned resolutions on economic restructuring, the results can be presented as follows:

## **1. The situation of organizing the implementation of Resolution No. 05, Resolution 24, Resolution 27 on economic restructuring processes, renewing the growth model.**

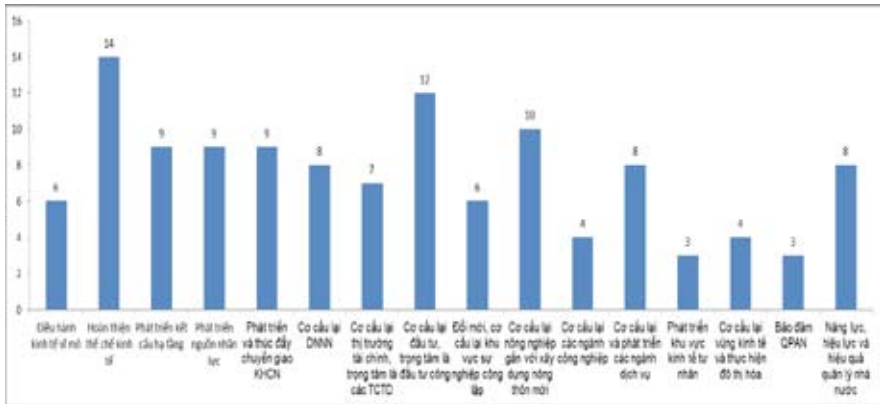
Implementing Resolution 05, Resolution 24, the Government has strongly directed the ministries, sectors, and localities to thoroughly grasp and implement policies and guidelines for restructuring the economy and renewing the growth model.

The Government has recently issued Resolution 27, assigning 16 major tasks and policies to ministries, sectors, and localities, with 120 specific tasks to promote economic restructuring and renew the growth model. The Prime Minister has set up the National Steering Committee for Economic Restructuring and Renewing the growth model. The Committee is led by the Prime Minister as the head of the Steering Committee. The Vice Prime Minister plays the role of the permanent deputy head of the Committee. This Committee's functions are advising, urging and coordinating the ministries, ministerial-level agencies, agencies attached to the Government and localities in restructuring the economy and renewing the growth model<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup>Decision No. 1668/QĐ-TTg dated 31 October 2017 on the establishment of the National Steering Committee for Economic Restructuring, Renewal of Growth Model

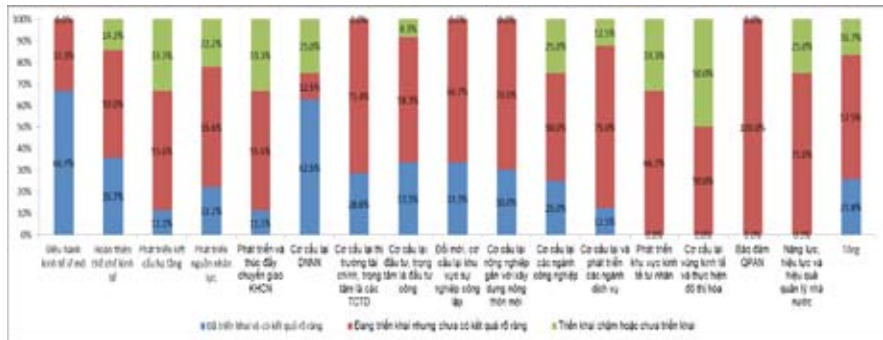
**Figure 1. The tasks assigned to ministries and sectors in Resolution 27**



Until now, most of the assigned tasks have been implemented on time and have achieved results at different levels. According to the preliminary assessment (Appendix 3), 25.8% of the tasks have been carried out with clear results, 57.5% of the tasks are being carried out with initial results, and 16.7% % of tasks were deployed but not on time.

As a result, ministries, sectors, and localities have generally carried out the policies of economic restructuring and renovation of the growth model with a high and decisive responsibility. There has been a shift in thinking and, consequently, determination and concrete action, in planning and directing the implementation of the economic restructuring plan, with a focus on specific policies and solutions to promote the economic restructuring processes; developing private economic; restructuring economic sectors; active actions combining with the close supervision of administrative reform (reduce business conditions and specialized controls).

**Figure 2. Preliminary assessment of the implementation of the task of restructuring the economy, renewing the growth model**



At the same time, the propaganda on the demand for the renovation of the growth model and economic restructuring has been paid a special attention, especially through the Ministry of Information and Communications, VTV and VOV, Vietnam News Agency and the other press and media agencies.

Apart from the achievements, the tasks of restructuring the economy and reforming the growth model still have some shortcomings: (i) The tasks of restructuring an intersection mission that requires a coordination with many ministries, sectors, and localities to coordinate, direct, organize, monitor and supervise. These include tasks such as restructuring SOEs, restructuring public investments, restructuring public service delivery agencies, and improving the market for factors of production, especially the market for agricultural land use rights. (ii) The spillover of institutional reform and economic restructuring is still weak and uneven. Ministries, sectors, and localities have not really taken the initiative and are still indecisive on the reform of mechanisms and policies to restructure the economy and create favorable conditions for enterprises and people in investment activities and business.

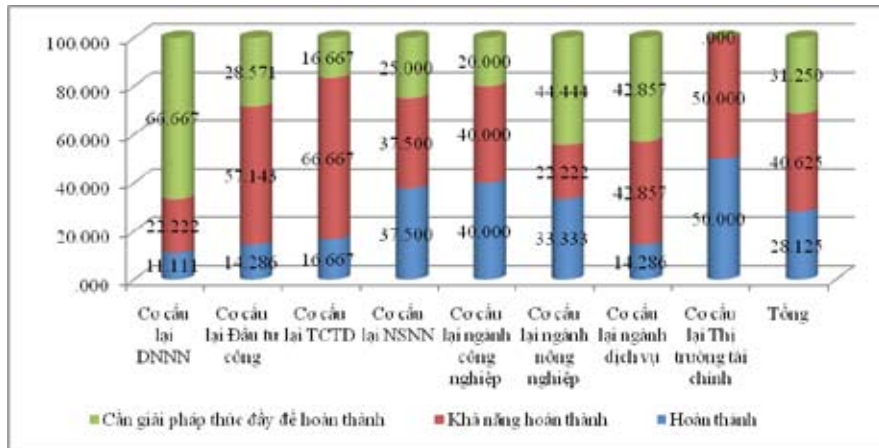
## **2. The performance and ability to fulfill the objectives of economic restructuring up to 2020**

Resolution 24 of the National Assembly lays down 22 specific objectives for economic restructuring up to 2020, focusing on five groups of tasks: (1) Restructuring three focal points including restructuring public investment, SOEs and credit institutions (CIs); (2) Restructuring state budget, public sector; (3) Strongly develop the domestic private sector and attract reasonable foreign direct investment; (4) Modernizing the planning, sectoral structure and regional economy in the direction of increasing productivity, quality and efficiency, coupled with accelerating international economic integration; (5) Formulate and develop all types of markets, including financial market, land use right market, labor market and science and technology market.

The evaluation of the performance of the 22 target groups set out in Resolution 24 from 2016 to 2018 shows that, compared to the targets set for 2020, nine indicators have been completed; eight indicators are likely to be completed and five indicators need to be pushed to completion. So far, 77% of the targets have been completed or are expected to be completed.

At the same time, in relation to the content of economic restructuring, resolutions and related documents of the Party, the National Assembly and the Government identified 64 qualitative and quantitative indicators. Overall, 28.13% of the target is expected to be completed; 40.63% of the target is likely to be completed and 31.25% of the target needs to be pushed to completion. (Figure 3).

**Figure 3: Summary of the results of economic restructuring**



In general, the process of restructuring the economy has closely followed the viewpoints stated in the Resolution 05 and Resolution 24 of the Party and the National Assembly, by focusing on timely handling existing problems during the previous economic restructuring processes, as well as moving from a growth model based mainly on investment and exports to a growth model simultaneously based on investment, exports and the domestic market.

At the same time, the process of economic restructuring and renovation of the growth model has been further supported by policies and measures encouraging the adoption and application of new technological advances (the 4<sup>th</sup> Industrial Renovation), creating the premise for the improvement of the quality of growth and the renewal of the next economic growth model.



## **II. RESULTS OF ECONOMIC ESTRUCTURING AND RENEWAL OF GROWTH MODEL IN THE 2016-2018 PERIOD**

### **1. Results of innovation model of growth**

In the period of 2016-2018, the model of growth has initially been transformed in the positive direction, contributing to the achievement of the dual objectives of maintaining macroeconomic stability, controlling inflation and promoting GDP growth, creating more space to better fulfill the tasks of ensuring social security, creating jobs, improving people's income and living, solving urgent and pressing problems, strengthening the defense, stabilizing the social order and safety. Some achieved results are presented as follows:

- Macroeconomic stability is maintained, the macroeconomic balance is strengthened:

- Economic growth has been improved step by step. GDP growth rate is 6.21% in 2016, 6.81% in 2017 and (estimated) 6.7% in 2018 respectively. The average growth rate for the three years 2016-2018 is 6.57% (higher than that of 5.91% for the period 2011-2015), reaching the average growth target of 6.5%-7% fixed in the Five-year plan 2016-2020.
- Inflation falls from an average of 7.7% during the 2011-2015 period to 3.1% during the 2016-2017 period. Basic inflation remained stable at less than 2%.

- The balance of current account becomes surplus (after a deficit in 2015). Foreign exchange reserves reduced sharply in 2015, has been increased annually by 4% in 2016 and 2017 respectively.
  - Budget deficit has been restrained step by step. The rate of budget overspending on GDP is 6.11% in 2015, 5.52% in 2016, 3.48% in 2017 and (expected) 3.67% in 2018.<sup>2</sup>
  - The public debt on GDP ratio falls from 63.6% in 2016 to 61.4% in 2017 and 58.5% in June 2018.
  - Leverage (debt/equity) ratio of non-financial enterprises decreased remarkably<sup>3</sup>. This ratio was 1.83 in 2011, it dropped to 1.5 in 2017 and 1.35 as of June 30<sup>th</sup> 2018.
  - The quality of growth has achieved positive results:
    - Economic growth has gradually shifted to depth, reflected by the increasing contribution of total factor productivity (TFP) in economic growth. For the period 2011-2015, TFP's contribution to GDP growth was 33.58%; the contribution of capital is 51.20%; the contribution of labor is 15.22%. In the period 2016-2018, TFP's contribution to economic growth has increased significantly, reaching 42.18% (surpassing the objective that TFP's contribution to growth in the five years 2016-2020 to around 30% -35%) with a TFP's contribution of 40.68% in 2016; and respectively 45.19% in 2017 and 40.23% in 2018.
    - Labor productivity has improved significantly over the years, and at the same time, Vietnam has a high rate of labor productivity growth in the ASEAN zone<sup>4</sup>. Total labor

---

<sup>2</sup>Budget overspending determined according to new calculation method (excluding payment for original debt) of State Budget Law 2015.

<sup>3</sup>Listed at 3 stock exchanges HOSE, HNX and UPCOM.

<sup>4</sup>For the period of 2008-2017, labor productivity in Vietnam's (PPP 2011) increased by an average

productivity of the whole economy at current prices in 2016 reached 84.5 million VND / labor; 93.2 million VND / labor in 2017; and (estimated) 102.3 million VND / labor in 2018. Calculated at constant prices in 2010, total labor productivity in the economy in 2016 increased by 5.3% compared to the previous year; increased by 6% in 2017, and (estimated) increased by 5.55% in 2018. The average labor productivity during 3 years 2016-2018 increased 5.62% per year, higher than the average of 4.3% per year during the 2011-2015 period, and reaching the target of Resolution 27 (increasing over 5.5%).

- The economic structure shifted toward the direction of increasing the proportion of the processing and manufacturing industries and reducing the proportion of mining. The contribution of mining to economic growth falls from 5.1 percentage points in 2011-2015 to 0.33 percentage points in 2016 and -0.54 percentage points in 2017. From 2016, the share in GDP of the processing and manufacturing industries has exceeded that of the agriculture, forestry and seafood and manufacturing and processing industries. The share of the processing and manufacturing industries has increased from 14.6% in the period 2011-2015 to 16.2% in 2016, 17.4% in 2017 and 18.8% in the first 6 months of 2018; the share of mining decreases from 8.8% in the 2011-2015 period to 7.6% in 2016, 6.6% in 2017 and 6.0% in the first 6 months of 2018.
- The role of the private sector has increased, reflected in the share in GDP of this sector as well as in the share in

---

of 4% per year, higher than Singapore average productivity growth (0.9% per year); Malaysia (1.1% per year); Thailand (2.6% per year); Philippines (3.3% per year); Indonesia (3.4% per year).

the investment for development of the whole society. The share of the population and private sector in total social investment increased from 12.1% in the 2011-2015 period to 12.5% in 2016, 13.5% in 2017 and 13.6% by May 6th, 2018.

- Significant improvement of energy consumption ratio, clean and renewable energy have been developed. Power losses rate for transmission and distribution of electricity in 2015 is 7.7%, reaching and exceeding the target by 2015 to about 8% and by 2020 to less than 8%.

- A faster growth of exportation for the domestic sector than that of foreign investment sector: In Quarter 2 / 2018, export growth rate (in comparison with the same period of previous year) of the domestic sector was 23.7%, compared to the growth of 6.4% of foreign investment sector (except oil). In general, the gap in the export value between the foreign-invested sector and the domestic sector has narrowed gradually over the years, especially when excluding oil and telephone: by 2017, the export growth rate of the domestic sector is 17.8%, approximately equal to the export growth rate of 19.6% of the foreign investment excluding oil and telephone.

- Vietnam's average Purchasing Managers' Index (PMI) in 2017 reached the highest level since 2011 (the year the survey started). In the first 6 months of 2018, the PMI index was above 52 points (51.6 points in March alone), of which June was the highest at 55.7 points, much higher than in some other countries ASEAN (Indonesia 50.3 points, Thailand 50.2 points, Malaysia 49.5 points).

Apart from the achievements, the process of transforming the growth model and stabilizing the macro-economy still faces many challenges:

- The process of transforming the growth model has not achieved much progress in the field of perfecting the market economy.

The business environment is only improved in terms of market entry conditions. There is not much progress in developing ecosystem support and nurturing business development, especially for private enterprises. The private sector, especially small and medium enterprises, is still weak in the process of allocating material resources comparing to state-owned and FDI enterprises. Institutional inefficiencies in land, property rights including collateral transactions, collateral handling, bankruptcy procedures... are still slow to be resolved. These are still major obstacles to the development of productive forces.

- The growth model has not changed significantly. Labor productivity increased mainly thanks to the increase in capital intensity. The capital intensity (measured by average capital/labor) increases from 5.9% in 2016 to 6.3% in 2017, and the contribution of capital intensity to productivity gains is 58.9% and 55.8% respectively in 2016 and 2017.

Total labor productivity of the whole economy in 2017 reached VND 93.2 million / labor (equivalent to USD 4,159 / labor), with an annual increase of 6%. However, Vietnam's labor productivity is still very low compared to many countries in the region. Using PPP in 2011, Vietnam's labor productivity in 2016 reached \$9,894, equivalent to 7.0% of Singapore; 17.6% of Malaysia; 36.5% of Thailand; 42.3% of Indonesia; 56.7% of the Philippines and 87.4% of the Lao PDR. Moreover, labor productivity gap between Vietnam and other countries continues to increase. Vietnam's current strengths sectors, such as textiles, footwear, tourism, seafood, and even electronics, are still active in the low segment of the value chain, where added value and labor productivity are low.

## **2. Results of implementing key tasks in restructuring the economy under Resolution 24**

2.1. Restructuring of three focus areas including restructuring public investment, SOEs and credit institutions

### *a) SOE restructuring results*

Resolution 24 and its related resolutions identified nine key objectives for the restructuring of SOEs by 2020, including four quantitative targets<sup>5</sup> and five qualitative targets<sup>6</sup>, with an overarching goal “an important step to improve the efficiency of SOEs”. For implementation, the Government has identified 8 task solutions assigned to ministries and sectors. At the same time, from January 2016 to April 2018, the Government and the Prime Minister issued 22 legal documents to improve the legal framework on restructuring SOEs and 123 executive documents. The Government and the Prime Minister have directed drastically, regularly and continuously, ensuring the process of renovation, reorganization, and restructuring of SOEs in accordance with the approved objectives, plans, and roadmaps.<sup>7</sup>

---

<sup>5</sup>Quantitative targets include: (i) Withholding all capital from SOEs holding no more than 50%; (ii) State capital shall be withdrawn to the floor level for sectors in which the State has restructured its investment capital according to Decision No. 58/2016 / QĐ-TTg; (iii) Completing equitization of 137 SOEs; by 2020 only 103 SOEs (100% state owned) will be equaled by Decision 58/2016 / QĐ-TTg; and (iv) earning a minimum of VND250 trillion from equitisation, divestment of state capital in the enterprise.

<sup>6</sup>Qualitative targets include: (i) handling of ineffective SOEs; (ii) Enhancing one important step in production and business efficiency; (iii) improving product quality and competitiveness of SOEs; (iv) Strive to meet international standards of corporate governance; (v) In 2018, establish a specialized agency for ownership of SOEs.

<sup>7</sup>In particular, there are some important documents such as Decision 707 / QĐ-TTg dated 25/5/2017 approving the Scheme on Restructuring State-owned Enterprises, focusing on Economic Groups and State-owned Corporations during 2016-2020 period; Decision No. 1232 / QĐ-TTg dated 17/8/2017 approving the list of State-owned enterprises with capital withdrawal in 2017-2020; Decision No. 991 / TTg-DMDN dated 10/7/2017 of the Prime Minister approving the list of SOEs to be equitized in 2017-2020.

Preliminary assessments show that there is one achieved target, two targets are possible to achieve and six targets that need more solutions to complete (Table 1). Equitization and divestment in state-owned enterprises have yielded good results, successfully divesting state capital in a number of big SOEs. Some weak SOEs return to operation. The number of sectors, where the State holds 100% of charter capital decreased sharply. The State Capital Management Committee at the Enterprise has been established and officially operated.

**Table 1: Preliminary assessment of the results of SOE restructuring**

	<b>Objective</b>	<b>Implementation</b>	<b>Evaluation of the possibility of completion</b>
	<b>Quantitative</b>		
1	To withdraw all capital from SOEs in sectors where the State does not need to hold more than 50% of capital	- The number of state-owned enterprises <50% in 2016 is about 3,000 enterprises in many sectors that the state does not need to hold.	Need solutions to be completed
2	To divest the State capital down to the floor level prescribed for branches where the State arranges and restructures its investment capital	According to Decision 1232 / QD-TTg dated 17/8/2017, there are 135 enterprises in 2017, 181 enterprises have to withdraw capital in 2018. However, only 30 companies have withdrawn capital in 2018. (in which there are 13 units in 2017 and 17 units in the first 7 months of 2018).	Need solutions to be completed
3	Equitization of SOEs (by 2020 only 103 SOEs remaining)	In the 2016-2018 period, 145 enterprises were equitized. According to the plan in 2018, 85 enterprises will be equitized, of which 21 will be listed in 2017 and 64 will belong to the 2018 list.	Can be completed
4	Collecting at least VND250 trillion from equitization and divesting state capital at the enterprise	- 2017: Achieved 60 trillion budget of the National Assembly. - In 2017, the plan of selling state capital in 69 equitized enterprises with a scale of 76.5 trillion.	Can be completed

In 2018, the equitization plan was approved in 64 enterprises

**Qualitative**

1	Dealing with ineffective SOE projects, with prolonged losses	The project aims to deal with 12 loss-making projects. However, there is a lack of resources and implementation mechanisms.	Need solutions to be completed
2	Elevate a critical step in business productivity	- The rate of return on equity falls from 16.4% in 2012 to 10% in 2016; The rate of return on assets drops from 6.5% in 2012 to 4.6% in 2016.  - Compared with 2015, the total assets of SOEs in 2016 increases by 3.5%, while the total revenue decreases by 1%, profit before tax decreased by 14%.	Need solutions to be completed
3	Improve product quality, competitiveness of SOEs	There are some good practices, but not the mainstream. The expansion of production and processing of some new products of enterprises is still difficult, lack of initiative in production and business; Investments are not focused on depth.	Need solutions to be completed
4	Strive to meet the international standards of corporate governance	The self-inspection and control work in many SOEs is not good and still violates the charter of the enterprise, the working regulations of the board of directors and the board of directors. The internal control system of the business responds slowly to the violation of some individuals. Heads of enterprises and managers in some enterprises are irresponsible, showing signs of intentionally causing harm, causing loss of capital and state assets.	Need solutions to be completed
5	In 2018, establish a specialized agency for ownership of SOEs	The Government has issued Resolution No. 09 / NQ-CP dated 03/02/2018 on the establishment of the State Capital Management Committee at the enterprise.	Completed



Some specific results on SOEs restructuring are as follows:

- Equitization of 145 enterprises with the total value of enterprises is 440.067 billion VND, of which the state capital is 204.547 billion VND, the total charter capital according to the plan approved by the competent authority is 208.900 billion VND, has sold to strategic investors 61.953 trillion VND; public auction was 33,768 billion VND, the resold to employees was 1,593 billion VND and trade union was 45 billion VND.

- The divestment of corporations and enterprises was 16,463 billion VND, of which 154,306 billion VND was received. The SCIC made a divestment in 114 enterprises with a value of 3,693 billion VND, gaining 28,400 billion VND; recaptured 10,747 trillion VND and collected over 123,405 trillion VND of investment in other sectors.

- Revenue from equitization, divestment of state budget from the Assistance Fund for Arrangement and Development of enterprises is 115,000 billion VND.

In addition to the above remarkable results, the process of SOE restructuring still has some limitations. Specifically:

- The restructuring of SOEs was delayed compared to the approved plan. As planned, in 2018 the equitization of at least 85 enterprises must be completed (including 21 enterprises in the list of 2017 and 64 enterprises in the list of 2018). However, by the end of September 2018, only 10 enterprises were equitized.

- The implementation of the objectives of divesting state capital<sup>8</sup> is still difficult. In 2016, there are about 3,000 state-owned enterprises holding less than 50% of the state capital in various business sectors. According to Decision 1232 / QĐ-TTg dated 17/8/2017, 135 enterprises in 2017 and 181 enterprises in 2018 in which the withdraw of capital

---

<sup>8</sup>Including: (1) Withdrawing all state capital in enterprises in the sectors without exigence of state ownership of more than 50% of capital; and (2) to withdraw state capital to the floor level for sectors in which the State arranges and restructures investment capital.

has to be implemented. However, in reality, there are only 30 companies in which the state capital was withdrawn in 2018. (13 units in 2017 and 17 units in the first 7 months of 2018). Although the divestment targets need to be cautious, on the one hand, it is important to ensure the correctness and adequacy of state capital in the enterprise, and on the other hand, it should be placed in the context of the financial market and ensure the assurance the large balance of the economy and the flexible operating monetary policy, inflation control<sup>9</sup>. However, the plan of divesting capital and using capital from divesting capital at state-owned enterprises is not specific, not focused on the important national projects to create an incentive for the economy.

- The model of corporate governance has been slow to be reformed and has not met the international standards and practices yet. The responsibility of the head of state corporate has not been attached to the results of production and business of the enterprise.

- The handover of state ownership of SCIC is still slow, not ensuring the plan under the Prime Minister's direction. From January 2017 to July 2018, ministries, branches, and provincial/municipal People's Committees have transferred to SCIC 25 enterprises with a total state capital of 953.28 billion VND in total 2.365 billion VND of charter capital; 37 enterprises are not still transferred with a total state capital of 10,113 billion VND in total 14,721 billion VND of chartered capital.

- The final accounts of these enterprises which have been shifted to operate in the form of a joint-stock company are so slow that the hand-over and collection of the funds for the Enterprise Restructure and Development Fund are affected.

---

<sup>9</sup>According to the Government's Report No. 254 / BC-CP dated July 09, 2018, equitization and divestment will attract large capital flows from foreign investors, putting pressure on the State Bank to provide VND to neutralize foreign currency purchases to ensure monetary policy objectives (including the target of lowering lending rates), controlling inflation.

- Restructuring some inefficient investment projects is slow. 12 loss-making projects have not been thoroughly handled while many assets, which are not used, worn out over time. The expenses like interest, maintenance cost remain.

- Many companies postpone the transactions and the listing on the stock market, which affects the publicity and transparency of the market.

- The mechanism for managing, supervising and exercising rights and responsibilities of agencies and representatives of state capital owners is not clear and appropriate; the violation of the head, as well as the violation acts of supervision and evaluation of the performance of SOEs, are not seriously treated.

*b) Results of restructuring public investment*

Resolution 24 and related documents identified seven objectives for investment restructuring, with a focus on public investment up to 2020, including three quantitative targets<sup>10</sup> and four qualitative targets<sup>11</sup>. For its implementation, Resolution 27 identifies 12 key tasks assigned to ministries, sectors, and localities. In a preliminary assessment, five tasks have been implemented and have clear results, six tasks have been implemented and achieved initial results, one task has been implemented but not met the time requirement (Appendix 4).

In the period 2016-2018, many legal documents creating the legal framework for the restructuring of public investment have been promulgated such as the Law on Management and Use of Public

---

<sup>10</sup>Quantitative targets include: (i) share of state investment of 31-34% of total social investment; (ii) Annual disbursement rate of public investment is over 90%; (iii) Average state investment is about 10-11% of GDP.

<sup>11</sup>Qualitative objectives include: (i) improving the quality of public investment management institutions that reach the quality of access to ASEAN-04; (ii) maximize and effectively use development investment resources, focusing on the key sectors of the economy, key projects and projects, and create the driving force for socio-economic development of the whole country; (iii) Create a breakthrough in attracting domestic and foreign private capital in the form of PPPs; (iv) Ensure harmony between territories.

Assets effective from 01/01/2018<sup>12</sup>, The Decision No. 63 / QD-TTg, dated 12/01/2018 of the Prime Minister approving the Scheme on public investment restructure for 2017-2020 and orientation to 2025. Along with that, the information system *Monitoring and evaluating public investment programs and projects using state capital* has been put into operation, thus contributing to raising the discipline in public investment activities, reducing the spread of investment and basic construction debt<sup>13</sup>.

Preliminary evaluation of the achievement of objectives shows that there is one goal of completion, four of which are likely to be fulfilled, and two of them need further solutions to be fulfilled (Table 2).

**Table 2: Preliminary assessment of the performance of the public investment structure**

<b>TT</b>	<b>Objective</b>	<b>Implementation</b>	<b>Evaluation of the possibility of completion</b>
<b>Quantitative</b>			
1	The share of state investment is about 31-34% of total social investment	This rate decreases from 40.4% in 2013 to 37.5% in 2016, about 35.7% in 2017.	Can be completed
2	The annual disbursement rate of public investment is over 90%	The rate of disbursement of public investment in 2016 is 91%, in 2017 is about 89%, the average of 2016-2017 is 90%.	Can be completed

---

<sup>12</sup>15 Decrees and 01 Decision guiding the Law on Management and Use of Public Assets already submitted to the Government and the Prime Minister for promulgation.

<sup>13</sup>The Ministry of Planning and Investment issued Circular No. 03/2017 / TT-BKHDT dated April 25, 2017 stipulating the regime of reporting on the preparation, monitoring and evaluation of the implementation of public investment plans; Circular No. 13/2016 / TT-BKHDT dated 29/09/2016 regulating the regime of online reporting and management of the system of information on monitoring and evaluation of investment programs and projects using state capital.

- |   |  |   |           |
|---|--|---|-----------|
| 3 | The share of state investment is about 10% to 11% of GDP | The proportion of state investment in 2016 is 12.4% of GDP; By 2017, it is 11.9% and estimated 11.7% in 2018. The average of 2016-2018 is equal to 12% (lower than the average of 12.4% of GDP for 2011-2015) | Completed |
|---|--|---|-----------|

**Qualitative**

- |   |   |  |                                |
|---|---|--|--------------------------------|
| 1 | Improve the quality of public investment management regimes reaching the quality of access to ASEAN-04  | Institutional quality of public investment management is low compared to good practice in the world. According to the IMF's institutional framework for public investment management (PIMA), the institutional quality of public investment management in Vietnam only averages 0.7 points (average is 1 point, the highest is 2 points). Some indicators have low scores such as project appraisal, project selection, uniformity and comprehensiveness of the budget, and monitoring of public assets. | Need solutions to be completed |
| 2 | To fully attract and efficiently use development investment resources, focusing on the key branches and domains of the economy, key projects, and works, which are widely spread and dynamic. The socio-economic development of the whole country | - In the 2011-2016 period, the ICOR of the state sector will average 9.7, slowly improve over the years (2011 is 9.03, in 2015 is 9.17, in 2016 is 9.75, while the non-state sector was 5.24, the foreign-invested sector 5.8.   | Can be completed               |
| 3 | Make a breakthrough in attracting domestic and foreign private capital in the form of PPPs  | - PPP legal regulations are still limited, incomplete, unclear, transparent and consistent. The PPP law is still in the process of being proposed.   | Need solutions to be completed |

		- The implementation of PPP projects has many obstacles, the capacity of investors is limited (the size of equity is low, PPP projects in the transport sector alone, the average equity only accounting for 12-13% of the total investment capital of the project).	
4	Ensure harmony between territories	According to the Prime Minister's Decision No. 40/2015 / QD-TTg dated 14/9/2015, capital allocation is still based on input criteria (size of population, area, etc.) but not linked to Capital use performance targets and economic restructuring objectives. The efficiency of using the capital of many localities is still low, the amount of transfers from most localities is large, tends to increase, and the balance of local budgets through the years.	Can be completed

Completed and fulfilled goals are relating to the improvement of discipline in public investment, the reduction of fragmented investment and basic construction debt. National important projects are speeding up. The share of state investment in total investment in 2016 and 2017 fall to 37.5% and 35.7%, respectively, and 2018 is expected to reach 34.5% (near the target set by 2020 from 31% to 34% of total investment). Disbursement of public investment has been improved thanks to efforts by the Government to remove difficulties. The rate of disbursement of public investment in 2016 is 91%, 2017 is about 89%, the average for 2016-2017 is approximately 90%, approximating the target (annual disbursement rate is over 90%); The proportion of state investment in 2016 is 12.4% of GDP and estimated to be 11.7% of GDP by 2017, equivalent to 12% of GDP in 2016-2018 (lower than the average of 12.4% of GDP in 2011-2015) and approximating the fixed

target (on average about 10-11% of GDP). The investment efficiency is improved; ICOR of the economy is 6.42 in 2016, and 6.11 in 2017 (GSO calculations based on fixed-price 2010).

However, the restructuring of public investment still shows some limitations. Specifically:

- There is also a gap between the quality of institutional public investment management in Vietnam and good international practices<sup>14</sup>, especially in the formulation, appraisal, selection and prioritization of investment projects. The disbursement of public investment plans is still slow. The monitoring and evaluation of projects using public investment capital are not synchronous and has not been respected.

- The implementation of the medium-term public investment plan also revealed some inadequacies related to the allocation of capital for localities, which already set in the medium-term investment portfolio, has not been handed over. The allocation of capital for some localities exceeds the fixed plan<sup>15</sup>. Some localities have not complied with the plan in some cases.<sup>16</sup>

- Restructuring of public investment is not closely linked with the

---

<sup>14</sup>According to the IMF Framework, the institutional quality of public investment management is assessed according to three groups of criteria (sustainability of public investment plans; allocated to the right sector and project, and sustainable and effective public asset delivery) with 15 indicators. The average score of Vietnam's indicators is only 0.7 points (0-2 points scale), still low compared to other developing countries. The indicators with low scores are those for project appraisal, project selection, uniformity and comprehensiveness of the budget, and monitoring of public assets.

<sup>15</sup>According to the Ministry of Finance's Official Dispatch No. 10151 / BTC-NSNN dated 22/8/2018, for ODA, many localities with total capital under the 3-year 2016-2018 plan assigned by the Prime Minister exceeded the total Medium-term capital plans 2016-2020 such as Hanoi, Quang Ninh, Thanh Hoa, Thua Thien Hue. For local budget capital, the total allocated capital of People's Councils in 2016-2018 will reach 77% of the medium-term investment plan, and some provinces have surpassed the medium-term public investment plan.

<sup>16</sup>According to Report No. 1024 / BC-UBTCNS14 dated 18/5/2018 of the National Assembly's Finance Committee, the funds allocated to the project are not included in the medium-term public investment plan, such as the Ministry of Transport 4 projects, Ca Mau 16 projects, 16 projects in Vinh Long, 11 projects in Dong Thap and six projects in Ministry of Industry and Trade.

orientation of economic restructuring and state budget restructuring. The investment structure of some sectors is still inadequate and there is no close connection between investment and recurrent expenditures (equipment assurance, operation, and maintenance). Agriculture expenditures are mainly used for irrigation, in the context of irreversible irrigation management, irrigation fee collection, lack of funding for maintenance, etc. Transportation expenditure focuses mainly on roads, while inland waterways and railways, which are very potential, have not been invested yet. In some sectors that have the potential to be socialized, such as education, vocational training, healthcare, culture, sports, and the environment, state investment still accounts for a large proportion of the total investment capital of the society.

- The situation of wastefulness, loss, spending inaccordantly with the regime and policies, lack of capital, poor quality in investment and construction has not been resolved thoroughly.

- The investment projects in the form of PPP have not attracted foreign capital and much depends on credit sources. This situation is not suitable for the development orientation of infrastructure, especially in the field of transport and logistics.

### *c) The results of the restructuring of the credit institution*

Resolution 24 and related documents determined 6 main objectives of restructuring credit institutions by 2020, including 2 quantitative objectives<sup>17</sup> and 4 qualitative objectives<sup>18</sup>. Resolution 27

<sup>17</sup>Quantitative targets include: (i) Incorporation of bad debts ratio in the credit institutions system, bad debts sold to VAMC, and bad debt that have implemented debt classification methods to below 3% (including bad debts of weak commercial banks, which are approved by the Government according to their own plans); (ii) The banks have their equity capital according to the Basel II standard, there are at least 12 to 15 commercial banks successfully applying Basel II (standard method).

<sup>18</sup>Qualitative objectives include: (i) Continuing to strengthen the financial situation, enhance the governance capacity of credit institutions in accordance with the law and in accordance with international practice; (ii) To step by step deal with and eliminate cross-investment, cross-ownership and ownership in the relevant credit institutions; (iii) Promote divestment commercial banks for the non-banking sectors ; (iv) Reduce the average domestic lending rate to be competitive relative to the average lending interest rate in the ASEAN-4.



identifies seven resolution tasks to achieve these objectives. In the preliminary assessment, four tasks have been implemented and have clear results, three tasks have been deployed and have initial results.

At the same time, the institutional framework provides a legal basis for the restructuring of credit institutions. The National Assembly issued the Law on Amendment of and Addition to a Number of Articles of the Law on Credit Institutions (Law No. 17/2017/QH14 dated 20/11/2017, effective from 15/01/2018), the Government issued Decision 1058 / QĐ-TTg dated 19 July 2017 approving the Scheme on restructuring credit institutions associated with dealing with bad debts in the period 2016-2020. At the same time, for implementing Resolution No. 42/2017 / QH14 dated 21/6/2017 on piloting bad debts of credit institutions, the Government also issued Directive No. 32 / CT-TTg dated 19/7/2017 about the implementation of Resolution 42, which assigns tasks to ministries and branches, with specific roadmap to ensure the feasibility and deadline. The State Bank of Vietnam has issued many documents and directives to perfect the legal framework to speed up the process of restructuring credit institutions associated with dealing with bad debts<sup>19</sup>.

For the preliminary results, one objective is expected to be fulfilled, four objectives are likely to be fulfilled, and one objective will need further solutions to be fulfilled (Table 3).

---

<sup>19</sup>SBV issued Directive No. 06 / CT-NHNN dated July 20, 2017, Directive No. 05 / CT-NHNN dated 17/9/2018 and other guiding documents for the implementation of Resolution 42 and Decision 1058. The legal framework for implementing Basel II has been improved, with the issuance of Circular No. 41/2016 / TT-NHNN dated 30/12/2016 regulating the capital adequacy ratio for banks, Branches of foreign banks; Circular 13/2018 / TT-NHNN dated 18/05/2018 regulates the internal control system of commercial banks, branches of foreign banks.

**Table 3: Preliminary assessment of the results of restructuring credit institutions**

	<b>Objective</b>	<b>Implementation</b>	<b>Evaluation of the possibility of completion</b>
	<b>Quantitative</b>		
1	To reduce the bad debt ratio of the credit institutions system to below 3%	<p>- Results of bad debt treatment of the whole system: From the year 2012 to the end of July 2018, the whole system of credit institutions has processed 794.2 trillion bad debt. Of which: (i) bad debts disbursed by credit institutions were 492.7 trillion VND (62%); (ii) NPLs sold to VAMC were VND 281.8 trillion (accounted for 35.5%); (iii) NPLs sold to other organizations and individuals were VND 19.7 trillion (2.5%). By the end of July 2018, the total bad debt of the credit institutions was VND 164.96 trillion, accounting for 2.13% of total outstanding loans.</p> <p>- Results of dealing with NPLs under Resolution 42: From August 15, 2017, to the end of July 2018, credit institutions processed VND 141.32 trillion (excluding treatment with risk reserve fund ), reaching over 21.70% of total bad debts as determined under Resolution 42. Basically, the measures to deal with bad debts under Resolution 42 have been effective, achieving some initial positive results.</p>	Can be completed
2	Basel II banks have their own equity, at least 12 to 15 commercial banks successfully apply Basel II (standard method)	Capital adequacy rating under Basel II is effective 1/1/2020; Apart from 10 pilot commercial banks deploying Basel II and some other joint stock banks are encouraged by the SBV to	Can be completed

apply soon the calculation of capital according to the Basel II standard method before 1/1/2020

### **Qualitative**

- |   |  |   |                                |
|---|--|---|--------------------------------|
| 1 | To continue to improve the financial situation, improve the management capacity of credit institutions in accordance with the law and in accordance with international practice. | By 31/7/2018, the capital adequacy ratio of credit institutions was 12.32% (the minimum level was 9%), most of CIs met the requirements of safety ratio in banking activities in accordance with the regulations of the SBV.  | Completed                      |
| 2 | To step by step deal with and eliminate the situation of cross-investment, cross-ownership, and ownership in the relevant CIs.   | <p>- The cross-ownership status is difficult to deal with cases of deliberate concealment or a third party who is not a related person in the name of the shareholding, making it difficult to determine the true shareholding of the shareholder.</p> <p>- Slower withdrawals of shareholders due to the cross-ownership treatment is a matter of dealing with and transfer of shares, so the CI should have a plan, a step by step implementation plan (to determine the time, price and search suitable investors...) to ensure maximum benefit for CIs and State agencies in the context of CIs and public listing on the stock exchange.</p> | Need solutions to be completed |
| 3 | Promote divestment outside the sector of commercial banks  | In 2017, four state-owned commercial banks divested in 08 enterprises and organizations, collecting 1,290.4 billion. In the first 6 months of 2018, Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade (Vietcombank) sold shares in Vietnam Airlines and collected VND 418.5 billion. According to the report of credit institutions, in the first 6 months of   | Can be completed               |

		2018, 07 banks with 19 SOEs have withdrawn 55,533,719 shares at banks, equivalent to 555.3 billion value par value.	
4	Reduce the average domestic lending rate to be competitive against the average loan interest rate in the ASEAN-4	The goal of lowering interest rates by the ASEAN-4 average is quite challenging in the current context. The economic fundamentals of Vietnam are still different from those of other countries. The national credit rating is still much lower than that of many ASEAN-4 countries; Governance capacity of the credit institutions in Vietnam is weaker (we have not applied Basel 2 and most ASEAN-4 countries have applied Basel2); Vietnam's capital market, especially the corporate bond market has not developed, so businesses rely on the system of credit institutions to pressure interest rates; The data system for assessing the risks of Vietnamese enterprises is not sufficient and the reliability is not high. In addition, the lending interest rate should be consistent with the reasonable credit growth rate. The rapid reduction of interest rates will increase the credit / GDP ratio and increase the overall system risk and high NPL risk.	Can be completed

Dealing with bad debts in credit institutions have been less symbolically, with lower average lending rates, credit flowing more into manufacturing sectors to support economic growth. In the period from 2012 to the end of July 2018, the whole system of credit institutions has processed 794.2 trillion bad debts. Of which: (i) bad debts disbursed by credit institutions were 492.7 trillion VND (62%);

(ii) NPLs sold to VAMC were 281.8 trillion VND (accounted for 35.5%); (iii) NPLs sold to other organizations and individuals were VND 19.7 trillion VND (2.5%).

The asset quality of credit institutions has been improved, the structure of investment portfolio and asset structure have become more positive and safer, the credit flow has concentrated on production, business, and prioritized fields according to the policy of the Government. As of June 2018, credit for agriculture and rural areas increased by 9.2%; export sector increased by 17.55%; credit for high technology enterprises increased by 5.54%; credit for industrial development prioritization increased 6.57%; credit growth for the SME sector increased by 4.48% compared to the end of 2017.

Credit for almost all economic sectors increased, with the focus on industry (accounting for 21.37%, of which supporting industries accounted for 16.32%), construction (accounting for 9.80%) and service and trading (accounting for 59.09%, of which retailing accounted for 19%).

However, the restructuring of CIs still shows some limitations. Specifically:

- The restructuring of CIs has achieved important initial results, creating the premise for the next period, but there are still some limitations that need to be overcome, such as: (i) the implementation of restructuring processes for state-owned commercial banks having capital difficulties is not commensurate with the pace of development and scale of operation. The amount of capital needed to invest and supplement to state-owned commercial banks is considerable in order to meet Basel II's minimum capital adequacy ratio. Meanwhile, state resources can be used to raise capital for commercial banks with limited capital. (ii) The divestment of investment in other enterprises by compulsory acquirers has not yet been implemented, due to arising

problems related to provisions on the transfer of capital of compulsory acquisition banks with the enterprise restructuring plan approved by the competent authority and regulations on the request for enterprise valuation results; (iii) The restructuring progress for some non-bank credit institutions with large owners/shareholders being state-owned corporations/corporations is still slow, depending on the contents of the total restructuring plan for the group/general Corporation.

- The cross-ownership status of CIs has been initially dealt with<sup>20</sup>, but is complex, with many forms of sophisticated ownership that are harder to detect. Cross-ownership is difficult to handle due to household names, this is very sophisticated so inspectors must thoroughly discover. Despite cross-ownership, the dominant shareholder/shareholder group dominates the bank, however, the cross-ownership status of some credit institutions has not been resolved. The main reason is that the treatment of cross-ownership is, in essence, a matter of dealing with and transferring shares, so the CI should have a plan and a roadmap to implement each step (to determine the time, price and search for a house appropriate investment...) to ensure the maximum benefit for credit institutions and State agencies in the context of CI is public company and listed on the stock exchange.

---

<sup>20</sup>The number of cross-crossover CIs has fallen from 7 pairs in 2012 to one pair; Direct ownership between banks and businesses decreased, as of June 2018 also in two joint-stock commercial banks with two pairs of share ownership (as of June 2012 there are 56 pairs). In addition, related to the handling and overcoming of some share ownership violations, due to some difficulties in the process of transfer, the CI has owned shares in other credit institutions that do not meet the requirements in Laws of credit institutions and Circular 36 have not been overcome as expected, specifically: 4 joint-stock commercial banks owned by state-owned shareholding companies account for more than 15% of charter capital (exceeding the ratio prescribed in Clause 2, Article 55, Law on Credit Institutions); Two JSBs with shareholders are groups of related persons holding shares representing over 20% of charter capital (in excess of the ratio prescribed in Clause 3, Article 55, Law on Credit Institutions 2010); 03 commercial banks hold shares of more than two other CIs (not yet meet the requirements of Point a, Clause 3, Article 20 of Circular 36); 03 CIs owning more than 5% of shares of other CIs (not yet complied with Point b, Clause 3, Article 20 of Circular 36).

- The process of dealing with weak banks has been difficult to attract domestic and foreign investors to restructure, especially for compulsory banks<sup>21</sup>. In addition, there are some obstacles to the effective implementation of Resolution No. 42/2017 / QH14 due to the coordination between branches and levels is not fierce, lack of synchronism in the seizure of security assets; in the implementation of civil judgments, the settlement of disputes in court relating to the handling of bad debts; some tax authorities have not correctly applied Resolution No. 42/2017 / QH14 on the order of priority payment when selling security assets to handle bad debts.

- The restructure of state-owned commercial banks having difficulties in capital replenishment; The restructuring process for some non-bank credit institutions whose owners / major shareholders are state-owned corporations/corporations is still slow. The credit ratio, as well as the total domestic debt (domestic debt of the Government and outstanding loans) against GDP, has been high. Government and private debt ratio in 2017 is 159% of GDP, compared with 145% of Thailand, 45% of Indonesia and 65% of the Philippines<sup>22</sup>. Thus, if credit growth continues to grow significantly faster than GDP growth, there is a risk of macroeconomic instability.

## 2.2. Results of restructuring state budget (state budget), public sector

### *a) Restructuring the state budget*

Resolution 24 and its related documents have identified eight targets for the restructuring of the state budget, including

---

<sup>21</sup>On the basis of the Law on Amendment of and Addition to a Number of Articles of the Law on Credit Institutions passed by the National Assembly, the implementation of the Prime Minister's direction, the Party Committee of the State Bank of Vietnam has submitted the Statement No. 16 / TTr-BCS.Tym dated July 10, 2018 submitted to the Politburo about the treatment and restructuring of compulsory banks and commercial banks in East Asia. Currently, the State Bank is actively instructing to finalize detailed plans for early implementation.

<sup>22</sup>Source: National Financial Supervisory Commission

six quantitative targets<sup>23</sup> and two qualitative targets<sup>24</sup> to 2020. For this purpose, the Government has identified five sets of solutions<sup>25</sup> for ministries, sectors, and localities until 2020. In the preliminary assessment of the results of the implementation of these solutions, four tasks have been implemented and achieved clear results, a task has been implemented and achieved initial results.

Along with the implementation of solutions and institutions on mobilization, management and use of state budget, public debt has been strongly changed. Specifically:

- The National Assembly has promulgated 4 laws, 3 resolutions; The Government and the Prime Minister issued 106 decrees and decisions related to the state budget and public debt management.

- The fiscal, tax and state budget expenditures shall be adjusted, supplemented and promulgated in a rational and thrifty manner suitable to the practical situation and the process of implementation of international commitments. Promoting the reform of administrative procedures, modernization in the field of taxation and customs; prevent loss, transfer pricing, smuggling, trade fraud, tax evasion;

---

<sup>23</sup>Quantitative targets include: (i) State budget deficit to 2020 to below 3.5% of GDP; (ii) The rate of mobilization into the state budget is not lower than 23.5% of GDP, of which taxes, fees and charges are about 21% of GDP; (iii) The average domestic revenue share is about 84-85% of total state budget revenue; (iv) Development expenditure accounted for 25-26% of total state budget expenditure; (v) The share of recurrent expenditure fell below 64% of total state budget expenditure; (vi) The size of public debt in the 2016-2020 period shall not exceed 65% of GDP, the government debt shall not exceed 54% of GDP and the national foreign debt shall not exceed 50% of GDP.

<sup>24</sup>Qualitative targets include: (ai) Ensure proper collection, full collection, Reduction of tax revenue not collected; (ii) Effective use of public debt.

<sup>25</sup>Including three groups of solutions to improve the operating capacity, macroeconomic stability; Two groups of solutions to improve the law on state budget, public debts, management of public assets, public resources, and solutions to issue the Decree on management and use of state budget For a number of activities in the field of national defense and security (under the tasks and principal solutions for further perfecting the socialist-oriented market economy regime) as determined in Resolution No. 27. In these three groups of solutions, Resolution 27 also identifies a number of other options for ensuring national financial security.



Drastically handle the recovery of tax arrears; rectify the work of tax refund; To intensify inspection and examination of tax for enterprises showing signs of high tax risks. Completing the legal framework for state budget management under the State Budget Law 2015 with many new points of budgetary scope, overspending, tightening of advances, transfer of funds, supplementation of estimates; publicity, transparency, accountability; elaboration of the medium-term financial plan; To issue specific mechanisms for a number of key localities.

- Regulations on management and use of public and public assets have been reformed in a tight way, raising the efficiency of use, in accordance with international practice. The Government has submitted to the National Assembly a Law on Public Debt Management in 2017, Law on Management and Use of State Property (amended). A number of documents guiding the Law on Public Debt Management were issued such as Decree No. 95/2018 / ND-CP dated 30/06/2018 of the Government on the issuance, registration, depository, listing and debt instrument transactions. of the Government on the stock market; Decree No. 91/2018 / ND-CP dated 26/6/2018 of the Government on the issuance and management of Government guarantee (for the issuance of Government bonds), Decree No. 93/2018 / ND-CP dated 30/06/2018 of the Government on debt management of local authorities (for the issuance of local government bonds). The Prime Minister issued Decision No. 2035 / QĐ-TTg dated 18/12/2017 approving the Government's Domestic Debt Restructuring Plan for the period 2017-2021 to serve as a basis for restructuring the list of domestic debts of the Government.

Based on the implementation of solutions to restructure the state budget, preliminary evaluation of the results of the above objectives, there are 3 objectives estimated to be completed, 3 objectives to be possibly achieved, and 2 objectives need to be promoted to complete (Table 4).

**Table 4: Implementation of state budget restructure to 2020**

	<b>Objective</b>	<b>Implementation</b>	<b>Evaluation of the possibility of completion</b>
	<b>Quantitative</b>		
1	The state budget deficit will fall below 3.5% of GDP by 2020	The state budget deficit in 2016 will reach 5.1% of GDP, 2017 estimated at 3.48% of GDP, 2018 estimate of 3.7% of GDP. Moody's forecasts that the state budget deficit will fluctuate around 4% of GDP in the future <sup>1</sup>	Can be completed
2	The rate of mobilization into the state budget is not lower than 23.5% of GDP, of which taxes, fees, and charges are about 21% of GDP	The rate of mobilization into the state budget in 2016 will reach 25.7% of GDP in 2017 and 27.5% of GDP in 2018; Taxes, fees, and charges are around 21% of GDP	Completed
3	Average domestic revenue is about 84% to 85% of total state budget revenue	Domestic revenue (excluding crude oil) in 2016 reached 80.1% of total state budget revenue according to the National Assembly estimates; 201.1% in 2017 and 81.7% in 2018 respectively.	Can be completed
4	The share of development investment accounted for 25-26% of total state budget expenditure on average;	The proportion of spending on development investment in 2016 accounts for 22.5% of the total state budget expenditure, 201% in 2017, 26.2%	Can be completed
5	The share of recurrent expenditure fell below 64% of total state budget expenditure	The proportion of current expenditures in 2017 is estimated at 62% of the total state budget expenditure	Completed
6	The size of the public debt in the 2016-2020 period should not exceed 65% of GDP, the government debt should not exceed 54%	It is expected that by the end of 2018, public debt will be about 61.4% of GDP, government debt will be about 51.9% of GDP, the national debt will be 49.9% of GDP	Completed

of GDP and the country's external debt should not exceed 50% of GDP.

**Qualitative**

- |   |  |  |                                |
|---|--|--|--------------------------------|
| 7 | Ensure proper collection, reduction of tax debts | - Dealing with tax debt is not effective: Need solutions<br>By 30/4/2018, the ratio of debt to total domestic revenue is 8.4% (as stated in Resolution No. 01 / NQ-CP dated January 1 <sup>st</sup> 2018, is 3.4%). 60 out of 63 local tax debt, increase tax debt compared to 31/12/2017, of which 26/60 local debt increased over 100 billion VND <sup>2</sup> .<br><br>- The collection of taxes from individual business households is still difficult: the tax from individual business households only accounts for 1.56% of total state budget revenue (excluding crude oil) in 2017; The collection of taxes from the online business, social network business is difficult <sup>3</sup> | to be completed                |
| 8 | Effective use of public debt                     | - The effectiveness of using ODA is still limited. Some projects use capital, the capital is extended, the duration of implementation is reduced, reducing the effectiveness of the project.<br><br>- The disbursement of government bonds has not been satisfactory, and the problems remain, increasing the cost of capital.   | Need solutions to be completed |

Some concrete results of state budget restructure in 2016-2018 are as follows:

- On State budget revenue: The total revenue of the three years from 2016 to 2018 is about 3.75 trillion VND, equal to 54-55% of the

five-year plan (while the value of GDP in the same period reached 52-53% of the plan); The average mobilization rate in the state budget was 24.9% of GDP, of which 21% was from taxes and fees; The structure of domestic revenue in total revenue has gradually increased, reaching 81.7% by 2018 (reaching the targets set in Resolution 07 of the Politburo<sup>26</sup> and Resolution 25 of the National Assembly<sup>27</sup>).

- On state budget expenditure: The budget spending structure has shown positive changes and the proportion of recurrent expenditures has decreased from 70% to 63% of current budget expenditure. At the same time, the proportion of spending on development investment (according to the plan is more than 26%, in reality 27%), reducing the proportion of recurrent expenditures (planning at 64%, realized at 63%); Implementing annual salary reform increased by 7% per year according to the Resolution of the Central Committee and the National Assembly; and ensuring the expenditures for the defense, security and social security policies.

- Regarding state budget deficit and public debt: State budget deficit has gradually decreased, in 2016 from 5.52% of GDP in 2016 to (calculated according to the State Budget Law in 2015 is 5.12% GDP), to 3.67 % GDP expectedly in 2018; The ratio of public debt to GDP has decreased (2016 is 63.7% of GDP, 2014 is 61.4% of GDP, 2018 is expected to be 61.4% of GDP).

Thus, the state budget restructuring has achieved positive changes in the scale of budget revenues and expenditures and ensure public debt security. State budget expenditure has been restructured towards spending more on development investment and reducing recurrent expenditure. State budget revenues are sufficient for regular expenditures and repayments; and at the same time, the state budget

---

<sup>26</sup>State budget revenues for the period 2016-2020 are on average equal to 20-21% of GDP.

<sup>27</sup>State budget revenues for the period 2016-2020 are not lower than 23.5% of GDP, of which taxes and fees are around 21% of GDP

has been surplus for investment: in 2016, the government accumulated for investment of about 10,000 billion VND, 69 000 billion VND in 2017, 63500 billion VND in 2018, and 67,300 billion VND in 2019 for investment. State budget deficit tends to decrease and fluctuate around 4% of GDP by 2020<sup>28</sup> according to forecast. Public debt stays acceptable limits<sup>29</sup>, and is restructured to reduce debt repayment pressure on the state budget<sup>30</sup> and to ensure national financial security<sup>31</sup>.

Apart from the achievements, the State budget restructure still has some limitations, namely:

- On state budget revenue: (i) loss of taxes collection, transfer pricing and tax debt are still existing; (ii) there are many shortcomings in the management of state budget revenues from land use fees; (iii) the effectiveness of state-owned capital management at enterprises is still weak, state budget revenues from SOEs are declining.

- On state budget expenditure: Regular expenditures still cover almost all non-business sectors; Many regimes and policies are duplicated; The restructure of recurrent expenditures is limited due

---

<sup>28</sup>According to Moody's forecast on August 10, 2018 press release of Moody's on upgrading Vietnam's credit rating to "Ba3" (stable outlook).

<sup>29</sup>According to forecasts by the Ministry of Finance, by the end of 2018, the size of public debt is about 61.4% of GDP, government debt is about 51.9% of GDP, national debt is 49.9% of GDP.

<sup>30</sup>A number of debt restructuring measures have been implemented, including the extension of the government bond issuance period, the reduction of mobilizing interest rates and the increase in the proportion of domestic borrowing. The average maturity of government bonds in 2017 is 12.74 years, higher than 2016 (in 2016 is 8.77 years); The average government bond yield in 2011 is 5.98% per year, lower than the 2016 average of 6.71% per annum in 2016, contributing to reducing the cost of capital mobilization for the state budget..

<sup>31</sup>As for outstanding government guarantees, in 2016, foreign outstanding loans increased by VND7,000 billion (about USD300 million) and domestic debt outstanding for the two policy funds did not increase. In 2017, foreign outstanding loans decreased by VND7.4 trillion (about USD 310 million) and outstanding domestic guarantees for the two policy banks decreased by VND1.3 trillion. Domestic debt structure and foreign debt reverse, from the domestic / foreign debt structure of 39% / 61% in 2011 to 60% / 40% in 2016. Investors are diversified: the proportion of investors who are insurance companies, investment funds and social insurance reached about 57%.

to slow innovation in the public sector; The misuse of policies and regimes still exists in some areas and units.

- Public debt: Although public debt has tended to fall, there is still a risk of government debt for SOE loans and the risk of fluctuations in exchange rates and interest rates.

*b) Restructuring the public sector*

In the 2016-2020 period, the state apparatus shall be renovated in the direction of raising the state management capability and efficiency. The Government has put forth the guideline of acting “Ethics, Integrity, Action, Creativity, Effectiveness”, with a focus on directing and executing drastic administrative reforms; To increase discipline, raise the effectiveness and efficiency of law enforcement and the leadership, direction, and administration in all branches and levels. Up to now, most ministries, sectors, and localities have actively implemented the policy of renovating the organizational system, managing and improving the quality and efficiency of public non-business units. The initial results are important. Public service delivery has contributed to achieving the objective of rapid and sustainable economic development, promoting deepening international integration. The provision of public services has met the essential needs of the people and society, towards the goal of social stability and equality and also meets the increasing demand, especially in education, health, culture... in terms of type, quantity, and quality of services.

The revenues from the provision of public service delivery play an important role in supplementing the financial resources of the state budget. In 2016, according to incomplete statistics of the Ministry of Finance on the basis of the reports of 19 ministries, branches, and 47 localities, total non-business revenue of more than 43 thousand public service units, which were allocated financial autonomy, is over 114 trillion VND. The total revenue increased by 95 trillion VND compared to 2011 - the first year of implementation of the Politburo’s

Conclusion No. 37-TB / TW dated May 26<sup>th</sup> 2011, on promulgation of the Scheme on “Renovating the mechanism of operation of public service delivery units, speeding up the socialization of some types of public service delivery”.

However, public sector reform remains limited. The reform of administrative procedures has been concentrated but there are still many shortcomings. The building of e-government still has many obstacles<sup>32</sup>, especially in the establishment of information systems, synchronous databases, interconnections between levels and branches. Vietnam’s e-government ranking is currently ranked at 88/193 countries and territories, ranking sixth in the ASEAN region, behind Singapore, Malaysia, Brunei, Thailand, and the Philippines.

The reform of the public service sector under the autonomy mechanism and the implementation of payroll streamlining are still slow, most of the regular public service sectors still subsidize. To date, the Government has issued decrees on the mechanism and financial mechanism of public service delivery agencies in 2 of 7 areas (according to Decree No. 16/2015 / ND-CP dated February 14<sup>th</sup>2015, on the autonomy of public service delivery agencies): the field of science and technology, health. The increase in staffing has occurred at many levels, many of which have put pressure on state budget spending. According to the results of the audit in 2017, some ministries, branches, and localities have allocated a total of 5,087 staff members in comparison with the number assigned by the Ministry

---

<sup>32</sup>According to Report No. 379 / TB-VPCP dated 27 September, 2008 of the Office of the Government, a number of shortcomings in the construction of e-government, such as interconnected and integrated systems Data is slow to be deployed. Progress of the project implementation is not announced: The integrated platform, electronic data sharing in the ministries, sectors, localities are not complete. The application of information technology is weak. In addition, online services are designed individually, discretely, not friendly and do not focus on people, businesses. Online information and data from the ministries, branches and localities in service of the direction and administration of the Government and the Prime Minister are lacking, and most of the information is synthesized by manual methods.

of Home Affairs. Actual employment in administrative agencies and public service delivery units exceeded 63,279 people compared with the regulations (exceeding 44,667 people compared with the assigned number, exceeding 18,612 people against the norm)<sup>33</sup>.

### 2.3. The results of the private sector development in the country and the rational attraction of foreign direct investment

#### *a) Development of the domestic private sector*

From 2016 to 2018, the policy of private economic development is being improved, unreasonable administrative procedures and business conditions are reviewed and removed. Congress promulgated the Law on SME Promotion (Law No. 04/2017 / QH14). The Government has issued a number of documents detailing a number of articles of the SME Law, on innovative start-ups and on credit guarantee funds for SMEs, to ensure consistency in implementation of the Law. At the same time, the Prime Minister signed the Directive No. 15 / CT-TTg on the effective implementation of SME Law. Along with that, the Government continues to promulgate and implement effectively the Law on Cooperatives in 2012; Resolution No. 19 of the Government in 2016, 2017 and 2018 on continuing to implement the major tasks and solutions to improve the business environment and raise the national competitiveness; Resolution No. 35 / NQ-CP on supporting and developing enterprises by 2020,...

The drastic implementation of these policies has brought positive initial results. By the end of June 2018, 21 ministries and agencies and 31 provinces and cities under central government have developed action plans to implement Resolution 19-2018. Regarding regulatory reform on business conditions, there were 738 business conditions out of a total of more than 5,700 business conditions that were actually

---

<sup>33</sup>According to the document of the State Audit at the International Conference on Public Finance in Vietnam on 17/8/2018 in Hanoi



abolished and modified or simplified. The average number of proposed business conditions was 54%, of which the proposed number of business conditions was 36%. The national competitiveness rating increased from 60/138 to 55/137 economies, according to the World Economic Forum. Business environment rankings increased 14 levels from 82/190 to 68/190 economies (according to the World Bank). The rating of innovative capacity improved 12 points, standing at 47/127 among economies - these are the highest rankings of Vietnam. Vietnam's national credit rating by international rating agencies has also improved: in 2017, Moody's and Fitch upgraded Vietnam's rating from "stable" to "positive". In May 2018, Fitch continued to upgrade Vietnam's credit rating from *BB-* to *BB* with a "stable" outlook.

As a result, in the period 2016-2017, the number of newly established enterprises reached a record in both numbers and registered capital. In 2016, there are more than 110,000 enterprises with the registered capital of VND 891,094 billion. In 2017, there are 127,000 enterprises with registered capital of 1,295,911 billion VND. The number of enterprises returning to operation in 2017 is 26,448 enterprises, less than 0.9% compared to 2016. The registration of enterprises in the first months of 2018 has been further improved thanks to the efforts of the Government in improving the business investment environment and removing difficulties for enterprises through the reform of administrative procedures, improving the legal framework on business investment and policies to support enterprises. According to forecasts for 2018, there will be about 130,000 newly established enterprises, increasing by 2.5% compared to 2017.

At the same time, the proportion of private investment in total social investment tends to increase: by 2015, 38.7%; 38.9% in 2016; 40.6% in 2017. The private sector occupies a large proportion of the economy: 43.22% in 2015, 42.56% in 2016 and 41.74% in 2017.

The development of cooperatives has resulted in many models of cooperatives<sup>34</sup> in the new style associated with the chain has promoted effectively and expanded investment. High-tech agricultural cooperatives are becoming more and more popular and are taking place in all regions of the country. The co-operative group is increasingly asserting that the model is suitable to the development conditions of many regions and is the foundation for moving towards the establishment of new cooperatives for sustainable development in order to contribute to creating jobs and increase income for employees.

However, in the period 2016-2018, the domestic private sector is growing slowly. The growth rate of value added in 2016 is 5.51% and in 2017 is 6.23% (average of the period 2011-2015 increased 6.61%). The majority of private enterprises are small and medium scale, and there is no significant change in the period 2016-2018. In spite of the rapid increase in the number of enterprises compared to the overall average for the period 2010-2016<sup>35</sup>, with the current size and growth rate<sup>36</sup>, the target of 1 million effective enterprises by 2020 seems to be difficult to complete.

---

<sup>34</sup>Up to 30/6/2018, the country has about 20,930 cooperatives, 57 cooperative unions, including 12,596 agricultural cooperatives, 900 transport cooperatives and 4,000 cooperatives. 836 construction cooperatives, 1,181 people's credit funds and 1.4117 cooperatives in other fields. The total number of cooperative members is about 6.3 million. There were 965 cooperatives established, 338 cooperatives dissolved. The average turnover of a cooperative is estimated at over VND 3.5 billion / co-operative (1.5% higher than in 2017, average income of cooperative workers is about VND 3 million / (20% higher than in 2017)

<sup>35</sup>The growth rate of the number of enterprises operating in the period 2010-2016 is 10.4% on average and 11.1% in 2017.

<sup>36</sup>According to the General Statistics Office, the total number of enterprises up to 31/12/2017 reached 561,064. In the first 9 months of 2018, the number of newly established enterprises reached 96,611 enterprises, the number of enterprises returned to operation was 22,897 enterprises, the number of enterprises registered to temporarily stop business is 23,053 enterprises, the number of enterprises wait for dissolution is 50050 and the number of enterprises that completed the procedures for dissolution is 11,536. As a result, the number of enterprises operating in the first nine months of 2018 is estimated at 34,869. By the end of September, the number of active enterprises reached 595,933.

*b) Results of attracting foreign direct investment*

The registered FDI capital in the period 2016-2018 is estimated at 99.5 billion USD, 73.7% higher than that of the 2011-2013 period and 40% higher than the plan for 2016-2018. The registered capital in 2016 is 26.89 billion USD, in 2017 is 37.1 billion USD (38% higher than in 2016). Estimated value in 2018 is estimated at 32 billion to 35 billion USD, equal to 90.3% over the same period in 2017.

Registered capital and realized capital for the three years 2016-2018 are higher than those for the 2011-2013 period. This is a positive signal in the context of the world economy and in the country still face many difficulties and challenges. It is noteworthy that the proportion of FDI projects in the manufacturing and processing industry is increasing, especially some large projects for export production actively disbursed and expanded production. (Samsung, Nokia, LG,...). As expected, the FDI sector continues to hold the leading position in creating export value in the coming years.

However, the goal of attracting high technology, source technology, and technology transfer through FDI attraction has not been achieved as expected. The proportion of high-tech FDI projects is still low and the implementation of technology transfer has not met the desired results. The spillover effect of the FDI sector in the domestic market is not high. Meanwhile, some licensed projects have not yet been sustainable and have the potential to pollute the environment, consume a lot of energy, and use inefficient resources. In addition, the problem of some enterprises is the lack of knowledge, lack of legal understanding of Vietnam, lack of management experience and responsibility for society, non-compliance with the law, does not guarantee the interests of workers, not interested in building harmonious labor relations; Tax debts, social insurance debts. The disbursement rate of foreign investment, accounting for 55% of total registered capital, is not commensurate with the expectations and

demand of the economy.

2.4. The results of a sectoral and regional economic restructuring in the direction of raising productivity, quality, and efficiency, coupled with stepping up international economic integration.

*a) The result of industrial restructuring*

Resolution 24 and related documents identify 10 major objectives and tasks to restructure industrial sectors to 2020, including 8 quantitative objectives<sup>37</sup> and 2 qualitative objectives<sup>38</sup>.

To achieve these goals, Resolution 27 identifies four tasks for industrial restructuring. Up to now, there has been one task that has been carried out with clear results, two tasks have been implemented with the initial results, one task has been delayed and failed to meet the deadline (Appendix 4). Along with that, many policies create a premise to restructure the industries to be issued such as Decision No. 598 / QĐ-TTg dated 25/5/2018 promulgating the plan of industrial restructuring period 2018- 2020, by 2025; Decision No. 68 / QĐ-TTg dated 18/1/2017 promulgating the program on development of supporting industries from 2016 to 2025; Decision No. 168 / QĐ-TTg dated 07/2/2017 approving the project of restructuring the power sector in 2016-2020, with orientation to 2025; Decree No. 111/ND-CP on Supporting Industry Development; Development strategy

---

<sup>37</sup>Quantitative targets include: (i) Industrial and construction density in GDP is 30-35%, industrial growth is higher than GDP growth; (ii) The proportion of manufactured goods in the total export turnover is 85-90%; (iii) labor in industry and construction accounts for 25-30%; (iv) The growth rate of investment in industry is higher than that of the whole society; (v) The growth rate of the number of enterprises in industry is higher than that of the whole society; (vi) The rate of increase in labor productivity in industry increased on average 5.5% per annum; (vii) The contribution of the hi-tech industry in the manufacturing and private sectors in the following year is higher than that of the previous year in terms of number of enterprises, number of employees and turnover; (viii) Manufacturing industry Value-added growth is from 8% to 10%.

<sup>38</sup>Qualitative targets include: (i) Formulation of pilot clusters of industry linkages in priority industries; (ii) narrowing the gap between industrial competitiveness indices compared to ASEAN-4 countries.

of Vietnam's oil and gas industry to 2025 with orientation to 2035; National Strategy for Renewable Energy Development to 2030 and Vision to 2050; Restructuring projects of some industries including electricity, coal and oil and gas; Projects on development planning of the chemical, garment and textile and leather and footwear industries; beer, wine, beverage; paper; milk processing; plastic; coal.... Planning development of the logistics center system to 2020, orientation to 2030; Structural policies have played an important role in guiding, supporting and promoting the process of industrial restructuring, and have initially led to positive results.

Preliminary evaluation of the implementation results showed that there are 4 objectives expected to be completed; 4 objectives can be fulfilled; 2 objectives need to be pushed to completion (Table 5).

**Table 5: Implementation Status and Achievement of Industrial Restructuring Targets**

	<b>Objective</b>	<b>Implementation</b>	<b>Evaluation of the possibility of completion</b>
	<b>Quantitative</b>		
1	The share of industry and construction in GDP is from 30% to 35%, the growth rate of the industry sector is higher than the GDP growth rate	<ul style="list-style-type: none"> <li>- The proportion of industry and construction in GDP: 32.72% in 2016 and 33.34% in 2017; The first six months of 2018 reached 33.78%.</li> <li>- The growth rate of the industry in 2016 is 7.1% (that of the economy is 6.21%); in 2017 it is 7.8% (that of the economy reaches 6.81%); In the first 6 months, 9.3% (that of the economy was 7.08%).</li> </ul>	Completed
2	The proportion of manufactured goods in the total export turnover reached from 85% to 90%	Increased from 61% in 2011 to 82.7% in 2016 and 83.7% in 2017 and 82.3% in the first 6 months of 2018.	Can be completed

3	Labor in industry and construction accounts for 25% to 30% of total labor	Labor in industry and construction / total labor reached 24.7% in 2016, 25.7% in 2017 and 26.7% in the first six months of 2018.	Completed
4	The growth rate of investment in industry is higher than that of the whole society	In the period of 2011-2016, it is 9.7% / year (the whole society is 8.3% / year). In 2017, the processing and manufacturing industry is 16.5% per year (the whole society is 12.1%). In the first 6 months of 2018, it is... (the whole society is 10.1%).	Completed
5	The growth rate of the number of enterprises in the industry is higher than the average of the whole society	The growth rate of the number of enterprises in the industry in the period of 2010-2016 is 8.6% / year, that of the country is 10.4% / year.	Need solutions to be completed
6	The average annual productivity growth rate in the industry is at least 5.5%	<p>- The average growth rate of the period 2011-2016 is only 2.4% / year: in 2016, it has decreased by 2.2% compared to 2015.</p> <p>- In 2017, the labor productivity of the industry-construction sector will reach VND 82.5 million / person, increasing by 3.1% against 2016.</p>	Need solutions to be completed
7	The contribution of the hi-tech industry in the manufacturing and private sectors in the next year was higher than that of the previous year in terms of number of enterprises, labor force and turnover	<p>Contribution ratios increase over the years 2011-2015, of which:</p> <p>- The proportion of hi-tech enterprises increased from 11.4% to 12.68%; Private enterprises increased from 96.5% to 97.7%.</p> <p>- The proportion of labor in hi-tech enterprises increased from 13.81% to 18.12%; in private enterprises increased from 95.1% to 97.2%;</p> <p>- The proportion of turnover of hi-tech enterprises increased from 27.05% to 40.11%; Private enterprises increased from 86.3% to 92.4%.</p>	Can be completed

8	Value-added growth of the manufacturing industry (MVA) reached from 8% to 10%	In the 2006-2010 period, it increased by 15.5% / year; and it increased by 10.6% in the period 2011-2015; by 11.9% in 2016; and by 14.4% in 2017	Completed
<b>Qualitative</b>			
1	Form a pilot cluster of industry links in priority industries	Early forms of industrial linkage clusters were formed in a number of IZs and economic zones such as the textile cluster in Ho Chi Minh City (Global Satellite Cluster), the Complex Chu Lai - Truong Hai automobile mechanic in Chu Lai open economic zone, or big manufacturing enterprises such as Samsung, LG, large Japanese enterprises (in North Thang Long Industrial Park) <sup>4</sup>	Can be completed
2	Narrowing the gap between the indices of industrial competitiveness compared to ASEAN-4 countries	The Vietnam Industrial Competitiveness Index (CIP) score for 2011 is 0.05 (0.14 for the ASEAN-4 average); 2015 is 0.08 (ASEAN-4 is 0.175). The difference fell from 0.13 to 0.095  The CIP increases from 48 in 2016 to 41 in 2017, while the ASEAN-4 countries do not increase significantly (Thailand and Malaysia are up one level, Indonesia does not increase).	Can be completed

In general, during the period 2016 - 2018, industrial production is expanding and increasing continuously. In 2017, industry growth is 7.58%, higher than the 7.06% growth rate in 2016. The industry growth is expected to be 9.28% in the first six months of 2018. The manufacturing and processing industries growth rate is very high (14.4% in 2017 and 13.2% in the first 6 months of 2018). The industry's growth rate is always higher than the overall growth rate of the economy, thus making a big contribution to narrowing the

gap between Vietnam's industrial competitiveness index (CIP) and ASEAN-4 countries'. Vietnam's industrial competitiveness index (UNIDO) has improved in rank from its 48th position in 2016 to the 41st position in 2017, while the ranking of ASEAN countries -4 increased slightly (Thailand and Malaysia up one level, Indonesia does not increase).

The industrial structure has shifted towards increasing the proportion of processing and manufacturing industries (from 13.8% in 2014 to 15.28% in 2018) and gradually reducing the mining industry (from 10.82% in 2014 to 7.47% in 2017). The proportion of manufacturing and processing industries in exports has been increasing (from 61% in 2011 to 81.3% in 2017 and 81.9% in the first 6 months of 2018).

The growth rate of investment in processing and manufacturing increased by 16.5% compared to that of the whole society of 12.1% in 2017, which created a premise for industrial growth recovery. The growth rate of value added of manufacturing, processing (MVA) industry in 2016 is 11.9%; in 2017 is 14.4% compared to 10.6% of the period 2011-2015.

Apart from the results, the restructuring of the industry still shows some shortcomings. Specifically:

Firstly, the process of industrial restructuring is slow and inconsistent. The process of industrial development has not met the requirements of industrialization and modernization due to the development of short-term objectives and lack of sustainability, thus not creating a competitive domestic industry.

Secondly, the growth rate of labor productivity in industries is low: labor productivity has not improved significantly, especially in the manufacturing and manufacturing industries, thus widening the gap in industrial productivity between Vietnam and other countries in the world. Labor productivity in Vietnam's industry has increased



more than 2.5 times in the period 2006-2015. However, the labor productivity growth rate of the industry is only 2.4% per year, lower than the average growth rate of the economy is 3.9%. In 2016, the labor productivity of the industry-construction sector has decreased by 2.2% compared to 2015.

The development of priority industries and key industries have not met the target. Changing priority industries in different periods has affected the concentration of resources in promoting investment and the development of industries. There are five high priority industries in the top 10 industries with the highest growth rates: textiles, leather, chemicals, steel, and electronics. However, these industries are only involved in some stages of the value chain with low added value and high reliance on imported raw materials, intermediates and machinery and equipment.

Thirdly, the supporting industry has a slow growth rate and has not met the demand of domestic industries, resulting in lower localization rates in the industries. There are 1,383 enterprises operating in the supporting industry, mainly involved in the process with simple technology and low added value. Especially, FDI enterprises make up more than 80% of Vietnam's parts manufacturing enterprises, concentrating on electric and electronic components and metal parts. Domestic firms only provide about 10% of domestic demand for supporting industry products. The car manufacturing industry has achieved the localization rate of 5% to 20%; Electronic content of about 5% to 10%; footwear with a localization rate of around 30%; garment and garment with the localization rate of about 30%; the localization rate is about 5% to 10%; Supporting industries for high technology have achieved the localization rate of about 1% to 2%.

Fourthly, the spatial distribution of industries does not correspond to the geographic advantage, potentiality of localities, and does not successfully form specialized sector clusters. Industrial development

space is not distributed reasonably nationally based on competitive advantage despite industrial development planning. Industrial development is still heavily dependent on subjective expectations of localities and there is a lack of coordination and coordination mechanisms between localities and regions in this development.

*b) Results of restructuring the agricultural sector*

Resolution 24 and related documents identified nine major objectives for the reform of the agricultural sector, including seven quantitative objectives<sup>39</sup> and two qualitative objectives<sup>40</sup> for 2020, to carry out a strong restructuring of the sector, to build a new rural area, to develop a comprehensive and modern agriculture in a modern and sustainable way, to produce goods with high productivity, quality, efficiency and competitiveness, and to ensure solid national food security both in the immediate and long-term. To build new rural areas with modern socio-economic infrastructure; economic structure and rational production forms, linking agriculture with the fast development of industry, services and urban areas according to plannings; stable rural society, rich in national cultural identity; the intellectuals are improved, the ecological environment is protected.

For implementation, the Prime Minister issued Decision No. 1819 / QD-TTg dated 16/11/2017 Approving the Plan of agricultural restructuring period 2017-2020. In addition, the legal framework facilitates the process of restructuring the agricultural sector to

---

<sup>39</sup>Quantitative targets include: (i) GDP growth rate of about 3% per year; (ii) average productivity growth rate of 3.5% / year; (iii) The proportion of agricultural workers fell below 40%; (iv) Agricultural workers receive about 22% training; (v) Rural residential income will increase at least 1.8 times compared to 2015; (vi) About 15,000 agricultural cooperatives operate effectively; (vii) Approximately 50% of communes meet new rural standards;

<sup>40</sup>The objectives include: (i) Exploiting the advantages of tropical agriculture, focusing on developing products with comparative advantages, high added value, meeting export standards, Effective participation in the global value chain. (ii) reorganize production, strengthen linkage along the value chain; (iii) Responding effectively to climate change, protecting the ecological environment, reducing emissions in agriculture.

continue to be completed, attracting and motivating enterprises to invest in agriculture and rural areas. The Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD) has chaired the preparation for the Government to submit to the National Assembly five laws<sup>41</sup>; submit to the Government for promulgation, amending and supplementing 27 decrees; submit to the Prime Minister for promulgation, amendment and supplement to 10 decisions; to directly issue and amend about 95 circulars. Policies to attract all economic sectors to invest in agriculture and rural areas are developed and promulgated (Decree No. 57/2018 / ND-CP dated 17/4/2018 replaces Decree No. 210 Credit policy for agricultural and rural development (Decree No. 55/2015 / ND-CP), agricultural insurance policy (Decree No. 58 / Investment policy in the form of public-private partnerships (Decree No. 63/2018 / ND-CP replacing Decree No. 15/2015 / ND-CP) Business support in cooperation with large-scale production cooperation (Decree No. 98/2018 / ND-CP dated 05/7/2018), policy on development of high technology agriculture (Decree No. 19 / 2018 / QĐ-TTg dated 19/4/2018) and policy encouraging innovation; The credit program encourages high agricultural development and clean agriculture under the Government's Resolution No. 30 / NQ-CP dated March 7, 2017 (the credit package is VND 100 trillion).

Preliminary results show that the three objectives are expected to be fulfilled, two objectives can be completed, and four objectives need solutions to be fulfilled (Table 6).

---

<sup>41</sup>Irrigation Law No. 08/2017 / QH14; Forest Law No. 16/2017 / QH14; Fisheries Law No. 18/2017 / QH14; Law of Cultivation; Law on Livestock (adopted at the 6 th session).

**Table 6: Performance and Completion of Agricultural Sector Restructuring Indicators**

	<b>Objective</b>	<b>Implementation</b>	<b>Evaluation of the possibility of completion</b>
	<b>Quantitative</b>		
1	The agricultural GDP growth rate will be around 3% per annum during 2017-2020	In 2016 and 2017, due to natural disasters, the growth rate is lower than the target (2016: 1.36%, 2017: 2.9%). In the first six months of 2018, the growth rate was 3.93%. In order to reach the growth target of the remaining three years, the agricultural sector must strive to achieve a growth rate of at least 3.5% per year.	Completed
2	The average productivity growth rate of 3.5% per annum during 2017-2020	In 2017, it reached VND35.5 million per worker, higher than VND9.93 million per worker compared to 2012. The average increase was 6.67% per year, nearly double the target set at 3.5% per year	Completed
3	The share of agricultural labor is less than 40%	The share of agricultural labor has fallen from 44% in 2015 to 41.9% in 2016 and 40.1% in 2017, and to 38.6% by the end of June 2018.	Completed
4	Agricultural workers who are trained (certified) account for about 22% of the total labor force in the agricultural sector	The share of trained labor in rural areas in Q4 / 2011 is 13.7% (9% in 2011 and 12.8% in 2016). <sup>5</sup>	Need solutions to be completed
5	The rural population will increase at least 1.8 times compared to 2015	By the end of 2017, it will reach VND 32 million / person, 3.49 times higher than that of 2008 and 1.53 times higher than that of 2015.	Can be completed
6	About 15,000 agricultural cooperatives operate effectively	By the end of August 2018, the country had 12,817 agricultural cooperatives and 39 cooperative	Need solutions to be completed

		agricultural cooperatives. In 2017 there are 11,688 agricultural cooperatives, of which 33% of cooperatives operate effectively (about 3900 cooperatives)	
7	Approximately 50% of the communes meet new rural standards	By the end of July 2018, 3,420 communes (accounting for 38.32%) were recognized as new rural standards; By 2018, it is expected that over 40% of communes will reach new rural standards and by 2020, they will reach over 50%	Can be completed
<b>Qualitative</b>			
1	Developing products with comparative advantages, high added value, meeting the export requirements, and being able to effectively participate in the global value chain.	<p>- In 2017, the market for some key export items has increased sharply, such as fruit and vegetable (up 40.5%), rubber (35.6%), rice (up 23.2%), (23.8%).</p> <p>- 90% of Vietnam's agricultural products are still exported in raw, low quality and low value<sup>6</sup></p>	Need solutions to be completed
2	Reorganize production, strengthen linkages along the value chain	<p>- The household economy continues to be supported and organized on a larger scale and gradually adapted to the market mechanism. The farm economy is quite developed.</p> <p>- SOEs are rearranged and reformed, with the focus on boosting equitization and divesting investment outside the sector. 100% of SOEs have made renovation arrangements. To renovate the State-run agricultural and forestry farms according to the Government's Decree No. 30-NQ / TW; 41 out of 41 localities have completed the appraisal of the master plan for reorganization and submission to the Prime Minister</p>	Need solutions to be completed

(40 approved plans), with 252/254 approved models.

- The number of agribusinesses is growing, becoming the core of the value chain. Increased from 4,500 enterprises in 2016 to about 7,600 enterprises today.

- The forms of cooperation and linkage with production associated with agricultural products in the value chain have become quite common. There are 579.3 thousand hectares of large fields in 48/63 provinces with 2,262 points. Many establishments producing livestock and aquaculture are organized in the form of linkages.

- Agricultural land is small, average only 0.18 ha/plot; The average area of agricultural land used by a household is 0.58 ha/household.

- Agricultural production standardization is still scattered, product quality and food safety are low.

In general, the policy of restructuring the agricultural sector has been implemented seriously and made a clear change. The initial results are very positive. Specifically:

- Regarding agricultural GDP growth: In the period 2016-2017, GDP growth rate in agriculture is about 2.13% / year, lower than in 2015 (2.41%) and lower than the fixed target. In the first 6 months of 2018, the agricultural growth rate reached 3.93%, the highest increase from 2012 to present. It is forecasted that in 2018, the agricultural growth rate will be 3.4% and in the 2019 and 2020 years will be around 3% to 3.1%. Thus, the GDP growth rate of the agricultural sector from 2016 to 2020 will reach the target of 2.7% to 2.8% per year. In terms

of the value of agricultural, forestry and aquatic products, the average growth rate of the whole period can reach 3.5% per year, which is equal to the lowest fixed target of 3.5% per year.

- Regarding agro-forestry-fishery export turnover: during nearly 3 years of implementing the 5-year plan 2016-2020, export turnover of agriculture, forestry and fishery have been increasing continuously. In the three years of the 2016-2018 period, export turnover is estimated at 109.21 billion US dollars, with a growth rate of 12.17% per annum (higher than the growth rate of 9.7% per annum for the period 2011-2015). In the first eight months of 2018, export turnover of agriculture, forestry and fishery products reached 25.7 billion USD, which is equal to 63.4% of the annual plan of 2018. It is forecasted to reach 40-40.5 billion USD over the year of 2018, exceeding the target set for 2020.

- Regarding the ratio of communes meeting the new rural criteria: The national target program on building new rural areas from 2016 to 2017 mobilized 498 trillion VND, of which credit sources accounted for 59.2%, capital from enterprises, people and community account for 12.8%. In 2018, it is expected that the mobilized capital will reach 104,836 billion VND. By the end of August 2018, the country had 3,478 communes (38.98%) and 55 district-level units meeting the new rural standards (the proportion of communes meeting the new rural standards is 17.5% by 2015). It is expected that by 2018, at least 40% of communes will reach new rural standards (the objectives is set for 42% to 43% of communes) ; in 2019, from 48% to 50% of the communes will meet the new rural standard and the objective is expected to be fulfilled 1 year sooner than the plan.

- Regarding the percentage of agricultural, forestry and fishery workers in total social labor: In 2017, the proportion of workers aged 15 and over working in agro-forestry-fisheries sector accounts for 40.15% (46.5% in 2013 and 38.6% in the first 6 months of 2018). With an average reduction rate of about 0.13% per annum in the 2010-2017

period, the 2018 projection will reach the target of 40% according to the Resolution of the National Assembly. At the same time, the productivity of agricultural labor has improved significantly (35.5 million VND / labor in 2017)<sup>42</sup>.

- The different types of production organization are more appropriate and effective. SOEs, agro-forestry companies continue to be streamlined, transformed and operated. The cooperation and linkage of production associated with the consumption of agricultural products in the value chain have become quite popular and many production and husbandry enterprises are organized in the form of production links.

- On enhancing the application of science and technology: In the period 2016-2018, science and technology, especially high technology, is considered as one of the important factors to increase the productivity and quality of agricultural products<sup>43</sup>.

In addition to the positive results, the process of agricultural restructuring has appeared a number of barriers and is facing many difficulties and obstacles:

- The process of restructuring is slow. Internal changes are unclear and sustainable. The results have not met the objectives and

---

<sup>42</sup>From VND 12.2 million / person (2008) to VND 26.4 million / person in 2013 and VND 35.5 million / person in 2017

<sup>43</sup>S & T contributes over 30% of added value in agricultural production and 38% of value added in production of seeds and livestock, reducing the rate of imported seeds to only about 20% (compared 70% of the 2000s); The level of mechanization of agriculture continues to increase with the number of machines and equipment in agricultural production in 2017 increased by 1.5-2% compared to 2016. More than 90% of rice area, 80% area of maize, 60% of sugar cane area, 100% of new cashewnut area used by Vietnam. The productivity of some livestock and crops of Vietnam is high compared to other countries in the region and in the world, the highest rice productivity in ASEAN countries (in which Thailand is more than half) The world's second largest pepper (second only to India), Pangasius (500 tonnes / ha) is the world's highest. TH True Milk specializes in producing cow's milk and dairy products, VinEco has applied new technology in agriculture, Loc Thien Group specializes in pesticides and production, rice consumption, Company Vietnamese-Australian aquaculture with shrimps production and super-intensive shrimp culture.



requirements. Sector growth is not solid. Many localities do not have clear plans, have not identified the structure and products appropriate advantages. In many localities, the production situation exceeds the planning and the movement.

- The agricultural production following the standardization process is small in scale. Although there are some pilot models focusing on agricultural land accumulation, institutional changes in land use, concentration, and land accumulation have not changed. Therefore, the accumulation of land is still slow to organize large-scale, modern and high-tech agricultural production.

- Labor productivity, quality, and competitiveness of many agricultural products are low. Meanwhile, our country's international integration is getting deeper and wider, and Vietnam faces huge losses caused by natural disasters.

- The market of products has unpredictable developments. The consumption of agricultural products is slow so it affects the production, income, and life of the people.

- The renewal and development of production methods are still slow: the small household economy still occupies a high proportion and is showing the limitations and weaknesses hindering the process of industrialization and modernization of the agriculture. Meanwhile, large-scale production and value chain, linking the production of raw materials with preservation, processing, and consumption of products has not become mainstream.

### *c) The results of the restructuring of the service sector*

Resolution 24 and related resolutions have identified 7 objectives, including 3 quantitative objectives<sup>44</sup> and 4 qualitative objectives<sup>45</sup>

---

<sup>44</sup>Quantitative targets include: (i) maintaining service sector growth above GDP growth; (ii) service sector share is about 45% of GDP; (iii) Reduce logistics costs of the economy to about 15% of GDP.

<sup>45</sup>Qualitative objectives include: (i) developing and improving the quality of financial, banking, securities and insurance services; (ii) develop and improve the quality of business support

up to 2020. In particular, the restructuring of service sectors is to maintain the growth rate in services sector higher than GDP growth rate; to concentrate on developing a number of service sectors with advantages and high knowledge and technology, and to coordinate and bring into full play the combined strengths of ministries and branches. In the field of tourism, by 2020, tourism will become a key economic sector under the national tourism development program by enhancing the professionalism and quality of tourism services and encouraging businesses to invest in tourism development, especially forest, sea and island tourism.

Preliminary results of implementation, there is 1 fulfilled objective; 3 objectives possibly fulfilled and 3 objectives that need solutions to be completed. The objectives that need solutions to be completed include a quantitative objective (reducing logistics costs of the economy to about 15% of GDP) and two qualitative objectives (developing and improving quality of services business support, synchronous development of wholesale and retail distribution system). (Table 7)

**Table 7: Performance and Achievement of Goals in the Service Sector Restructuring Process 2016-2020**

	<b>Objective</b>	<b>Implementation</b>	<b>Evaluation of the possibility of completion</b>
	<b>Quantitative</b>		
1	Maintaining service sector growth rate higher than GDP growth rate	The growth rate of the service sector in 2016 is 6.98% (the growth rate of the whole economy is 6.21%), 7.44% in 2017 (the growth rate of the economy is 6.81% in 2017) and	Completed

---

services; To develop synchronously the distribution system of wholesale and retail. (iv) To develop tourism into a spearhead economic sector, creating a driving force for socio-economic development

		7.35% in 2018 (the growth rate of the whole economy is 6.7%).	
2	Service sector share is about 45% of GDP	The proportion of the service sector increases from 36.73% in 2011 to 40.62% in 2016, 41.26% in 2017 and 41.61% in 2018.	Can be completed
3	Reduce logistics costs of the economy to about 15% of GDP	Logistics costs of the economy in 2016 about 18% of GDP (about 21% of GDP in 2014) <sup>9</sup>	Need solutions to be completed
	<b>Qualitative</b>		
1	To develop and to improve the quality of financial services, banking, securities, insurance	<p>- Banking services, retail banking, payment services are developing strongly: In the period 2015-2017, banking service turnover will increase 35%/year on average and 48% in 2017.</p> <p>- Securities intermediation system was boosted to restructure (In 2017, the number of securities companies decreased by 25%, total owners' equity increased by 20%, profits reached 4,290 billion, total capital increased by 30%). The system of market organization (stock exchange, securities depository center, main data processing center, etc.) is upgraded and developed; Trading system, especially online trading has been strongly developed.</p> <p>- The insurance products are diversified with nearly 1,200 insurance products. The quality of products is improved. Various types of new products, insurance for social security purposes are implemented such as investment-linked insurance, micro-insurance, export credit insurance, guarantee insurance, pension insurance...</p>	Can be completed

2	To develop and to improve the quality of business support services	The percentage of firms using business support services (seeking information, legal advice, business partnerships, financial accounting, etc.), according to the PCI survey, is low: only about 60 % of enterprises in localities.	Need solutions to be completed
3	To develop synchronously the distribution system of wholesale and retail	<ul style="list-style-type: none"> <li>- The system of supermarkets and supermarkets mainly focuses on retail functions and most of the markets are small.</li> <li>- The retail trade infrastructure system is unevenly distributed: Most supermarkets and trade centers are concentrated in big cities, especially the number of supermarkets and trade centers in Hanoi and Hai Phong. Da Nang, Ho Chi Minh, and Can Tho respectively accounted for 47% and 50% of the country.</li> </ul>	Need solutions to be completed
4	To develop tourism into a spearhead economic sector, creating a driving force for socio-economic development	<ul style="list-style-type: none"> <li>- International visitors to Vietnam in 2017 reached about 13 million visitors.</li> <li>- Total revenue from tourists in 2017 is estimated at 510,000 billion VND, equivalent to 23 billion USD, contributing about 7.5% to GDP.</li> <li>- Tourism development is not commensurate with its potential and is mainly based on the exploitation of existing tourist resources.</li> </ul>	Can be completed

In general, the task of restructuring the service sector has been actively implemented and has had positive results. Specifically:

First of all, the growth rate of the services sector in 2016 and 2017 is respectively 6.98% and 7.44% which are higher than the GDP growth rate of the whole economy (6.21% in 2016 and 6.81% in 2017).

Secondly, the service sector has developed rapidly and occupied a relatively high proportion in the economic structure of regions and territories. The internal structure of the service sector promotes the potential and advantages of the territories. The service sector is growing at a faster rate than the region's GDP growth rate. The service sector in 2016 and 2017 accounts for 40.92% and 41.32% of GDP respectively. By maintaining such growth rates as in recent years, the target of 45% of GDP by 2020 can be achieved.

Thirdly, the development of the service sector has created many jobs. In 2017, service sector employment accounted for 34.0% of total employment in the country, higher than in 2016 (33.4% of total employment in the country). People's incomes are improved and social issues are also partly addressed in the development process.

Fourthly, the restructuring of the service sector has been implemented in the direction of improving the quality of services, focusing on investment in facilities and diversifying products, especially focusing on products that have a competitive advantage. Some service sectors are modernized, forming modern and high-quality products and services such as medical<sup>46</sup> and insurance<sup>47</sup> services. The tourism sector has experienced positive changes: in 2017, international visitors to Vietnam reached about 13 million visitors<sup>48</sup>; and gross receipts from

---

<sup>46</sup>On average, the unified process of examination, reform of administrative procedures, uninterrupted arrangement... has shortened the examination time is 48.5 minutes. Safety issues are also preferred by hospitals. Hospitals are improving their quality according to the criteria set by the hospital. To date, the face of the hospital has changed positively; the patient is better caring, more satisfied; the quality of human resources and working conditions, the material life, the morale of health workers has been gradually improved.

<sup>47</sup>The insurance products are diversified with nearly 1,200 insurance products, improved product quality, new types of products, insurance for social security purposes implemented such as link insurance investment, micro insurance, export credit insurance, guarantee insurance, pension insurance...

<sup>48</sup>The World Tourism Organization (UNWTO) ranks Vietnam as the sixth-10th fastest growing tourist destination in the world in 2017, based on visitor growth. Last year, Vietnam also increased 8 positions (67/136) in competitiveness of Travel and Tourism, according to the World Economic Forum.

tourists reached about \$ 23 billion, contributing about 7.5% of annual GDP<sup>49</sup>.

However, the growth rate of the service sector is not significantly higher than the overall growth rate of the economy and does not correspond to its growth potential<sup>50</sup>. The distribution system is inadequate: the connection is not effective and smooth from production to consumption. Some service sectors, despite their potential and development advantages, have low international competitiveness.

*d) The results of restructuring economic zones*

Resolution 24 and related documents set out five groups of tasks to restructure the economic zone including (i) perfect the legal system for planning and management in order to develop synchronously and reduce the fragmented and fragmented management of branches and localities. (ii) To study the building of superior institutions for localities, economic regions, and special economic-administrative regions in order to well perform the role of leading ships and boosting socio-economic development. (iii) Studying, reviewing and adjusting the functions and tasks of local authorities, and formulating mechanisms for coordinating economic development by region. (iv) The local authorities shall coordinate in promulgating and implementing policies on investment attraction and investment promotion in sectors with potential and competitive advantages. (v) Complete the model of urban economic development, organizational structure, functions, tasks, and management methods of urban administrations; priority is given to developing some smart cities.

---

<sup>49</sup>The Director General of the Vietnam National Administration of Tourism told an interview with the Government News Newspaper about the achievements of Vietnam's tourism in 2017. Source: <http://cafef.vn/du-lich-viet-nam-2017-the-dau-biet-20171225151209568.chn>

<sup>50</sup>The gap between the service sector and the overall GDP of the economy is now at just under 1 percentage point. Meanwhile, in developed countries, the growth rate of services is higher than 1.8-2.2 times the GDP growth rate; The average growth rate of service industries is about 1.1 to 1.7 times higher than GDP growth.

The government has set up four task groups to implement<sup>51</sup>. To date, most of the tasks have been implemented and have initial results. The Law on Planning was passed by the National Assembly at its Fourth Session of the XIV National Assembly. At the same time, documents guiding the implementation of the Law have also been developed.

Initial assessment showed that the regional economy had a positive shift on the basis of exploiting the potential and comparative advantage of each region and taking advantage of opportunities from attracting investment and expanding the market. Many regional infrastructure projects have been completed, exploited and put into use, creating favorable conditions for the development of economic activities, promoting urbanization as well as strengthening regional links. The poles of growth, dynamic territories continue to play a leading role and create a spillover effect.<sup>52</sup>

<sup>51</sup>The four groups of tasks include (1) promulgating the Law on Planning and guiding documents. Study the possibility of integrating provincial development planning into regional development plans. To improve and improve the quality and effectiveness of the implementation of regional economic development plans; To propose measures to raise the capacity of the Northwestern Steering Committee, the Central Highlands and the southwestern region in directing the implementation of regional development plans and directing and coordinating the joint development of localities. (2) Study and promulgate a specific mechanism requiring localities in the region to coordinate the development of schemes, agreements on coordination and prioritization of resources for pilot implementation of socio- society; To coordinate and promulgate policies on investment attraction and investment promotion, with priority given to branches and domains with potential and competitive advantages. (3) Reviewing and adjusting the functions and tasks of local authorities, and formulating mechanisms for regional economic development coordination. (4) To review, study and complete the master plan for the urban system. National Vision to 2050, National Urban Development Strategy 2020-2030 in 2018; To study and perfect the model of urban development management, organizational structure, functions, tasks and management modes of urban administrations and step up the training of urban management officials at all levels.

<sup>52</sup>The Steering Committee for the Co-ordination of Development of Key Economic Zones and the Economic Zone Councils was established and put into operation, creating a mechanism for exchanging socio-economic issues for the link between localities; The pilot scheme for linking socio-economic development of the Mekong Delta region in the period of 2016-2020 has helped to promote inter-regional initiatives in the region; The Central Coastal Region Coordination Board continues to be the mechanism connecting the nine Central Coastal provinces in development.

However, in the process of economic restructuring, there are still many limitations such as difficulties in mobilizing resources for regional development, especially for connecting infrastructure; The implementation of regional economic development plans is not effective and there is no link between localities in regional development. The regional socio-economic development master plan and sectoral planning have not paid due attention to the function of each region that is linked to the socio-economic conditions of the region and the whole country; the difference in living standards and the level of social services enjoyed by people between regions and between localities in each region. Regional alignment activities also show limitations in terms of scope and effectiveness. The system of mechanisms, policies, and laws promoting regional cooperation has not yet been finalized.

## 2.5. To formulate and develop all kinds of markets

### *a) Development of the financial market*

Resolution 24 and related documents identified eight objectives of financial market development, including 5 quantitative objectives<sup>53</sup> and 3 qualitative objectives<sup>54</sup>. For this purpose, Resolution 27 identifies key solutions<sup>55</sup> that integrate with other options for financial market restructuring and specific solutions already addressed in relevant

---

<sup>53</sup>Quantitative targets include: (i) Market capitalization of about 70% of GDP; (ii) outstanding debt to 45% of GDP; (iii) Revenue from the insurance sector will reach at least 4% of GDP; (iv) Corporate debt outstanding will reach around 7% of GDP by 2020; (v) By 2020, double the proportion of income from non-credit services to total income of commercial banks.

<sup>54</sup>Qualitative objectives include: (i) development of a venture capital market, derivatives market and consumer credit; (ii) Perfecting the management of the money market and securities market to meet the new development requirements; and (iii) improve the performance of financial markets.

<sup>55</sup>Solutions to develop a balanced and comprehensive financial market development plan, including money market and capital markets, equity and bond capital markets (including government bonds and corporate bonds) The between credit services and non-credit banking services; venture capital investment market.



documents<sup>56</sup>. The above-mentioned core solutions have been implemented and achieved initial results.

Institutional development of financial markets has been significantly improved. Many documents have been issued to improve the financial capacity, management and administration capacity of CIs in line with international practice<sup>57</sup>; and promote the development of non-bank services<sup>58</sup>. Legal documents have also been issued to guide the organization of securities business organizations, provide professional guidance and legal basis for the restructuring of securities business organizations and modernization of establishments. Infrastructure for the operation of the market.

Basing on the above solutions, according to a preliminary evaluation of the achievement of financial market development objectives, there are 4 objectives to be completed and 4 objectives likely to be achieved by 2020 ( Table 8).

---

<sup>56</sup>Decision No. 1826 / QĐ-TTg dated 06/12/2012 of the Prime Minister approving the Scheme on “Restructuring the securities market and insurance enterprises”; Decision No. 1191 / QĐ-TTg dated 14/8/2017 of the Prime Minister approving the roadmap for bond market development up to 2020 and vision to 2030; Decision No. 1058 / QĐ-TTg dated 19 July 2017 of the Prime Minister approving the project “Restructuring the system of credit institutions associated with dealing with NPLs for the period 2016-2020”.

<sup>57</sup>Circular No. 41/2016 / TT-NHNN dated 30/12/2016 regulates the capital adequacy ratio for banks and foreign bank branches; Circular No. 13/2018 / TT-NHNN dated 18/5/2018 regulating the internal control system for banks and foreign bank branches in replacement of Circular No. 44/2011 / TT-NHNN dated 29/12 / 2011.

<sup>58</sup>Decision No. 241 / QĐ-TTg dated 23/02/2018 of the Prime Minister approving the Scheme on the promotion of via-bank payment for public services: tax, electricity, water,, pay social security programs; Circular No. 19/2016 / TT-NHNN on banking card operation;

**Table 8: Performance and Completion of Targets for Financial Market Restructuring**

	<b>Objective 2020</b>	<b>Implementation</b>	<b>Evaluation of the possibility of completion</b>
	<b>Quantitative</b>		
1	Market capitalization is about 70% of GDP	Market capitalization rose from 43.2% of GDP in 2016 to 74.6% of GDP in 2017.	Completed
2	The outstanding bond market reached 45% of GDP	The total outstanding debt of the 2017 bond market is 37.45% of GDP (about 27.3% of GDP in 2016)	Completed
3	Revenue of the insurance sector is at least 4% of GDP	Insurance industry revenue in 2017 is estimated at VND 105,611 billion (2.1% of GDP), an increase of 21.2% compared to 2016.	Can be completed
4	The outstanding corporate bond market will account for about 7% of GDP by 2020	In the period of 2012-2017, average market growth is about 38%. Corporate debt outstanding in 2016 reached 5.27% of GDP; in 2017 about 6.99% of GDP.	Completed
5	By 2020, double the proportion of income from non-credit services in the total income of commercial banks	In the period 2015-2017, banking service turnover increases 35% / year on average and 48% in 2017.  In the first 6 months of 2018, many banks achieved high revenue growth rate in non-banking services (over 30%) compared to the same period of last year: Sacombank, MB, ACB, VIB, and TPBank.	Completed
	<b>Qualitative</b>		
1	Develop venture capital markets, derivative, and consumer credit markets	- By the end of 2017, more than 40 major venture capital funds operate in Vietnam.  - The derivatives market was established in 2017 and developed strongly.	Can be completed

- By the end of 2017, about 1.1 trillion VND (4.8 times compared to 2012), accounting for about 18% of the total outstanding loans of the economy. However, credit risk management is in trouble.
- 2 Improve the management of the monetary market, securities market to meet the requirements of new development

  - It has submitted to the Prime Minister a scheme to merge 02 stock exchanges
  - Infrastructure serving the operation of the securities market is modernized: Building the main data processing center; Data center backup; The securities depository center shall set up the payment model according to the central counterpart settlement mechanism

Can be completed
- 3 Improve the performance of financial markets

  - By 2017, the total listed value on the stock market reached nearly VND959 trillion, up 30% from 2016.
  - There have not been any big corporate bonds.
  - The average term of government bond issuance is 13.5 years (2016: 8.7 years); the average winning rate of over 10 years has been over 80%; G-bond yields fell in all terms over the end of 2016, declining from 0.6% -1.9% per annum.
  - The total assets of the insurance market to the end of 2017 is estimated at 302,935 billion VND (up 23.44% compared to 2016), the total investment return of the economy is estimated at 247,801 billion VND, up 26.74 % compared to 2016.

Can be completed

Overall, the size of financial market types have been more appropriately adjusted between the size of money market and capital market<sup>59</sup>, between the stock market and bond market<sup>60</sup>, between government bond market and corporate bond market<sup>61</sup>, credit service and non- credit service<sup>62</sup>. New financial markets that have been set up lately and developed steadily are venture capital market, Derivative market, and consumer credit market. The performance of the financial market has generally improved.

However, some fast-growing financial markets also pose problems in risk management for financial institutions, state regulators and also clients. Facing with the development of financial market, Vietnamese National bank has actively strengthened the management, inspection, inspection and supervision in the activities of consumer finance companies; promptly issued documents warning and rectifying credit granting activities, determining interest rates and debt recovery procedures to prevent fraudulent acts and violate the provisions of law on consumer lending, and to ensure the appropriate benefits of securing customers and safety in lending activities. There are a number of restrictions on stock market movements, especially in the early period of 2018 (when there was market volatility).

#### *b) Restructuring the Land market*

Resolution 24 and other relevant documents have listed these mission to be completed in 2020: (i) Summarizing the effectiveness

---

<sup>59</sup>The stock market capitalization has grown rapidly from 43.2% of GDP in 2016 to 74.6% of GDP in 2017

<sup>60</sup>Total bond market debt surged from 27.3% of GDP in 2016 to 37.45% of GDP in 2017

<sup>61</sup>Corporate debt outstanding increased from 5.27% of GDP in 2016 to 6.99% of GDP in 2017. The size of the government bond market reached 28.74% by the end of June.

<sup>62</sup>In the period 2015-2017, banking service turnover will increase 35% / year on average and 48% in 2017. Source: According to statistics of banking services from 20 joint stock commercial banks: BIDV, Vietcombank, Techcombank, Vietinbank, Sacombank, MBBank, VPBank, ACB, SHB, Eximbank, VIB, Maritime bank, TPbank, HDBank, ABBank, LienVietPostbank, BacAbank, KienlongBank, NCB, Vietbank, VietAbank.

of the models in practice, learning lessons on accumulation and concentration of land, attracting enterprises to invest in agriculture, developing a model of new cooperatives to develop appropriate mechanisms and policies; (ii) Encouraging and facilitating the accumulation of agricultural land; (iii) Establishing legal framework for the primary and secondary markets for land use rights, especially for agricultural land.

Organizing the preliminary review of the organization of implementation of the Land Law; Assess the impact of land policies on economic, social and environmental development. To propose competent agencies to amend and supplement the provisions of the land legislation, to ensure uniformity and uniformity with other relevant laws; promote the development of the land use right market; To create conditions for accumulation and concentration of land, to bring into full play the land resources for socio-economic development, especially the agricultural production under the model of large-scale and hi-tech agriculture; To create favorable conditions for enterprises (including domestic enterprises and foreign enterprises) to access land for investment in production and business; To accelerate the equitization of state-owned enterprises, but to ensure strict management, efficient exploitation and avoid loss of land of the State; To overcome the situation of land-related complaints and lawsuits, especially the land price determination for compensation, support and resettlement when the State recovers land. Urgently proposing amendments and supplements to the regulations which cause difficulties and problems in the investment and business environment.

To present, most of the tasks are being implemented and initially, and there are results gained. The real estate market in general, the land use right market, in particular, has become more and more active, increasingly open and transparent; has mobilized capital for socio-economic development, especially in localities where industries,

urban centers, tourism, and services are strongly developed. Along with that, land management has made many changes. Up to now, the whole country has made cadastral maps of over 76% of the total natural area and completed the granting of a land use right certificate for the first time, reaching over 96.9% of the total area of all land categories. Renovated land use planning and plans, ensuring a market-oriented development, overcoming spontaneous development.

Transactions in the real estate market have been primarily controlled because the land has been issued with a certificate and the land law has enough regulations when transferring the right to carry out procedures for registration of transactions with state management agencies. The efficiency and effectiveness of state management have been improved, administrative procedures have been reformed and shortened, market support services have been paid attention and development has created a good driving force for the market.

However, the real estate market in general, the market for land use rights in particular, especially the agricultural land market in some places has not developed. The market for agricultural land use rights is inadequate, making it difficult to concentrate and accumulate land. The average area of agricultural land is only 0.18 ha/plot, the average area of agricultural land used by a household is 0.58 ha. Transparency of the real estate market is limited; its lack of transparency between the initial investment cost and the cost of the product causes the market to be manipulated, difficult to control, affecting economic and social development. The status of complaints and solicitations related to land is also common in most localities. There are a number of barriers to institutionalism, binding policies and restrictions on the formation and development of agricultural land use rights markets, leading to inefficient use of agricultural land in many localities and limited investment in rural agriculture. The land is a great resource for growth and development, but these resources have not been

effectively allocated according to market signals, creating a major barrier to economic restructuring.

*c) Restructuring the labor market*

Decision 24 and other relevant documents have listed these mission to be completed:

- Enhancing remarkably the quality of university education and vocational education

- Focusing on developing and enlarging ways of vocational education in order to meet the employment demand.

- Making a policy to prioritize training labors in the technological and scientific field.

To this end, the government has implemented several measures:

- Building the Amending and supplementing laws a number of articles of the Labor Code 2012, submitted to National Assembly for endorsement in 2018 - 2019.

- Studying about amending laws on labor, household registration, agricultural land use rights and access to public services in order to Facilitate settlement and transfer of labor in the country.

So far, the tasks are being carried out and achieved certain results<sup>63</sup>.

---

<sup>63</sup>The law on labor continues to be supplemented and perfected. The Government issued Resolution 93 / NQ-CP dated 26 September, 2007 on the simplification of administrative procedures and citizen papers under Scheme 896 within the scope of state management functions of the Ministry of Labor, Invalids and Social. Labor law continues to be amended with the development of 13 schemes under the Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs (MOLISA) 2017 work program (14 plans), 24 guiding circulars rights and 12 projects outside the ministry's operational plan.

The Government has setup a program to a bolish the procedures on house hold registration books an didentity cards in population management (Resolution 112 / NQ-CP dated 30/10/2017). The government has simplified ozen so fad ministrative procedures, civil papers related to population management. The Ministry of Justiceis examining an damending Decree 123/2015 / ND-CP regarding civic status management in order to create favor able conditions for people. By the endof June 2017, the Ministry of Justice expanded the implementation of civil status registration and management information system for civil status judicial officers in 6 provincesandcities.

Initial evaluation shows that labor structure by economic sectors has had a positive shift. In 2015, the proportion of agriculture, forestry, and fishery; Industry and construction; service are 44%; 22,8%; 33,2% respectively. Now, this proportion has shifted in the direction that the proportion of agriculture, forestry and fishery decreased and the rest increased. In 2017, these numbers are 40,2%; 25,7%; 34,1% respectively.

In the 2016 - 2018 period, the government continues to carry out measures to develop labour market; enhance studying and prediction of labor market demand, connect demand and supply in the labor market, operate and administrate the Labor Market Data Integration Center, instruct localities to use labor demand-supply soft-wares; Enhance the labor market information system to find jobs or employment, gather and provide information about employment and job-seekers.

The government deployed the project on labor market development and employment under the Program of Vocational Education-Occupational Employment in the period of 2016-2020 and Project “Development of Vietnam employment information network”. The government organizes the implementation of policies to support the creation of jobs for laborers, especially the specific laborers such as youth workers, rural workers, agricultural land users, migrant workers, migrant workers, ethnic minorities, and woman workers. The vocational education system is reviewed, arranged and made significant changes. Quality of employment is gradually improved. Workers in the informal sector gradually shifted to the formal sector, making the percentage of employed workers on salaried employment reach 43.25% after the first quarter of 2018.

The unemployment rate of the population aged 15 and above in Vietnam in the last 3 years has always been stable and low, about

---

However, the law on the management of civic status still has many regulations difficult for people, especially related to civic status with foreign elements.



2.1%. In the 2016-2018 period, jobs for over 4,900 thousand people were created, reaching 61.3-65.2% of the 5-year plan 2016-2020. Of those jobs, (i) domestic jobs were created for 4250 people, reaching 60,3%-64,6% of the 5-year plan, (ii) 381.000 people were sent to work overseas under contracts, reaching 76,15% of the 5-year plan. Gender rate of the job created was about 48%.

However, the labor market in Vietnam still has limitations:

(i) Slow labor restructuring, did not catch up with the economic restructuring. Workers mainly work in the agricultural sector, the informal sector with low productivity.

(ii) Low employment quality. Self-employed workers, unpaid family workers, and workers working in official production and business establishments remain to be the primary labor force of the economy.

(iii) Labor quality is limited, not meeting with the demand for economic growth, vocation training structure is still not adequate. There is a serious shortage of skilled technicians and labor in some new industries. Skills, workmanship, physical strength and industrial style are bad; as a result, the competitiveness of Vietnamese workers is low. According to the GSO quarterly labor force survey data, at the end of the 4th quarter in 2017, workers with the university and post-graduate degrees account for 44.7% of a total number of employees with professional qualifications (in 2016 it was 43.5%). The correlation between higher education level and college-level professional-job training in 4th quarter of 2017 is 1: 0,35: 0,54: 0,35 ( in 2016 it was 1: 0,35: 0,56: 0,39)

(iv) Suffering from limited job creation capacity, creating pressure for employment, especially sustainable employment and employment for young people, rural workers. There is a lack of effective employment policies for specific target groups.

(v) Labor allocation by territory and by geographic area is imbalanced. There is still an imbalance in the supply and demand for local labor among regions, regions and economic sectors. While large labor supply, many businesses still have difficulties in recruiting workers, not only trained workers but also common labors.

(vi) The vocational training system is not effective, leading to the vision that our goals of having about 40 high-quality vocation schools accepted by ASEAN 4 or the world are impossible to achieve<sup>64</sup>.

*d) Restructuring the science and technology market*

Resolution 24 and other relevant documents listed missions to increase the annual transaction value of the science and technology market. The number of patents registered for protection in the period 2016-2020 is twice as high as in the period 2011-2015, in which the number of inventions created by national key science and technology programs rapidly increased.

In the 2016-2018 period, the system of legal documents on science and technology continues to be improved (The amended Technology Transfer Law of 2017 and related documents). We also renovate the mode of management of scientific and technological tasks, to create a broad and equal legal corridor for all public and non-public sectors, Vietnamese and foreign scientists participating in the activities. science and technology<sup>65</sup>. Many modern scientific and technological

---

<sup>64</sup>According to the preliminary report on the 03 year implementation of the project on development of high-quality vocational schools and the direction and tasks to 2020 of the General Department of Vocational Training, Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs, 2017, evaluated 45 vocational schools Priority is given to investment in building high quality schools. Only a school (International Technology College LILAMA 2 - Ministry of Construction) has assessed 100% of all 06 criteria stipulated in Decision No. 761 / QĐ-TTg dated 23/5/2017, 2018 strives to be evaluated, recognized as high quality schools. By the year 2018, about 15 schools are accredited, rated and recognized as high quality vocational schools that fail to meet the requirements.

<sup>65</sup>By the end of 2017, there are 3,836 registered organizations operating in science and technology, including 1,794 public organizations and 2,042 non-public organizations, with an average of about 300 organizations registering for S & T every year. Currently there are nearly 168,000

achievements have been applied quickly and widely in the field of health, agriculture, information, construction<sup>66</sup>, etc. The promotion of searching, exchanging and transferring technology is accelerated. National scientific and technological development funds, national technological renewal funds put into operation and brought into full play, scientific and technological infrastructure and information have been developed.

The market for science and technology continues to be promoted and begins to play the role of bridging, linking scientific and technological activities with production and business. The system of protection and enforcement of intellectual property rights has been increasingly improved, effectively serving the production and business activities of enterprises and protect the results of creative activities in conformity with international commitments<sup>67</sup>. The mechanisms and policies to encourage and support enterprises investing in research and technological renewal have had positive impacts, helping businesses improve productivity, quality, and competitiveness of products and services.

---

people in research and development activities in the country, including 141,000 people in the state sector (84%), 23,000 people outside the state (14%), foreign invested sector About 3,500 people (2%). The total number of full time researchers in Vietnam is nearly 63,000 (7 people / 10,000 people).

<sup>66</sup>Contributing over 30% of added value in agricultural production and 38% of added value in seed production, reducing the rate of imported seeds to about 20% (compared with 70% of the 2000s); The level of agricultural mechanization continues to increase with the number of machines and equipment in agricultural production in 2017 increasing by 1.5-2% compared to 2016; The rate of mechanization in pit mining has increased sharply from 10% to 80% in quasar years; 95% of the population is provided with 4G waveguides; Successfully researched and produced 10/11 vaccines to serve the widespread vaccination programs and save the state budget of thousands of billion VND each year.

<sup>67</sup>In New York, the United States, the World Intellectual Property Organization (WIPO) released a report on the Global Index of Innovation Index (GII) in 2018. Vietnam was ranked 45th / 126 countries and economies, up 02 positions compared to 2017. This is the highest rank of Vietnam ever.

The environment for national start-ups and renovations was formed and is developing quickly, create a new generation of business that exploits intelligence and capable of access to the global market. Mechanisms, policies<sup>68</sup>, and activities<sup>69</sup> to develop innovative eco-systems are perfected. Communication on the 4th Industrial Revolution is enhanced.

However, the science and technology market is growing slowly. There are few reputable intermediaries, experienced in connection supply-demand. The technological supply of the market is still limited, and technological innovation has not become the urgent needs of enterprises. The transfer of scientific research results, especially the results of technology development from the state capital support for enterprises is difficult to determine, the method of transfer to create products and goods for the market. The investment of society, especially of enterprises for science and technology is still low compared with the potential, technology absorption capacity, technology innovation of domestic enterprises is low. Investment expenditures for science and technology innovation and research and development accounted for only about 0.3% of turnover, lower than in many countries in our region and the world. There is a lack of mechanisms and policies to support enterprises to innovate and apply technology, especially advanced technology following the trend of the 4th Industrial Revolution.

---

<sup>68</sup>Law on Small and Medium Enterprises, Law on Technology Transfer, Law on Management and Use of Public Assets; Decree No. 38/2018 / ND-CP detailing investment in small and medium enterprises; Decree No. 39/2018 / ND-CP detailing a number of articles of the Law on Support to Small and Medium Enterprises; Decree No. 76/2018 / ND-CP guiding the implementation of the Law on Technology Transfer; Decision No.939 / QD-TTg approving the Scheme on Supporting Women to Start a Business in 2017-2025; Decision No. 1665 / QD-TTg approving the Scheme on Supporting Pupils and Entrepreneurship.

<sup>69</sup>Exploiting and developing the National Innovation Innovation Portal; Deploying a project management software system and developing a database of innovative and innovative eco-systems in Vietnam.

## 2.6. Limitations and causes of shortcomings, limitations in economic restructuring, renovating growth model

### *a) Limitations in economic restructuring, renovating growth model*

Overall, economic restructuring, renovating growth model have become more close to practical, creating important and remarkable changes. However, economic restructuring is still facing with numerous challenges:

- *Restructuring the economy has not made remarkable progress in the field of perfecting the market economy.* Business environment improved mainly in terms of market entry conditions. The environment to raise business, especially private ones has not improved much. The private sector, especially small and medium enterprises, is still weak in the process of allocating material resources compared to state-owned and FDI enterprises. Institutional inefficiencies in land, property rights including secured transactions, collateral handling, bankruptcy procedures... are still slow to be resolved. These are still major obstacles that hinder the development of production.

- *The growth model has not changed sustainably.* Recently, the increase in labor productivity is mainly due to the increase in capital intensity, the contribution of TFP to labor productivity growth remains low and unstable. The structure of resources, especially labor, capital, and resources, has not been strongly shifted to sectors and regions with high productivity and efficiency. The economy continues to be at risk of falling into the “middle-income trap” and of falling behind in the context of the 4.0 industrial revolution.

- *The degree of dependence on the foreign economic sector has not decreased.* The economy continues to have a very high degree of openness, measured by the ratio of imports to GDP. FDI sector investment in 2017 accounts for 24% of the total social investment,

and about 71-72% of exports compared to 68.5% in 2015<sup>70</sup>.

*b) Causes of shortcomings, limitations in economic restructuring, innovating growth model*

In addition to the results achieved, the process of economic restructuring still has many limitations. These limitations include both objective and subjective causes as follows:

- Objective causes

Shortcomings, limitations in economic restructuring, innovating growth model in 2017 were caused by:

Firstly, the international context is complicated and has a negative impact on Vietnam's international economic integration. In 2017, the international context has many risk factors such as geopolitical instability, the trend of shifting to inward-looking policies, even protectionism, and policy of bringing production back to the homeland of some developed countries. These factors have a great impact on Vietnam's international economic integration, such as the canceling of TPP<sup>71</sup>. This, in part, limits Viet Nam's opportunity to develop external resources for reforming the domestic economy, restructuring economy and growth model.

Secondly, many important issues of economic restructuring, renovation of the growth model are long-term issues of the economy, while the resolution 27 has just been issued for a short time, consequently not having remarkable impacts. Issues like restructuring credit institution, state enterprises, public investment, changing agriculture, industry and service sectors to be more modern, efficient and valuable are important issues of the economy, requiring a long period for the policies to take effects.

---

<sup>70</sup>If crude oil and electronics are extracted, the faster growth of domestic exports suggests that the domestic sector has changed dramatically.

<sup>71</sup>After the United States withdrew from the TPP, the remaining member states signed the CPTPP, however, many of the "new" TPP provisions, such as intellectual property regulations, origin of goods, The application has been postponed.

Thirdly, the 4.0 industrial revolution is taking place and creating new challenges in terms of renovating thinking pattern, reforming the economy and renovating growth model. This revolution is developing strongly with new technology, new forms of business, such as carpooling service, house sharing service, new technology in production and business. Thus, posing a challenge to Vietnam in finalizing regulations to better manage these issues.

- Subjective causes:

Firstly, the prioritized orientation for economic restructuring and renovation of the growth model has not been understood thoroughly and consistently in the ministries, branches, and localities. Annual socio-economic development plans did not sufficiently focus on achieving quality growth targets, resulting in the fact that the solutions are not long-term, not focused on the purpose of restructuring the economy and renovating model growth.

Secondly, there is a lack of indicators for growth quality (productivity, efficiency, institutional improvements, corporate costs, private sector performance, financial stability, etc.) and monitoring mechanism for economic restructuring and innovating growth model. The proper policy only works if there is a monitoring mechanism with good quality (specific, clear and quantifiable goals, close monitoring and directing in the form of the task group).

Thirdly, in spite of some improvement, the link between the implementation of the policy of renovating growth model with the responsibility of the leaders is still not tight. With the directions and directions set out consistently in the resolutions of the Party, the National Assembly, and the Government, the speed of economic restructuring, innovating growth model depends greatly on implementing these policies, in which leaders of ministries, branches and localities play an important role.





### **III. SOLUTIONS FOR THE ECONOMIC STRUCTURE FOR THE 2019-2020 PERIOD**

#### **1. Domestic and foreign economic context**

##### 1.1 International economic context

- International economic growth is less uniform with some countries reached the 'climax' and began to slow down (the US have a positive growth, 2.9% in 2018). This number is 2.2% for EU. Japan only get 1% growth in 2018-2019. Asian rising economies are predicted to grow fastly. China gets 6.6% growth in 2018 and 6.4% in 2019 while India gets 7.3% and 7.5% in the same period).

- There are more unpredictable factors:

(i) The global financial condition is less favorable.

(ii) Trade conflicts between major economies, especially the US and China, are escalating, consequently raising uncertainty, distrust, undermining incentives for investment and affecting the global production chain.

(iii) Geopolitical risks, the especially complex evolution of geopolitical hot spots, non-traditional security risks like natural disasters and extreme weather, are more common and have greater impacts.

- Impact of trade warfare: IMF estimates the worst scenario when a comprehensive trade war occurs, global GDP may fall by about 0.5% of GDP, equivalent to about US \$ 430 billion. If this war

lasts more than one year, it may cause the US economy to recede. In addition, the United States has officially announced the list of items imported from China to apply the additional tax of 25% and threatened to expand the tariff if China retaliates. In response, China still claims to impose 25% duty on 659 US exports. Trade tensions between the United States and the EU and Canada have not cooled down. Oxford Economics estimates that these tensions could reduce global trade by 4%, and global GDP growth by 0.4 percentage point.

- World commodity prices rose slightly. World oil prices fluctuate continuously although keeping the upward trend. Since the beginning of the year, WTI crude oil prices have risen by about 23%. Factors supporting oil prices include:

(i) the tension in the Middle East

(ii) increased demand

(iii) increasing risks concerning supply<sup>72</sup>World gold prices fell sharply<sup>73</sup>while FED may continue to raise interest rates and the trend of trying to refuge in the US dollar is clearer due to concerns about trade warfare.

(vi) FDI attraction of developed and transforming economies decreased sharply (decreased 37% and 27% respectively). FDI invested in developing economies remains stable, especially in Asia (accounting for 33%). Global FDI is predicted to increase by 10% in 2018 due to growth in GDP, trade and commodity prices, adjusting industrial and investment policies in many economies etc. However, geopolitical tensions, trade conflicts between major economies may increase the volatility of global FDI flows.

- Economic integration in the world has made a few progresses.

---

<sup>72</sup>Venezuela's oil output may continue to shrink, US crude oil inventories plunge, some US oil platforms and closed Canadian oilfields, etc.

<sup>73</sup>Ending the session 29/6/2018 only to \$ 1,251.59 per ounce, down 8.1% compared to the peak on 25/1/2018.

The process to ratify Comprehensive Partnership and Trans-Pacific Partnership (CPTPP) has been promoted in many member economies. Mexico was the first country to ratify the agreement on 24 April. Japan has passed the Law on CPTTP on 29/6; Canada has also started the approval process. The RCEP negotiation could yield significant results by the end of 2018, after the statement of the Trade Ministers' Meeting of the member countries. Negotiations on NAFTA did not conclude in May as expected.

## 1.2. Domestic economic context

- In 2018, the government remains steadfast in maintaining macroeconomic stability, improving growth quality, while continuing to build and improve legal institutions and reforming the business environment, promoting private economic development, etc.

- In 2018, a number of important laws are passed, promulgated and come into effect:

+ The National Assembly passed 7 law's projects, including: Defense Law; Competition Law (amended); Law of Network Security; Law of Denunciation, The Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Physical Training and Sports; Law on Measurement and Mapping; Law amending and supplementing a number of articles of Laws related to the Planning Law.

+ Competition Law (amended) has broadened the scope of regulation for acts of restraint of competition, economic concentration, affecting or restricting competition in the Vietnamese market. It changed the approach to control anti-competitive behavior; abuse of dominant market position, monopoly position; economic concentration and unhealthy competition behavior.

+ The Law on Public Debt Management (amended) has come into force since July 1. The Government has issued Decree No. 92/2018 / ND-CP dated 26/6/2018 on the setting up, management and use of

the debt cumulation fund to handle the risks for government re-lending and guarantee. However, some content still needs to be further guided, including public debt management, regulations on mobilization and use of ODA and foreign loans, v.v.

- According to the World Economic Outlook report released in July 2018, IMF suggests that Vietnam's economic growth drivers will continue to be maintained in 2018 thanks to supports from reform efforts and commitment to macroeconomic stability. Vietnam's growth is projected to reach 6.6% by 2018; Inflation stays below 4%. If Vietnam maintains the current pace of reform, Vietnam's growth is likely to reach 6.5% after 2018. Especially, Standard Chartered forecasts that Vietnam's economy will grow by 7% in 2018 thanks to the simultaneous acceleration of internal dynamics, in which construction and production will continue to have the highest growth. FDI flows to the manufacturing sector will remain high and trade surplus will be moderate until the end of the year because of strong export growth while imports slowed down.

- According to the 2018 Sustainable Development Goals index (SDG Index 2018) just announced by the United Nations Secretariat, Vietnam has risen 11 places, ranking 57/156 countries and territories (3rd in ASEAN behind Singapore and Malaysia).

- According to the Global Innovation Index (GII Index 2018) just announced by the World Intellectual Property Organization, Vietnam has risen 2 places, ranking 45/124 countries and territories (4th in ASEAN behind Singapore, Thailand, and Malaysia).

- According to Nikkei, Vietnam's business conditions have improved over the past 32 months. The number of new orders for manufacturing continued to increase at a significant level in July. Vietnam still topped the ASEAN manufacturing PMI after having strong improvement in the production of goods in July. Vietnam's Purchasing Managers' Index (PMI) in July reached 54.9 points.

## **2. Viewpoints and directions**

According to the quantitative assessment of the impacts on the economy<sup>74</sup>, Achieving the set targets for resource transfers and economic restructuring will lead to dramatic enhancement of the growth rate and quality of economic growth. Accordingly, in the base scenario, with the accomplishment of the objectives of reform and restructuring of the economy, GDP growth will significantly exceed the expected target, reaching averagely 7.47% per year in the 2018-2020 period. and maintain high growth in the 2021-2025 period. Economic growth during 2018-2025 will largely depend on TFP growth. The contribution of TFP growth to GDP growth is respectively 35.11% in 2018 and 44.27% in 2020. Public debt falls faster, to 58.28% of GDP by 2020. Under this scenario, economic growth will be higher and accompanied by significant improvements in productivity, quality, and competitiveness of the economy.

Therefore, in the 2019-2020 period, we need to continue to promote the drastic and substantive implementation of policies and tasks of restructuring the economy and growth model. This should be considered as a top priority in the administration of the Government, ministries, branches, and localities. Achieving the set goals of economic restructuring will be a key driving force for maintaining a high, sustainable growth rate in 2019-2025.

Based on the viewpoint of economic restructuring in the period 2016-2020 mentioned in Resolution 24 and Situation of economic restructuring in the period of 2016 - 2018, the main objectives of the economic restructuring in 2018-2022 are:

(i) Stabilize macroeconomy and balance macroeconomy solidly.

---

<sup>74</sup>Econometric Econometric Model of Structure, Yearly Data from 1990 to 2017. The detailed results are in Annex 3 of the Synthesis Report.

(ii) Increase productivity faster, with innovation playing an important role in driving economic growth.

(iii) Speed up the growth of the private sector and increase the share of the domestic economic sector in GDP, reduce economic dependence on foreign factors.

(iv) Make the market a more important part in mobilizing, allocating and using development resources effectively, especially land, capital and labor resources.

### **3. Solutions to be implemented in the period 2018-2020**

#### **3.1. The solutions on organizing implementation**

On the basis of the Prime Minister's Decision No. 1688 / QD-TTg dated October 31, 2017, about the establishment of the National Steering Committee for economic restructuring, innovation model growth, Ministries, Branches and Localities need to drastically direct, urge and organize the implementation of vigorous and real tasks of restructuring the economy.

A number of proposals for implementing the restructuring of the economy include:

Firstly, to organize annual conferences of National Steering Committee for economic restructuring, innovation model growth; and specialized meetings and conferences on economic restructuring tasks.

Secondly, Issue the Criteria for assessing the results of economic restructuring and innovation of growth model, on the basis of the world's practices. the Criteria focuses on the following key indicators:

+ Group of indicators assessing the quality of the business environment and competitiveness

- + Group of indicators assessing public investment and state enterprises restructuring.

- + Group of indicators assessing financial market restructuring

- + Group of indicators assessing economic branches, sectors restructuring.

- + Group of indicators assessing institutional market of production factors (labor market, science, and technology market and land market).

Thirdly, to organizing working groups to conduct research and supervision on economic restructuring and innovation of growth model at Ministries, Branches and Localities, according to the task group of economic restructuring focus. Develop a report on legal barriers in some key areas of economic restructuring.

Fourth, to request ministries, branches, and localities to take initiative in proposing innovative and breakthrough solutions, in order to accelerate the economic restructuring in the management of the ministries, branches and localities, especially interdisciplinary solutions, which require the coordination of many agencies. On that basis, we request the standing body of the Steering Committee to synthesize and submit a report proposing solutions on the areas of economic restructuring.

Finally, to request ministries, branches, and localities to strictly observe the regime of monitoring and reporting on economic restructuring and renewal of the growth model. *trưởng*.

### 3.2. Identify priorities for restructuring the economy in the coming period

Based on the implementation progress and the ability to fulfill the objectives of innovating growth model and economic restructuring to 2020, The Government has urged, directed and accelerated the implementation of the tasks and solutions to restructure the economy

as defined in Resolution 05, Resolution 24 and Resolution 27 (The list of specific tasks is presented in the Synthesis Report).

In that Report, the key tasks for economic restructuring in 2019-2020 include:

- To continue to direct the perfecting of the market economy institutions, facilitating the process of restructuring the economy. To study on the promulgation of health care policies, especially on private enterprises. To conduct early research to issue policies to cut reasonable and strong taxes and charges for businesses.

- To building competitive markets effectively based on two pillars:

- (i) Better allocation of resources on the basis of facilitating and supporting the development of the domestic private sector.

- (ii) Institutional reform of property rights, the initial focus on settlement of bankruptcy, registration of ownership and use of assets, disposal of collateral etc.

- To review and improve land management legislation to encourage and facilitate agricultural land consolidation; to promote the land use right market.

At the same time, it is necessary to continue implementing effectively and practically the economic restructuring, the focus, and the following sectors and industries:

- a) Restructuring State-owned Enterprises and Enterprises with state capital. The overarching objective is to increase the efficiency of using state-owned capital in enterprises, based on governance reform, enhancing openness and transparency in State-Owned Enterprises management.

- To formulate and implement the master plan on equitization and state capital disbursement in enterprises up to 2020. To take measures to avoid loss of state capital, especially measures related to



the valuation of land use rights, fixed assets, trademarks and traditional values of equitized enterprises.

- With the role of the owner of the State, the Government assigned mandatory targets for improving business efficiency for SOEs on Revenue/capital targets; Gross profit/revenue; Profit before tax/assets

- To review regulations on policies on profit and dividend payment at State-invested enterprises and propose legislation on this content (specifically on the objects, rates, and rates left for enterprises to expand production and business) to ensure compliance with the provisions of the Constitution of 2013.

- Improve the quality of business governance, especially the quality of financial reporting and disclosure, transparency of information. To build a nationwide centralized database accessible online about the operation and financial status of SOEs and enterprises with more than 50% capital belonging to the State.

- To firmly handle slow-track SOEs, investment projects, or making losses and inefficiency in market mechanism, to consider and carry out the bankruptcy of State enterprises according to the provisions of law, to restructure and transfer projects to investors of other economic sectors.

- Do not use state budget to handle losses of enterprises; To clarify the responsibilities and severely handle the violations of related organizations and individuals according to the provisions of law so as to cause the situation of State enterprises and investment projects to suffer losses and wastefulness.

- To continue reviewing SOEs, making a separation between the key areas of the economy or the public sector where the state should dominate and the sector where we should mobilize capital from the society. Maintaining a reasonable level of state ownership

at the enterprise to attract outside investors and change the corporate governance model substantially.

- To consolidate the organizational apparatus and improve the institution so that the State Capital Steering Committee at the enterprise can operate effectively and in accordance with the set objectives.

b) Restructure investment, focusing on public investment: Improve the efficiency of using capital, speed up the disbursement of public investment capital.

- To study and evaluate the overall quality of public investment management institutions, focusing on research and development of the Law amending and supplementing some articles of the Law on Public Investment, revising the relevant implementing guidelines to expedite the difficulties in the implementation of the Public Investment Law, ensuring the consistency of the legal system and to remove difficulties for ministries, sectors and localities.

- To review and remove obstacles in the implementation of investment procedures, creating favorable conditions for ministries, branches, localities, enterprises, investors and donors to quickly implement investment projects, not to delay the disbursement of public investment; Studying, adjusting unnecessary investment procedures, shortening the time for completion of administrative procedures.

- To prioritize the way of appraising, evaluating and selecting investment projects according to the project's estimated economic efficiency and priorities on restructuring the economy; to develop and issue guidelines on evaluation methodology, including cost-benefit analysis and alternative tools.

- To develop a nationwide database and be accessible online to stakeholders on public investment projects. To make publicity, transparency and increased supervision of public investment.

- To implement strict management of the use of contingency funds in the medium term investment plan. Contingency funds must be used only for very necessary and urgent purposes according to the Law on Public Investment and the Decrees guiding the implementation, should not be made for new projects in addition to the provisions of the Law.

- For BOT projects in particular and PPP projects in general, focus on enhancing openness, transparency, and competition on every stage of the project management cycle, to modify policies and mechanisms to promote the advantages of this form of infrastructure development and provision of public services.

c) Restructure financial market, focusing on Credit Institution: Strengthen supervision and regulation of financial markets, improve the quality of goods in the market.

- To develop new products on the bond market such as bonds sold in advance, derivative bonds, variable rate bonds, asset-based stock, medium and long-term bonds.

- To development products that have significant social and economic implications for the economy such as disaster insurance, public property, fisheries...

- To issue-specific policy encouraging the development of retirement funds such as compulsory retirement, voluntary retirement

- Continue to review and restructure stock business organizations such as stock companies, fund management companies, stock investment companies to improve financial efficiency, ensure liquidity and safety of the system.

- To strengthen cross-ownership issues in the system of credit institutions and improve the quality of governance of credit institutions in line with international practices.

- To ensure the progress of consolidation of two stock exchanges, striving so that in 2019, the Vietnam Stock Exchange put into operation.

d) Restructure agriculture, associated with new rural construction: Reorganization of modern, large-scale agricultural production

- To settle early problems related to Decree 210 / ND / 2013; Decision No. 66/2015 / QĐ-TTg, procedures, decentralization, costs related to the certification of Vietnam, to enhance the ability to distinguish high-quality agricultural products on the market.

- Modernize the cooperative in a way that helps farmers access technology and markets, making the cooperative an attractive organization for farmers to participate voluntarily. Through cooperatives, linking agriculture with businesses in the food industry.

- To complete early the research and development of raw material areas in service of large-scale production, to support the transfer of jobs for farmers, to invest in scientific research in service of agriculture.

- To amend the Land Law to encourage and facilitate agricultural land accumulation; Promote the land use right market. Pilot implementation of innovative and breakthrough institutions in some localities on agglomeration, land consolidation, agricultural land lease market, new production organization model. Renovate and implement a more flexible use of agricultural land use regimes; To abolish the limits and control over the subjects entitled to transfer of agricultural land, make significant increase or removal of the term of use, increase of term of land allocation, agricultural land lease. At the same time, place progressive taxation on abandoned land, unused land as intended.

- To continue reviewing, cutting down, simplifying administrative procedures, especially business conditions and specialized examination procedures; Simplify procedures, shorten

inspection time; move to post-check; Review and amend the regulations on the acceptance of technical regulation conformity of imported goods in the direction of abolition or simplification of procedures; not requesting the regulation conformity announcement for products or goods without national standards; To guide domestic conformity assessment organizations to actively and positively recognize the conformity assessment results of foreign conformity assessment organizations for products and goods subject to standards and norms. higher technology than Vietnam; make separation of conformity assessment activities into state management activities in accordance with the Law on Product Quality and related laws in the direction that state management agencies fail to grant standard conformity certificates, standards for specialized inspection.

- To promote the socialization of public services in the agricultural sector.

- To review and assess the impacts of tax policies, propose adjustments of taxes, charges and tax incentives for agriculture and rural areas.

- To implement measures to renovate state-owned forestry farms in accordance with Resolution No. 30 of the Politburo and Decree 118 of the Government; To concentrate on directing the transformation of agricultural cooperatives operating under the Cooperative Law in 2012; To continue encouraging and supporting the development of the economy of commodity production households, farms, farms and private enterprises.

- To comprehensively amend policies to encourage enterprises to invest in the agriculture and rural areas provided for in the following laws: Taxes, land, environment, investment, enterprises. Heading toward the development of the Law on Encouraging Enterprises to invest in agriculture and rural areas. Priority should be given to allocating budget resources at all levels to implement the policy.

e) Restructuring the industry: Focus on supporting industry development and pilot cluster formation in some priority industries.

- Promote the further industrial development, both deepening and broadening, in particular creating conditions for domestic enterprises to link with FDI, and to strongly participate in the value chain of industrial products.

- Piloting and developing the institutional and infrastructure support model for a number of priority industrial projects conducted by the domestic private sector in the field of textiles, leather shoes, electronic components, automobile.. to have a positive spillover effect on enhancing added value and competitiveness of the sector.

- To formulate pilot industrial clusters for priority industries according to their competitive advantage, specialization and value chain such as textiles, footwear, food, electronics, chemicals and effectively develop material areas planning for priority industries, especially industries like textiles, footwear, food processing etc.

- To continue implementing effectively the Restructuring Scheme in the promulgated industries, programs on productivity, quality, application of high technology and advanced management model in the production and development of industrial products with high added value.

- To formulate a network of concentrated electronic industrial parks to attract investment by leading corporations and domestic enterprises to invest in the development of hardware, software, digital content, and information technology services. A number of high-quality electronics products bearing the national brand are involved in the international market, providing the basis for active participation in the 4th Industrial Revolution.

- To concentrate on attracting large investment projects, using high technologies and environmentally friendly ones in big economic

centers such as Hanoi, Ho Chi Minh City, Da Nang... and to gradually shift low-tech industries, using more raw materials, fuel, and labor in other localities. Limiting investment licensing of investment projects in these industries in major economic centers.

- To develop investment consultancy services for the development of industries; Consulting centers, support to improve productivity, quality of industry.

- In addition to regional and territorial incentives under the Investment Law and some preferential tax exemptions under preferential sectors, it is necessary to concentrate mechanisms and policies on the training of high-quality human resources; to support innovative start-ups through investment funds; support technology transfer; to support ground clearance and to build connection infrastructure for projects in line with sectoral and local development planning (such as roads, electricity, water supply, wastewater treatment, solid waste).

- To continue to have specific mechanisms on energy prices, to encourage the domestic production of equipment to reduce investment in the development of renewable energy, new energy; To review and supplement national power and electricity development plans and adopt appropriate mechanisms and policies (electricity prices, investor selection and project development plans) in order to meet the demand for electricity and power. for the economy.

f) Restructuring service sectors: Focus on developing some advantageous services, high added value, and tourism development.

- To concentrate on developing a number of advantageous and knowledge-intensive service industries like maritime, logistics, petroleum technical services, aviation, trade services, distribution; education and training services; medical services, healthcare; financial, banking and legal advisory services.

- To implement the national tourism development program so that by 2020 tourism becomes the spearhead economic branch of the

country; build and upgrade the value chain of tourism products and related services.

The premise of the above solutions is that the Government should take measures to strengthen the macroeconomic fundamentals stably and favorably to restructure the economy and increase productivity in the context of the Industrial Revolution 4.0. The policy solutions included in this heading include state budget restructure in which focus on public debt management towards ensuring safety, sustainability; to tighten discipline, fiscal discipline - state budget; flexible and well-coordinated monetary policies, fiscal policies and other policies, especially the policy of adjusting prices and charges managed by the State; at the same time, to review and remove the institutional and policy barriers to the exploitation of digital resources and the digital economy.



## **ANNEX 1**

### **FORECASTING BALANCES OF THE MACROECONOMY 2018-2020**

#### 1. Methodology

The Prime Minister's Economic Advisory Group forecasts key variables and major balances under the scenarios in 2018-2020 period. The authors use three main scenarios. Accordingly, they use the macroeconomic model of structure, annual data from 1990 to 2017. This macroeconomic econometric model is the second version of the Central Institute for Economic Management, used and updated since 2008. This model uses an error correction frame. This model consists of 5 sectors: (1) GDP by industry, (2) GDP by expenditure; (3) Income distribution; (4) Prices; (5) Budget (Note that monetary variables are considered exogenous variables - policy, not currency). The model has 60 equations, in which there are 28 equations; 32 behavioral equations. The model uses 104 variables, including 60 endogenous variables, 44 exogenous variables. Data are based on the System of National Accounts(SNA), adding some data that are not available in the SNA but from the ministry's information sources.

#### 2. Scenarios

We are assessing Vietnam's economic prospects for 2018-2020 based on three main scenarios. Scenario 1 is based on the assumption of "normal conditions" of the economy. Scenario 2 retains most of the assumptions in Scenario 1, but there are some adjustments in the optimistic direction ((higher world economic growth, the private sector is more optimistic about the reform process in Vietnam,etc) and there is a degree of loosening of fiscal policy and greater monetary policy. Scenario 3 is similar to Scenario 1, but there are breakthroughs in economic policy, economic reform (including the environment of investment-business, competition policy, innovation), leading to improved private sector investment, improved SOE efficiency, and a positive spillover effect on FDI for domestic firms.

**Table 1: Details of some scenarios to forecast economic growth in 2018-2020**

Unit: % (compared to previous year)

	Scenario 1			Scenario 2			Scenario 3		
	2018	2019	2020	2018	2019	2020	2018	2019	2020
World GDP	3,9 <sup>a</sup>	3,9 <sup>a</sup>	3,9 <sup>b</sup>	3,9 <sup>a</sup>	3,9 <sup>a</sup>	4,0 <sup>b</sup>	3,9 <sup>a</sup>	3,9 <sup>a</sup>	3,9 <sup>b</sup>
Price of the United States	2 <sup>b</sup>	1,9 <sup>b</sup>	1,9 <sup>b</sup>	2,2	2,1	2,2	2 <sup>b</sup>	1,9 <sup>b</sup>	1,9 <sup>b</sup>
Price of agricultural products for export	2,4 <sup>d</sup>	2,3 <sup>d</sup>	0,7 <sup>d</sup>	2,5	2,5	1,1	2,4 <sup>d</sup>	2,3 <sup>d</sup>	0,7 <sup>d</sup>
World crude oil price	15,8 <sup>d</sup>	-4,8 <sup>d</sup>	-3,7 <sup>d</sup>	15,8 <sup>d</sup>	0,0 <sup>b</sup>	0,0 <sup>b</sup>	15,8 <sup>d</sup>	-4,8 <sup>d</sup>	-3,7 <sup>d</sup>
VND / US\$Exchange rate	2 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>
Total means of payment	16,3 <sup>b</sup>	16,3 <sup>b</sup>	16,3 <sup>b</sup>	18 <sup>b</sup>	18 <sup>b</sup>	18 <sup>b</sup>	16,0 <sup>b</sup>	16,0 <sup>b</sup>	16,0 <sup>b</sup>
Credit outstanding balance	16,3 <sup>b</sup>	16,3 <sup>b</sup>	16,3 <sup>b</sup>	18 <sup>b</sup>	19 <sup>b</sup>	19 <sup>b</sup>	16,5 <sup>b</sup>	16,5 <sup>b</sup>	16,5 <sup>b</sup>
Import price index	2 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>	2 <sup>b</sup>
Population	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>	1,08 <sup>b</sup>
Jobs	0,86 <sup>b</sup>	0,86 <sup>b</sup>	0,86 <sup>b</sup>	0,9 <sup>b</sup>	0,9 <sup>b</sup>	0,9 <sup>b</sup>	0,86 <sup>b</sup>	0,86 <sup>b</sup>	0,86 <sup>b</sup>
Crude oil for export (million ton)	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>	6,81 <sup>c</sup>
Real effective exchange rates	0,5 <sup>b</sup>	0,5 <sup>b</sup>	0,5 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>	1 <sup>b</sup>
Government transfers (net) on the balance of payments	-10 <sup>b</sup>	0 <sup>b</sup>	0 <sup>b</sup>	-10 <sup>b</sup>	0 <sup>b</sup>	0 <sup>b</sup>	-10 <sup>b</sup>	0 <sup>b</sup>	0 <sup>b</sup>
Private sector transfers (net) on the balance of payments	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	10 <sup>b</sup>	10 <sup>b</sup>	10 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>
Investment from state budget (trillion VND)	400	450	500	450	500	550	400	450	500
FDI disbursement	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	10 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>	5 <sup>b</sup>

Source: Authors' compilation.

Note: a: IMF (1/2018).

b: Assumptions of the authors

c: Results achieved in 2017

d:EIU(<http://gfs.eiu.com/Article.aspx?articleType=cf&articleId=1676544751&secl=0>)

Due to data limitations that represent institutional reform over the years, institutional reforms associated with increased productivity (labor productivity and aggregate factor productivity) were not directly quantified in the model. Instead, the content of institutional reform is embedded in the model through other variables (such as foreign investment, dummy variables reflect major reforms, etc.).

### 3. Forecast results

Table 3 presents the forecasts of some of Vietnam's key variables under scenarios. In Scenario 1, GDP growth averages 6.71% per year for the period 2018-2020, 6.63% per year for the period 2016-2020. In particular, the contribution of TFP increase to GDP growth rises from 32.07% in 2018 to 35.49% in 2020. Inflation forecasts in these scenarios are below 4% per year (Calculated by CPI averages). Export growth is expected to fall to 12.15% in 2018 and 9.63% in 2019, then recover to more than 10% in 2020. The trade balance is forecasted to fluctuate between surplus and deficit, will reach about -0.19% GDP in 2018-2020 and 0.24% GDP in 2016-2020. State budget deficit is expected to decrease continuously, projected to reach 3.49% of GDP by 2020. In the context of improving state budget discipline and borrowing from the Government, the level of public debt has fallen continuously to 60.22% of GDP by 2020.

In Scenario 2, the GDP growth rate generally meets the target, averaging 6.83% per year in 2018-2020 and 6.70% per year in 2016-2020. Economic growth has less contribution of TFP growth: The contribution of TFP growth to GDP growth will be respectively 31.55% in 2018 and 35.71% in 2020. In the context of faster global economic growth and increased aggregate demand, export growth will be at double digits for the period 2018-2020. Inflation is slightly higher than Scenario 1, even exceeding 4% by 2019-2020. Trade deficit (compared to GDP) is higher than Scenario 1 in the period 2019-2020. State budget deficit slightly increased compared to scenario 1 in 2019-

2020. Public debt is reduced more slowly, to 60.52% of GDP by 2020. *Under this scenario, economic growth will be higher but accompanied by greater inflationary pressures.*

In Scenario 3, a breakthrough in the quality of institutional reform leads to improved quality of growth. The GDP growth rate has exceeded the target, averaging 7.47% per year for 2018-2020 and 7.08% per year for 2016-2020. Economic growth benefits mainly from TFP growth: the contribution of TFP growth to GDP growth will be respectively 35.11% in 2018 and 44.27% in 2020. In the context of improved production efficiency, export competitiveness increases, and export growth stays at a high level in 2018-2020, averagely 15.51% per year for this period and 15.28% per year for the period 2016-2020. Inflation is slightly lower than Scenario 1. The trade surplus (relative to GDP) is higher than Scenario 1. The state budget deficit is stable at 3.5% of GDP. Public debt falls faster, to 58.28% of GDP by 2020. *Under this scenario, economic growth will be higher and accompanied by significant improvements in productivity.*

**Table 3: Projections under scenarios, 2018-2020**

Unit: %

	2016		Scenario 1					Scenario 2					Scenario 3						
	2016	2017	2018	2019	2020	2018-20	2016-20	2018	2019	2020	2018-20	2016-20	2018	2019	2020	2018-20	2016-20	2018-20	2016-20
GDP growth rate	6.21	6.81	6.67	6.57	6.88	6.71	6.63	6.75	6.71	7.04	6.83	6.70	7.01	7.52	7.87	7.47	7.08		
Inflationary	2.66	3.74	3.81	3.91	3.94	3.89	3.61	3.93	4.12	4.32	4.12	3.75	3.62	3.71	3.64	3.66	3.47		
Export growth	9.00	21.20	12.15	9.63	10.89	10.89	12.49	13.78	11.02	12.41	12.40	13.41	15.23	14.49	16.82	15.51	15.28		
Trade Balance / GDP	0.87	1.30	0.00	-1.18	0.62	-0.19	0.24	0.18	-1.85	-1.42	-1.03	-0.32	0.98	1.75	1.82	1.52	1.34		
State budget deficit / GDP	4.95	3.49	3.52	3.47	3.49	3.49	3.74	3.49	3.62	3.51	3.54	3.77	3.49	3.47	3.49	3.48	3.78		
Public debt / GDP	64.73	62.60	60.62	60.50	60.22			61.07	60.99	60.52			60.52	59.42	58.28				
Contribution of TFP (percent point)	2.24	2.21	2.14	2.02	2.44			2.13	2.07	2.51			2.46	3.02	3.48				
Contribution of TFP (%)	36.00	32.44	32.07	30.68	35.49			31.55	30.79	35.71			35.11	40.16	44.27				
Labor productivity growth rates	5.30	5.90	5.76	5.66	5.97	5.80	5.72	5.80	5.76	6.09	5.88	5.77	6.10	6.60	6.95	6.55	6.17		
The economic structure																			
The economic structure	18.10	17.04	17.88	18.11	17.82	17.94	17.79	17.97	18.12	18.19	18.09	17.88	18.01	18.24	18.13	18.13	18.02		
Construction industry	36.40	37.04	37.65	37.48	37.81	37.65	37.28	38.02	38.66	38.21	38.30	37.67	37.89	38.15	38.18	38.07	37.83		
Service	45.50	45.93	44.47	44.42	44.37	44.42	44.93	44.01	43.22	43.60	43.61	44.45	44.10	43.61	43.69	43.80	44.15		
Other metrics																			
M2/GDP	163.80	163.59	171.40	179.58	187.54	179.51	173.18	172.75	182.14	191.05	181.98	174.67	169.90	175.42	180.62	175.31	175.72		
Credit / GDP	122.29	129.99	136.58	143.50	150.30	143.46	136.53	138.32	148.22	158.07	148.20	139.38	136.62	143.42	150.17	143.40	142.04		
Investment / GDP	32.99	33.30	33.36	33.42	33.38	33.39	33.29	34.13	34.94	35.27	34.78	34.13	33.55	33.61	33.59	33.58	33.49		

Source: Calculation of Economic Advisory Group of the Prime Minister.

Note: Data for 2016-2017 is the official data.

**ANNEX 2: REVIEW OF RESULTS OF THE RESPONSIBILITIES OF THE ECONOMIC STRUCTURE AND RENEWAL OF GROWTH MODELS IN RESOLUTION No. 27/NQ-CP OF RESOLUTION No. 05-NQ/TW AND THE RESOLUTION No. 24/2016/QH14**

No.	Major policies and guidelines Tasks, solutions	Preliminary evaluation of implementation results	Evaluate <sup>23</sup>
<b>I</b>	<b>To raise the effectiveness of macroeconomic management</b>		
1	To closely and efficiently coordinate the management and implementation of macroeconomic policies in a coordinated and flexible manner in order to stabilize the macro-economy and control inflation and maintain major balances of the economy. The ensuring national financial security	The Ministry of Planning and Investment, the Ministry of Finance, and the State Bank, the Ministry of Industry and Trade have coordinated macroeconomic management. There is close coordination in forecasting and planning socio-economic development, budget and finance. The macroeconomic environment is stable, inflation is controlled at less than 4%; Budget overspending reached 3.5% of GDP (according to the State Budget Law in 2015), meeting the set target. Fiscal policy and monetary policy are coherent, through exchanging information on the liquidity of credit institutions, market movements, and other coordination activities related to Government bonds. Credit ratings of the banking system in Vietnam increased from “stable” to “positive” according to Moody’s rating	Has been implemented and has clear results
2	Implementing monetary policy actively and flexibly. Operating interest rates, exchange rates in accordance with market principles, macroeconomic changes. Effectively manage the foreign exchange market, gold	SBV has implemented synchronously and flexible monetary policy tools, focusing on open market operations to help ensure liquidity for credit institutions, stabilize the monetary market, facilitate lending interest rates and enhances the ability to provide credit to the economy.	Has been implemented and has clear results

market; Increase the State's foreign exchange reserves in line with actual conditions. Proper credit management, focusing on priority areas associated with improving credit quality

As of 16/11/2017, the total means of payment of M2 increased by 12.23%, capital mobilization increased by 12.64% compared to the end of 2016, the system's liquidity was ensured. Credit institutions have reduced the interest rate by 0.5% for short-term loans, the common interest rates are 6-9% per annum with short-term, 9-11% per annum with the medium and long-term. Credit programs in the positive priority field are implemented. Foreign reserves reached \$ 63 billion in May, the highest level in history. The management of the foreign exchange market, the gold market has been strengthened with the development of two projects: "Solutions to limit the gold situation in the economy to convert gold resources into money for socio-economic development. in 2020 "; "Limiting dollarization in the economy to 2020 with an orientation to 2030"

- |  |  |
|--|--|
| <p>3 Develop a project to fight dollarization and gold in the economy in 2017</p>  | <p>Has been implemented and has clear results</p>  |
| <p>4 Strict discipline of budget revenues and expenditures at all levels, branches, localities, and units; It is only allowed within the limits of budget expenditure estimates; To restructure the state budget expenditures in each branch, locality and grassroots unit in the direction of thrift, eliminate unnecessary expenditures and raise the efficiency of each item of expenditure; To gradually</p> | <p>The discipline of collection and expenditure of the budget has been improved through the intensification of the inspection, examination, not clear guidance on budget expenditures, control of budget expenditures, ensuring the right purpose and effectiveness, delayed payment; boosting budget expenditures, cutting down on unnecessary expenses. However, spending on development and recurrent expenditures exceeded estimates (9.1% and 1.3%, respectively); The share of total</p> |

reduce the proportion of regular expenditures and state budget expenditure has increased from 61.5% in 2016 to 64.2% rationally allocate them to development investment in 2017; The share of development investment was 27.6%, higher than expenditures, which shall account for 25% - 26% of the target.  
total State budget expenditures.

- 5 Effectively implement the regulations on the renovation of state budget management according to the State Budget Law in 2015  
The Ministry of Finance has issued many documents detailing and guiding the implementation of the State Budget Law 2015. Together with the issuance of documents guiding the organization of the implementation of the State Budget 2017, the Ministry of Finance has completed the assignment State budget revenues and expenditures in a timely manner, create conditions for ministries, agencies, and localities to make timely decisions, allocate and assign budget estimates to units using the budget.  
However, the allocation of budget estimates for some localities exceeds the implementation capacity and the deficit of the central budget continues in the year 2017. Bad spending, misuse of funds in the use of funds books, investors and even in the running of the budget.  
In progress but not clear
- 6 Tổ chức thực hiện kế hoạch vay, trả nợ công giai đoạn 2016 - 2020; tăng cường quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công. Tiếp tục cơ cấu lại nợ công, tăng dần tỷ trọng cho vay lại trong cơ cấu vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; hạn chế tối đa cấp bảo lãnh chính phủ cho các khoản vay mới, khống chế hạn mức bảo lãnh cho 02 ngân hàng chính sách tối đa  
To organize the implementation of the plan for borrowing and repaying public debts in the 2016-2020 period; Strengthen management to improve the efficiency of public debt. To restructure public debts, gradually increase the re-lending proportion in the structure of ODA loans and foreign preferential loans of the Government; To limit the maximum level of government guarantees for new loans, limit the guarantee limit for two policy banks to the maximum equal to the annual debt  
Has been implemented and has clear results



bằng nghĩa vụ trả nợ gốc hàng năm và kiểm soát chặt chẽ vay nước ngoài của các doanh nghiệp nhà nước. Kiểm soát nợ trong giới hạn cho phép theo Nghị quyết của Quốc hội và kiểm soát chặt chẽ các khoản vay của chính quyền địa phương và các quỹ đầu tư có nguồn gốc từ ngân sách. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh tài chính quốc gia

repayment obligation and strictly control the foreign loans of the home businesses. country. Debt control within the limits allowed under the Congressional Resolution and strict control of local government loans and investment funds originated from the budget. Strengthening measures to ensure national financial security

## II To continue perfecting the institution of the socialist-oriented market economy

- |   |   |   |  |
|---|---|---|--|
| 1 | Develop a project to develop a balanced and comprehensive financial market, including money and capital markets, equity and equity markets (including government bonds and corporate bonds); between credit services and non-credit banking services; Develop venture capital markets in 2017 | The Ministry of Finance is carrying out construction  | Deployment is slow or not implemented      |
| 2 | To review, amend and supplement the provisions of the law on the state budget, public debts, management of public assets and public resources, ensuring continued management and promotion of economic efficiency, society  | A number of relevant legal documents have been promulgated/submitted to competent authorities for consideration and promulgation, such as the Law on Public Debt Management (amended); Decree No. 52/2017 / ND-CP dated 28/4/2017 of the Government on re-lending to local authorities; Decree No. 52/2017 / ND-CP dated 28/4/2017 on re-lending the Government's foreign loans to People's Committees of provinces and cities under central authority; Decree 04/2017 / D-CP dated 16/01/2017 on the issuance and management of Government guarantees to replace Decree No. 15/2011 / ND-CP; Law on management and use of public | Has been implemented and has clear results |

assets and elaboration of drafts for submission to the Government and the Prime Minister for the issuance of 15 Decrees and 01 effective decision together with the effect of the Law.

- 3 Issue a decree regulating the management and use of the state budget for a number of activities in the field of national defense and security  
Decree No. 165/2016 / ND-CP regulating the management and use of state budget for some activities in the field of national defense and security; Circular No. 55/2027 / TT-BTC dated May 19th, 2017 regulating in detail the management and use of state budget for some activities in the field of security and social order and safety.  
Has been implemented and has clear results
- 4 To promulgate in the third quarter of 2017 a resolution on further attracting and renewing the management and efficient use of foreign investment capital in the 2016-2020 period with a vision towards 2025 in the direction of contributing to green development. foreign ones or other FDI enterprises). FDI attraction is still dominated steady; Not to license high-energy projects, to exploit minerals not associated with deep processing, waste of natural resources, use backward technologies and high risk of causing environmental pollution; Facilitate and strengthen linkages with domestic enterprises to invest in supporting industries, industries in service of agriculture, services of advantage and high knowledge content; To renovate the mode of investment promotion with focus and focus on each branch, domain, region and partner.  
The Ministry of Planning and Investment (MPI) has resigned its mandate until the first quarter of 2018. Currently, the Ministry is drafting a resolution. The practice shows that the linkage between domestic enterprises and FDI enterprises in the value chain is limited (mostly from successful FDI enterprises). FDI attraction is still dominated by low value-added processing and manufacturing projects

- 5 To formulate the Law on special administrative-economic; To formulate a decree of the Government on the development of dynamic economic zones in order to well and fully play the leading role and promote the socio-economic development of the whole country. Laws of Van Don, Van Phong, and Phu Quoc special administrative units are being submitted to the National Assembly for consideration. MPI is developing a draft decree of the Government on the development of dynamic economic zones In progress but not clear
- 6 To formulate a comprehensive scheme on national competition policy in the fourth quarter of 2017 The master plan on national competition policy has been submitted to the Prime Minister for consideration Slowly or not implemented
- 7 Preliminary assessment of the implementation of the Land Law; Assess the impact of land policies on economic, social and environmental development. To amend and supplement the provisions of the land legislation, ensuring uniformity and uniformity with other relevant laws; promote the development of the land use right market; To create conditions for accumulation and concentration of land, to bring into full play the land resources for socio-economic development, especially the agricultural production under the model of large-scale, hi-tech agriculture; To create favorable conditions for enterprises (including domestic enterprises and foreign enterprises) to access land for investment in production and business; To accelerate the equitization of state-owned enterprises, but to ensure strict management, efficient exploitation and avoid loss of land of the State; The Ministry of Natural Resources and Environment is carrying out a preliminary review of the implementation of the Land Law. At the same time, the Party Committee of the Ministry of Natural Resources and Environment issued Report No. 33-BC / BCSTMMT dated July 5<sup>th</sup> 2017, to the Steering Committee for the preliminary review of 05 years of implementation of Resolution No. 19-NQ / TW. The Ministry of Natural Resources and Environment is drafting a proposal on solutions to develop the market for land use rights, with solutions to carry out these tasks.

To overcome the situation of land-related complaints and lawsuits, especially the land price determination for compensation, support and resettlement when the State recovers land. To urgently propose amendments and supplements to the regulations which cause difficulties and problems in the investment and business environment.

- 8 To review and evaluate the implementation and further MONRE established the Steering Committee to develop the Law In progress but improve the law on environmental protection and amending and supplementing a number of articles of the law relating not clear biodiversity conservation; To formulate a scheme on to environmental protection (Decision No. 2217 / QD-BTNMT dated the breakthrough mechanism of mobilizing resources, 13/9/2017); To review and develop a dossier of proposals for amending attracting investment and socializing the environment and supplementing a number of articles of the Law on Environmental protection; To implement necessary measures to raise Protection in 2014 (Decision No. 1022b / QD-TCMT dated 11/9/2017); the capacity and efficiency of law enforcement on Setting up the Drafting Board, the Editorial Board shall elaborate a decree environmental protection and biodiversity conservation; amending and supplementing Decrees guiding the implementation Localization, treatment, and rehabilitation of polluted of the Law on Environmental Protection in 2014 (Decision No. 197 areas, focusing on areas of persistent pollution of / QD-TCMT dated March 14, 2017). The Ministry of Agriculture and chemicals and pesticides, paying special attention to Rural Development (MARD) is also reviewing the system of 44 national key areas; monitoring of cross-border environmental technical regulations on the environment. Through expert opinions, pollution; Respond effectively to climate change 24 standards have been identified, including 17 national technical regulations. Priority should be given to the environment (09 QCVN for wastewater, 07 QCVN for waste gas and 01 QCVN for solid waste); 07 QCVN other has been/are under review. The Ministry is also working

on a scheme on breaking ground for mobilizing resources, attracting investment and socializing environmental protection activities, focusing on solid waste collection, transportation, and treatment

- |    |   |  |  |
|----|---|--|--|
| 9  | Study and amend the Competition Law and submit it to the National Assembly by December 2017   | Competition Law (amended) submitted to the National Assembly   | Has been implemented and has clear results |
| 10 | Developing the Law amending and supplementing some articles of the Labor Code in 2012 and submit it to the National Assembly in 2017  | Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs has drafted, however, Resolution No. 51 / NQ-CP dated 19/6/2017 of the Government has agreed to delay the submission to the National Assembly to 2018-2019  | In progress but not clear                  |
| 11 | Develop a system of tools to manage the development of the real estate market in the direction of stable stability with a complete and synchronous structure connected to other markets of the economy. To exploit and use efficiently and economically the resources for investment in real estate development, especially land; To take the initiative in developing scenarios and measures to regulate, control and stabilize the market | The Ministry of Construction is developing, managing and operating the information system on housing and real estate market according to the assigned tasks in the Government's Decree No. 117/2015 / ND-CP on construction, management and use of information systems on housing and real estate market. At the same time, to regularly urge, inspect and guide the ministries, branches, and localities in building, managing, exploiting, using and updating databases on housing and real estate market. according to the law. | In progress but not clear                  |
| 12 | Formulate a project on assessing the situation, forecasting trends, proposing mechanisms and policies, solutions to promote the real estate market to develop stable and healthy in 2017.   | The project has been approved by the Prime Minister and will be implemented in 2018  | Has been implemented and has clear results |

- 13 Continue to mobilize countries to recognize the market economy for Vietnam  
The Ministry of Foreign Affairs has pushed for other countries, especially in Central Asia, the Middle East, and Latin America to recognize Vietnam, concentrating on the countries celebrating the year round, even the year of establishment of diplomatic relations. exchange high-level delegations; Some countries have responded positively and said they are completing internal procedures for recognition. Currently, 69 countries have been recognized. The ministry also actively coordinated with other ministries and sectors to set up a policy to participate as a third party in China's lawsuit against the EU and the US to the WTO on the market economy.  
Has been implemented and has clear results
- 14 Study on amendments and supplements to the law on labor, household registration, agricultural land use rights and access to public services, facilitating the resettlement and transfer of domestic labor  
The law on labor continues to be supplemented and perfected. The Government issued Resolution 93 / NQ-CP dated 26<sup>th</sup>September 2007 on the simplification of administrative procedures and citizen papers under Scheme 896 within the scope of state management functions of the Ministry of Labor, Invalids, and Social. Labor law continues to be amended with the development of 13 schemes under the Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs (MOLISA) 2017 work program (14 plans), 24 guiding circulars rights and 12 projects outside the ministry's operational plan.  
The Government has set up a program to abolish the procedures on household registration books and identity cards in population management (Resolution 112 / NQ-CP dated 30/10/2017). The government has simplified dozens of administrative procedures, civil

papers related to population management. The Ministry of Justice is examining and amending Decree 123/2015 / ND-CP regarding civic status management in order to create favorable conditions for people. By the end of June 2017, the Ministry of Justice expanded the implementation of civil status registration and management information system for civil status judicial officers in 6 provinces and cities. However, the law on the management of civic status still has many regulations difficult for people, especially related to civic status with foreign elements.

### III To continue stepping up the development of synchronous and modern socio-economic infrastructure

- 1 To review the recommendations for supplementing Most ministries and sectors have actively reviewed and finalized the In progress but and adjusting the planning on the construction of the infrastructure planning under their management, especially in the field not clear socio-economic infrastructure system, ensuring the of construction and transport infrastructure. However, environmental integrated and systematic efficiency, particularly the protection planning has not been paid much attention communication, electricity, water, education, health, telecommunication and information technology infrastructure, solid waste collection and treatment, environmental protection planning; To review and propose adjustments and supplements to urban technical infrastructure plans
- 2 Draft the Law on Public-Private Partnerships in the The Ministry of Planning and Investment is developing a proposal for a In progress but direction of diversifying types in the appropriate branches law on public-private partnerships not clear

and domains; open, transparent, stable and equal; To have a mechanism for the supervision, management and efficient use of investment capital for each project. To pay attention to investing in essential infrastructure in remote and deep-lying areas, ethnic minority areas and revolutionary bases

- 3 To promulgate a policy of managing urban development in a synchronous, sustainable and environmentally friendly manner capable of coping with climate change in order to raise the quality of growth and competitiveness of urban centers. The Prime Minister promulgated Decision No. 84 / QĐ-TTg dated January 19<sup>th</sup> 2018 approving the Plan for Green Growth of Vietnam until 2020. The Ministry of Construction issued Circular No. 01/2018 / TT-BXD dated January 5<sup>th</sup>2020, on the regulation of green building urban growth. The Ministry of Construction is directing the implementation of researches on bio-energy and energy-saving solutions in the rural architecture of the Northern Delta in the direction of green growth. Urban green building criteria, response to climate change are being studied.
- 4 Improve legal framework and management tools to control urban development investment in accordance with planning and plans; To prioritize the development of new urban centers along urban centers in order to reduce the load for the downtown area. The Ministry of Construction is studying regulations to strengthen the control of urban development investment, as well as solutions to develop new urban areas along the urban areas to reduce the load to the downtown area.
- 5 To submit to the National Assembly for promulgation before 2019 Law on urban development management, architecture and water supply. The Ministry of Construction has studied the contents related to the Draft Law on Urban Development Management to be submitted to the National Assembly at the Fifth Session. The Ministry of Construction has also drafted the Law on Architecture and is consulting the experts.



development of the Law on Water Supply and is currently finalizing the dossier proposing the development of the Law on Water Supply.

- 6 To efficiently implement national programs and projects on urban development, step by step raising the quality and modernization of the urban infrastructure system, boosting the growth in the urban centers. Areas, areas are still difficult as mountainous, coastal and island
- The Ministry of Construction has actively implemented the National Urban Upgrading Program for the period from 2009 to 2020, the National Urban Development Program for the period 2012-2020. Up to now, the rate of urbanization is about 37.5% (up 0.9% compared to 2016). The Ministry of Construction has formulated and submitted to the Government the project "Building new rural areas in the process of urbanization in the district level" (Decision No. 676 / QĐ-TTg dated 18/5/2017). The Ministry of Construction is instructing provinces to take the initiative in reviewing and adjusting to meet the new requirements in the period 2016-2020.
- However, the quality of urban infrastructure, especially in large cities such as Hanoi, Ho Chi Minh City is not high; Intelligent urban construction has not been implemented synchronously and strategically in the whole country
- 7 To intensify the coordination and concentrated resources for investment in the construction of a system of synchronous infrastructures with a number of modern and environmentally friendly ones, with priority given to large, important and spatially important works. Socio-economic development in regions and throughout the country; To step by step modernize the
- Ministries and branches have cooperated in concentrating capital In progress but a sources for implementation of important national works and key works; not clear In combination with the allocation of capital for agricultural and rural development and climate change adaptation. However, the disbursement of public investment projects using state budget funds is still slow, the rate of disbursement is low; There is still a funding allocation for the project not included in the Medium Term Public Investment Plan.

- interconnected technical infrastructure system such as highways, national highways, railways, and airports... The Ministry of Planning and Investment (MPI) has focused on removing obstacles and difficulties to accelerate the disbursement of public investment capital in 2017 in line with the Prime Minister's instruction in Directive No. 14 / CT-TTg dated 19 / 4/2017, instruct the finance agency to take the initiative in holding talks with investors in the area to exchange difficulties and problems; Especially those projects that have not been disbursed or have low disbursement rate (below 30% of the 2017 budget plan assigned by the beginning of the year), the project still has problems in liberating Site selection, contractor selection,...
- 8 To continue building, renovating and upgrading land roads and expressways, of which priority is given to North-South expressways, inland waterways and coastal roads, and the International Airport Project Long Thanh International Airport for submission to the National Assembly for approval at the 4th Session. Slowly or not implemented
- 9 However, the implementation of the Long Thanh International Airport project is slow compared with the schedule, especially in the recovery, clearance
- 9 Study on the construction of a cross-border economic cooperation zone in 2017 The project has been agreed by Vietnam and China to form a framework agreement on the construction of economic zones across the Vietnam-China border. On November 12, 2007, a Memorandum of Understanding accelerating the negotiation of a framework agreement on the construction of economic zones across the Vietnam-China border was signed. Slowly or not implemented

#### **IV Develop human resources to meet development requirements**

- 1 To review, rearrange and re-plan the network of tertiary education institutions and vocational education in review. As of June 2017, the training institutions had 235 universities, association with the socio-economic development institutes, 32 colleges, and 2 pedagogical secondary schools; There are planning and the labor market demand in the whole country, each region and locality. Improve the quality of training of pedagogical schools. To well perform and rearranging the network of vocational education institutions, which the university and college enrollment. To formulate merges schools in the same area, dissolves ineffective schools, merges mechanisms and policies on distribution of education secondary schools into colleges, merging colleges, intermediate to in association with vocational training and professional university. However, the network of higher education institutions has been spreading, with no qualitative classification for investment priority. Many tertiary education institutions have not paid much attention to investment in quality assurance in order to meet the enrollment scale. The university enrollment process has been renewed but still has many problems. Job orientation has not been well implemented; The proportion of students choosing to study at university is still unbalanced compared to the selection of apprentices (74% and 26%, respectively).
- 2 To continue renewing training contents and modes in order to raise the quality and efficiency of tertiary education and vocational training; improve the quality of training of some universities, some occupations to community. The Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs (MOLISA) Many solutions to improve the quality of vocational training for rural workers; To broaden the model of vocational training for rural laborers not clear in association with the building of models of vocational training in the

reach the level of developed countries in ASEAN and the world has guided and inspected the work of accreditation and quality assurance in vocational training and developed a national vocational skills assessment and certification system. Up to now, the Ministry has organized an assessment for 26,000 people, granted certificates to 23,000 qualified persons, re-granted 32 organizations certificates of assessment, issued national vocational skills certificates, granted 7 new organizations the conditions for assessment and grant of national vocational skill certificates. Some professions have reached the level of advanced countries such as tourism and services.

The quality of training of some universities has improved, the Ho Chi Minh City University of Technology has gained accreditation at the University of Southeast Asia Network. Content and training methods have improved. However, the practice of practice has been limited. Lecturers, especially faculty members, are in short supply in terms of number and fail to meet the requirements of professional qualifications in some universities.

- 3 To decentralize the state management of education and training; Promote the allocation of autonomy, self-responsibility, and accountability of education and training institutions and the autonomy of public universities and colleges. Strengthening the quality control of the output of tertiary education institutions; disclose information about the quality assurance conditions of the school; institutions rely on industry advantage to focus on increasing tuition fees
- Decentralization, autonomy is promoted. So far 23 public education institutions have been reformed. Institutions are given more autonomy in the areas of academic, international, professional, financial and human resources. However, implementation of autonomy is not linked to school governance reform. Many facilities are not fully and properly acknowledged, so embarrassment in implementation; Some institutions rely on industry advantage to focus on increasing tuition fees
- In progress but not clear

- To accelerate the accreditation of educational quality, on the basis of which the stratification and classification of tertiary education institutions shall be made
- and increasing enrollment quotas without proper attention to improving the quality of training. Local universities are also not ready to prepare for university autonomy. The Ministry of Education and Training issued Circular No. 12/2017 / TT-BGDDT dated 19 May 2016 promulgating the Regulation on accreditation of higher education institutions.
- In vocational training, the Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs is revising the draft of the network of vocational education institutions in the direction of increasing the autonomy of vocational education institutions; To increase autonomy in the selection of training forms, to formulate and determine training programs and norms for training establishments. The Ministry continues to study and improve the quality criteria of vocational schools.
- 4 Improve the quality of teaching and learning foreign languages at all levels, training levels. To promote the application of information technology in the management and operation of research teaching, thus contributing to accelerating the administrative reform and raising the training quality.
- The project of teaching and learning foreign languages in the national education system is being promoted. The Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs (MOLISA) has studied the conditions of teaching and learning foreign languages at a number of vocational education institutions as a basis for the development of specialized programs in English, curriculum, and instruction. intermediate level English, software development to assess input, output in the 1,2,3,4 level. However, the management of English training in some vocational training institutions is limited; The English level of the students is not high
- 5 Promote the socialization of education and training, especially preschool education, vocational education, of vocational education institutions in the direction of promoting the network
- Slowly or not implemented

and higher education. Improve investment efficiency for socialization of vocational training. The education sector has attracted education, allocate adequate funds to improve classrooms, considerable social investment material facilities, teaching equipment libraries, toilets; to improve the accommodation and in the direction of standardization, modernization, expanding the size travel conditions for boarding students in remote and of students. The resources of socialization come from both domestic isolated areas; Ensure equity in education and training. organizations and individuals (enterprises, parents, donors,...) and Mobilize the participation of the whole society in order foreign organizations and individuals (setting up training and education to increase investment in facilities and support activities establishments with 100% foreign capital, association,...). of education and training establishments, especially However, the resources to attract investment for education and training encourage enterprises to participate in vocational have not matched the potential; Level of resource mobilization between training. To continue encouraging the development of regions, and between different localities. Some localities are slow and non-public education and training establishments confused. Attracting trainees in disadvantaged areas is limited, many schools are not recruited.

- 6 To enhance the application of international standards in The exchange of lecturers, experts and students are promoted; Many In progress but the process of formulating and renewing programs and schools have collaborated with foreign businesses in vocational training not clear organizing training and scientific research; To encourage for students. Many educational and training programs in public and non-higher education institutions and vocational education public educational establishments in the country have been recognized establishments to receive transferred advanced foreign and linked by education and training establishments, including those of programs; Conduct training according to the national developed countries. Some educational institutions have taken the initiative in promoting the process of receiving and transferring new technologies framework of Vietnam in teaching, learning, and educational management. The national level framework has been applied in informatics and foreign language training. However, the application of international standards, technology transfer is not uniform, only in some large institutions in the country

- 7 Develop regulations on the link between the levels of vocational education and higher education, quality assurance and effectiveness in training, learning opportunities, capacity development for learners. The Prime Minister issued Decision No. 18/2017 / QĐ-TTg dated May 31st, 2017 regulating the connection between intermediate level, college level, and university level. Has been implemented and has clear results
- 8 To formulate the planning on development of human resources in the 2016-2020 period with a vision toward 2025 on the basis of reviewing and evaluating the implementation of the planning on human resource development in Vietnam in the 2011-2020 period already approved by the Prime Minister. Decision No. 12/16 / QĐ-TTg dated July 22, 2011, with a view to accelerating the association of training with labor demand of enterprises, creating a fast and clear change in human resources development. To be a high-quality human resource for potential and advantageous branches and domains; improve capacity, state management, and corporate governance
- 9 To formulate a scheme on building a contingent of lawyers and international legal experts with sufficient qualifications, capabilities, and experience to handle international commercial disputes. The Ministry of Justice has issued the Official Letter No. 1031/BTP-VP dated March 29<sup>th</sup>2007, to the Government Office and the Ministry of Planning and Investment requested not to elaborate the Scheme but continued to implement 2 Schemes “Developing a team of lawyers for international economic integration from 2010 to 2020” and the project “Capacity building for civil servants and officials of ministries, branches

and localities on international law and the settlement of international disputes in the period 2016-2020 "due to similar content (task cancellation request)

## V **Develop and promote the transfer of science and technology**

- 1 Focusing on enhancing the technology absorption A number of activities have been organized such as Demonstration In progress but capacity of enterprises, moving the focus and subjects of connection between technology supply and demand with series of not clear of applied research into the enterprise sector. demonstration events, technology introduction; To promote the application and transfer of technology in the region; Business dialogue forum with the application and technological innovation. The promotion of the technology market is carried out through technology exchanges, online technology market, technology introduction and information technology.
- 2 To formulate policies on technology import for the The Ministry of Science and Technology is assigning functional units to Slowly or not period up to 2025. To concentrate investment on study and learn experiences of countries in order to work out and submit implemented applied research in order to quickly raise the domestic to the Prime Minister for promulgation a number of technological import technological capability, design and manufacture level, policies for the period up to 2025. The Technology Transfer Act of 2017 and apply for technical and technological advances in provides for the import of technology. priority sectors.
- 3 To formulate and implement programs on promotion and The Ministry of Science and Technology is assigning functional units Slowly or not transfer of technologies from countries with advanced to conduct research and study experiences of countries to carry out implemented source technologies and advanced technologies in the programs for promotion and transfer of technologies from countries field of Vietnam which wish to step up industrialization with advanced technologies and technologies. Vietnam needs to and modernization. accelerate industrialization and modernization.



- 4 Propose effective solutions to promote the transfer of The National Assembly has promulgated the Law on Technology Transfer in 2017. Currently, the Ministry of Science and Technology is drafting a guideline on the Law on Technology Transfer  
technology to Vietnamese enterprises, R & D in Vietnam  
and the use of engineers and scientists Studying in Vietnam  
In progress but not clear
- 5 Strengthen the reciprocal mechanism of public-private partnerships to encourage enterprises to implement projects on technological renewal, innovation, research and development. Increasing the scale of finance for enterprise support funds, especially small and medium enterprises, to invest in technology innovation; To expand the form of financing, lending and guaranteeing loans from state funds for technological renewal projects of enterprises; To formulate a mechanism for guaranteeing loans for research and technological renewal projects so that enterprises can borrow capital from commercial banks.  
The Ministry of Finance has issued Circular No. 11/2017 / TT-BKHCN dated 11/8/2017 regulating the implementation of the project "Piloting public-private cooperation mechanism, co-financing the implementation of science and technology"; is coordinating with the Ministry of Finance to study the formulation of regulations on capital support, preferential loans, interest rate support and loan guarantee for investment projects on technological renovation of enterprises from the funds. and at the same time coordinate with the State Bank in proposing the experimental mechanism of interest rate support for loans for technology renovation projects of enterprises. The National Technological Renovation Fund and the National Scientific and Technological Development Fund shall continue to implement the mechanism of funding, loan provision and loan guarantee.  
In progress but not clear
- 6 To attach importance to raising the level of technical cadres, technology management, and management, business administration; Develop policies to encourage R & D staff in Vietnam is only 7 people per 10,000 people. The policy of using and using scientific and technological staff has been deployed, initially attracting young scientists and overseas Vietnamese.  
In progress but not clear

- 7 To formulate and operate national databases on The Ministry of Science and Technology has allocated resources for Slowly or not information technology, technology experts and the development of the national database on science and technology, implemented technology intermediaries to assist enterprises in including the database on Vietnam's scientific and technological selecting technologies to be renovated and transferred. documents and databases. on scientific and technological tasks, Enhance the effectiveness and efficiency of intellectual databases on scientific and technological information in the region and property rights, intellectual property valuation, and in the world; Database of technology, equipment, and market of science valuation, and contribute capital to enterprises with and technology. The Ministry of Construction is implementing the project intellectual property.
- “Building an integrated information system for the evaluation of intellectual property applications”; To provide consultancy, support, guidance and answers to enterprises' problems regarding the establishment of intellectual property rights, the protection and management and development of intellectual properties. In 2017, Intellectual Property Development Program 2016-2020 has received 279 proposals to support the development of intellectual property. In 2016 and the first nine months of 2017, the National Office of Intellectual Property provided 265 expert opinions to intellectual property enforcement agencies. However, the protection of intellectual property rights is still limited, the status of intellectual property infringement has not been overcome.
- 8 To develop a creative and innovative eco-system The Ministry of Science and Technology has worked out a master Clear results to promote the formation of a number of innovative plan for the implementation of the project entitled “Supporting the enterprises with high growth potential and export- national innovation system until 2025”, elaborating the Circular on the oriented products and services to the international management of the Scheme, cooperate with other units to organize market. activities of linking, linking ecological and creative industries. The

Ministry of Industry has organized the 2017 National Technological Startup Day (2017), attracting more than 4,500 attendees and 29 signed investment contracts with a total value of \$ 4.5 million. The ministry also facilitated the development of more than 40 technology nurseries.

9 Develop and operate a benchmark database and best practices for productivity  
 The Ministry has implemented the data system  
 Implementation but no clear results

#### VI Speed up the restructuring of SOEs

1 Formulate the project on restructuring SOEs, with focus on state-owned corporations and corporations in 2016-2020  
 The Prime Minister issued Decision No. 707 / QD-TTg dated 25/5/2017  
 Clear results

2 Issue a list of specific industries and fields of state investment in accordance with the Law on the management of the use of state investment capital in production and business in 2017.  
 The Government issued Decree No. 32/2018 / ND-CP dated 08/3/2018 on amendments and supplements to Decree 91/2015 / ND-CP.  
 Clear results

3 Finalize the proposal on the establishment of representative offices of state-owned enterprises in 2017  
 The scheme was approved. At present, the State Capital Management Committee at the enterprise is in the process of consolidating its apparatus and organization  
 Clear results

4 Ministries, branches, provincial/municipal People's Committees, state corporations, and corporations shall review, gather and report to competent agencies before  
 People's Ministries, branches and provincial people's committees have reviewed, assembled, and reported  
 Has been implemented and has clear results

- June 2017 on projects subject to losing capital, no ability to recover; To carry out the handling according to its competence, including the bankruptcy solution and complete the settlement before June 2018
- 5 The ministries, the People's Committees of the provinces and centrally-run cities shall have to fully publicize the list of State enterprises without holding more than 50% of ownership under its management before June 2017. (according to Decision No. 1232 / QD- TTg dated 17/8/2017)  
Ministries, branches and provincial people's committees have compiled and sent to the Ministry of Planning and Investment to prepare the list of state-owned enterprises with a capital reduction in 2017-2020 (according to Decision No. 1232 / QD- TTg dated 17/8/2017) Has been implemented and has clear results
- Include plan and schedule for annual capital withdrawal to ensure the completion of capital withdrawal before 2019
- 6 Corporations and state corporations shall work out plans and undertake comprehensive restructuring in the 2016-2020 period, with a vision to 2025, including restructuring of ownership, business and investment financial restructuring and portfolio management, technology innovation and management, application of modern governance in line with international practice  
Most corporations and corporations have developed a restructuring plan, however, the organization is passive, delayed and ineffective. Has been implemented and has initial results
- 7 Completing the transfer of SCIC's transferred businesses before December 2017  
Over 10 years of operation, SCIC's state-owned capital accounts for about 1% of the total state capital in the enterprise (according to the book value); 99% state-owned capital is still managed by ministries and localities

- 8 To carry out the plan on equitization and divestment of Slow equitization and equitization, SOEs and state-owned enterprises, Slowly or not State investment in a public and transparent manner especially state-owned economic groups and corporations, are still in implemented according to the market mechanism; To intensify the a number of sectors and sectors of the state. need to hold. The ratio examination, inspection, supervision and auditing in of state capital to be equitized and sold to the public remains low, order to prevent the loss of capital and state property; significantly limiting the results of the implementation of the objectives To adopt appropriate control mechanisms applicable of reorganization, renovation, development, and improvement of to capital sources for purchase, sale and merger of the efficiency of the use of state capital. suggest. In 2017, they will enterprises; equitized enterprises must register for withdraw capital from 10 enterprises under Decision 1232 / QĐ-TTg; of trading and be listed on the stock market within one year which there are 8 enterprises planned to divest in 2017, 2 enterprises from the date of issuance of the initial share certificate; as planned in 2018.
- To attract qualified strategic investors, reduce the state ownership ratio to sufficiently change the corporate governance. chất
- VII Restructure the financial market, focusing on credit institutions**
- 1 To continue improving the financial situation, raising the Debt settlement in credit institutions continues to be strengthened. The In progress but managerial capacity of credit institutions in accordance number of CIs whose shareholders own more than 15% of chartered not clear with law and in accordance with international practice; capital decreased from 19 CIs to 4 CIs; Shareholders and affiliates own To step by step handle and eliminate the situation of more than 20% of charter capital reduced from 11 credit institutions to 2 cross-investment and cross-ownership in related credit credit organizations. Divestments outside commercial banks continued institutions; Promote divestment outside the sector of to grow. In the first 6 months of 2017, two state-owned commercial commercial banks; By the year 2020, basic commercial banks divested their capital in four companies with total proceeds of banks will have their equity capital in line with Basel II more than 825 billion dong.

- standards, of which at least 12-15 commercial banks successfully apply Basel II (standard method)
- As regards the application of Basel II in commercial banks, the SBV has issued a comprehensive legal framework for the implementation of the Basel II Baseline Standard. At the same time, the SBV has received registration documents of 04 commercial banks applying Circular 41 since 01/01/2019 and according to reports of Basel II commercial banks, in the next time 06 Basel II banks will post Signing of Circular 41 from 2019
- 2 To expeditiously organize the implementation of the scheme on the restructuring of the credit institution system in association with the handling of bad debts in the 2016-2020 period after being approved.

The Prime Minister issued Decision No. 1058 / QD-TTg dated 19/7/2017. However, the implementation process is limited, especially in the coordination between the State Bank and ministries, branches and localities in dealing with bad debts of credit institutions.
  - 3 To basically complete the restructuring of credit institutions, accelerate the process of handling bad debts in forms suitable to the market mechanism on the principle of prudence, ensuring the interests of depositors and stabilizing system security
- SBV issued Directive No. 06 / CT-NHNN dated July 20, 2017 on the implementation of the Resolution No 42 of the National Assembly on the pilot implementation of bad debts at credit institutions and Decision 1058 / QD-TTg. Prime Minister. Bad debt has been dealt with more substantially. From August 15th to September 30th, 2017, about 14.3 trillion VND of bad debts (determined under Resolution 42) were processed, mainly by financial institutions ( VND 5,040 billion; other forms (VND 2,078 billion), customers paying debts (VND 6380 billion). Handled by the sale to VAMC only 8.2 billion. However, debt selling ratio (mostly sold to VAMC) still accounts for a large proportion in the bad debt processing structure of credit institutions.

- 4 To formulate the Law on the restructuring of credit institutions and settlement of outstanding debts in 2017  
The National Assembly issued the Law on Amendment of and Addition to a Number of Articles of the Law on Credit Institutions (Law No. 17/2017 / QH14)  
Has been implemented and has clear results
- 5 Strengthening the inspection and supervision of risk management of credit institutions  
Inspection and supervision of banks continued to be strengthened. SBV has issued many documents warning all units in the sector about risks and violations to actively prevent and prevent; Promulgating Directive 07/CT-NHNN on enhancing the prevention and prevention of law violations in the monetary and banking fields, ensuring the security and safety of banking operations, contributing to stabilizing the monetary and financial situation. main. However, the inspection and supervision of the banking system needs to be further renewed and improved in order to better meet the practical requirements of the management of credit institutions in the new situation
- 6 To study and complete the documents guiding the order and procedures for property auction in accordance with the relevant law provisions.  
Congress has issued a Law on Property Auction. The Ministry of Justice has formulated and submitted to the Government for promulgation and implementation of a number of articles of the Property Auction Law and promulgating it according to its competence. Circular 06/2017 / TT-BTP dated 16/5/2017 regulating the framework program of auction training courses, auction training institutions, apprenticeship, and probation examination, probation results Auction practice and forms in the field of property auction.  
Has been implemented and has clear results

7 To ensure coordination between civil judgment-executing agencies at all levels and the Asset Management Company and credit institutions (VAMC) and credit institutions in the course of executing judgments or decisions of courts. The Ministry of Justice has cooperated with VAMC to remove difficulties in progress but agencies at all levels and the Asset Management Company and provide professional guidance to local civil judgment enforcement not clear of credit institutions (VAMC) and credit institutions in the agencies and respond to petitions and reports of credit institutions on handling security assets; To coordinate with the General asset handling. The Civil Judgment Execution Department has issued a number of guiding documents for nationwide application in some cases of dissemination. The Ministry continues to cooperate with institutions in reviewing and synthesizing the judgments and decisions in force of the Court which have not yet the Supreme People's Court to synthesize judgments and decisions been enforced or are being implemented uninterruptedly, which have not been enforced by the courts and accelerate the implementation of outstanding cases. However, due to a number of speeding up the execution of judgments. cases remain cases that have not been handled yet; The number of cases of great value for the year-end increases, some complicated tasks are difficult to solve, so the target of reducing the transfer amount after the target is not reached. Results of implementation of cases related to bank credit have increased in terms of arithmetic but the rate of settlement on the number of conditions is low; The number of backlogs still remains high and the execution time is extended. The coordination between civil judgment enforcement agencies and executors with a number of credit institutions and banks in the verification of conditions for the execution of judgments and coordination of judgment execution is sometimes not tight. time and efficiency.



**VIII Continue to restructure investment, focusing on public investment**

- 1 Develop a project on restructuring public investment in the 2016-2020 period  
 The Prime Minister promulgated Decision No. 63 / QĐ-TTg dated 12/1/2018 approving the Scheme on Restructuring of public investment in 2017-2020 and orientation to 2025  
 Has been implemented and has clear results
- 2 Developing the Scheme on Finalization of Institutional Choices to Prioritize Public Investment Projects Approval and Post-Investment Efficiency Assessments to Improve the Efficiency of Public Investment in the Period to 2020 and Games Look to 2025 in 2018  
 The project is under construction  
 In progress but not clear
- 3 To perfect the system of public investment management in line with international practices, ensuring that the quality of ASEAN-4 countries is equal to that of 2019, with priority given to the renewal of the method of elaboration, appraisal, evaluation, and selection of public investment projects  
 The public investment management system was generally slow to be reformed, the way it was formulated, appraised, evaluated and selected public investment projects. The draft of the Law on Amendment of the Public Investment Law is being developed, but it focuses on some issues that conflict with other laws (such as the Construction Law), amending regulations to facilitate disbursement of capital. public investment has not focused on the substantive changes in the public investment management process in line with international practice.  
 Slowly or not implemented
- 4 Strengthening policy dialogue with the business community to remove difficulties and obstacles for investors (on-the-spot investment promotion)  
 The implementation of the Law on Enterprises, the Law on Investment continues to operate effectively, contributing to removing difficulties for enterprises. The annual business forum is organized to listen to business ideas. At the local level, the programs of meeting and business contacts are organized periodically to support and solve problems for enterprises.  
 Has been implemented and has clear results

- 5 To continue improving the policies and mechanisms on the management and use of official development assistance (ODA) capital, preferential loans of foreign donors in the direction of transferring from the granting mechanism to the lending mechanism. It is associated with strengthening management, effective use of loans (ODA) and preferential loans of water donors out; Decree No. 52/2017 / ND-CP dated 28/4/2017 on the re-lending of the Government's foreign loans to the People's Committees of the provinces and cities directly under the Central Government. In progress but use of ODA capital and preferential loan capital of foreign donors in the not clear 2016-2020 period (Decision No. 251 / QD-TTg of February 17, 2016), the Government issued Decree No. 16/2016 / ND-CP dated 16 March 2016 on the management and use of official development assistance (ODA) and preferential loans of water donors out; Decree No. 52/2017 / ND-CP dated 28/4/2017 on the re-lending of the Government's foreign loans to the People's Committees of the provinces and cities directly under the Central Government.
- 6 To review and publicize the contents and tasks of attracting investment from the society so as to adopt specific incentive policies to attract investment. The Ministry of Planning and Investment has submitted to the Prime Minister a list of 108 priority PPP projects to be implemented in the 2016-2020 period, comprising 68 priority national projects and 40 priority projects at the local level, with a total of VND 120 trillion is needed for is around VND 375,000 billion, of which VND 120 trillion is needed for PPP. However, this list of projects has not yet been made public. At the same time, the Ministry of Planning and Investment is also reviewing and developing a proposal to develop a PPP law. In progress but
- 7 To complete and uniformly apply the information system on investment funded with state capital (including databases on public investment projects funded by the state budget, official development assistance, Government bonds...); To formulate regulations on project, the investor, the status of the project, but no information on The Ministry of Planning and Investment has developed a system of information on public investment projects (using the state budget, ODA, and is publicly available on the website <http://giamsatdautuocgia.mpi.gov.vn>). Public information is limited, including the name of the project, the investor, the status of the project, but no information on

- effective implementation of the application of information technology; Guide the central and local ministries and agencies to use in managing and making reports on the implementation of public investment plans.
- 8 To take drastic measures to prevent and fight corruption, waste, and waste of capital and state property; to prevent, strictly handle the situation of price transfer and tax evasion of foreign direct investment enterprises against state budget revenues, against transfer pricing; actively deploy applications for examination of tax declaration dossiers; Strengthening the inspection and examination after tax refund, attaching importance to the inspection of enterprises having associated transactions, signs of transfer of prices... In 2017, over 3000 billion transfer fees have been collected through inspection
- 9 Study on the elaboration of the scheme on perfecting the system of standards, technical-economic standards, investment and construction prices in the construction sector in 2017.
- 10 To build a construction price database and publicize the construction price index throughout the country strictly according to regulations
- total investment and other information related to capital. To guide the localities, ministries, and branches to update information on websites
- The prevention, fight against corruption, loss, cost of capital, state property continue to be implemented. Anti-price inspection was accelerated, the Ministry of Finance (General Department of Taxation) has asked the units to focus on inspection and examination of tax, against state budget revenues, against transfer pricing; actively deploy applications for examination of tax declaration dossiers; Strengthening the inspection and examination after tax refund, attaching importance to the inspection of enterprises having associated transactions, signs of transfer of prices... In 2017, over 3000 billion transfer fees have been collected through inspection Approximately 1,300 businesses.
- The Prime Minister promulgated Decision No. 2038 / QĐ-TTg dated 18/12/2017 Approving the Scheme on Completing the Construction Norms and Pricing System
- The Ministry of Construction regularly reviews construction norms for publication, so far the Ministry of Construction has published more than 12,500 norms for the determination of construction prices. The Ministry of Construction has organized the determination and consultation of the
- Has been implemented and has clear results
- Has been implemented and has clear results

ministries, branches, and localities in finalizing and promulgating the set of annual investment capital and construction cost rates. The Ministry has also set up the National Construction Price Index to be submitted to the General Statistics Office for publication nationwide in accordance with the regulations.

11 To review, amend, supplement and promulgate A number of ministries and branches have promulgated regulations, In progress but according to its competence standards, standards and specialized economic-technical norms under their not clear economic-technical norms for specialized construction respective management. The Ministry of Natural Resources and Environment has implemented the Circular No. 35/2017 / TT-BTC dated 25<sup>th</sup> April 2017 regulating the rates, the regime of the collection, remittance, management and use of fees for evaluation of rehabilitation plans. and environmental rehabilitation, additional rehabilitation and restoration plans appraised by central agencies; guided the provinces and cities directly under the Central Government to implement Circular No. 30/2016 / TT-BTNMT dated October 12, 2016, on management, rehabilitation and restoration of the environment of polluted land; Promulgating Circular No. 20/2017 / TT-BTNMT dated August 8<sup>th</sup> 2017 on economic-technical norms of environmental monitoring activities; Promulgating the Circular No. 30/2017 / TT-BTNMT dated 11/9/2017 Promulgating the technical and economic norms for survey and assessment of water resources.

The Ministry of Transport has issued three basic standards, in collaboration with the Ministry of Science and Technology, promulgated

14 Vietnamese standards, actively implemented the experiment and application of new technologies and materials., the results of applied research in the construction and maintenance of transport works.

The Ministry of Science and Technology publishes more than 900 national standards, including 530 Vietnamese Standards issued by the Ministry of Construction and more than 400 Vietnamese Standards developed by other ministries. The ministry also revises nine new national technical regulations and works closely with other ministries and sectors to improve the system of specialized standards, standards, and techniques. receive, verify dossiers and appraise 71 draft Vietnamese regulations of ministries and branches; Join the drafting committee and comment on the draft of 65 Vietnamese standards.

12 To review and perfect the system of standards, Many ministries and branches have reviewed and perfected the system In progress but standards, economic and technical norms, unit prices of standards, standards, economic and technical norms, construction not clear for construction and investment rates of economic unit prices and investment rates of economic sectors. However, some branches in order to closely control and save public regulations, standards, norms, unit prices, investment rates in some investment. sectors and fields are slowly changing. The construction unit price, the investment rate of traffic works are not well implemented. The level of science and technology spending has not changed much.

#### **IX Renovation and restructuring of the public service sector**

1 Prior to June 2017, review, collate and classify public The Prime Minister of the Government has promulgated a list of public non-business units in sectors, sectors, and localities non-business services funded by the state budget in various branches

under their management; Identify the types of services and areas under the management of the State Bank, the Ministry of Has been covered entirely by budget, services covered by Labor, War Invalids and Social Affairs and the Ministry of Natural implemented and consumers, and services covered by consumers. Resources and Environment, and Environment, Ministry of Health,... has clear results

2 To fully and accurately calculate the reasonable expenses Ministries continue to review and adjust the service rates to ensure In progress but for the services provided by the state budget in whole the correctness and adequacy of reasonable expenses, especially in not clear or in part and the prices of services regulated by the the field of education and training (Ministry of Education and Training, State; adjust prices of public services in line with the Ministry of Labor, Invalids, and Social Affairs health insurance (Ministry market mechanism associated with policy beneficiaries of Health) and the poor; At the same time, full financial autonomy, organization, staffing, and operation are provided to the units providing the above services.

3 For other units and types of public services, fully In education-training, health, agricultural services, the prices of In progress but liberalize the market; The public service units are free some services have been gradually adjusted according to the market not clear to do business, to provide public services, to negotiate mechanism. Tuition rates have been applied at market prices to non- and to set prices according to market rules; At the same state training institutions and educational institutions that implement time, the social responsibility of non-productive units is self-regulatory mechanisms. For health care service users, non-enhanced state health care facilities, service prices have been implemented in accordance with the market mechanism. Prices of agricultural services have been implemented at market prices, the corresponding public service units are free to do business, provide public services, agree and decide prices.

- 4 To rearrange and reorganize public non-business units and to equitize eligible public non-business units, except for hospitals and schools; dissolving public non-performing public service units; not to be equitized into privatization and socialized into the commercialization of essential public services  
The ministries are reviewing and arranging public non-business units under their management  
In progress but not clear
- 5 To formulate a scheme on renewing the managerial mechanism, financial mechanism and reorganizing the system of public non-business units in 2017.  
Scheme approved, the Central Committee of Party XII has issued Resolution No. 19-NQ / TW dated 25/10/2017  
Has been implemented and has clear results
- 6 Improve the quality of public services in the field of judicial support such as notary public, property auction, judicial expertise, legal aid, judicial assistance, asset management and liquidation, To implement well the strategies, master plans and projects in these fields, to ensure sustainable development, to better meet the requirements of judicial reform and international integration. The smooth operation of the market mechanism managed by the State  
The Ministry of Justice shall further complete the planning on the network of public non-business units under the management of the Ministry of Justice and the list of public non-business services under the management of the Ministry of Justice. In the field of judicial support, the ministry continues to review and develop plans for simplifying administrative procedures in this field (advising the Government on Decree No. 58/2017 / ND-CP dated 04 July 7, 2017, developed and incorporated into the public service delivery software level 3 in the field of granting the certificate of practice of the administrator, granting the license for the establishment of arbitration center, to improve the quality of public services in some areas such as the redistribution, management and liquidation of assets (submit to the Government a draft decree on legalization, in coordination with the Ministry of Planning and

Investment; Decree No. 22/2015 / ND-CP detailing the implementation of a number of articles of the Bankruptcy Law on management and practice Assisting the legal aid sector, advising the Government to submit to the National Assembly the Law on Legal Aid. However, the quality of some public services of the Ministry is still not high. The quality of legal aid services is not high, some cases are still weak, many legal aid cases have not been implemented since the criminal investigation phase, legal aid case Civil and administrative proceedings are quite limited.

**X Speed up the restructuring of agriculture in connection with the construction of new rural areas**

- 1 Study on adjustment of the scheme on agricultural restructuring in the direction of integrating with the building of new and effective rural areas, promoting the transfer, application of science and technology and advanced production processes to production, including national key groups, key provincial groups, localities, solid direction to clean agriculture, high technology, friendly products. local produce. At the same time, the Scheme identifies to the environment; moving from production to quantity groups of solutions that focus on the development of product groups, to target production to improve quality, efficiency, high promoting the transfer, application of science and technology and value-added, suitable with climate change conditions, advanced production processes to production. clean agriculture, high sea level rise to choose the development of products technology, friendly with the environment; shift from production to To bring into play the comparative advantages of each quantity to target production to improve quality, efficiency, high value-added, suitable to climate change conditions, sea level rise. Based locality, each region and the whole country.



- on the Decision 1819 / QD-TTg, localities have developed plans to restructure local agriculture.
- 2 To review and adjust the agricultural production planning, ensuring the advantages of each region and locality, and create a sustainable raw material area for the agricultural product processing industry to meet the market demand. To review and adjust the area of land for rice cultivation at a reasonable level and transfer it to high-value plants and animals. In progress but not clear
- 3 Research, review and continue to innovate and develop appropriate forms of production organization; replication of new proven and proven models of production organization; To develop forms of cooperation, link production, processing and consumption of agricultural products in the value chain, linking with domestic and foreign consumption systems; Strongly shift from individual household production to cooperative, concentrated, large-scale production model; To formulate programs for development of cooperatives and unions of agricultural cooperatives. In progress but not clear
- The Prime Minister promulgated Decision 461 / QD-TTg of April 27, 2015, approving the scheme on the development of 15,000 cooperatives and unions of agricultural cooperatives to operate effectively until 2020. The Ministry of Agriculture and Rural Development is developing a decree on linking production and consumption of agricultural products. Many large rice field models, linking production with consumption of value chain products have been developed; The total area of the large field model implementation linkage is about 600 thousand hectares. High-tech industry breeding is on the trend of attracting big companies like TH, Binh Ha and DABACO. However, the attraction of high-tech agricultural investment enterprises is limited; Cooperative models are not effective. New models of production organization are still dispersed, which has not become a major trend in local agricultural development.

- 4 To intensify measures for the implementation of the national target program on building new rural areas in the 2016-2020 period. To concentrate on developing goods production, sustainable production, raising production efficiency and raising people's incomes. living in rural areas. By 2020, about 50% of communes will reach new rural standards. The target of the national new rural construction is basically fulfilled, Has been fulfilling the target. (By the end of 2018, 40-41% of the communes will meet the new rural standards. 47% of communes meet new rural standards and it is expected that by 2020, 50% of communes will meet the standard.
- 5 Promulgating regulations and policies to attract strongly enterprises investing in agriculture and rural areas. Promulgated policies: Law supporting small and medium enterprises; Has been Decree No. 57/2018 / ND-CP dated 17/4/2018 on mechanisms and policies to encourage enterprises to invest in agriculture and rural areas; Decree No. 58/2018 / ND-CP dated 17/4/2018 on agricultural insurance; The Decree 55/2015 / ND-CP on agricultural credit is being developed
- 6 Continue to invest in promoting the program of branding agricultural products, aquatic products of Vietnam. At the same time, to continue investing in the development and modernization of agricultural and rural infrastructure; To enhance the capacity of natural disaster prevention and combat and response to climate change, to cooperate in the effective and sustainable use of water sources and the protection of the environment. The Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD) has set up a program to develop a major agricultural product brand up to 2020, focusing on five key commodities including mango, dragon fruit, tea, coffee, and catfish. However, the development of trademarks of agricultural products and fisheries in Vietnam is still limited. 90% of Vietnam's agricultural products are still exported in raw format with lower prices than those of other countries. Over 80% of the agricultural products have not been built, no logos, labels, forced to sell in the world market through foreign brands.

- 7 To study and adjust the quality standards of agricultural products according to international standards. Develop a program to assist the business, farmers meet the revised quality standards. Promote the comprehensive application of VietGAP and similar standards in agricultural production, strongly develop the market of agricultural products applied VietGAP. The advanced production processes, friendly with the environment are implemented but popular scaling, building VietGap for fresh vegetables. Rice production has adopted advanced, environmentally friendly techniques, enhanced mechanization, reduced costs, and losses. Many industrial breeding facilities are built according to the model of concentrated animal husbandry using high technology or closed breeding from seed, input materials to production and output. Up to now, there are more than 200 livestock models that apply VietGAP certified with a large scale. However, post-inspection work is limited, leading to difficulties in distinguishing the products from the standard of clean production, standard production with other products on the market. Has been implemented but no clear results
- 8 To study and revise measures and policies to encourage the development of deep-processing industry, processing of agro-forestry and fishery products; Developing industry and services in rural areas, contributing to creating jobs and transforming agricultural labor structure, improving the material and spiritual life of people. Decree No. 57/2018 / ND-CP of April 17, 2015, on mechanisms and policies to encourage enterprises to invest in agriculture and rural areas is a solution to encourage enterprises to invest in development. processing industry. The agro-processing industry has been gradually renewed, creating opportunities for Vietnam's agricultural products to be exported to fastidious markets such as Japan, USA, and Australia. However, current incentives do not create breakthroughs in Vietnam's agricultural product processing industry. The main export products are raw roughage products, as raw materials for processing in other countries. In progress but not clear
- 9 To concentrate investment on development and modernization of agricultural and rural infrastructure; To enhance the capacity of natural disaster prevention and Finance and relevant ministries and agencies to allocate capital and The Ministry of Planning and Investment has coordinated with the Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD), the Ministry of not clear

combat and response to climate change, to effectively implement public investment projects in agriculture and rural areas., and efficiently use transboundary water sources; building new countryside. Prioritized resources for natural disaster prevention and mitigation: Bridging the Mekong Delta; Overcoming the Mekong Delta landslide; Overcoming and repairing dike systems after floods and storms; Repair, upgrade to ensure the safety of the reservoir. Each year the NSTW allowance is allocated for the prevention and mitigation of natural disasters about 8-10 thousand billion VND. However, the infrastructure for agricultural production such as aquaculture, husbandry, and cultivation has been boosted, however, due to limited capital, it has not met the requirements.

- 10 To ensure the formulation, approval, and organization of the implementation of land use plans approved by the Government; Revision of the master plan to be approved by the National Assembly. At present, provinces are finalizing the report on the adjustment of the land use planning and plan according to the opinions of the evaluation council and submitting it to the provincial-level People's Council for approval before submitting it to the Government for approval. However, in some localities, the situation has not been synchronous, there is no agreement between the branch and sectoral plans, land use planning and other relevant plans as required in Resolution No. 134/2016 / QH13 of the National Assembly; The situation has not been promptly canceled, adjusting the planning of hanging projects causing publicity.

**XI Realistically restructuring the industries**

- 1 At present, there is no separate policy to support private enterprises in priority industries. Current private sector support is implemented in accordance with relevant laws. The Ministry of Industry and Trade is drafting a decision on mechanisms and policies to encourage large private enterprises to invest in the long term, create products and strong and competitive domestic and international brands. Slowly or not implemented
- 2 To review and adjust the development policies for the development of key industries are in progress but spearhead industries. To formulate policies on the promulgated as follows: Decision No. 68/QĐ-TTg of January 18, 2007, not clear development of industrial investment consultancy promulgating the program on development of supporting industries services; Development and upgrading of Vietnam's from 2016 to 2025; Decision No. 168/QĐ-TTg dated 07/2/2017 industrial database system (including support database approving the project of restructuring the power sector in 2016-2020, with orientation to 2025; The Prime Minister's Decision on the policy on support and incentives for the development of key mechanical products in the period 2017-2025 is being studied and finalized. However, the national database on industry (including supporting industries) are not fully operational
- 3 Study and develop Resolution on policies and measures The Party Central Committee promulgated Resolution No. 23-NQ/TW Has been to promote Vietnam's fast and sustainable industry in dated 22/3/2018 on orienting for development of national industrial implemented and the context of integration in 2017. development policies up to 2030 with a vision to 2045. has clear results

- 4 To review, amend, supplement and effectively implement the regulations on industrial promotion, with a view to the sustainable development of industries and handicrafts in rural areas in association with environmental protection. 3 Circulars to facilitate the sustainable development of rural industries In progress but the regulations on industrial promotion, with a view and handicrafts have been promulgated or are in the process of drafting: not clear to the sustainable development of industries, cottage Circular No. 20/2017 / TT-BCT dated 29/9/2017, Circular No. 36/2013 / TT-BCT dated 27/12/2013, amending and supplementing Joint Circular No. 26/2014 / TTLT-BTC-BCT

**XII Restructuring and rapid development of service sectors, maintaining service sector growth rates higher than GDP growth rate**

- 1 To promulgate policies on the development of a number of potential and knowledge-intensive hi-tech services such as finance, banking, maritime, logistics, petroleum technical services, aviation, and trade services; education and training services; medical services, healthcare; Types of auditing services, consultancy, legal... The plan to restructure the service sector for the period 2016-2020 In progress but has been developed is still in the process of revision. The Ministry of Planning and Investment is developing a service sector development strategy for the period of 2021-2030. Ministries and sectors have promulgated policies to develop a number of potential and knowledge-intensive services such as electronic payment services and e-banking services, health services and education services. and high-quality training, insurance brokerage services, stock brokerage, accounting. However, there is no policy to develop other potential services such as trade services.
- 2 Develop a project on infrastructure development and logistics services to enhance national competitiveness and promote economic restructuring. The Prime Minister promulgated Decision No. 200 / QĐ-TTg dated 14/02/2017 on Action Plan and Capacity Building for Competitiveness and Development of Logistics Services Has been implemented and has clear results
- 3 To study, amend, supplement and abolish the current regulations on export and import licensing policies and market management in the direction of creating favorable procedures. The abolition is carried out in four categories: simple, many administrative procedures under the simplified administrative procedures. In progress but not clear

conditions and reducing costs for enterprises and in transparent, modern and standardized. Regarding import-export conformity with international commitments. Vietnam is management, many of the Ministry's circulars have been reviewed and abolished, such as the Circular on formaldehyde inspection, the revised Circular on the import of cars. However, many regulations on import-export management still cause difficulties and increase costs for enterprises such as regulations on rice export, regulations on sampling for the issuance of export food certificates, regulations Animal quarantine for imported goods for export processing

- 4 In 2017 formulated the National Trade Development Strategy for the period up to 2025 with a vision to 2035; In particular, to focus on the development of the retail system, reorganize the domestic market and border markets, promote production and encourage the consumption of Vietnamese goods. Slowly or not implemented
- 5 Promote effective implementation of Vietnam's WTO commitments, ASEAN Economic Community and FTAs and agencies to promote the diversification and multilateralisation of export and import markets. signed to promote diversification and multilateralisation of export and import markets. Agriculture and Rural Development to promote open partnerships. In progress but not clear
- The Ministry of Industry and Trade has coordinated with various ministries and agencies to promote the diversification and multilateralisation of export and import markets such as coordinating with the Ministry of Agriculture and Rural Development to promote open partnerships. The market for agricultural exports of Vietnam; To coordinate with ministries and branches in elaborating market development reports with a number of key markets and specialized reports on commodity lines; update information import policy, market situation,... to propagate and disseminate to enterprises

- 6 Expanding and deepening the relationship with other countries and partners, especially strategic partners, comprehensive partners, potential partners, and traditional friends in order to gain market share and attract investment and technology to restructure the economy
- Traditional bilateral cooperation and potential partners are promoted. In progress but From the beginning of 2017 to now, Vietnam has welcomed nearly 20 delegations of leaders visited Vietnam. Multilateral economic cooperation forums have also been promoted, such as active participation in ASEAN activities, good role in the membership of the United Nations Economic and Social Commission for the 2016-2018 term, The World Intellectual Property Organization (WIPO), etc. Vietnam has successfully organized the APEC Year, which has signed a total of 121 cooperation agreements with partners valued at nearly 20 USD billion, promoting potential and new opportunities for economic development, trade, investment, service and tourism of 63 provinces and cities; To further promote Vietnam's role and position and enhance its participation in regional and international forums and mechanisms, such as ASEM, WEF, and the Mekong Subregional Cooperation Framework.
- 7 Overseas Vietnamese representative missions promote and enhance the effectiveness of external economic relations promotion
- To continue stepping up the implementation of the Scheme on deployment of economic diplomacy till 2020 in order to further improve the efficiency of economic diplomacy and make the fullest use of external resources; Promote political and diplomatic advocacy to promote the implementation and negotiation of FTAs, ensure the interests of Vietnam, actively implement the ASEAN Community, the Vietnam-EU Partnership and Cooperation Agreement, the FTA South-East Asia Economic Union, promoting a joint statement on CPTPP, participation in



the RCEP negotiations. To continue directing the overseas Vietnamese representative missions and overseas Vietnamese congregations in organizing the campaign “Vietnamese using Vietnamese goods”. However, coordination in the promotion, introduction of tourism, brand promotion of goods in Vietnam is generally limited. Vietnamese brand identity in the international market is not high.

- 8 Deploying drastically and efficiently the tourism development project up to 2020 to become a spearhead economic branch
- The Central Executive Committee promulgated Resolution No. 08-NQ / TW on developing the tourism industry into a spearhead economic branch. In 2017, the tourism industry has developed strongly. International visitors to Vietnam in 2017 reached about 13 million visitors. Total revenue from tourists in 2017 is estimated at 510,000 billion VND, equivalent to 23 billion USD, contributing about 7.5% to GDP. However, the development of the industry is still slow, Tourism development is slow, not match with the potential, and mainly based on the exploitation of tourism resources are available. Ranked tourism resources in Vietnam at 28/136 countries and territories; While other indicators on environment, policies, and infrastructure in Vietnam are relatively low, there is a large gap between ASEAN-6 and the world, especially the indicator group on policy (position 105/136) and infrastructure index (position 91/136). Overall, Vietnam ranked 67/136 countries and territories, lower than Thailand (34/136), Indonesia (42/136), Malaysia (26th / 136).

**XIII Promote the private sector in Vietnam**

- 1 Promulgating the Law on supporting small and medium enterprises, enhancing the coordination of programs on support for enterprise development; Reviewing and proposing amendments and supplements to laws and legal documents related to the management of investment and business activities, ensuring the uniformity, publicity and transparency, without overlapping, conflict between laws, create favorable environment for investment activities of enterprises  
National Assembly promulgated the Law on Supporting Small and Medium Enterprises at the 3rd Session of the 14th National Assembly (Law No. 04/2017 / QH14). Decrees: detailing a number of articles of the Law on SME Promotion, investment for creative start-up, credit guarantee fund for SMEs have been issued to ensure consistency in the implementation of the Law. Decree on the organization and operation of the SME Development Fund is being finalized by the Ministry of Planning and Investment and submitted to the Government for approval. At the same time, the Prime Minister signed the Directive No. 15 / CT-ITg on the effective implementation of SME Law. The Ministry is drafting a law amending some articles of the Law on production and business in order to create consistency between the laws relating to business investment.  
In progress but not clear
- 2 Continuing to accelerate the reform of administrative procedures and reduce the cost burden on enterprises, especially small and medium ones  
Ministry of Planning and Investment has formulated a cost reduction report for enterprises and submitted it to the Prime Minister. Working group of the Prime Minister has actively combined with ministries and branches to reduce administrative procedures for enterprises. The reduction of administrative procedures has achieved some initial results. However, according to the assessment of the Prime Minister's working group (February, 2018), the reduction of procedures related to specialized inspection has not been drastically implemented by ministries; ministries have not specifically proposed the management

method for the lists of specialized inspected goods, which are Slowly or not overlapping and subject to many inspection forms by many ministries implemented or many agencies and units of a ministry; the cost of the technological procedure is still a major burden on enterprises... The reduction on business conditions of some ministries and branches is still limited

- 3 Renovating the working manner, mode and attitude of officials, public servants and employees to support and serve enterprises; publicizing and intensifying the discipline of the officials, public servants, employees, and government agencies, strictly dealing with the negatives and harassment
- Ministry of Home Affairs has developed the decree amendments and Implemented submitted them to the government, supplemented the decrees on but no specific organizational apparatus in line with the management and construction results mode of a directing and serving government. Ministry of Home Affairs has drawn up and submitted the draft of The Government Resolution on Government's Action Plan implementing Resolution No. 19-NQ / TW dated 25/10/2017, Resolution No. 18-NQ / TW dated 25/10/2017 on continuously reforming, rearranging the apparatus of the political system in a streamlined, active and effective way and The National Assembly Resolution on accelerating the enforcement of policies and laws on reform of the government administrative apparatus 2016-2021. However, the involvement in disciplines of junior officials and civil servants, especially in localities is still slow, some of the officials and public servants thoughtlessly obey disciplines and display harassment, negativity... The deputy status in the government agency exceeding the prescribed number still exists in some localities.

**XIV Renovating the connective and associative implementation among locations in the growth of the regional economy; effectively implementing the urbanization progress**

- 1 Promulgating the Planning Law and guiding documents. The Planning Law was adopted by the National Assembly at 4th Session Implementing Studying the possibility of integrating provincial of the 14th National Assembly. Ministry of Planning and Investment but no specific development plans into regional ones. Perfecting and has formulated and submitted to the Prime Minister the project on results enhancing the quality, enforcement effect of regional adjusting the master plan of socio-economic development in the economic development plans; proposing measures to Central Highlands. However, the implementation of regional economic enhance the capacity of Northwest, Central Highlands development plans has not been generally effective and yet developed and Southwest Steering Committees in directing the linkages among localities in regional development. The socio-economic implementation of regional growth plans and supervising regional development master plan and the industry plan have not paid the integrating, coordinating development among sufficient attention to the function of each region, which is associated localities in the region with the socio-economic conditions of the region and the whole country.
- 2 Studying and promulgating specific mechanisms which The coordinating mechanism among localities in the area was just Slowly or not require regional localities to coordinate the development of piloted in the Mekong River Delta in accordance with Decision No. 593 / implemented projects, collaborative agreement, prioritizing resources QD-TTg dated 06/04/2016 of the Prime Minister. Due to the short period for pilot implementation of socio-economic development of implementation, the pilot implementation has not been evaluated both cooperation; Coordinating and promulgating policies on nationwide application and replication model investment attraction and investment promotion prior to branches and domains with potential and competitive advantages.

- 3 Reviewing and adjusting the functions and tasks of local administrations and formulating mechanisms of coordinating economic development by regions  
Many documents guiding the operation of local government are issued; however, many provisions of the Law on Local Government Organization have not been concretized, such as the activities of the People's Councils, the relationship among People's Councils at all levels. Regional development coordination models have not been effectively implemented, links among localities in the region are not generally high.
  - 4 Reviewing, studying and finalizing the master plan of national urban system with a vision to 2050, Strategy of National Urban Development 2020-2030 in 2018; studying and perfecting the model of urban development and management, organizing committee, functions, tasks and management methods of urban administrations, and strengthening the training courses for management officials at all levels  
Ministry of Construction is implementing the project of economic urban system with a vision to 2050 (Decision No. 336 / QĐ-BXD dated 08/4/2016 of the Minister of Construction). Studying on management tools for Vietnam urban development in a new way, changing the structure, the managing approach on the index (such as building target of cities with green growth, Climate Change Resilience Index). Gradually studying smart urban development and then developing framework missions in the field of urban development, preparing a roadmap for smart urban construction. However, up to now, Ministry of Construction has not yet issued the set of criteria for smart urban assessment of Vietnam
- XV Renewing the growth model in association with ensuring national defense and security**
- 1 Formulating and implementing advanced and modern development strategies of defense and security  
The State Steering Committee on building and development of defense and security industry has identified the orientations and solutions for

- industries. Socio-economic development projects in the development of national defense and security industry next time; Implementing defense areas, border areas, and strategic locations therein, focusing on the application of advanced and modern scientific but no specific must meet the requirements of national defense and and technological achievements, raising the capacity of researching, results security. Perfecting specific mechanisms and policies designing, manufacturing, repairing, bettering and modernizing for defense and security enterprises various kinds of weapons, technical equipment, professional technical facilities, support tools with highly technological and tactical functions.
- Productions of Defense industry must be competitive, eligible to export, on the basis of mastering the design, technology and increasing the localization rate; contributing to the modernization of People Army and People Police.
- 2 Study mechanisms and policies to strongly develop Offshore fishing combines with the application of advanced fishing Implementing marine economic sectors, associated with strong gears; fishery logistic service; constructing the fishing shipbuilding but no specific protection of national sovereignty and enhancement of establishments and fishing shipbuilding is entitled to especially results people's lives on the sea and islands. Encourage various preferential investment policies. However, the quality of supporting economic sectors to invest in the development of policies is generally not high. Currently, Ministry of Planning and petroleum exploitation and processing industries; seaport, Investment is coordinating with Ministry of Agriculture and Rural shipbuilding and repair, sea transportation; seafood Development and related ministries and agencies to amend the exploitation and processing, fishery logistics services; Government's Decree No. 67/2014 / ND-CP dated July 7<sup>th</sup>2014, on Sea and islands tourism. Implementing policies to support upgrading fishing vessels.
- fishermen to develop their fishing (especially offshore the protection of sea and island sovereignty. Building logistics facilities for fishery and sheltering from storms;

Facilitating and encouraging people to settle down permanently on the islands.

- 3 Specifying the areas in need of security and defense in each locality, which shall serve as a basis for localities to implement socio-economic development projects with security and defense insurance.

Ministry of Public Security has focused on implementing plans to protect economic security, concentrating on key economic sectors such as equitization of enterprises, investment, banking,... Formulating and implementing the project of Police Task to ensure economic security in the context of deepening international integration. Intensifying the situation grasp and supplying information for ministries, branches, localities, and enterprises to select foreign partners with advanced financial and technological capabilities to invest in Vietnam. Coordinating with the concerned ministries and branches in participating in appraising projects on socio-economic development in defense areas, border regions and strategic locations meeting the requirements of defense and security.

Ministry of Defense and military committees shall continue to coordinate with ministries, branches, and localities in examining and evaluating economic projects related to national defense and security, ensure the harmonious combination between economic development and defense and security.

#### **XVI Innovating modes, raising the capacity, efficiency, and effectiveness of state management**

- 1 Continuing to strictly abide by the regulations on Reduction of the workforce size still continues implementing. Ministry of Home Affairs is drafting a decree amending and supplementing a streamlining of the workforce size associated with of Home Affairs is drafting a decree amending and supplementing a implemented

wage reform; strongly renovating the process and number of regulations on cadres, civil servants and part-time workers method of organizing the recruitment, use, payment, in communes, wards, and townships, with the aim of reducing the evaluation and promotion of cadres; Appointment, number of staff members of the cadre, civil servant and worker groups. promotion of cadres mainly based on achievements. By the end of November 2017, the whole country has reduced staffing work results; Intensifying the accountability of the heads of 32,054 people. However, according to State Audit's report on the for officials and employees under their management and management and use of civil servants, contract workers, and wage performance results of assigned tasks of their units funds in 2016 in 13 ministries, sectors and 47 localities, there are many problems in assigning workforce size norms and receiving workforce size in contravention of regulations, beyond their competence, particularly, there are 34 localities, ministries employing over 63,299 people.

- 2 To study and renovate the organizational apparatus, The ministries, the ministerial-level agencies and the agencies attached functions and tasks of the ministries, branches and to the Government shall elaborate a decree defining the functions, tasks, but no specific localities in a way suitable to the management mode powers and organizational structures of the ministries and ministerial- results aimed at building the State in the direction of management level agencies according to the plan. To date, the Government has issued 21 decrees (19 of which are decreed by ministries, ministerial equivalent bodies and 02 by governmental agencies). However, the reform of organization, functions and tasks of local authorities is still limited. Many administrative agencies do not have job descriptions to determine the titles, criteria and requirements for each position so the number of recruitment is still based on the number of assigned staffing quotas; Contest content, the way out for examination, the examination form still contains the appropriate and also formal



- 3 Intensifying the application of information technology, Ministries, branches and localities have actively developed e-government; Implementing carrying out e-management of the government and In 2016, the e-Government Development Index of Vietnam ranked but no specific socializing the construction of state management 89/193 countries. Therein, the index of online public services increased results database by 8 levels, from 82/193 to 74/193. However, the percentage of tasks assigned in Resolution 36a is now only 61.9%. Some tasks of ministry and industry were overdue but many important tasks and solutions were still incomplete, such as proposing appropriate financing mechanisms for investment, applying information technology, establishing of basis information systems for e-government development, or licensing via an electronic network, which was initially implemented, but no specific results.
- 4 Building a state apparatus of neatness, integrity, Ministry of Home Affairs has coordinated with other ministries and Implementing smoothness, efficiency, and effectiveness. Strengthening branches to complete the regulations on the functions and tasks of the but no specific the disciplines of state agencies and heads. Ministry of Home Affairs continues to advise results and submit to the Prime Minister for the endorsement of 08 decisions promulgating the list of public services using the state budget of Central ministries and branches, therein, 04 decisions were issued in the first 6 months of 2017 in the fields of Education and Training, Information and Communication, Industry and Trade, Economic Career and other business sectors of the Ministry of Agriculture and Rural Development. However, as stated above, discipline in state management agencies at the local level, the deputy status in some state agencies exceeding the prescribed number still exists.

- 5 Continuing institutional reform; building and improving the quality of the contingent of cadres, civil servants and employees, attaching importance to the reform of the wage policy in order to create a real motivation for officials and public servants to perform public duties with high quality and effectiveness; improving the quality of administrative services and public services
- 6 Enhancing the capacity of functional agencies of managing and monitoring the market  
Ministries and agencies have cooperated with the Ministry of Home Affairs to reform wages for employees in the state sector. Base salary has been gradually raised, contributing to the insurance of workers' life. However, the matter of wage reform still remains many limitations. The system of wage scales is complex, not reflecting the labor value of civil servants and not attached to the efficiency of civil servants.  
The capacity and expertise of market management officers in some units are uneven, many people have not been trained in depth and high profession. There are civil servants losing management, not strictly complying with regulations in public service activities, leading to errors in the inspection and handling process of administrative violations. In addition, the market management force is still sparse, but responsible for organizing management and inspection on a large number of enterprises, business households, participating in many other tasks assigned by local governments, such as disease prevention, market clearance, joining the interdisciplinary inspection delegation... meanwhile, that physical and human resources are still limited is a big problem.
- 7 Strengthening the ability of regulation, supervision, inspection, and supervision according to the level of risk and compliance with the law of the managed object; Strictly violating law-breaking acts  
Supervision, inspection, and inspection activities are strengthened; However, the quality of inspection, monitoring and supervision in some sectors and fields is limited, such as the inspection and examination of BOT projects, control and protection of intellectual property rights, results but no specific results

product quality, hygiene and food safety, school safety. Changing from pre-check to post-check is still limited, resulting in costs for enterprises.

- 8 Intensifying the work of detecting, investigating and strictly handling law violation acts, and advising the Government on loopholes and shortcomings in the State management in various domains so as not to let the beneficiaries commit acts of law violation  
Ministry of Public Security has taken the initiative in advising the Party Implementing and Government on attracting foreign investment and concurrently but no specific results ensuring the interests and national security of Vietnam in negotiating the endorsement of FTAs; timely detecting the loopholes and weaknesses of corporations, governmental enterprises and commercial banks, and then suggesting the Government to instruct related ministries and agencies to review, restructure governmental enterprises, banks, credit restructure. Ministry of Public Security has set up plans of launching many peak campaigns to suppress criminals with a view to absolutely protecting many great events of the country. Speeding the progress to ensure the time allocation for investigating cases which have been prosecuted, especially cases are under the supervision of the Central Steering Committee on Corruption Prevention and Control. However, some stages of the process of investigating and adjudicating large cases are still slow in comparison with the plan and have not yet been brought to trial in order to ensure the interests of involved people.

## (Footnotes)

1. Moody's press release on 10/8/2018 on upgrading Vietnam's rating to "Ba3" (stable outlook).

2. According to statistics of General Department of Taxation. Source: Increased tax debt, the General Department of Taxation forced coercive recovery. <https://anninhthudo.vn/kinh-doanh/no-dong-thue-tang-cao-tong-cuc-thue-yeu-cau-cuong-che-thu-hoi/771727.antd>

3. Data of the Ministry of Finance. Source: Business households will classified to be taxed. <http://vneconomy.vn/se-phan-loai-ho-kinh-doanh-de-danh-thue-20180707104243902.htm>

4. At present there are 23 companies and factories (4 manufacturing and assembly plants, 8 factories producing components and spare parts) and supporting units

5. According to unofficial statistics, workers in the agricultural, forestry and fishery sector in rural areas in the fourth quarter of 2017 reached 19386.8 thousand people, equaling 53.8% of the labor force in the rural areas, and equaling to more than 90% of labor in the agriculture-forestry-fishery sector (21,486.1 thousand laborers in this field nationwide).

6. Speech by the Minister of Agriculture and Rural Development at the Global Millennium Development Goals 2017 (ISG 2017) with the theme «Participating in the global agri-food value chain: consumption of agricultural products »

7. According to official results of the Census of Agriculture, Agriculture and Fisheries 2016.

8. According to the results of the Census of Agriculture and Fisheries in 2016, there are 781 enterprises implementing the association, accounting for 20.3% of agricultural, forestry and fishery enterprises. Of which, the enterprises in the form of service consumption and output products are 250 enterprises, accounting for 6.5% of the agricultural, forestry and fishery enterprises. There are 2,469 co-operative associations, accounting for 35.5% of the agricultural, forestry and fishery cooperatives; of which the cooperative linking in the form of service consumption and output is 1,343 cooperatives, accounting for 19.3% of the cooperatives in agriculture, forestry and fishery. There are 7,324 farms involved in production linkages, accounting for 31.9% of total farms

9. Remarks by the WB Country Director for Viet Nam at the Vietnam Logistics Forum 2017. Source: <https://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/en-mo/wb-chi-phi-logistics-viet-high-gap-do-car-nuoc-3684921.html>

10. According to statistics of banking services from 20 commercial banks: BIDV, Vietcombank, Techcombank, Vietinbank, Sacombank, MBbank, VPBank, ACB, SHB, Eximbank, VIB, Maritime bank, TPbank, HDBank, ABBank, LienVietPostbank, BacAbank, KienlongBank, NCB, Vietbank, VietAbank. Source: <https://vietnambiz.vn/hoat-dong-dich-vu-ngan-hang-hai-tien-ra-sao-trong-suot-ba-nam-qua-47472.html>

11. <http://tapchitaichinh.vn/kinh-te-vi-mo/thi-truong-chung-khoan-viet-nam-kenh-huy-dong-von-de-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-140411.html>

12. According to the Director of the Domestic Market Department, Ministry of Industry and Trade, at the Conference on Role of Regulators and Enterprises in Trade and Services Development held by the Domestic Market Department on May 18, 2018 in Hanoi

13. The World Tourism Organization (UNWTO) ranks Vietnam as the sixth-10th fastest growing tourist destination in the world in 2017, based on visitor growth. Last year, Vietnam also increased 8 positions (67/136) in competitiveness of Travel and Tourism, according to the World Economic Forum

14. Evaluation of the General Director of Tourism in an interview with the Newspaper of the Government of Vietnam on the achievements of tourism in Vietnam in 2017. Source: <http://cafe.vn/du-lich-viet-nam-2017-many-an-dac-biet-20171225151209568.chn>

15. Ranked tourism resources in Vietnam at 28/136 countries and territories. While other indicators on environment, policies and infrastructure in Vietnam are relatively low: there is a large gap in the policy indicator group (105/136) and the index (position 91/136) between Vietnam and ASEAN-6 countries and other countries in the world. Overall, Vietnam ranked 67/136 countries and territories, lower than Thailand (34/136), Indonesia (42/136), Malaysia (26th / 136).

16. According to the General Secretary of the Vietnam Bond Market Association. Source: The corporate bond market awaits the mechanism. <https://tinnhanhchungkhoan.vn/traiphieu/thi-truong-traiphieu-doanh-nghiep-cho-cu-huych-co-che-216518.html>

17. MSc. Pham Thi Thanh Tam, Finance and Banking Department (Ministry of Finance). Outlook for government bond market in 2018. <http://tapchitaichinh.vn/kinh-te-vi-mo/trien-vong-thi-truong-traiphieu-chinh-phu-nam-2018-134881.html>

18. According to statistics of banking services from 20 commercial banks: BIDV, Vietcombank, Techcombank, Vietinbank, Sacombank, MBBank, VPBank, ACB, SHB, Eximbank, VIB, Maritime bank, TPbank, HDBank, ABBank, LienVietPostbank, BacAbank, KienlongBank, NCB, Vietbank, VietAbank.

19. Compiled from financial statements of banks. Source: Banks' profit from services increased sharply. <http://technet.com/viewtopic.php?t=1209>

20. Like IDG Ventures, CyberAgent Ventures, Captii Ventures, Gobi Partners, 500 Startups. In May 2018, Korea's largest venture capital fund, KVIC, has worked with the Ministry of Planning and Investment to boost its operations in Vietnam.

21. The first trading day on the opening day, the market volume reached 487 contracts, the market has recorded transactions reached 164,872 contracts on July 6, 2018. The average trading volume increased sharply in 2018, reaching 58,613 contracts / day, increasing 5.3 times compared to 2017. The open market OI volume has been growing since the market was in operation. to date and reached 16,858 contracts as of July 31, 2018, 2.1 times higher than at the end of 2017. On July 25, 2018, OI reached the highest value of 18,569 contracts. Source: Equity market after one year of operations: Nearly 40,000 accounts opened. <http://simple.freeforums.org/>

22. According to Nguyen Tu Anh, Deputy Director of Monetary Policy

Department, State Bank of Vietnam. Source: Bringing consumer credit into the framework. <http://tapchitaichinh.vn/kinh-te-vi-mo/dua-tin-dung-tieu-dung-vaokhuon-kho-141860.html>

23. Level 3: Has been implemented and has clear results, Being implemented but not clear results; Deployment is slow or not implemented.

24. Opinion of Deputy Prime Minister Trinh Dinh Dung at a visit to Long Thanh International Airport on April 12, Source: <https://baomoi.com/tien-do-san-bay-long-thanh-dang-cham-so-voi-ke-hoach/c/25649399.epi>

25. Notice of 2214/TB-TTCT dated 31/8/2017 of the Government Inspectorate Notification of inspection conclusions on the performance of functions and tasks in the inspection, supervision and settlement of complaints and denunciations; Anti-corruption of the State Bank.

26. The National Economic and Industrial Database has not been fully and synchronously operated in some localities such as Dong Nai and Long An. The national database on supporting industries has not been developed; Currently, only Ho Chi Minh City has built a database of supporting industry enterprises in the area (<https://csid.gov.vn/>). Currently, the Ministry of Industry and Trade has just built a database on Vietnamese exporters.